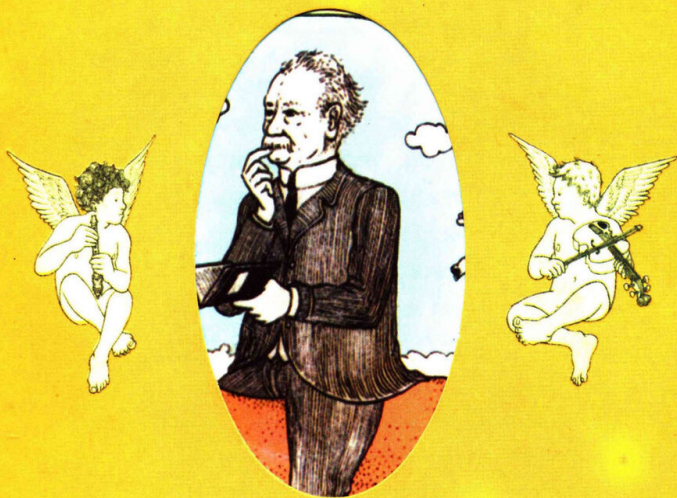


ĐỒNG TÁC GIẢ VỚI BESTSELLER  
PLATO VÀ CON THÚ MỎ VỊT BƯỚC VÀO QUÁN BAR...

# Heidegger và con hà mã bước qua cổng Thiên đường



Thomas Cathcart & Daniel Klein

HÀ GIA HÂN dịch



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN  
TRÍ THỨC

*“Để thấy Thế Giới trong một hạt cát  
Thiên Đường trong một bông hoa dại  
Hãy giữ Vô Hạn trong lòng bàn tay  
Và Vinh Hạnh trong một giờ.”*

- WILLIAM BLAKE,  
nhà thơ thần bí Anh

Sau *Plato và con thú mỏ vịt* bước vào quán bar... lại đến bestseller *Heidegger và con hà mã* bước qua cổng Thiên đường, Thomas Cathcart và Daniel Klein lần nữa kích thích trí tò mò của độc giả.

Heidegger thông thái cuời trên lưng hà mã u! Chuyện gì kỳ cục vậy? Thì ra họ lại làm cuộc chu du mới, dùng ống kính vạn hoa soi rọi những đề tài huyền hoặc về sống, chết và nỗi sợ chết khiến đời người bị hủy hoại, về Thiên đường, Địa ngục; bật mí những trò lừa thò so hoặc tình quái đôn ép Thần Chết vào đường cùng thất nghiệp, và nhiều thú thú vị không ngờ khác... trong lịch sử tinh thần và khoa học của nhân loại.

Với *Heidegger và con hà mã* bước qua cổng Thiên đường, nếu Freud, Jung, Groucho Marx, Socrates, Woody Allen, Kierkegaard, Lily Tomlin, Đức Phật, Heidegger... gây xoắn não, đã có ngay những họa sĩ truyện tranh New York, xác sống, tất nhiên là cả hà mã và các truyện tiểu lam độc đáo làm bạn cuời không ngậm được miệng, sáng cả óc. Hàn lâm và vui vẻ, triết lý và tếu táo, còn gì thú vị hơn với một cuốn sách triết như thế nữa?



Giá: 85.000đ

ISBN 978-604-94-3286-6





“Hãy sống để được khao khát sống lại chính đời mình không chỉ một lần,  
mà vô số lần!”

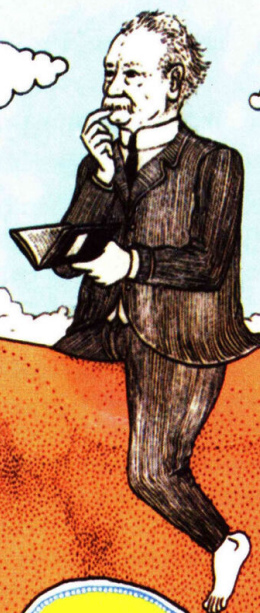
- FRIEDRICH NIETZSCHE

“Tuyệt. Thế tức là tôi sẽ phải ngồi xem lại từ đầu chương trình *Ice Capades*.”

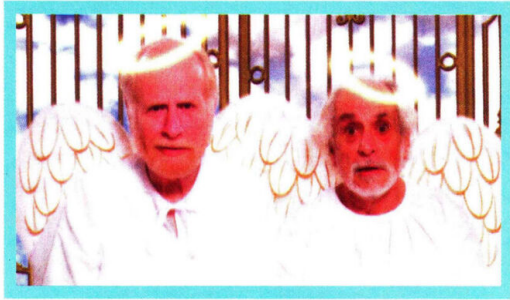
- WOODY ALLEN

“CUỐN SÁCH NÀY GIỐNG LỚP TRIẾT MÀ BẠN  
MUỐN THEO Ở ĐẠI HỌC NHƯNG KHÔNG THỂ,  
VÌ TRƯỜNG KHÔNG MỞ LỚP.”

- FORT WORTH, STAR-TELEGRAM



Vinh hằng là  
bây giờ. Hãy  
mua cuốn sách  
này ngay!



## Thomas Cathcart & Daniel Klein

sống ở New England, theo đuổi những nghề nghiệp bình thường sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Triết học tại Đại học Harvard. Thomas làm việc với các băng đảng đường phố Chicago và ra vào nhiều trường Thần học. Daniel viết truyện cười cho các diễn viên hài, trong đó có Flip Wilson and Lily Tomlin.

---

Thomas Cathcart và Daniel Klein cũng là đồng tác giả của những tác phẩm đã xuất bản khác:

- *Plato and a Platypus Walk Into a Bar*
- *Aristotle and an Aardvark Go to Washington*
- *Macho Meditations.*



Thomas Cathcart & Daniel Klein

# Heidegger và con hà mã bước qua cổng Thiên đường

HÀ GIA HÂN *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN  
TRÍ THỨC

First published in 2009 by Viking Penguin, a member of Penguin Group (USA) Inc.  
Text copyright © 2009 Thomas Cathcart and Daniel M. Klein. All rights reserved

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh, Heidegger and a Hippo Walk Through Those  
Pearly Gates của Thomas Cathcart và Daniel Klein  
NXB Viking.

Xuất bản theo hợp đồng nhượng quyền giữa Viking, a division of Penguin  
Group (USA) LLC và Nhã Nam, thông qua Tuttle-Mori Agency.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, 2016.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối  
dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet  
mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và  
làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích  
những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.



## VỀ CÁC TÁC GIẢ

Thomas Cathcart và Daniel Klein theo đuổi những nghề nghiệp bình thường sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Triết học tại Harvard. Thomas làm việc với các băng đảng đường phố ở Chicago, với các bác sĩ của Blue Cross Blue Shield, và đã vào ra nhiều trường thần học. Daniel đã viết nhiều tiểu thuyết, sách phi hư cấu và truyện cười cho các diễn viên hài như Flip Wilson và Lily Tomlin. Daniel Klein sống ở Massachusetts, Thomas Cathcart sống ở New York City.

## MỘT SỐ KHEN NGỢI DÀNH CHO

### *Heidegger và con hà mã bước qua cổng Thiên đường*

"Những tràng cười sảng khoái đợi bạn ở mọi nơi bên trong cái xiên cá hình cánh cổng Thiên đường này. Thật thú vị, nhà nhân loại học với tư cách triết gia về cái chết Ernest Becker là người dẫn dắt, sẵn sàng để tiếng tăm về sự dốt nát của mình được khai sáng. Becker nói tiếng cười có thể phản ánh một giai đoạn cao cấp về đức tin và ân điển, và thật kỳ diệu, đó cũng là những gì Cathcart và Klein đã đạt."

*Neil J. Elgee, MD, Chủ tịch, Ernest Becker Foundation*

"Cathcart và Klein có cách giải thích những khái niệm trước đó vốn khó khăn, để bất kỳ ai có khả năng thích một bức biếm họa hoặc một lời châm biếm cũng sẽ hiểu. Sao họ không cho hai gã này vào lớp Triết học 101 của chúng tôi?"

*Cape Code Times*

"Cuốn thứ ba trong loạt sách nhỏ của họ, giải thích những ý tưởng lớn thông qua các truyện cười thật sự ngắn gọn. Thật ra thì sách của họ hơn thế một chút. Chúng là những vũ khí thầm lặng về trí tuệ, đọc vui đến nỗi bạn không để ý rằng chúng đồng thời nạp cho não bạn lịch sử chính xác và kiến thức về triết học."

*Head Butler*

"Một tác phẩm tuyệt vời cho bất kỳ ai tự hỏi ngủ với giun, sâu ba thước đất, ngủm củ tỏi, hồn lìa khỏi xác là như thế nào. Chủ đề được bàn luận một cách gọn ghẽ, thú vị - và thông thái - từ thiên thần đến xác sống và mọi thứ ở giữa. Ái chà."

*Hudson Valley News*

"Chúng chắc chắn sẽ gây cười ở một bữa tiệc... Cuốn sách khiến ngày của tôi thú vị thêm. Và lý thuyết 'Vĩnh hằng là ngay bây giờ' ở cuối sách không chỉ vui khi đọc mà còn rất có ý nghĩa. Hai ông này khiến tôi tin rằng chủ đề 'tuổi thọ cạnh tranh' có thể đáng bàn vào một buổi sáng nào đó bên ly cà phê."

*Southern Oregon Mail*

"Cái chết không hẳn đáng cười, nhưng nó thường là nguyên liệu chính cho vô số sự khôi hài bi quan. Trong cuốn sách của Thomas Cathcart và Daniel Klein, *Heidegger và con hà mã bước qua cổng Thiên đường*, hai tác giả khảo sát những khía cạnh triết lý và tức cười của cái chết, sự chết và kiếp sau. Dù đang nói về những nỗ lực phủ nhận cái chết của các nền văn hóa khác nhau, chia sẻ những phát kiến mới nhất, cố gắng làm sáng tỏ nơi chúng ta tới sau khi chết, hay chỉ là kể những chuyện tiểu lâm tốt nhất (và tệ nhất) về cái chết và sự chết từ một trăm năm qua, cuốn sách cũng sẽ khiến bạn chết cười."

*Quincy Herald-Whig*

"Bạn có biết rằng quan niệm của Heidegger về việc sống trong cái bóng của Thần Chết đã được diễn đạt sâu xa nhất trong một bài hát thuộc dòng nhạc country và miền Tây của Tim McGraw? Hoặc Quy luật & Trật tự có gì chung với quan điểm thần học của Paul Tillich về sự vĩnh hằng? Đó là những báu vật trí tuệ được tìm thấy trong bàn luận thông minh và vô tư này về những khía cạnh triết học của cái chết. Cuốn sách nhỏ này là một khảo sát thú vị và nhiều thông tin đến ngạc nhiên về Chữ C Lớn và tính chất trung tâm của nó trong đời sống con người."

*Publishers Weekly*



*Dành tặng ông thầy triết học của chúng tôi,  
WOODY ALLEN,  
người đã có phân tích hiện tượng học sắc sảo,  
đến nay nghe vẫn có vẻ đúng:  
“Không thể trải nghiệm cái chết của chính mình một cách  
khách quan mà vẫn hát đúng được.”*







# MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	9
Phần I • ÔNG CHẾT RỒI! ÔNG ĐỊNH LÀM GÌ ĐÂY?	19
Chương 1 HẮN PHẢI CÓ MỘT SAI LẦM NÀO ĐÓ	21
Chương 2 NẤU MÌNH DƯỚI BÓNG NỖI SỢ	38
Chương 3 CÁI CHẾT - CON ĐƯỜNG BUỘC PHẢI ĐI!	55
Chương 4 HEIDEGGERTY-DOG, ZIGGITY-BOOM: SAO ÔNG LÀM THẾ VỚI TÔI?	63
Chương 5 HÃY LỰA CHỌN BẮT TỬ THEO KHẤU VỊ RIÊNG	75
Phần II • VĨNH HẰNG KHI BẠN ÍT MONG CHỜ NÓ NHẤT	89
Chương 6 VĨNH HẰNG BÂY GIỜ	91
Phần III • SỰ BẮT TỬ LỖI MỐT: TRÊN CHUYẾN TÀU LINH HỒN	101
Chương 7 PLATO, CHA ĐỂ CỦA LINH HỒN	103
Chương 8 THIÊN ĐƯỜNG - MỘT QUANG CẢNH ĐÁNG ĐỂ VÌ NÓ MÀ CHẾT	130
Phần IV • ĐỜI SỐNG SAU KHI CHẾT: BUU THIẾP TỪ THẾ GIỚI BÊN KIA	163
Chương 9 ÁNH SÁNG CUỐI ĐƯỜNG HẸM	165
Chương 10 TRUYỆN CUỜI CỐC-CỐC NGUYÊN THỦY	172
Phần V • CHẾT LÀ CHỌN LỰA MỘT LỐI SỐNG	183
Chương 11 RA TAY TRƯỚC THẦN CHẾT	185
Phần VI • CÔNG NGHỆ SINH HỌC: HÃY NGỪNG CHEN LẤN!	199
Chương 12 TRỞ NÊN BẮT TỬ BẰNG CÁCH KHÔNG CHẾT	201
Phần VII • PHẦN KẾT	239
Chương 13 PHẦN KẾT	241
LỜI CẢM ƠN	247
SÁCH GỢI Ý ĐỌC THÊM	249



## MỞ ĐẦU



Xin lỗi, liệu các bạn có thể dành ra chút thời gian hay không? Chúng tôi đang tiến hành khảo sát và muốn đặt câu hỏi với bạn. Sẽ chỉ mất một phút, và chúng tôi sẽ không cả hỏi tên bạn, được chứ? Câu hỏi như sau:

*Bạn có thật sự nghĩ rằng mình sẽ chết?*

*Thật và thực luôn á?*

*Bạn có thật sự nghĩ rằng một ngày nào đó đời mình sẽ chấm dứt?*

Cứ thông thả, chẳng đi đâu mà phải vội. Mặc dù tất nhiên là cứ mỗi khoảnh khắc trôi đi, cuộc đời bạn đã ngắn đi một khoảnh khắc.

Nếu giống chúng tôi, có lẽ bạn *không* hoàn toàn tin rằng một ngày nào đó tấm màn sẽ vĩnh viễn hạ xuống. Chúng ta dường như có khả năng chấp nhận được thực tế về sự chết một cách chung chung, nhưng còn cụ thể? Không hẳn. Chúng ta giống như William Saroyan, tác giả Mỹ gốc Armenia, người đã viết trong thư gửi những người còn sống ở thời của ông: “Mọi người ai cũng phải chết, nhưng tôi đã luôn tin rằng với riêng tôi sẽ có ngoại lệ.”

Mặt khác, chẳng ai có thể hoàn toàn rũ bỏ cái chết khỏi đầu óc. Dù có cố gắng kìm nén ý nghĩ mình sẽ chết,

nó vẫn cứ sẽ trôi lên chẳng khác nào mấy cái đầu đầy lông bé nhỏ trong trò chơi đập chuột. Có lẽ hẳn là vì cái chết là một trong những sự kiện tất yếu của đời người.

Chúng ta là những sinh linh duy nhất hiểu rằng mình sẽ chết, và chúng ta cũng là loài duy nhất có khả năng tưởng tượng mình bất tử. Tình trạng nước đôi ấy khiến chúng ta phát điên. Cái chết dọa chúng ta sợ vãi linh hồn. Còn cuộc sống rành rành không có cái đích để hướng đến - trừ phi nhảy khỏi vách đá - thì dường như vô nghĩa. Không nghi ngờ gì nữa, đây chính là lý do vì sao sự chết của con người lại gắn chặt với những câu hỏi nền tảng của triết học.

Những câu hỏi như: Ý nghĩa của cuộc đời là gì - nhất là khi một ngày kia mọi thứ sẽ chấm dứt? Nhận thức của chúng ta về cái chết nên có tác động thế nào tới cách chúng ta phải sống cuộc đời mình? Cuộc đời liệu có mang một ý nghĩa khác hẳn không, nếu chúng ta sống mãi? Sau một hoặc hai nghìn năm, chúng ta liệu có kiệt quệ bởi nỗi buồn hiện sinh và cầu mong tất thảy kết thúc?

Chúng ta có linh hồn không - và nếu có, liệu nó có sống lâu hơn nhục thể của chúng ta? Nó được tạo nên bằng chất liệu gì? Linh hồn của ai tốt hơn - của anh hay của tôi?

Liệu có một chiều kích thời gian khác, bứt khỏi vòng luân hồi sinh tử? Có thể "sống bất tử" bằng cách "luôn luôn sống" trong thời khắc hiện tại không?

Thiên đường có phải là một nơi chốn nằm trong thời gian và không gian? Nếu không phải, vậy thì nó ở đâu và là khi nào? Và cơ hội vào được Thiên đường là bao nhiêu?

Những câu hỏi kiểu ấy đã thúc đẩy chúng tôi ghi danh vào các khóa triết học đầu tiên, đầu chùng năm chục năm

trước. Không biết là hên hay xui, nhưng chúng tôi cũng đã bị các giáo sư đánh lạc hướng. Họ nói rằng trước khi có thể giải quyết Những Câu Hỏi Lớn, chúng tôi phải nắm vững mấy thứ chuyên môn lặt vặt, nhưng gây bại não. Đại loại là những câu hỏi kiểu như: Bertrand Russell có lẫn lộn “sự cần thiết có thể” với “sự có thể cần thiết” không?

*Cái gì??*

Trong khi ấy, thời gian cứ trôi và chúng tôi vẫn tiến dần đến cái chết. Cuối cùng, chúng tôi đã tìm được cách trở lại Những Câu Hỏi Lớn trong các khóa siêu hình học và thần học, đạo đức học và chủ nghĩa hiện sinh.

Nhưng lập tức lại nảy ra một trở ngại khác: những suy ngẫm thành thực về cái chết của chính mình làm chúng tôi khiếp hãi. Chúng tôi không thể đối mặt Thần Chết mà không sợ hãi và run như cây sậy. Nhưng ngoảnh mặt đi chúng tôi cũng không thể. Cái chết là thế đó: không thể sống chung với nó, mà cũng chẳng thể nào sống thiếu nó.

Vậy con người phải làm gì?

Kể một chuyện cười thì sao? Ờ, có hại chi đâu.

Bà Millie đưa ông chồng Maurice đi khám bác sĩ. Khám tổng quát cho ông Maurice xong, bác sĩ gọi riêng bà Mille vào văn phòng. Bác sĩ nói, “Ông Maurice mắc bệnh nghiêm trọng do căng thẳng tột độ. Nếu bà không làm mấy việc sau, chồng bà sẽ chết. Mỗi sáng, hãy nhẹ nhàng đánh thức ông ấy bằng một nụ hôn ngọt ngào, chuẩn bị cho ông ấy bữa điểm tâm bổ dưỡng. Bà phải luôn vui vẻ, để đảm bảo ông nhà có được tâm trạng tốt. Chỉ nấu các món ông ấy thích, xong bữa phải để ông ấy nghỉ ngơi. Không được bắt ông ấy làm việc nhà, không đem rắc rối của bà ra nói qua nói lại với ông ấy, làm vậy chỉ khiến tình trạng căng

thẳng của ông ấy trầm trọng hơn. Chớ cãi ông ấy, kể cả nếu ông ấy chê bai hay đem bà ra làm trò cười. Gắng mát xa thư giãn cho ông ấy mỗi tối. Khuyến khích ông ấy xem các chương trình thể thao yêu thích trên truyền hình, kể cả nếu vì thế mà bà phải bỏ lỡ chương trình yêu thích của mình. Và quan trọng nhất, mỗi tối sau khi dùng bữa, bằng giá nào cũng nên thỏa mãn các ý thích bất chợt của ông ấy. Nếu bà làm được thế hằng ngày, tôi nghĩ sáu tháng sau Maurice sẽ hồi phục hoàn toàn sức khỏe.”

Trên đường trở về nhà, ông Maurice hỏi bà Millie: “Bác sĩ đã nói gì?”

“Ông ấy nói ông sắp chết.”

Không hiểu vì sao, nhưng việc bà Millie nói về cái chết lại khiến nó trở nên dễ chịu hơn. Truyện tiểu lâm gây cười theo cách ấy: chúng có thể nói ra một thứ kinh khủng, nhưng nhờ đó mà xoa dịu nỗi lo. Đó là lý do tại sao có quá nhiều truyện tiểu lâm về tình dục và cái chết - chúng đều khiến chúng ta sợ đến mất mặt.

Thật may vì tình cờ chúng tôi biết không ít truyện tiểu lâm. Thực tình, chúng tôi từng phát hiện rằng kể truyện tiểu lâm là một cách nhanh gọn để rọi sáng những tư tưởng triết học tổng quát, và chúng tôi thậm chí đã viết một quyển sách về vấn đề này<sup>(1)</sup>. Vậy phải chăng truyện tiểu lâm cũng có thể soi sáng những khái niệm triết học về sống và chết, hiện hữu và phi hiện hữu, linh hồn vĩnh hằng cùng khổ đau vĩnh viễn có thể đồng thời làm nhẹ bớt nỗi sợ chết của chúng ta?

---

1. Các tác giả nhắc đến cuốn *Plato và con thú mở vạt bước vào quán bar...* (Tiết Hùng Thái dịch, NXB Thế giới và Nhã Nam, năm 2013).



Chứ sao!

Thật là hay, vì chúng tôi chẳng còn mấy thời gian (hai chúng tôi đều đã chạm cái ngưỡng tuổi được Kinh Thánh phân phối cho là bảy mươi cách đây không lâu) để mà cứ thờ ơ nhìn Cái Chết và những gì các nhà tư tưởng nói về nó, bởi vậy chúng tôi sẽ cần đến tất cả những tiếng cười có thể có được. Chúng tôi sẽ cạy toang nắp mọi chiếc quan tài chôn vùi những vấn đề này, không chỉ nhìn Chữ C Lớn, mà theo dõi cả tập trước của nó, Cuộc Sống, và tập tiếp theo của nó, Kiếp Sau Ngọt Ngào. Chúng tôi sẽ đi tìm manh mối.

Trước tiên, chúng ta sẽ thử quan tâm đến những phương thức tuyệt vời mà xã hội văn minh đã nghĩ ra để phủ nhận cái chết, đặc biệt thông qua tôn giáo, một cách có tổ chức, bảo thủ và dai dẳng. Cụ thể, chúng ta sẽ xem xét lý thuyết của Freud về cách người ta tạo ra tôn giáo - cũng như sự tàn phá - để củng cố ảo tưởng về sự bất diệt của mình.

Tiếp theo, chúng ta sẽ đối thoại với một số triết gia Bắc Âu thế kỷ 19. (Tại sao không có bất kỳ triết gia xứ Riviera nước Ý nào từng viết về cái chết?) Chúng ta sẽ ghé thăm người Đan Mạch u sầu Søren Kierkegaard, triết gia quan niệm rằng cách duy nhất để vượt lên nỗi lo về cái chết là đi *qua* nó. Với Kierkegaard, mọi nỗ lực ghìm nén ý nghĩ về cái chết đều phản tác dụng. Một cách để chạm đến vĩnh hằng là tự thân trải nghiệm nỗi sợ chết. Thật vậy sao, Søren!

Sau đó, chúng ta sẽ xem triết gia Đức cau có Arthur Schopenhauer có gì để nói. Ông gần như đã sáng chế ra khái niệm *Weltschmerz* (phỏng dịch có thể là "Thế giới khiến tôi buồn nôn.") Bạn có thể sẽ nghĩ, rằng cái chết

cũng khiến ông buồn nôn, nhưng Schopenhauer, chẳng mền yêu gì Cuộc Sống, lại tuyệt đối thờ ơ nhìn Cái Chết. Ông viết: “cái chết của một cá nhân hoàn toàn không mấy may có ý nghĩa” do vậy “cái chết của chúng ta cũng nên là... điều không cần đếm xỉa”<sup>(1)</sup>.

*Không đếm xỉa* tới cái chết ư? Quan điểm xem chừng không hữu ích lắm, Artie, cây kim trên cái máy đo nỗi sợ hãi của chúng ta đang nhảy loạn lên kìa. Mau mau, chúng ta cần một truyện cười không-đếm-xỉa-tới-cái-chết thật hay.

Vậy là ông Ole đã chết, và bà vợ Lena của ông, bèn tới một tòa báo ở địa phương để đăng cáo phó. Quý ông ở tòa báo nói xong mấy lời an ủi thì hỏi bà Lena muốn viết gì về ông Ole.

Bà Lena đáp: “Ông cứ viết ‘Ole đã chết.’ ”

Quý ông ở tòa báo bối rối: “Thế thôi ư? Bà hẳn phải muốn nói thêm điều gì đó về ông Ole chứ. Hai người đã chung sống năm mươi năm, có con có cháu. Ngoài ra, nếu bản khoản chuyện tiền bạc, bà nên biết rằng chúng tôi miễn phí cho khách hàng năm từ đầu tiên.”

“Vậy sao,” bà Lena đáp. “Thế thì ông hãy viết: ‘Ole đã chết. Bán thuyền.’ ”

Một tổng quan triết học về cái chết sẽ không đủ trọn vẹn nếu chúng ta bỏ qua các nhà hiện sinh chủ nghĩa của thế kỷ 20 - những triết gia nhìn nhận phi-hiện-hữu là thứ

---

1. Arthur Schopenhauer, “Về cái chết và mối quan hệ của nó với tính chất bất hoại của bản chất bên trong chúng ta”, trong Wolfgang Schirmacher (biên soạn), *Những công trình triết học* (London: Continuum, 1994), tr. 287.

đồng hành khăng khít với hiện hữu - như kiểu một cặp đôi hoàn hảo. Vì thế, chúng ta sẽ trò chuyện với Martin Heidegger và Jean-Paul Sartre, các triết gia luôn cố gắng thần nhiên nhìn sự chết. Heidegger tuyên bố nỗi lo về cái chết là thực sự *cần thiết* để giữ chúng ta không sa vào “sự thường nhật”, một trạng thái sống nửa vơi, đắm chìm trong ảo tưởng u mê. Còn Sartre đề nghị chúng ta để tâm đến trường hợp ngược lại: những sinh linh duy nhất không sợ chết là những kẻ đã chết cứng chẳng khác nào cây đinh sắt. Tỉnh táo đi nào, họ đang cảnh cáo chúng ta. Chúng tôi cũng muốn như thế lắm chứ, nhưng trước tiên cần phải ngừng run cái đã.

Vì vậy, chúng ta sẽ tạm quên trong chốc lát cái sự triết học hóa nặng nề này, để tìm hiểu một hình thức phủ nhận cái chết phổ biến: đó là lối tự trấn an rằng mình sẽ sống mãi trong trái tim những người biết mình. Chiến lược này ngấm ngấm ước định một mức tình cảm nào đó từ phía những người thân thương của chúng ta, và bạn biết đấy, thứ đó có thể có hoặc không có ở đó.

Ông lão Sol Bloom đang nằm trên giường chờ chết thì đột nhiên ngửi thấy mùi bánh ngọt yêu thích thoang thoảng bay lên phòng. Ông lão cố gom chút sức tàn, nhấc tấm thân khỏi giường. Dựa vào tường, ông chậm chạp lê khỏi phòng, ráng bước xuống nhà, lấy bảy nắm chặt tay vịn cầu thang. Xuống tới nơi, ông khò khè thở nặng nhọc, tựa khung cửa mà nhìn vào bếp.

Nếu không có cơn đau trong ngực, ông đã nghĩ mình đang ở chốn Thiên đàng. Ngay kia, trên mặt bàn bếp, sò sò trước mắt là hàng trăm miếng bánh ngọt mà ông mê mẩn xếp đều tăm tắp. Sol mỉm cười, hẳn đây là biểu lộ

thương yêu cuối cùng từ Sophie, bà vợ tận tâm của ông, người đang lo sao để ông rời bỏ thế gian như một người đàn ông hạnh phúc.

Run run, ông với một miếng bánh. Đột nhiên, bàn tay bị đập bốp bởi chiếc xẻng xúc bánh.

“Không được động vào,” Sophie quát. “Để làm *hậu sự* đấy.”

Còn bây giờ, chúng tôi đi sâu thêm khi đánh vật với câu trả lời của Paul Tillich, nhà thần học thế kỷ 20, trước câu hỏi, “Vĩnh hằng là *khi nào*?” (Té ra nó là *bây giờ*.) Nhưng “bây giờ” liên tục biến chuyển thành “lúc nãy”. Thế *bây giờ* là cái gì? Một thứ tron tuột.

Cảm thấy cần một thứ gì đó chắc chắn hơn để bám vào, chúng tôi sẽ khảo sát những luận điểm thời Hy Lạp cổ đại về sự bất tử của linh hồn. Nhưng trước tiên, chúng ta cần hiểu được mình có ý gì khi nói “linh hồn”, linh hồn khác gì tinh thần, hai thứ này khác gì thể xác, và cả ba thứ ấy khác với một thân ma dở sống dở chết thế nào.

Sau đó, để những người Hy Lạp yên nghỉ, chúng ta sẽ hướng đến Thiên đường và những nơi chốn khác của kiếp sau.

Fred và Clyde đã trò chuyện về kiếp sau rất nhiều năm. Họ thỏa thuận rằng một trong hai người, bất kỳ ai chết trước, sẽ phải tìm cách liên lạc và nói cho bạn mình biết Thiên đường là thế nào.

Fred đi trước. Một năm trôi qua. Một hôm, chuông điện thoại đột nhiên reo vang, Clyde nhấc máy, thì ra là Fred!

“Thật sự là anh đấy hả, Fred?” Clyde hỏi.

“Đúng rồi, Clyde. Chính là tôi đây.”

“Nhận cuộc gọi của anh tôi vui quá. Tôi cứ nghĩ anh đã quên. Nói cho tôi biết ở đó thế nào đi!”

“À, anh sẽ không thể tin nổi đâu, Clyde ạ. Tuyệt vời hết sức! Chúng tôi có những thứ rau ngon nhất từ những cánh đồng tươi tốt nhất. Mỗi sáng chúng tôi thức dậy, ăn bữa sáng ngon kinh khủng, rồi làm tình suốt phần còn lại của buổi sáng. Sau bữa trưa giàu dinh dưỡng, chúng tôi lại chạy ra cánh đồng và làm tình. Sau đó đến giờ chúng tôi ăn bữa tối hảo hạng, rồi lại tiếp tục làm tình cho đến khi đi ngủ.”

“Ôi Chúa ơi!” Clyde nói. “Thiên đường nghe tuyệt quá.”

“Thiên đường á?” Fred thốt lên. “Tôi là một con thỏ ở Arizona.”

Sau đó, chúng ta sẽ chốt lại với một cái nhìn thoáng qua về kinh nghiệm cận tử, những buổi gọi hồn, tự tử và một số ý tưởng nóng sốt mới mẻ về cách làm sao để cái chết không thể vồ vập.

*Khoan khoan đã, các ông. Nghe chừng đã bắt đầu quá nhiều để tìm hiểu về Hư vô đấy.*

*Ai nói thế?*

*Tôi, Daryl Frumkin, nhà ở mé dưới đây. Tôi đang dắt con chó Binx đi dạo thì nghe thấy các ông trò chuyện. Và tất cả những gì tôi có để nói là, chẳng phải cái thứ chết chóc này khá đơn giản sao? Đầu tiên các ông sống, sau đó các ông chết. Hết chuyện.*

*Thật thế sao, Frumkin? Tất cả chỉ có thế? Vậy chúng tôi có thể hỏi ông một câu không?*

*Ông có thật sự nghĩ mình sẽ chết?*





Phần I

ÔNG CHẾT RỒI!  
ÔNG ĐỊNH LÀM GÌ ĐÂY?





## Chương 1

### HÀN PHẢI CÓ MỘT SAI LẦM NÀO ĐÓ

Daryl này, chúng tôi vẫn đang đợi một câu trả lời đấy. Ông có thật sự nghĩ mình sẽ chết không?

À, chắc rồi, tôi biết ai cũng chết. Frank Sinatra đã đi rồi. Norman Mailer cũng vậy. Chưa kể Napoleon, Harry Truman, Thành Cát Tư Hãn và bà di Edna của vợ tôi. Nên nói về lý, thì một ngày nào đó tôi cũng sẽ chết thôi. Tôi biết chắc như vậy, cũng như tôi biết quả táo phải rơi xuống thay vì bay lên.

Hay lắm, Daryl. Ông nói rất tuyệt. Nhưng hãy cùng nhau bàn cho rõ, chúng tôi đang không đề cập tới bộ óc khoa học thuộc thế-kỷ-hai-mươi-mốt của ông, cái thứ đang gọi tên sự vật đúng như nó nhìn thấy chúng. Không, chúng tôi đang nói về nhận thức bình thường đang-ngồi-đây-bên-hiền-nhà-chúng-tôi của ông. Ngay lúc này, ông có thật sự tin rằng mỗi ngày trong đời ông đều được đánh số, rằng mỗi khoảnh khắc trôi qua đang làm hụt đi những khoảnh khắc được phân bổ cho cuộc đời làm người của ông? Và khi tới khoảnh khắc tất-cả-chỉ-có-vậy, ông sẽ không còn tồn tại theo bất cứ nghĩa nào của từ này?

Hả? Ông đang lăm bằm cái gì thế, Daryl. Chúng tôi biết đó là một câu hỏi gây sợ hãi, nhưng có lẽ chúng tôi sẽ giúp ông tìm được câu trả lời đấy.

Chúng tôi đoán rằng, sâu thẳm trong lòng, ông không thật sự tin mình sẽ chết. Và sợ dĩ như vậy bởi vì ông là một con người văn minh. Chuyện này không có gì đáng xấu hổ - ít nhất cho đến bây giờ. Con người chúng ta thật khó để chấp nhận thực tế hiển nhiên này trong ý thức của mình. Cho nên trong từng khoảnh khắc, và trong mỗi ngày, chúng ta đều tìm cách *phủ nhận* sự thật rằng mình sẽ chết. Thực chất, chúng ta vẫn đang làm việc này một cách dễ dàng với tất cả những trợ giúp từ các cơ cấu và tập quán xã hội của bất kỳ nền văn minh nào mà chúng ta tình cờ sống bên trong.

Trong tuyệt tác *Sự phủ nhận cái chết*, nhà nhân loại học và văn hóa học Ernest Becker của thế kỷ 20 viết rằng, thậm chí khi *khách quan* biết rằng mình không bất tử, chúng ta vẫn toan tính đủ cách đủ kiểu để tránh né sự thật khủng khiếp này. (Becker chết chỉ hai tháng trước khi được trao giải Pulitzer cho cuốn sách ấy - quả là một cái chết không đúng thời điểm chút nào, nếu thực sự có tồn tại một thứ như thế!)

Lý do chúng ta muốn phủ nhận cái chết khá hiển nhiên: viễn cảnh chết chóc thật đáng sợ! Nó nhấn ta chìm vào sợ hãi tột độ. Nó gây khó chịu tột cùng cho ta vì cái thực tế phải đối mặt là chúng ta chỉ hiện hữu nơi đây trong một thời gian ngắn, và khi ra đi sẽ là ra đi mãi mãi. Làm sao có thể tận hưởng cuộc sống với cái đồng hồ kêu tích tắc quá lớn trong tai như vậy?

Theo Becker, cách duy nhất để đa số chúng ta xoay sở với tình huống này là ảo tưởng. Ảo Tưởng Lớn. Ảo Tưởng Lớn là động lực căn bản của con người - còn mạnh mẽ hơn cả sự thôi thúc của tính dục, Becker nói; nó đồng thời sinh ra “những phương thức bất tử”, những hệ tín

ngưỡng phi lý mang lại cho ta khả năng tin rằng mình bất tử. Một chiến lược luôn luôn thịnh hành là đồng nhất bản thân với một bộ lạc, một chủng tộc hoặc một quốc gia sống mãi đến tương lai vô hạn định, và chúng ta, bằng cách nào đó, là một phần của nó. Tiếp đến, có phương thức bất-tử-thông-quia-nghệ-thuật, trong đó người nghệ sĩ thấy trước tác phẩm của mình sẽ trường tồn, nên bản thân mình cũng bất tử - trong ngôi đền của Những nghệ sĩ vĩ đại, hoặc ít nhất như một chữ ký trên bức tranh phong cảnh hoàng hôn, dựng trong góc căn gác mái của cháu chắt mình.

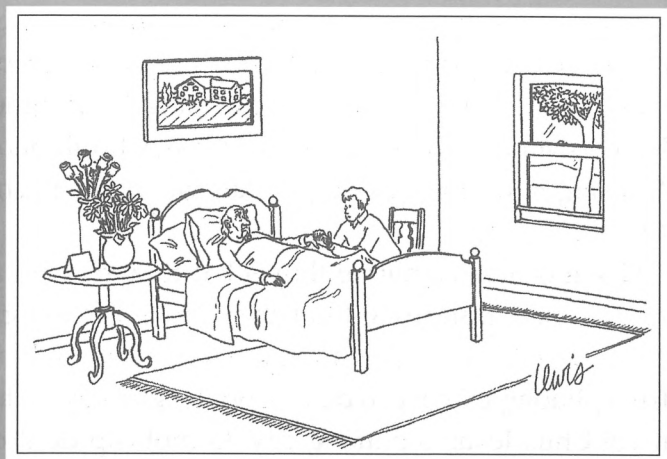
Ngoài ra, còn có những thuyết bất tử được hâm mộ đông đảo, được trân trọng lưu truyền trong các tôn giáo thế giới, từ cách sống tiếp như một phần của năng lượng vũ trụ ở phương Đông, cho đến rời bỏ thế giới này để hợp nhất với Chúa Jesus ở phương Tây. Ở một cấp độ ít cao quý hơn là phương thức bất-tử-thông-quia-của-cải. Cách này cho chúng ta một mục đích đúng điệu của cuộc sống để thúc dậy mỗi sáng: đi kiếm tiền. Làm như thế, chúng ta sao nhãng quên đi được Kết Cục.

Sự giàu có cũng đảm bảo giúp chúng ta gia nhập cộng đồng bất tử: đó là nơi dành riêng của những người tiên phong và có thành tựu lớn. Ở đây thậm chí còn có phần thưởng - ta có thể chuyển lại một phần bản thân mình - tức là tiền bạc của mình - cho thế hệ sau.

Nhưng *caveat emptor!* (Hoặc nếu góc gác của ông không phải từ La Mã cổ đại, “Hãy để khách hàng tự lo thân họ!”)<sup>(1)</sup>

---

1. *Caveat emptor* là nguyên tắc người mua chịu trách nhiệm về hàng đã nhận. (ND)



“Đáng lẽ cha nên tiêu pha nhiều hơn.”



Khi biết mình sắp được thừa hưởng gia tài từ ông bố bệnh tật sắp chết, Bob cho rằng anh ta cần có một người đàn bà để cùng tận hưởng. Một tối nọ, anh ta tới quán bar của những kẻ độc thân, và gặp một cô nàng xinh đẹp chưa từng thấy.

Bob ngạt thở vì sắc đẹp của cô nàng. “Có thể trông tôi chỉ bình thường thôi,” anh bước đến bên cô và nói, “nhưng sớm muộn chỉ một, hoặc hai tuần nữa, cha tôi chết, và tôi sẽ được thừa kế hai mươi triệu đô la.”

Cô nàng xinh đẹp rất ấn tượng, nên theo anh ta về nhà luôn tối đó. Ba hôm sau, cô trở thành mẹ kế của anh ta.

Con đường đi đến bất tử thông qua tiền bạc cũng cho chúng ta một cách thức phổ biến khác để trở nên gần như bất tử: đó là quyên góp cho một tổ chức xã hội nào đó với hy vọng tên tuổi chúng ta sẽ được tôn vinh và khắc trang trọng trên mặt tiền tòa nhà của tổ chức đó; hoặc thậm chí chẳng cần mất xích trung gian, chúng ta có thể tự xây đài tưởng niệm cho chính mình.

Nhưng theo Becker, trước khi cho rằng chọn nghèo khó (hoặc một đời sống thường thường bậc trung) thì ông hết mắc kẹt, hãy nghĩ lại. Có thể ông vẫn đang cố đạt đến một cái đích trần tục nào đó có thể khiến bản thân tin rằng mình sẽ vĩnh viễn ở đây. Ông cố trở thành nhà thông thái, thánh nhân, hay có phong cách khác thường - vẫn chỉ vậy mà thôi. Ông vẫn đang bám víu vào Ảo Tưởng Lớn rằng ta tinh khôn hơn Thần Chết khi vào một vai siêu việt vượt khỏi tính cá thể yếu đuối, sợ hãi của chính ông, để ông trở nên “lớn lao hơn sự sống”... và sự chết.

Theo Becker, chúng ta duy trì những ảo tưởng khác



nhau này chỉ đơn giản bằng cách làm con người văn minh. Hầu như mọi nền văn minh đều tạo ra các cách thức chung để bắt tử. Thực chất, chúng là chức năng căn bản của nền văn hóa. Không có chúng, tất cả chúng ta sẽ phát điên vì sợ chết, và không thể duy trì diễn tiến tốt đẹp cho nền văn minh. Chúng ta sẽ quay lại với luật rừng. Phủ nhận cái chết là chiến lược sinh tồn của nền văn minh.

Việc duy trì ảo tưởng sẽ dễ dàng hơn khi được san sẻ cùng nhau trong một nền văn hóa, hoặc còn dễ hơn, trong một gia đình. Và đây là ảo tưởng chung của Clara và chồng cô ấy.

Clara đến gặp một bác sĩ tâm thần và nói, “Bác sĩ, ông phải làm gì đó cho chồng tôi - anh ấy nghĩ mình là cái tủ lạnh!”

“Tôi nghĩ chuyện đó không đáng lo ngại lắm,” bác sĩ đáp. “Nhiều người có những ảo tưởng vô hại. Chúng sẽ qua đi.”

“Nhưng ông không hiểu,” Clara khẳng định. “Anh ấy cứ há miệng ngủ, và cái bóng đèn con sáng trong ấy làm tôi không ngủ được.”

Đáng tiếc là những cách thức để bắt tử ấy khiến chúng ta hành xử bậy bạ. Khi đồng nhất mình với một trong hệ thống quan niệm bắt tử đó và đặt toàn bộ niềm tin vào nó, chúng ta sẽ vấp phải tình huống khó chịu là trở nên xung đột với tín đồ của các hệ thống khác. Tình huống đó thường có thể quan sát được khi xảy ra va chạm giữa các tôn giáo của thế giới, và tạo nên một nan đề lớn: không có chuyện mọi phương thức bắt tử đều là chân lý, nên phương thức của những kẻ khác ta phải sai.



*"Người đã chọn nhầm tôn giáo - chấm hết.  
Ta không định tranh cãi chuyện này."*

Nhưng nền văn minh cũng đã cung cấp một giải pháp: *Giết lũ khốn!* Một khi đã chết, chúng sẽ hết là mối đe dọa đối cho cảm thức bất tử của riêng ta. Ờ, kể ra cũng có tác dụng đấy.

---

Nhân loại đã hao tốn biết bao giấy mực để viết về các cuộc đổ máu nhân danh một tôn giáo nào đó và phương thức để bất tử của nó. Cuốn *Thượng đế không vĩ đại: Tôn giáo đầu độc mọi thứ như thế nào* của Christopher Hitchen, được xem là kinh thánh của trào lưu "tân vô thần", nêu một danh mục đầy đủ các tội ác chống nhân loại mà người ta đã gây nên để duy trì sự ưu việt cho các tôn giáo riêng. Nhưng diễn viên hài kiêm nhà siêu thực chủ nghĩa Emo Phillips đã có một chuyện khôi hài đúc kết khá đúng tình cảnh trên.

Một hôm, khi đi qua cầu, tôi thấy có anh chàng nọ đứng cheo leo trên thành cầu chực nhảy xuống sông. Tôi bèn chạy vội tới và khuyên nhủ, "Dừng lại đi! Chớ có làm vậy!"

"Tại sao không?" anh ta nói.

"À, thì là vì đời vẫn còn nhiều thứ đáng để sống mà."

"Chẳng hạn thứ gì?"

"Ừm, để tôi xem nào... Anh có tin vào đạo nào không?"

Anh ta đáp có.

Tôi vội bảo, "Tôi cũng thế! Đó, anh thấy không? Chúng ta đã có điểm chung rồi, vậy hãy nói kỹ hơn về chuyện này nhé. Anh theo Cơ Đốc giáo hay Phật giáo?"

"Cơ Đốc giáo."

"Tôi cũng thế! Anh theo Công giáo hay Tin Lành?"

"Tin Lành."

"Tôi cũng thế! Anh theo nhà thờ Tân giáo hay Báp-tít?"<sup>(1)</sup>

"Báp-tít."

"Ài chà! Tôi cũng thế! Anh theo Báp-tít Hội Thánh Đức Chúa Trời, hay Báp-tít Hội Thánh Chúa Jesus Christ?"

"Hội Thánh Đức Chúa Trời."

"Tôi cũng thế! Anh theo Hội Thánh Đức Chúa Trời nguyên thủy hay Hội Thánh Đức Chúa Trời cải cách?"

"Hội Thánh Đức Chúa Trời cải cách."

"Tôi cũng thế! Anh theo Hội Thánh Đức Chúa Trời cải cách, cải cách năm 1879, hay Hội Thánh Đức Chúa Trời cải cách, cải cách năm 1915?"

Anh ta đáp, "Hội Thánh Đức Chúa Trời cải cách, cải cách năm 1915."

Tôi nói, "Chết đi, đồ cặn bã dị giáo," và đẩy anh ta xuống sông.

Phillips có một phiên bản còn ngắn hơn (dành cho những ai thấy tiếc thời gian):

Có lẽ thời điểm khó khăn nhất trong đời bất kỳ ai là khi bạn buộc phải giết người yêu vì hắn là ác quỷ.

---

## ẢO TƯỢNG CỦA NHÀ TƯ TƯỞNG SÂU SẮC NÀY LÀ SỰ THÔNG THÁI CỦA MỘT NGƯỜI KHÁC

Nhận định của Becker rằng phủ nhận cái chết là Ảo Tượng Lớn của nhân loại có một dòng dõi khá ấn tượng. Trong

---

1. Tân giáo: phái tán thành chế độ giám mục quản lý nhà thờ; Báp-tít (Baptist): phái chỉ rửa tội người lớn, không rửa tội trẻ sơ sinh. (ND)



khảo luận ngắn “Tuong lai của một ảo tưởng”, Sigmund Freud, cha đẻ của phân tâm học và mẹ đẻ của khái niệm vô thức, đã coi nỗi sợ chết như một trong những nhân tố chính thúc đẩy loài người tạo ra và bảo vệ ảo tưởng về thánh thần và tôn giáo. Vô vọng trước viễn cảnh sẽ chết, vô thức liền phát minh ra Hình-Tượng-Cha-Trên-Trời để giúp chúng ta đối mặt. Thật tiện, Cha Trên Trời còn tưởng thưởng cho hành vi tốt, nên như Freud nói, chúng ta có lý do thuyết phục để củng cố lại những bản năng phản xã hội nhất như loạn luân, tục lệ ăn thịt người, sự khát máu thích giết chóc và những thứ đại loại thế. Nhưng quan trọng nhất, Cha Tối Thượng xoa dịu nỗi sợ chết của chúng ta bằng cách trao tặng đời sống vĩnh hằng cho những ai tuân thủ các đòi hỏi của xã hội.

Tóm lại, Freud quan niệm rằng niềm tin vào Thượng đế và lời hứa của Thượng đế về đời sống vĩnh hằng là một thần thoại văn hóa giúp chúng ta thoát khỏi nỗi ám ảnh về cái chết.

Là một người chưa bao giờ né tránh xung đột, về sau Freud nghĩ ra khái niệm *Todtriebe*, hay là nỗ lực hướng tới cái chết (thường được dịch sai là “bản năng chết”). Ban đầu Freud nêu giả thuyết về nguyên lý khoái lạc hay *Eros* - nỗ lực sống, nỗ lực yêu sôi nổi trọn vẹn nhất, hưởng lạc và sinh sản - là động cơ quan trọng nhất của nhân loại. Nhưng khi đã già hơn, triết gia chuyển sang nhìn xuống nhân loại từ trên cao, và, kìa, nơi đó còn thứ gì khác nữa đang diễn ra, một thứ không mấy hấp dẫn. Mọi chiến tranh xung đột và loạn lạc ấy không thể đổ tội cho một mình *Eros*. Từ đây mà nảy sinh *Cuộc đua tới Cái Chết*.

Ở mức độ nhẹ nhất, *Cuộc đua tới Cái Chết* hiện diện trong nhu cầu tránh tranh đấu, theo đuổi đời sống tĩnh

lặng và bình yên của chúng ta; chẳng khác nào một cuộc tổng dượt cho cái chết. Freud gọi đây là “nguyên lý Nirvana (Niết bàn)”, là nhu cầu “huống những bất an của đời sống vào trạng thái ổn định vô cơ”. Tự mục ruỗng. Bất kỳ ai từng nằm ườn trên ghế ngả lưng BarcaLounger để xem bowling qua ti vi đều có thể hiểu điều này.

Vậy phải chăng vì thế có nghĩa là chúng ta nên xoay *Todtriebe* của mình vào trong? Không thể nào, Freud trả lời. Đây là thứ động lực mãnh liệt, cái món *Todtriebe* đó, một khi bị sống chuồng, nó sẽ biến thành con quái vật: nó sẽ không thỏa mãn chỉ với việc xem *Bowling for Dollars*<sup>(1)</sup>; nó khát khao khổ dâm và tự tử.

Vậy chúng ta nên đưa cuộc đua tới cái chết *huống ra ngoài*, phải không? *Nein!* (Không!), Siggy nói. Cách đó dẫn tới giết chóc, gây tàn phế cho đồng loại, và chiến tranh. Khỉ thật! Một gã quê mùa tội nghiệp sẽ biết làm gì?

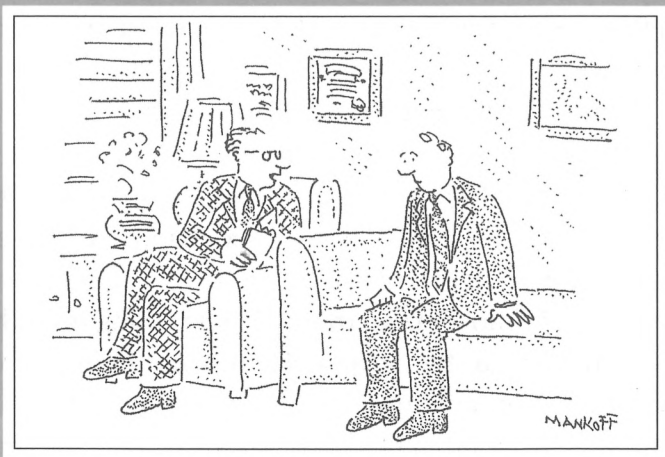
Đi gặp bác sĩ tâm thần, Freud nói. Mục đích của trị liệu - và của đời sống - là để hòa hợp với *cuộc đua tới cái chết* và *nguyên lý khoái lạc*, đưa chúng vào thế cân bằng.

## JUNG LUẬN VỀ BẢN CHẤT

Toàn bộ mớ Thượng đế - tôn giáo - vĩnh hằng - kiếp sau đều nảy sinh từ vô thức của chúng ta, nhưng không có nghĩa chúng đều là đồ bỏ, Carl Gustav Jung, nhà tâm lý học phân tích người Thụy Sĩ, cự môn đệ của Freud, lập luận. Có thể vô thức của chúng ta còn *thông thái* hơn cả ý

---

1. Trò bowling thắng tiền trên truyền hình. (ND)



*“Xem nào, làm cho anh hạnh phúc là chuyện không thể, nhưng tôi có thể làm một diễn văn hết sức hấp dẫn về những nỗi khổ của anh.”*

thức. Có thể những gì Freud gọi là sự thêu dệt của vô thức thực ra chính là xác nhận chân lý một cách vô thức. Có thể chúng ta không tạo nên tôn giáo, mà chúng ta khám phá ra chúng trong chính mình. Và do tinh thần vô thức được truyền từ thế hệ nọ sang thế hệ kia, nên cũng có thể nó tự tiến hóa, ngày càng thông minh hơn trong khi ý thức của chúng ta chỉ ì ạch chạy theo.

Điều thực sự đang diễn ra, Carl Gustav nói, đó là tôn giáo đang lên tiếng nhân danh tinh thần<sup>(1)</sup> qua việc cung cấp những biểu tượng xuất phát từ “sâu thẳm trái tim”. Lý do những biểu tượng này có sức mạnh khai sáng là vì chúng là những sản phẩm của vô thức sâu thẳm trong chúng ta, một kho chứa sự thông thái bản năng mà ý thức chỉ có thể tiếp cận thông qua giấc mơ, những thần thoại văn hóa và tôn giáo. Chính khi ý thức không tiếp xúc được với tinh thần sâu thẳm này - hay nói cách khác, bị tách xa khỏi nó - sẽ sinh ra những triệu chứng loạn thần, chẳng hạn, trầm cảm nặng như sa địa ngục vì sự vô nghĩa tột độ của mọi thứ.

---

### LÊN TINH THẦN!

Nếu sống lâu hơn chút nữa - Jung qua đời năm 1961 - hẳn ông đã bổ sung ma túy vào danh mục những con đường đưa tới trạng thái tinh thần sâu sắc và khai sáng hơn. Những cuộc du ngoạn bằng năm kỳ diệu LSD<sup>(2)</sup> đã giúp hơn 60 nhà nghiên cứu trải

---

1. Jung dùng thuật ngữ *psyche* (“tinh thần”) để nói tới một thể tổng hợp, trong đó sâu nhất là vô thức tập thể, đến vô thức cá nhân, và đến ý thức. (ND)

2. Lysergic acid diethylamid, một loại ma túy tổng hợp. (ND)

nghiệm trạng thái linh cảm siêu việt liên quan đến thứ mà ít nhất ở khoảnh khắc đó dường như là Thực Tại Tối Thượng.

Nhưng theo chúng tôi được biết, những trạng thái do ma túy gây ra không thể nào đưa đến lý giải đủ gây kinh ngạc hay rõ ràng bằng những ghi nhận tỉ mỉ của Jill Bolte Taylor khi bà quan sát bản thân trong cơn đột quỵ nghiêm trọng. Năm 1996, nhà khoa học thần kinh thuộc Đại học Harvard này đã say mê quan sát các hiện tượng diễn ra khi bán cầu não trái của bà ngừng hoạt động. Trong quá trình ấy, Tiến sĩ Taylor trải nghiệm một thực tại tinh thần mà Jung chỉ dám mơ tới.

Taylor giải thích rằng bán cầu não phải xử lý những gì đang diễn ra với chúng ta ở khoảnh khắc hiện tại. Nó suy nghĩ bằng hình ảnh, thu nhận mọi cảnh tượng, âm thanh và mùi đang xảy ra với chúng ta *ngay lúc này*, kết hợp chúng với nhau thành một cái toàn thể. Ở não phải, chúng ta “hoàn hảo, nguyên vẹn và đẹp đẽ”. Chúng ta trải nghiệm bản thân như một “thể năng lượng” được kết nối với mọi năng lượng trong vũ trụ và với năng lượng của toàn nhân loại.

Ngược lại, não trái tiếp nhận thế giới một cách tuyến tính và có phương pháp. Nó thu nhận khoảnh khắc hiện tại, lựa ra những chi tiết, gắn kết chúng với sự học hỏi trong quá khứ, và đưa ra những khả năng tương lai. Nó nghĩ bằng ngôn ngữ, không phải bằng hình ảnh, và một trong những điều nó nói là “Tôi là”. Nó trải nghiệm cái tôi tách rời khỏi dòng chảy năng lượng xung quanh, tách rời khỏi những con người khác. Đây đều là các chức năng

của não trái mà Taylor đã bị mất phần lớn trong cơn đột quỵ.

Khi não trái ngừng hoạt động, Taylor trải nghiệm bản thân như vô giới hạn, hòa làm một với mọi năng lượng của vũ trụ. Bà cảm thấy an bình và sáng khoái. Đồng thời, não trái của bà - cái não *âu lo* của bà - thỉnh thoảng lại nhảy vào với thông điệp, “Bà có nguy cơ chết đấy! Bà phải tìm sự giúp đỡ!” Nhưng tìm sự giúp đỡ mà không có sự trợ giúp liên tục của não trái là hầu như không thể. Thậm chí khi đã ráng sức gọi điện, cố gắng giải thích tình trạng của mình, tất cả những gì bà có thể làm chỉ là sữa như chó.

Sau này, khi ở trong bệnh viện, bà trải qua cảm giác thấy thế giới xung quanh hết sức hỗn độn, ồn ào, nhưng sau đó bất ngờ thấy tinh thần lâng lâng bay bổng trong “biển hưng phấn”.

Vậy Taylor đi đến kết luận gì? Thế giới có muôn vạn những con người bình an, yêu thương, có thể “từ não trái của chính mình bước một bước sang phải”. Chúng ta vừa là “sinh lực của vũ trụ” vừa là những con người tách biệt khỏi thế giới và khỏi người khác. Và quan trọng nhất, ở bất kỳ khoảnh khắc thời gian nào, chúng ta cũng có thể lựa chọn đặt mình vào cảnh giới nào đó<sup>(1)</sup>.

---

Những gì Taylor trải nghiệm thông qua não phải thì Jung gọi là nguồn gốc sâu xa, vô thức của trải nghiệm tôn

---

1. Jill Bolte Taylor, *Cú đột quỵ khai sáng* (New York: Viking, 2008).

giáo. Jung mới chỉ suy đoán về nơi bắt nguồn trải nghiệm này, còn Taylor đã xác định rõ vị trí của nó. Kinh nghiệm tại não phải của Taylor đập tan những tạo lập của não trái về thời gian và không gian. Bà đã có kinh nghiệm siêu việt: bà là một phần của Cái Toàn Thể Bất Tử.

Jung khẳng định rằng vô thức không chỉ biết rằng chúng ta đang chết, mà thực sự chấp nhận thực tế này. Tinh thần tự chuẩn bị cho cái chết, thường là nhiều năm trước khi sự kiện ấy xảy ra. Trong khi ý thức dựa trên lý trí của chúng ta thấy cái chết như một kết cục tàn nhẫn và kích động nỗi lo âu, thì tinh thần của chúng ta - não phải của chúng ta? - lại chấp nhận nó.

*Ồ, tôi đề rằng chết không chỉ là chuyện mấy cái đinh đóng quan tài, phải không?*

*Phải đó, Daryl, nhưng chúng tôi e rằng nó sẽ còn đáng sợ hơn nữa kia.*

## Chương 2

### NÁU MÌNH DƯỚI BÓNG NỖI SỢ

*Daryl này, chúng tôi có cả tin tốt và tin xấu đây. Ông thích nghe tin nào trước.*

*Tin xấu trước đi.*

*Được rồi, thế thì là thế này - chuyện này sẽ ngày càng đáng sợ hơn đó.*

*Tuyệt. Thế tin tốt là gì?*

*Tin tốt là sau khi xong cuốn sách này, bọn tôi sẽ đưa vợ con đi nghỉ ở miền Nam nước Pháp!*

Nhưng chúng ta hãy trở lại với Becker. Ông khẳng định rằng rốt cuộc thì ngành tâm lý học lẫn tôn giáo phát triển đều không giúp chúng ta có được nơi nương náu để lẩn tránh vấn đề: cuộc đời là vô nghĩa, và rồi ta sẽ chết. Không gì có thể cứu ta thoát khỏi nỗi sợ phải đối mặt cái chết, hoặc khỏi mặt trái của nó, là nỗi sợ trước cuộc đời hữu hạn vốn không bao giờ có thể thỏa mãn khát vọng vĩnh hằng của chúng ta.

Những nỗi lo ấy dự phần trong sự tồn tại của chúng ta dù thích hay không (chúng tôi thì không thích). Đó là chưa kể thực tế rằng chúng ta là sinh vật duy nhất phải trả các chi phí liên quan đến cái chết, và tất thấy còn lại cho chúng ta là một thùng thuốc súng chất chứa lo buồn và sợ hãi.



Nhưng đừng lo; Becker đã mở cho chúng ta một con đường để thành thực chấp nhận cái chết, và vượt khỏi giới hạn của nó bằng cách chạm đến Thực Tại Tối Cao mà không phải đau đầu nhức óc với các phương thức bất tử bất kỳ nào khác. Để hiểu con đường này, chúng ta phải quay lại khá xa, đến giữa thế kỷ 19, trước Freud hay Jung rất lâu, để gặp triết gia và nhà tư tưởng tôn giáo người Đan Mạch, Søren Kierkegaard, cha đẻ của chủ nghĩa hiện sinh<sup>(1)</sup>.

Hầu hết chúng ta thà bỏ qua những suy ngẫm âu lo về cái chết, và ngay lập tức nhảy luôn vào câu chuyện cổ tích có kết cục hạnh-phúc-mãi-về-sau nào đó, nơi có chiếc ghế bành êm ái nhất trên bãi cỏ trên Thiên đường chờ sẵn. Nhưng theo Becker và người đã truyền cảm hứng cho ông là Kierkegaard, lộ trình “nhảy cóc đến cái chết” như vậy là con đường dẫn tới Không-nơi-đâu. Nếu nhảy cóc qua nấc thang đối đầu Thần Chết, không dừng dằng ở nơi đó, đồng thời trải nghiệm viễn cảnh Hư vô Vĩnh hằng, nếu rũ khỏi bản thân toàn bộ gánh nặng của nỗi khiếp sợ phải sống với thực tế “Không bao giờ nữa”, chúng ta sẽ lỡ mất cơ hội duy nhất để trải nghiệm sự siêu việt. Søren nói đó là vì nỗi sợ hiện sinh là bậc thầy tối cao của chúng ta!

*Gươm đã, hai ông! Gã Đan Mạch này xem chừng gàn dở! Để bắt đầu, ai cũng biết rằng để học hỏi, thì trong tâm trạng tốt sẽ dễ vạn lần hơn là trong tâm trạng xấu. Nhưng cần phải nói rằng nghe mấy chuyện vớ vẩn này tâm trạng tôi đâm ra tệ hẳn.*

*Chúng tôi hiểu ông đang nói gì, Daryl ạ. Không thể không*

---

1. Trường phái triết học quan tâm đến thực trạng sự tồn tại của cá nhân con người thay vì những phẩm chất người phổ quát, trừu tượng. Xem *Plato và con thú mở vệt bước vào quán bar*, cùng tác giả. (ND)



NGUYỄN VĂN H

**Nỗi sợ vô căn cứ**  
(đã được phóng đại 200 triệu lần)

nhận thấy ông đang run rẩy, nước mắt chảy ròng ròng trên má khi ông chú tâm vào cái sự thật không thể bàn cãi rằng đời sống thì ngắn ngủi, còn cái chết thì không thể thoát. Và chúng tôi phải thừa nhận rằng lúc này xem ra không phải thời điểm tốt nhất để học hỏi. Nhưng hãy cho Søren một cơ hội làm sáng tỏ quan điểm của ông ấy. Ít ra là để tôn trọng người đã khuất, được không?

Trước hết, hãy điểm lại vấn đề tình trạng tồn tại của con người. Trong các công trình *Khái niệm sợ hãi* (*Concept of Dread*) và *Bệnh đến chết* (*Sickness unto Death*)<sup>1</sup> (chính những nhan đề lạc quan này khiến S.K. thành tác giả bán chạy đến vậy ở Đan Mạch), Kierkegaard lý giải ý nghĩa của nỗi khiếp sợ và tuyệt vọng bằng con đường hòa trộn triết học và tâm lý học nội quan. Nhưng những vấn đề tâm lý học mà Søren quan tâm không đơn giản thuộc về phạm trù cá nhân thô thiển - chẳng hạn như chuyện bà mẹ ông thường cưng chiều đứa em trai của ông hơn, còn cha ông thì coi ông là thằng đụt - mà là những vấn đề sống chết chung của con người. Thực ra, chúng tôi ngờ rằng nếu Kierkegaard còn sống đến ngày nay, có thể ông ấy sẽ cho rằng những chứng loạn thần kinh mà mấy nhà tâm lý trị liệu đang chữa trị chẳng qua chỉ là sự thay thế cho vấn đề thật sự của chúng ta: phải chịu trách nhiệm sống một cuộc sống đầy đủ ý nghĩa bên bờ vực cái chết.

Đủ rồi, các ông! Tôi biết quá rõ cái trò trị liệu mà. Chính tôi đã từng có lúc phải đi gặp bác sĩ tâm thần vì rắc rối với chuyện kiểm soát cơn giận. Thế mà hóa ra các ông đúng đấy -

1. "The Sickness unto Death", lấy ý tưởng trái ngược với câu của Chúa Jesus trong Phúc âm Thánh John (11.4): "This sickness is not unto death" (Bệnh này không đến nỗi chết đâu). (ND)



tất cả là vì mẹ tôi chỉ yêu chiều thằng cu em Skippy<sup>(1)</sup>, còn ông bố thì, các ông biết đấy... Suốt hàng năm trời tôi đã phải đè nén cơn giận ấy. Và nó chẳng liên quan quái gì đến cái chết hay vực thẳm hay mấy thứ nhăng cuội kia.

Có thể lắm, Daryl ạ. Nhưng Kierkegaard có thể sẽ nói rằng toàn bộ nhu cầu đối với tình yêu của người mẹ chẳng qua chỉ là màn sương che mờ sự thật. Có những nỗi sợ và nỗi buồn xuất phát từ chính sự tồn tại nhân sinh, và do vậy mà dù mẹ ông có yêu ông bao nhiêu hay cha ông có bói bác ông bao nhiêu cũng đều không quan trọng. Và chính những nỗi sợ, nỗi buồn nhân sinh ấy là gốc sinh ra nỗi sợ, nỗi buồn mà ông than vãn với bác sĩ tâm lý trị liệu. Theo Kierkegaard, nỗi sợ của ông đã sinh ra sẵn, rất lâu trước khi ông đến than vãn cùng bác sĩ tâm lý trị liệu, từ sự nhận thức sâu xa rằng ông sẽ chết. Và có lẽ việc ông loay hoay giải quyết những rắc rối liên quan đến mẹ, đến Skippy hay ông bố chỉ là cách để kéo mình rời xa rắc rối thực sự - Chữ C Lớn!

Nếu các chứng loạn thần kinh thường gặp thực chất chỉ là những tấm mặt nạ che đậy nỗi sợ chết, có thể hiểu tại sao tâm lý trị liệu mất nhiều thời gian đến vậy. Nó chưa bao giờ chạm đến vấn đề thật sự: sự chết.

Đĩ nhiên, có những lý do khác giải thích tại sao tâm lý trị liệu mất thời gian đến vậy. Diễn viên hài Ronnie Shakes kể với chúng ta:

Sau mười hai năm trị liệu, bác sĩ tâm thần của tôi nói một câu khiến tôi trào nước mắt. Ông nói: “No hablo inglés.” (Tôi không nói tiếng Anh.)

---

1. “Cái đồ đáng yêu”. (ND)

## CHUYẾN XE MANG TÊN “TUYỆT VỌNG”

Theo Kierkegaard, thực ra thì không phải nỗi âu lo và tuyệt vọng vì chúng *loạn thần kinh*, mà nỗi sợ chết và tuyệt vọng nhân sinh mới là thứ đẩy chúng ta vào tình thế không lối thoát. Có những người chìm ngẫm trước quá nhiều lựa chọn: “cái tôi” hữu hạn của chúng ta không thể xoay sở được với vô số lựa chọn bày ra trước chúng ta cả trong đời sống thường nhật lẫn tưởng tượng. Quá ít thời gian, quá nhiều thứ *tôi có thể* làm.

Chúng ta hãy thử quan sát kỹ hơn nỗi âu lo chao đảo của con người khi phải đối mặt quá nhiều khả năng:

Có khi nào tôi trở thành người hôn giỏi như Brad Pitt? Tôi có nên thôi hành nghề luật và cố gắng trở thành nghệ sĩ biểu diễn đường phố? Tôi nên làm gì với đời mình? Tôi có nên bộc lộ cái phần nữ tính trong con người mình? Còn anh chàng Rambo trong tôi thì sao?

Tôi có nên cố gắng là bà mẹ siêu phàm *đồng thời* vẫn điều hành một công ty xây dựng? Tôi có nên dan díu với người đưa thư và mạo hiểm đời sống gia đình hạnh phúc của mình? Hay tôi nên khước từ một mối quan hệ và xuống mồ vẫn còn nuối tiếc?

Tôi có dám ăn một quả đào không? Một thanh kẹo Mars? Nắm gậy ảo giác?

*Tôi có phải là một kẻ thất bại?*

Nếu có thời gian vô hạn, tôi có thể thử vô hạn lượng những lựa chọn này. Nhưng cái chết, nó nhăm nhe tính sổ mọi khả năng của tôi. Do chỉ có một cuộc đời hữu hạn, tôi không muốn lãng phí bốn mươi năm để cố gắng trở thành người hôn giỏi như Brad Pitt. Hay tệ hơn, *cứ lưỡng lự với ý nghĩ* có nên cố gắng trở thành người giỏi hôn như Brad Pitt

không. Bởi trong khi tôi còn đang lưỡng lự thì đồng hồ cú điểm. *Tích, tắc, tích, tắc. Đó là câu trả lời cuối của anh sao?*

---

### JUST DO IT

Chính tình thế tiến thoái lưỡng nan này đã khiến những nhà hiện sinh chủ nghĩa thời hiện đại, những thương nhân của tập đoàn Nike tạo ra khẩu hiệu thương mại - cú nhảy bằng niềm tin của họ: Just Do It! (Cứ hành động đi!)

Nhưng ở châu Phi, các cộng sự của hãng Nike đã vấp phải rào cản văn hóa. Khi quay phim quảng cáo cho những đôi giày đi bộ đường trường ở Kenya, họ mời người dân bộ lạc Samburu vào vai. Ống kính máy quay chiếu cận cảnh một người Samburu đang ngâm nga gì đó bằng thứ ngôn ngữ Masai cùng lúc với khẩu hiệu "Just Do It" nhấp nháy trên màn hình. Khi phim được chiếu trên truyền hình Mỹ, một nhà nhân loại học từ Đại học Cincinatti thấy hóa ra anh chàng Samburu đang phàn nàn: "Tôi không muốn đôi này! Tôi muốn đôi to kia!"

Người phát ngôn của Nike bối rối thừa nhận rằng họ khó tìm được cách diễn đạt bằng tiếng Masai tương đồng với "Just Do It", nên đã để anh chàng thổ dân nói gì tùy ý trong đoạn phim. Tuy nhiên, xét từ quan điểm kiểu Kierkegaard, anh chàng thổ dân kia chính là ví dụ điển hình về một con người kiên định với lựa chọn của bản thân.

---

*Oài!* Áp lực chịu trách nhiệm cho một đời sống hữu hạn đủ khiến người ta phát điên. Và theo Kierkegaard,

những thứ đánh đổ như Tôi-là-ai và Tôi-có-thể-là-ai có thể khiến chúng ta lo âu quá mức, thậm chí rơi vào trạng thái tâm thần phân liệt, giống như một người đến gặp bác sĩ tâm thần và nói, "Tôi gặp rắc rối với vấn đề nhân dạng... và tôi cũng vậy."

Một cách hấp dẫn để ra khỏi địa ngục hiện sinh tràn ngập những lựa chọn sẽ-là-ai của Kierkegaard là *dừng hành động*. Để tránh nỗi sợ phải đương đầu với quá nhiều khả năng, tôi hoàn toàn cách ly mình trước thế giới.

Và nỗi lo về sự chết quay trở lại:

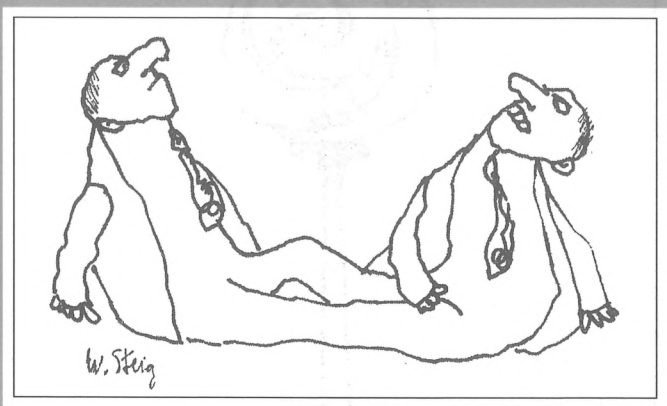
Đầu tiên tôi làm mình tê liệt. Xem ra đây có vẻ là cách không tồi để chống chọi nỗi lo âu, và trong ngắn hạn thì quả là như vậy. Nhưng bây giờ, tôi đang cảm thấy mình cô độc, không gia đình, không bạn bè, không con chó Moïshe của tôi, xe cút cò John Deere, Hội Hiệp sĩ Columbus<sup>(1)</sup>. Và dường như không có đường trở lại! Tôi không thể thoát thân. Tôi không thể "Just do it!" khi mà chiến lược của tôi là không làm gì cả. Cái cách trốn tránh nỗi sợ thiếu năng lực của tôi lại khiến tôi cảm thấy mình thiếu năng lực hơn. Quay lại cái lúc tôi cảm thấy tệ hại vì không phải người hôn giỏi như Brad Pitt ư? Quả là những ngày xưa tươi đẹp, chết tiệt thật! Từ khi bị tê liệt, tôi không cảm thấy mình có đủ sinh lực để là một *con người*, còn nói gì đến là một người hôn giỏi.

Nhưng cho đến giờ tôi vẫn không thôi cảm thấy nỗi đau vì *tôi là tôi*. Tôi chỉ còn lại hai lối thoát: thường xuyên xoa dịu nỗi đau - bằng cách xoi vô tội vạ mấy món chúa

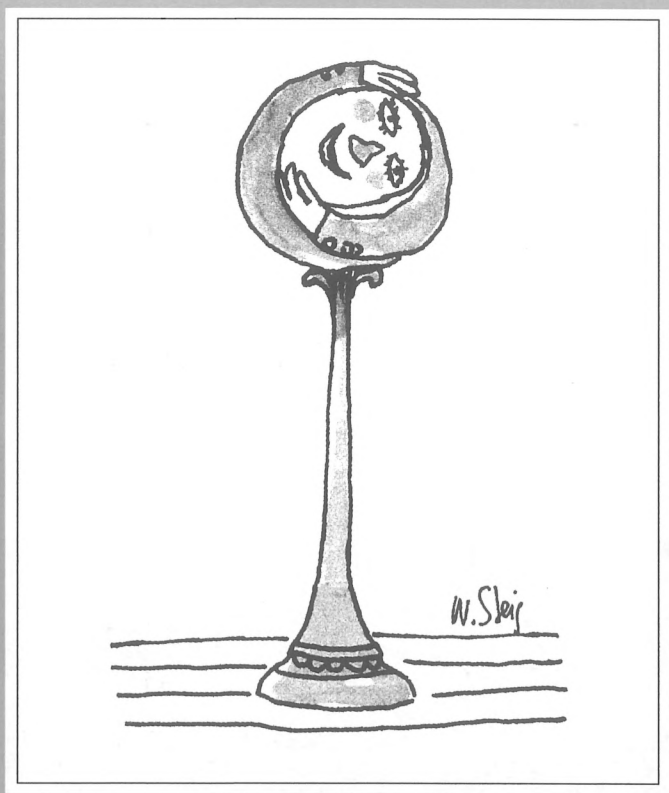
---

1. "Những hiệp sĩ của Columbus", Hội Thiên Chúa giáo với trụ sở chính ở bang Connecticut, Mỹ, từ chỗ là một hiệp hội tương hỗ nhằm giúp người Thiên Chúa giáo nhập cư thu nhập thấp đã phát triển thành một tổ chức chuyên về hoạt động từ thiện, thúc đẩy giáo dục Thiên Chúa giáo và bảo vệ Thiên Chúa giáo ở nhiều quốc gia. (ND)





*Chạy đâu cho thoát được cái tôi*



*Điều quan tâm lớn nhất của một con người  
chính là cái tôi của anh ta*

chất béo không bão hòa chẳng hạn - hoặc thử áp dụng chiêu trò tránh né nào đó.

## NHỮNG CHIÊU TRÒ TRÁNH NÉ LÁU CÁ

Đây là một công thức cứu nguy có hình thức xem chừng hứa hẹn. Søren nói: *hãy ở bên trong bản thân, nhưng biến điều đó thành một phẩm chất!*

Chúng ta hãy một lần nữa nhìn vào nỗi sợ chết của mình:

Đại loại là, tôi ý thức được sự hữu hạn của mình rõ ràng kinh khủng. Tôi thấy cả một bức tranh lớn, và tôi không bận tâm tới chi tiết. Cuộc sống là một cuộc điều hành, và ở đây tôi có chỗ tốt. Và, Chúa ơi, cảm giác *không* dự phần vào cuộc điều hành thật tuyệt. Giờ tôi đi tới những buổi gặp của Hội Hiệp sĩ Columbus, nhưng tôi giữ một khoảng cách mĩa mai nhất định. Tự nhiên tôi thấy điều này hơi ngộ nghĩnh.

Thế thì tại sao, anh có thể bắn khoăn, khi mặt trời còn chưa lặn mà tôi gọi ly Martini thứ ba?<sup>(1)</sup>

Và đây là một cách ranh mãnh khác để thoát khỏi nỗi tuyệt vọng của Søren: *buông mình vào những cái tầm phào trong cuộc sống, để cái tôi khuây khỏa khi cuốn theo những vụn vặt đời thường. Pas de problème!*<sup>(2)</sup>

Và cái giọng âu lo lại cất lên:

Tôi đang cảm thấy thực sự ổn. Điện thoại BlackBerry của tôi đã được sạc đầy. Mỗi khoảnh khắc trong ngày đều được tính đến: 6:00-6:15, cà phê latte lần thứ nhất; 6:15-

---

1. Vẫn chưa ra khỏi tâm trạng ủ dột. (ND)

2. "Không thành vấn đề!". (ND)

6:45, công việc buồn tẻ hằng ngày; 6:45-7:00, email và Facebook; 7:00-8:00, vừa lái xe đến chỗ trị liệu vừa nghe các bài giảng của Deepak<sup>(1)</sup> trong băng; 8:00-8:50, cùng với nhà trị liệu tâm thần học, bác sĩ Gonzales, đào sâu vấn đề tính quyết đoán của tôi; 9:00, ngồi vào bàn làm việc và kiểm tra hộp thư...

Ô hô! Một cuộc sống trọn vẹn! Một vòng quay ngựa gỗ 24/7.

Nhưng khoan! Cái gì trong kính chiếu hậu của tôi vậy. Trông như một gã mặc áo choàng tẩm màu đen cuỡi một con ngựa xanh xám. Một cảnh sát đang cuỡi ngựa ngoài giờ làm việc? Ôi trời, đích thị là quý ngài C.<sup>(2)</sup> Lạ thật, ông ta không có mặt trong thời gian biểu cài đặt trong chiếc BlackBerry của tôi.

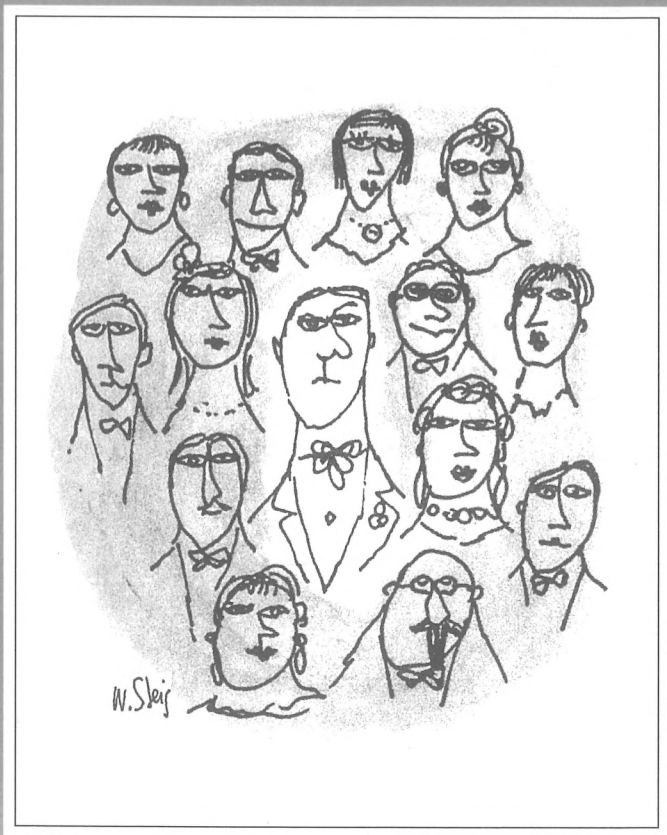
Thêm một chiến lược để trốn nỗi sợ của Kierkegaard: *Dùng cảm tự xây dựng con người mình. Sáng tạo nên một cái gì đó từ chính “cái tôi”*.

Hãy chất đầy chiếc bàn nhỏ đầu giường ngủ những cuốn sách tự cứu mình của Wayne Dyer, Eckart Tolle, Marianne Williamson. Hãy suy nghĩ tích cực! Hãy dám mơ những điều không tưởng! Hãy nghĩ đến những mục tiêu lớn! Hãy tận dụng sức mạnh bí ẩn của luật hấp dẫn! Và khi đó cuộc đời ta sẽ có ý nghĩa, ý nghĩa ấy sẽ chiến thắng cái chết. Ta sẽ bất tử. Giống như Lawrence Luellen<sup>(3)</sup> - một cái tên bất tử.

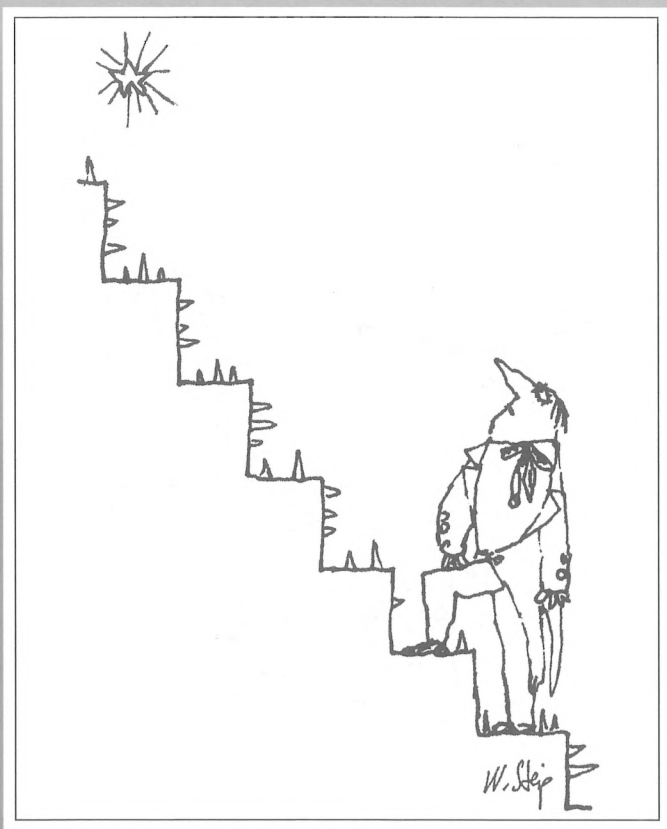
1. Deepak Chopra, diễn giả, tác giả có nhiều sách bán chạy của Mỹ, một nhân vật ủng hộ y học thay thế và những hình thức điều trị bằng tâm linh. (ND)

2. Thần Chết, thứ không nằm trong kế hoạch. (ND)

3. Còn được gọi là “Larry”. (ND)



*Cái tôi trong một bức hình tập thể*



*Cái tôi là thứ được trau dồi*

*Anh không nhớ Larry à? Người phát minh ra ly giấy Dixie Cup đó?*

Lily Tomlin chỉ ra một trong những vấn đề thực tiễn của việc cố gắng tạo ra một cái gì đó từ chính mình:

**Tôi đã luôn muốn trở thành một ai đó. Giờ tôi thấy đáng ra mình nên nói cụ thể hơn.**

*Vậy nên, Daryl, có lẽ ông đang nghĩ sẽ thế nào nếu ông thấy mọi thứ rối loạn? Sẽ thế nào nếu ông có quá nhiều chiến lược sống đang loại trừ lẫn nhau, đến nỗi gần như chẳng khi nào ông biết mình là ai? Đại khái như, sẽ thế nào nếu ông vừa hưng cảm vừa trầm cảm? Như một người mắc chứng hưng trầm cảm đi nghỉ và gửi cho bác sĩ tâm thần của mình bức thư ngắn: "Tôi đang rất vui. Giá mà chết quách đi được!"*

*Không, tôi không hề nghĩ vậy. Tôi vẫn nghĩ cái gã Kierkegaard này - là món bánh quy Đan Mạch mà người ta còn thiếu khi dùng một tách cà phê. Hơn nữa, ông ta đang làm tôi trầm cảm chết đi được.*

*Thôi được, Daryl! Vậy đây là Câu Trả Lời Cuối Cùng - lập luận chính của Søren.*

Có một lối thoát để không đi vào ngõ cụt của trạng thái tự biến mình thành vô cảm, của cô độc giam cầm trong duy ngã luận, bận rộn hiện sinh, hay đề cao tự ngã. Nhưng, chúng tôi phải cảnh báo ông, đó không hẳn là cuộc dạo chơi trong công viên đâu.

*Bản thân nỗi sợ chính là lối thoát! Khá hấp dẫn, phải không Daryl? Chỉ khi dám trải nghiệm toàn bộ nỗi âu lo vì biết rằng cuộc đời không vĩnh viễn, chúng ta mới có thể trải nghiệm siêu việt và chạm đến cái vô hạn. Nếu theo*

hình thức loại suy của tâm lý học cấu trúc hình thức<sup>(1)</sup>, phi-hiện-hữu là nền tảng cần thiết cho Hiện-hữu để chúng ta có thể nhận thức nó. Chỉ khi sẵn sàng buông bỏ mọi ảo tưởng, thừa nhận rằng mình lạc đường, vô vọng và khiếp sợ, chúng ta mới được giải phóng khỏi chính mình và những an tâm giả tạo của bản thân, sẵn sàng cho cái mà Kierkegaard gọi là “cú nhảy bằng niềm tin”.

Thật khó mà kiềm chế để không kể thêm lần nữa câu chuyện cũ hay ho này<sup>(2)</sup>. (Quả là ma xui quỷ khiến!) Câu chuyện biểu đạt một cách hoàn hảo luận đề của Kierkegaard về sự sẵn sàng của một con người muốn thực hiện cú nhảy bằng niềm tin.

Một người trượt chân rơi xuống giếng sâu, lao thẳng đến mấy chục mét mới dừng lại nhờ níu được vào một đoạn rễ cây nhỏ. Nhưng bàn tay nắm đoạn rễ cứ yếu dần, yếu dần, anh ta tuyệt vọng kêu lên, “Có ai ở trên đó không?”

Anh ta nhìn lên, chỉ thấy một mảnh trời tròn. Đột nhiên, những đám mây rẽ ra, rồi một tia sáng chói lòa chiếu thẳng xuống anh ta. Một giọng trầm sâu rền vang, “Ta, Đức Chúa Trời đây. Con hãy buông tay khỏi cái rễ cây, ta sẽ cứu.”

Anh chàng hoạn nạn thoáng nghĩ trong tích tắc rồi gào lên: “Có ai khác ở trên đó không?”

*Thế nào, Daryl, Kierkegaard đã lý giải được với ông sợ chết nghĩa là thế nào chưa? Daryl? Daryl? Ông ta biến đi đằng nào rồi?*

---

1. Tâm lý học Gestalt, một cách tiếp cận chính thể luận đầu thế kỷ 20 đến ý thức con người, cho rằng đầu óc của chúng ta đi tìm ý nghĩa trong thông tin giác quan bằng cách phân biệt dữ liệu có ý nghĩa với phần nền. Kiểu như, “Có bộ tóc giả trong bát mì Ý kia. Không phải là một búi những xoắn xuýt ngẫu nhiên đâu”.

2. Chuyện đã kể trong cuốn *Plato và con thú mở vạt bước vào quán bar*, sách của cùng tác giả. (ND)



### Chương 3

## CÁI CHẾT - CON ĐƯỜNG BUỘC PHẢI ĐI!

Quá tệ vì Daryl không có mặt ở đây, chúng tôi đang có vài tin tốt lành cho ông ấy. Những tin này xuất phát trực tiếp từ triết gia người Đức thế kỷ 19, Arthur Schopenhauer. Với Artie, hoàn toàn không có lý do gì để lo lắng về cái chết. Bởi vì chết là mục đích và ý định cốt lõi của cuộc sống. Tựa như là sự thỏa mãn tối hậu!

*Hả? Chuyện hoang tưởng điên rồ gì đây?*

*A, ông đây rồi, Daryl, cuộn tròn như một bào thai dưới hiên nhà. Xem nào, hãy hít một hơi sâu vào, ông bạn. Chúng tôi biết đây không phải câu trả lời ông đang mong đợi. Thoạt nhìn, nó thực rất giống trấn an, nhưng với cụ Schopenhauer thì cần phải có thời gian tìm hiểu.*

Hóa ra, trong đầu cụ Schop quả thực đã có vài ý tưởng thú vị về cái chết. Chẳng hạn ông cho rằng cuộc sống là một quá trình liên tục chết. Quá khứ khi ta thực sự nghĩ về nó, là một nhà kho tồn lưu những cái chết, một đống sự kiện không-còn-tồn-tại-nữa - mãi mãi đã mất, không thể phục hồi, chết cứng như cây đinh sắt (hoặc như con sóc chuột, tùy vào việc ông đang ở đâu khi lựa chọn vật thể so sánh). Artie đảo ngược câu cách ngôn êm tai xưa cũ "Hôm nay là ngày sống đầu tiên trong phần đời

còn lại của bạn” thành “Hôm nay là ngày cuối cùng thuộc cái chết của bạn, cho đến lúc này.”

### QUÁ KHỨ NHƯ HIỆN TẠI

Nhưng cụ Schopey nói, chúng ta bám víu cuộc sống vì có một cái “ý-chí-sống” lầm lạc, đối nghịch những lợi ích tốt nhất của chúng ta, khiến chúng ta không trân trọng vận mệnh đích thực của mình là chết. Chính những quan điểm thế này đã khiến Schopenhauer không được mời đến Oktoberfests<sup>(1)</sup>.

---

#### Ý CHÍ SỐNG LẦM LẠC TRONG XÃ LIM TÙ TÙ

Một người Ý, một người Pháp và một người Mỹ sắp bị hành hình. Họ được thông báo có thể muốn gì được nấy trong bữa ăn cuối cùng.

Tony bày tỏ nguyện vọng, “Một tô mì xốt ngao thật lớn!” Anh thưởng thức món mì và bị hành hình đúng giờ.

Tiếp theo, đến lượt Pierre. “Một bát xúp cá nóng sốt thật ngon!” Anh múc từng muỗng xúp cá đầy ắp để thưởng thức, rồi bị hành hình.

Cuối cùng đến lượt Bill. Anh nghĩ một phút, rồi nói, “Tôi muốn một bát lớn đầy dâu tây tươi thơm ngọt!”

“Dâu tây á?” viên cai ngục thốt lên. “Lúc này dâu phải mùa dâu.”

“Không sao. Tôi đợi được.”

---

1. Hội chợ vui chơi tổ chức hằng năm ở Munich, Đức. (ND)



*“Mình tuổi bốn mươi. Ta sẽ lấy đi vẻ tròn trịa của cơ bắp cánh tay người, âm sắc thanh thanh nữ tính trong giọng nói của người, khả năng chịu đựng caffeine và ăn khoai tây chiên đáng kinh ngạc của người. Những thứ khác người có thể giữ lại.”*

*Dừng một phút đi, các ông bạn! Schopenhauer gọi tình yêu cuộc sống của tôi là “ý-chí-sống lầm lạc” ư? Tôi nói cho mà biết: chính ông ta mới là lầm lạc! Ông ta là miếng thịt cốt-lết chiên không tẩm bột, còn các ông thì nhắm mắt xoi.*

*Bình tĩnh nào, Daryl. Cần phải có nhận thức cởi mở. Chắc chắn Schopey luôn giữ quan điểm triết học bất thường về mọi sự. Và không thể chối cãi một thực tế rằng ông ta là một ca mắc Weltschmerz vô phương cứu. Nhưng nếu muốn nâng cao tinh thần, sao ông không đi xem Extreme Makeover<sup>(1)</sup> nhỉ?*

Thật ra, Schopenhauer còn tiếp tục tự trấn an bằng một liều thuốc giảm đau thậm chí cao hơn. Ông ta tuyên bố cái chết là sự giải thoát đáng ước ao khỏi cuộc sống. Ông ta trích dẫn Lord Byron<sup>(2)</sup> như một người đồng chí hướng của mình trong sự khinh thường những vui thú nghèo nàn của cuộc sống:

Hãy đếm hết những niềm vui anh đã trải qua,  
 Hãy đếm hết những ngày không thống khổ,  
 Để biết rằng, dù anh đã sống thế nào,  
 Thì tốt hơn cũng thà đừng đã sống.

Có lúc, Schopenhauer thậm chí đi xa đến mức kết luận rằng, nghĩ đến những cay đắng của cuộc đời mới thấy *thà rằng đừng sống còn hơn!*

Hai ông lão Sam và Joe ngồi trò chuyện trên ghế dài ở công viên.

1. Chương trình truyền hình của đài ABC, trong đó những cá nhân tình nguyện tham gia sẽ được Hollywood làm thay đổi hoàn toàn diện mạo. (ND)

2. George Gordon Byron (1788-1824), thi sĩ người Anh, nhân vật hàng đầu trong trào lưu lãng mạn. (ND)

Sam nói: “Ôi, cả cuộc đời tôi chỉ toàn rắc rối này đến rắc rối khác. Làm ăn phá sản, vợ bệnh, con hư đốn trộm cắp. Lắm lúc nghĩ chết có khi lại tốt hơn.”

Joe: “Tôi biết ông muốn nói gì, Sam ạ.”

Sam: “Mà tốt hơn nữa, tôi chỉ ước giá mình đừng bao giờ được sinh ra.”

Joe: “Đúng thế đấy ông bạn ạ, nhưng làm gì có ai may mắn như vậy chứ? Vạn người có một chẳng?”

Nhưng đợi chút - Schopenhauer vẫn luôn khẳng định rằng mình không phải con người bi quan. Không nên vì ông ta nói cuộc đời là một nguồn gốc khổ ải và thất vọng không ngừng mà chúng ta nhảy ngay đến kết luận rằng ông ta thuộc kiểu triết học Cuộc-đời-khốn-kiếp-thế-rồi-ta-chết.

*Au contraire*<sup>(1)</sup>, ông ta là Phật tử thì đúng hơn là một người bi quan. Ông ta đã đọc các bản dịch kinh sách Phật giáo thời kỳ đầu của châu Âu, và đồng ý với Đức Phật rằng đời là bể khổ. Nhưng, cũng giống như Đức Phật, ông không nghĩ điều đó quan trọng, vì thế giới phàm tục chỉ là ảo tưởng. Thứ duy nhất *thật sự* được ông gọi là “Ý chí” [Will], chính là cái Thế Lực mù quáng, phi lý và vô mục đích mà tất cả đang bám víu vào. Tóm lại, có gì phải bi quan? Vì tất cả những thứ làm chúng ta thất vọng thực ra chỉ là ảo.

Theo Schopenhauer, rắc rối của cuộc đời trong thế giới ảo tưởng này nằm ở chỗ ý chí *cá nhân* tách rời Ý chí *siêu việt* (Ý chí với chữ Y viết hoa) và bắt đầu có đời sống

---

1. “Mà ngược lại”, cách diễn đạt kiểu Pháp với ý nghĩa hài hước. (ND)

riêng của nó. Vừa thoát ra khỏi kén, nó lập tức bị dính mắc vào những hư ảo của thế giới thường nhật. Theo Schopenhauer, mọi thứ đều là hư ảo, từ mục tiêu nghề nghiệp, lòng yêu nước, sự kiên tín đối với tôn giáo riêng... Đây là những dính mắc khiến ý chí cá nhân *của tôi* va chạm với ý chí cá nhân *của anh*, và cội nguồn mọi khổ ải trên đời đều ở đó.

Đĩ nhiên, một trong những bấp bấn lớn nhất của chúng ta là sự tồn tại liên tục của mình: chúng ta sở hữu ý-chí-sống điên cuồng này. Chúng ta có thể trở thành kẻ tự hủy hoại đến mức nào, hỡi Daryl? Khát vọng sống chỉ khiến chúng ta đau khổ hơn! Nên chúng ta cần buông bỏ, buông xuôi bản thân trước sự phù phiếm của thế giới hiện tượng, chấp nhận thực tế rằng cả cuộc sống và cái chết đều không thật.

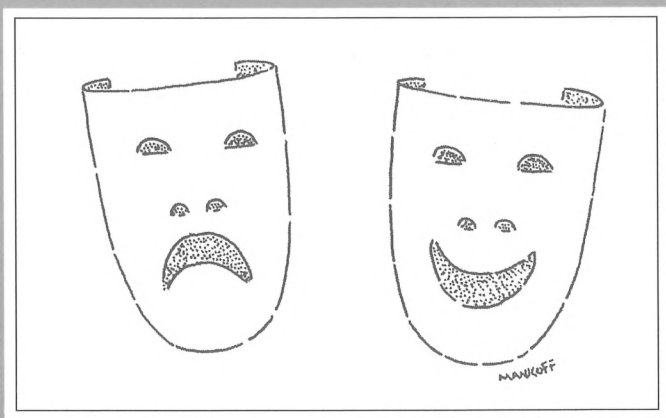
Ông vẫn chưa bị thuyết phục rằng Schopenhauer không phải một tay bi quan sao? Đó là bởi vì ông chưa biết đến tin tốt lành này: Ý chí tự thân không bao giờ chết! Đối với nó không tồn tại “sự kiện chết”, vì các sự kiện chỉ diễn ra trong thế giới hiện tượng. Ý chí (chữ Y viết hoa) là bất hoại.

*Hết buồn chưa, Daryl?*

*Thực ra chúng tôi đã cảm thấy khá hơn một chút rồi đó, Daryl. Đại loại vậy. Có vẻ như chúng tôi đã nắm được cách tiếp cận Cuộc Sống và Cái Chết gần như huyền bí này. Ít nhất là vào Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Bảy. Chỉ vào những ngày kia thì nghe mới có vẻ điên rồ.*

Trong suốt toàn bộ lịch sử của triết học, các nhà tư tưởng đã cố gắng tìm ra mối liên hệ giữa Hiện hữu và Phi hiện hữu, cuộc sống và cái chết. Những nguyên tắc cơ bản này vượt quá tầm trí não. Nhưng có những

ĐỐI THOẠI: DARYL VÀ SCHOPENHAUER



*"Tôi không hiểu."*

*"Ông không bao giờ hiểu."*

ngày, khi chúng ta trải qua rất nhiều ngạc nhiên và kính sợ, chúng ta có thể cảm nhận được ý nghĩa của chúng, và trong những ngày ấy, chúng ta thấy “một cách mơ hồ thông qua gương”<sup>(1)</sup> rằng không thể có Hiện-hữu mà không có Phi-hiện-hữu hoặc ngược lại. Hơn nữa, Hiện-hữu và Phi-hiện-hữu luôn ở thế căng thẳng đối nghịch. Đó là Cuộc Chiến Vũ Trụ cơ bản. Nên nếu trong cuộc chiến này Schopenhauer ở phe Hiện-hữu mà ông gọi là “Ý chí” - thì nói cho cùng, có lẽ ông chỉ đơn giản là một gã lạc quan kỳ quái nào đó thôi.

---

1. “Một cái nhìn không hoàn hảo về thực tại” (“through a glass darkly”). Câu nói trong Kinh Thánh của Tông đồ Paul. (ND)



## Chương 4

### HEIDEGGERTY-DOG, ZIGGITY-BOOM: SAO ÔNG LÀM THẾ VỚI TÔI?

*Hãy nghe cho rõ, Daryl. Vì người tiếp theo sẽ dùng từ rất kỳ quặc.*

Triết gia hiện sinh chủ nghĩa người Đức thế kỷ 20 Martin Heidegger có lẽ là triết gia hiện đại được trích dẫn nhiều nhất về đề tài cái chết. Kinh khủng! Nếu chúng ta hiểu được ông ta nói gì.

Để tư duy về Hiện-hữu [Being] một cách rõ ràng thì cần đưa cái nhìn thoát khỏi Hiện-hữu, đến chừng nào nó được soi sáng và diễn giải chỉ dựa trên hiện tượng [beings], và làm nền tảng cho hiện tượng, giống như trong mọi môn siêu hình [metaphysics]<sup>(1)</sup>.

Ông hiểu không? Chúng tôi đặc biệt thích cái dòng chèn thêm ở cuối của ông ấy, “giống như trong mọi môn siêu hình”. Đây là một đoạn khác:

---

1. Martin Heidegger, *Về thời gian và hiện hữu* (Chicago: University of Chicago Press, 2002), tr. 6.

Thời gian không phải là vật, nên không là cái gì *hiện hữu*, nhưng nó vẫn bất biến trong dòng trôi liên tục của nó, không là thứ gì đó *theo thời gian* [temporal] như những hiện tượng trong thời gian<sup>(1)</sup>.

Chúng ta có thể nói gì thêm được? Ngoại trừ hy vọng triết lý của ông sẽ dễ hiểu hơn trong tiếng Đức, một đề xuất có vẻ được ông ngụ ý trong một trích dẫn khác:

Tiếng Đức nói ra Hiện-hữu, trong khi mọi thứ tiếng khác chỉ đơn thuần nói về Hiện-hữu<sup>(2)</sup>.

Nhưng rồi một lần nữa, ông được người ta nhớ tới vì phát biểu:

Khiến triết học trở nên dễ hiểu là tự sát đối với triết học<sup>(3)</sup>.

Cám ơn vì điều đó, Marty. Ông đã trả lại cho chúng tôi lòng tự tôn.

*Chúng ta cần mọi sự giúp đỡ có thể có đây, Daryl. Ông có hiểu được chút nào từ những gì ông ta nói không?*

*Hả?*

Không có gì kỳ quặc khi Heidegger đóng vai trò

1. Martin Heidegger, *Về thời gian và hiện hữu* (Chicago: University of Chicago Press, 2002), tr. 6.

2. Trích Frank Kermode, *Một khai vị cho thi ca: Những thử nghiệm trong diễn dịch văn học* (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1989), phần mở đầu.

3. Martin Heidegger, *Những đóng góp cho triết học* (Bloomington: Indiana University Press, 1999).

nổi bật như vậy trong triết học đương đại về cái chết, và không phải chỉ vì tuyệt tác *Hiện hữu và thời gian* của ông là sự tiếp cận hiện sinh về trải nghiệm cận tử. Không, đóng góp lớn của Heidegger trong triết học về Chết là lời kêu gọi hãy đối mặt với cái chết để sống đích thực - sống chân thật và hiểu bản chất cuộc sống thật sự là gì. Nếu không ý thức về cái chết, chúng ta chỉ sống nửa vời. Theo một học giả, Marty thực ra diễn đạt điều này rất rõ:

Nếu tôi đưa cái chết vào cuộc sống của mình, thừa nhận nó, dứt khoát đối mặt với nó, tôi sẽ giải thoát bản thân khỏi nỗi âu lo về cái chết và những vụn vặt của đời sống - và chỉ khi ấy tôi mới tự do trở thành chính mình<sup>(1)</sup>.

Heidi nhấn mạnh vào sự thật rằng chỉ có con người mới ý thức mình sẽ chết, còn con mèo thì không. Con mèo có thể cào và cắn xé để không bị con chó Moishe của tôi xoi tái, nhưng nó *không ý thức* về cái Đại Không đang chờ đợi nó nếu Moishe thắng. Nhận thức về cái chết bởi vậy là tính chất độc nhất và căn bản xác định vị trí của con người trong thế giới.

Nhưng phần lớn chúng ta thành công trong việc kiềm chế và làm mờ nhận thức này. Chúng ta sống trong sự *phủ nhận cái chết*, và theo ý kiến của Heidegger, đó không hề là sống. Chúng ta không thể sống một cách trọn vẹn trừ phi ý thức được cái chết sẽ đến. Hãy xem một nữ hoàng phủ nhận đích thực:

---

1. T. Z. Lavine, *Từ Socrates đến Sartre: Sự truy cầu triết học* (New York: Bantam, 1985), tr. 332.

Một vị linh mục cảnh báo các giáo dân trong buổi lễ nhà thờ về sự đột ngột của cái chết. “Sắp tới đây,” ông lớn tiếng, “có người trong xứ đạo này sẽ từ trần.”

Lập tức trên hàng ghế đầu có một cụ bà Ireland nhỏ bé phá lên cười.

Vị linh mục bực mình lắm: “Có gì đáng cười vậy?”

“À!” cụ bà Ireland đáp, “con không phải giáo dân của xứ đạo này, thưa cha.”

## MEMENTO MORI - VŨ KHÍ TỐI HẬU

### CHỐNG LẠI SỰ PHỦ NHẬN

*Memento mori* là một lối nói lặp âm đầu dễ nhớ và là một phổ biến khi người ta vẫn còn nói tiếng Latin ở Rome. Cả hai chúng tôi đều thi trượt tiếng Latin giao tiếp, nhưng cũng biết rằng nó có nghĩa là “Hãy nhớ rằng anh sẽ chết!” hay dịch sang lối nói hiện đại hơn, “Hãy nhớ mày sẽ chết, thằng khốn à!”

Thời cổ, câu này được một cậu bé nô lệ nhắc đi nhắc lại trong lúc bước theo sau một vị anh hùng chiến trận đang trở về trên những con đường thành Rome trong cuộc diễu hành mừng chiến thắng. Nó nhắc nhở người ta rằng: “Hay lắm, hôm nay anh đứng trên đỉnh cao chiến thắng, nhưng giống như tất cả chúng tôi, sẽ có ngày anh trở thành mồi cho giun đất!” Là một cái Máy Cào Bằng vĩ đại, *memento mori* vốn luôn có nhiều sức nặng hơn những lối nói kiểu: “Đó, ông ta vẫn phải kéo bít tất lên vào buổi sáng thôi,” hay “Ờ, cho dù là Nữ hoàng thì cũng phải ngồi khi đi vệ sinh.”



*“Ơn Chúa, ông đây rồi - thú thực tôi chẳng thể nào hoàn thành được bất cứ việc gì nếu chưa đến hạn chót.”*

Trong những hoàn cảnh khác và ở những thời đại khác, M.M. thường được hiểu như một *aide-mémoire*, lời nhắc nhở hãy tận hưởng khoảnh khắc hiện tại, để “ăn và uống, bởi ngày mai chúng ta sẽ chết” (như lời nhà tiên tri Isaiah), và trong các thời đại Cơ Đốc giáo, là lời răn hãy sống đức hạnh vì Ngày Phán Xét (Thứ Ba đầu tiên sau khi ông chết) đang gần kề.

Trong nghệ thuật, dù là hội họa, văn học hay âm nhạc, những hình ảnh *memento mori* cũng có cùng mục đích nhắc nhở như vậy. Hãy nhớ tới bức tranh *Chàng trẻ tuổi với sọ người* của Frans Hals hay *Vũ điệu Thần Chết* của Holbien (những bộ xương nhảy *hokey pokey*<sup>(1)</sup> trên một nấm mồ); cuộc chuyện trò của Hamlet với chiếc sọ của Yorick, và *Danse Macabre* của Saint-Saëns. Và cuối cùng là tác phẩm nghệ thuật sắp đặt mà mãi đến gần đây còn chào đón khách hàng tại nghĩa địa xe hơi của Jones ở Great Barrington, Massachusetts: một bộ xương mặc quần áo đặt trong hòm kính với dòng chữ khắc: “Bạn đang là thế nào thì tôi cũng đã từng như thế; giờ tôi đang là thế nào thì bạn cũng sẽ là như thế.”

Vậy thôi cũng đủ rợn cả người.

Thôi được, cứ phủ nhận cái chết là không ổn - vụ này thì chúng tôi hiểu, đại loại vậy. Nhưng hãy cho Heidegger cơ hội được phát triển tư tưởng của ông ấy xa thêm. Ông

1. Điệu nhảy vòng tròn, lúc lắc tay chân theo nhịp một khúc ca đơn giản. (ND)

kiên quyết cho rằng thay vì can thiệp vào cuộc sống, nỗi sợ hãi âu lo vì lương trước được cái chết đem lại cho người ta “niềm vui không gì dập tắt nổi”.

*Từ từ! Các ông lại nói những nói cuối gì thế! Có đúng là ông ta đã nói, “Hay quá, hay quá, ta sẽ vĩnh viễn không còn tồn tại nữa - hu-ra!”?*

*Nói thật, Daryl ạ, Marty đúng là ngụ ý một điều gì đó rất thú vị đấy.*

Chẳng hạn thế này: Giả sử ông là Kevin Garnett và đây là trận thứ bảy trong loạt trận Chung kết NBA<sup>(1)</sup>. Ông sẽ chơi với cường độ vượt trội, dồi dào năng lượng, dồi dào *sức sống* hơn hẳn so với một trong những trận giữa mùa giải buồn thảm vào những tối thứ Năm ở Charlotte. Heidegger gọi những trận giữa mùa giải ấy là “chuyện thường ngày”, và xem như gánh nặng kéo lê tột độ. Hãy đổi mặt đi, Daryl ạ, cuộc sống này - bây giờ và tại đây, là trận bảy của loạt trận chung kết, và hạnh phúc xiết bao vì ta đang có mặt!

Với Heidegger, thông tin tồi tệ nhất là linh hồn của chúng ta bất tử. Như thế ta sẽ buộc phải chịu đựng cả cái chuỗi lê thê bất tận những trận đấu tối thứ Năm ở Charlotte.

---

### HEIDEGGER ĐI VÀO NHẠC ĐỒNG QUÊ

Lời giáo huấn luôn sống dưới bóng thần Chết của Heidegger đã tìm được sự cộng hưởng nơi nhiều nhà tư tưởng lỗi lạc. Mahatma Gandhi đã nói, “Hãy sống

---

1. NBA Finals là loạt trận định đoạt chức vô địch của giải bóng rổ nhà nghề Mỹ, và trận thứ bảy là trận cuối. (ND)

như thể ngày mai bạn sẽ chết. Hãy học như thể bạn sẽ sống mãi." Và không ai khác ngoài ngôi sao màn bạc chết yểu James Dean đã nói, "Hãy mơ như thể bạn sẽ sống mãi. Hãy sống như thể bạn sẽ chết hôm nay."

Nhưng phiên bản mà chúng tôi ưa thích lại nằm trong lời bài hát đồng quê của Tim McGraw, một ca khúc miền Tây được nhiều người say mê, "Hãy sống như thể bạn sắp lìa đời." Khúc nhạc kể câu chuyện một người đàn ông ở tuổi bốn mươi, được bác sĩ chẩn đoán chỉ còn sống một thời gian rất ngắn nữa. Trong đoạn điệp khúc, người đàn ông nói với bạn:

Tôi đã nhảy dù, đã liệng giữa trời cao  
 Tôi đã leo những vách núi cheo leo  
 Tôi đã cười 2,7 giây trên lưng chú trâu  
 Fumanchu  
 Tôi đã yêu sâu sắc hơn, đã nói ngọt ngào hơn  
 Tôi đã tha thứ những điều mà xưa không hề  
 tha thứ  
 Rồi anh nói, Một ngày nào đó, tôi hy vọng bạn có  
 cơ hội  
 Sống như thể bạn sắp lìa đời.

---

## HEIDEGGER ĐI VÀO HOLLYWOOD

Trong phim hài *The Bucket List* (Danh sách những việc phải làm) của Rob Reiner, hai người 60 tuổi bệnh sắp chết rời bỏ khu điều trị ung thư để hoàn thành danh sách những thứ phải-làm-trước-khi-chết của họ. Danh sách bao gồm xăm mình, thăm Vạn Lý



Trường Thành của Trung Quốc, lái xe đua, nhảy dù lượn (có vẻ là một hoạt động trong danh sách những việc cần làm cuối cùng của mọi người, trừ chúng tôi), leo núi Himalayas, và tìm người phụ nữ hoàn hảo. Trên hành trình của mình, hai người ngâm nga những điều minh triết mà họ thu nhận được khi đối mặt trực tiếp với cái chết, những thứ quý giá như “đừng bao giờ từ chối một nhà tắm, đừng bao giờ lãng phí một lần cương cứng, và đừng bao giờ tin một cú trung tiện.”

Ở đây không có thứ gì giống như những truy cầu tâm linh, mà là sống hào hứng bất chấp cái chết. Để chắc chắn, *The Bucket List* không xây dựng kịch bản về những người đang sống *như thể* họ sắp chết, mà họ *thực sự* sắp chết. Nhưng với Heidegger, không có gì khác biệt. Chúng ta *đều* sắp chết - chính xác *khi* nào chỉ là chơi chữ.

---

---

### CHƠI CHỮ

Bác sĩ: Tôi có một tin tốt và một tin xấu cho ông.

Bệnh nhân: Tin tốt là gì?

Bác sĩ: Các xét nghiệm đã làm cho kết luận ông còn sống được hai mươi tư giờ nữa.

Bệnh nhân: Đó là tin tốt ư? Thế tin xấu là gì?

Bác sĩ: Hôm qua tôi quên mất không gọi cho ông.

---

## CHƠI CHỮ, CHƠI CHỮ

Marty đến khám bệnh chỗ bác sĩ Lewis. Sau các xét nghiệm kỹ lưỡng, bác sĩ Lewis nói, "Tôi e rằng có tin xấu cho ông đấy, Marty. Ông chỉ còn sống sáu tháng nữa."

Marty chết lặng. Sau một hồi, ông mới thốt nên lời, "Quá tệ, bác sĩ ạ. Nhưng tôi phải thú nhận với ông là ngay lúc này tôi chưa thể thanh toán cho ông được."

"Không sao," bác sĩ Lewis đáp, "vậy tôi sẽ để ông sống thêm một năm nữa."

---

Triết gia hiện sinh người Pháp Jean-Paul Sartre đã đọc Heidegger (liền một mạch sáu ngày bên một bàn trong quán Les Deux Magots<sup>(1)</sup>, theo lời anh hầu bàn ở đó) và đã có kết luận riêng của mình về ý nghĩa hiện sinh của cái chết. Sartre quan niệm ý nghĩa của cái chết nằm ở chỗ "thông qua cái chết, cái *cho-chính-nó* bị biến đổi mãi mãi thành cái *trong-chính-nó*, một thứ đã hoàn toàn trượt vào quá khứ."<sup>(2)</sup>

Ông có câu hỏi nào không? Người Pháp vốn ăn nói lợt tai (*suaviloquent*) hơn nhiều so với đám còn lại chúng ta, chẳng phải thế sao? Thì ra cái "*cho-chính-mình*" là thuật ngữ của Sartre dùng để chỉ ý thức con người, ông nói rằng nó được gọi là "*cho-chính-mình*" vì không phải

---

1. Quán café ở Paris, từng có tiếng là nơi tụ tập của giới văn sĩ và tinh hoa của thành phố. (ND)

2. Jean-Paul Sartre, *Hiện hữu và hư vô*, trong Stephen Priest (biên soạn), *Các tác phẩm căn bản* (London: Routledge, 2001), tr. 167.

là một *vật*. Nếu là một vật, nó sẽ được gọi là cái “trong-chính-mình”.

*Sao mấy triết gia này không thể diễn đạt bằng thứ tiếng Anh đơn giản nhỉ?*

*Thứ nhất, Daryl ạ, vì Sartre là người Pháp.*

*Ờ, hừm, nghe có hơi hướng Bergère thiếu chút Folies đó<sup>(1)</sup>.*

Ngụ ý của Sartre là con người không có “bản chất”, không có một mục đích định sẵn, chẳng hạn như của một con vẹt cao su. “Trong chính họ”, con người là *không gì cả*; ngược lại, những con vẹt cao su rất là một thứ gì đó, như bất kỳ ai từng bị kẹt ba giờ trong một bồn tắm đều có thể xác nhận. Sartre cho rằng khác biệt căn bản giữa con người và mấy con vẹt là ở chỗ loài người chúng ta phát minh ra bản chất của mình bằng cách chọn trở thành thứ mình muốn. Dĩ nhiên có những khác biệt khác. Nhưng loài người chúng ta là *cho chính mình*, tự tạo ra bản thân, thay vì *trong chính mình*, được tạo ra vì một mục đích cố định.

Hoặc ít nhất chúng ta phải trở thành như thế - luôn tự do tái phát minh chính mình. Nhưng, than ôi, hầu hết chúng ta có cái thói quen muốn trở thành một *thứ* - không, không phải một thứ như cái bàn, cái đèn tường hay bồn tắm, mà là một thứ vai trò con người, kiểu như phân rã nhân dạng của chúng ta thành nghề nghiệp, quốc tịch hoặc danh tiếng trên sân golf. Bằng cách này, chúng ta lén vào trong cái giả, một kiểu thầy ma biết đi, giống như người hầu bàn của Sartre nghĩ rằng vai trò hầu bàn thực

---

1. Ở Paris có một nhà hát tên là Folies Bergère, một biểu tượng mạnh mẽ về người Pháp và đời sống Paris. Nhưng Folies cũng có nghĩa là những người rối loạn tâm lý. (ND)

sự xác định bản chất của anh ta. Đúng là gã *garçon*<sup>(1)</sup> ngớ ngẩn. Anh ta không thể thấy rằng khả năng tự do - khả năng vượt ra ngoài những gì anh ta đã trở thành - là luôn có đó.

Khả năng ấy luôn ở đó - chừng nào anh ta chưa *thật sự* chết. Ở điểm mốc đó, tất cả chúng ta đều trở thành *vật*. Khi ấy, chúng ta quả thực có một bản chất được định sẵn: hay nói cụ thể, bản chất của cái *thây* chết.

### ĐÁNH MẤT ĐỜI SỐNG-CHO-CHÍNH-MÌNH

**“Mấy con gà tây trong ngăn thức ăn đông lạnh của cô có vẻ nhỏ quá. Chúng không thể to hơn được à?”**

**“Không đâu, thưa bà, chúng chết rồi.”**

---

1. Người hầu bàn ở quán ăn. (ND)

## Chương 5

### HÃY LỰA CHỌN BẤT TỬ THEO KHẨU VỊ RIÊNG

*Nghe này, các ông bạn, đồng hồ đo nỗi sợ của tôi vừa nhảy lên cảnh báo đỏ, hay là tạm dừng một chút cho đỡ sợ? Chẳng hạn, gần đây các ông có nghe được truyện cười hay ho nào không?*

*Trời đất, Daryl này, chúng tôi không chắc các nhà hiện sinh liệu có tán thành việc dập tắt nỗi sợ trong khi nó đang lên quá cảnh báo đỏ hay không. Nhưng chúng tôi buộc phải đồng ý rằng nghỉ ngơi một chút chẳng hại gì. Chúng tôi sẽ điểm qua danh sách những phương pháp bất tử của Ernest Becker và dừng lại ở một phương pháp có khiếm khuyết quá hiển nhiên, nhưng vô tình lại hợp với dăm câu chuyện khôi hài ưa thích của chúng tôi. Chúng tôi đang nói về cái gọi là sự bất tử trong ký ức của hậu thế.*

Trước tiên là đôi lời từ các bậc thông thái:

**“Sao tôi phải quan tâm đến hậu thế? Hậu thế đã làm gì cho tôi chưa?”**

Đó là Groucho Marx. Còn đây là lý lẽ danh thép từ con trai đỡ đầu trong ngành triết học của ông, Woody Allen:

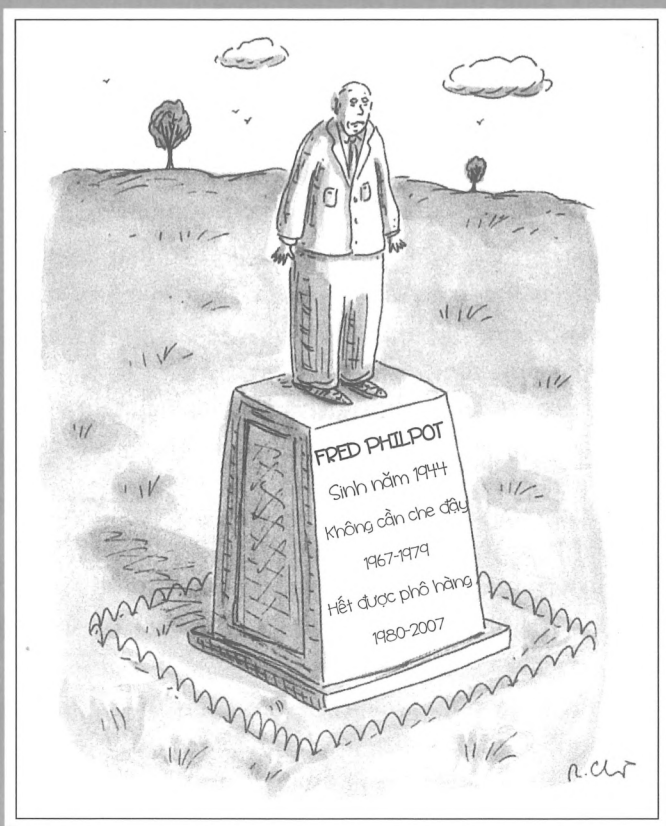
**“Tôi không muốn sống mãi trong trái tim các đồng bào của tôi; tôi muốn sống mãi trong căn nhà của tôi.”**

Mấu chốt trong những tuyên bố trên là, sống trong trái tim và tâm trí của hậu thế thì không đáp ứng tiêu chí quyết định mà hầu hết chúng ta ngụ ý trong hai chữ “bất tử”: ở đây không có chủ thể có ý thức vĩnh cửu. Ông có thể sống trong tâm trí người khác, nhưng sẽ không có một tâm trí của chính mình.

Nhưng một điều Becker quên đề cập - đó là sự tương đối thuận tiện của đời sống vĩnh cửu thông qua đài tưởng niệm. Không giống như đảm bảo cho ông một chỗ trên Thiên đường, tưởng niệm ở-trần-thế thân thiện với người dùng và có hạ tầng cơ sở sẵn sàng. Ngày nay, tưởng niệm chính mình là việc dễ dàng, chỉ cần tìm kiếm trên Google với những từ khóa “bức tượng trên lưng ngựa”, “Bayonne, NJ”.

Bức tượng to vật vờ của ông đặt giữa công viên luôn là một cách hay để được bất tử như vậy. Tất cả những gì ông cần làm chỉ là gọi một nhà điêu khắc và ký quỹ vài triệu đô la vào kết của thành phố. Một tòa nhà hoặc đại lộ mang tên ông cũng tác dụng tương tự. Một tiểu sử dài do giáo sư đại học Yale viết, với những bức hình và ba mươi trang chú thích cũng hay. Nhưng rủi thay lại có quá nhiều chỗ trống ngoài công viên, quá nhiều đại lộ, quá nhiều giáo sư Yale sẵn lòng đứng ra giúp đỡ, mà chưa tính đến các chi phí mai táng thì trong chúng ta chẳng có mấy người để ra được vài triệu đô la thu nhập mà dựng tượng đài nơi công cộng.

Và những kẻ như chúng ta thì chỉ có bài cáo phó, điệu văn, một lễ tang tử tế, di nguyện, di chúc, lời hứa, lời trăng



trối để được tưởng nhớ mà thôi. Ngoài dăm ba dấu vết mờ nhạt để lại trên cát như vậy, hầu như chúng ta chỉ có thể mong được khắc ghi tim óc của những người biết ta - ít ra là ở bên ngoài phạm vi gia đình và bạn bè thân thiết - bằng những lời đại loại như “Cái ông Daryl đó thật là một tay hài hước.” Và có một sự thật hơi cay đắng là sau một thế hệ, cái câu đó sẽ trở thành: “Có phải đã từng có một ông tên là Daryl sống ở đâu đó quanh đây phải không?”

*Này các ông, tôi bảo kể chuyện cười cơ mà. Nãy giờ tôi chưa thấy được lên tinh thần tẹo nào!*

*Kiên nhẫn đi, Daryl. Sắp vui rồi. Một chuyện cười cũng phải có dẫn dắt, kể đúng lúc mới hay.*

Dầu sao chẳng nữa, một cáo phó hấp dẫn, vài lời ngợi ca sâu sắc xúc động, chân thành hay một câu chia biệt khéo léo cũng có giá trị không nhỏ. Chủ yếu, chúng cho những người còn sống một cái móc để treo những ký ức của họ về chúng ta. Cho nên ông có quyền nghĩ đến một đôi cách thiết thực để làm nên một mảnh vĩnh hằng nho nhỏ.

Hãy xem một lễ tang chuẩn bị sơ sài gặp phải những khó khăn khôn lường như thế nào:

Ông lão Stanley Goldfard qua đời. Họ hàng và dân trong xứ đạo tập trung trong buổi tối cầu hồn. Đến thời khắc cần chia sẻ tưởng nhớ người đã khuất, tất cả ngồi im phăng phắc. Đợi một lúc lâu không có ai lên tiếng, giáo sĩ rất phật ý, ông nhắc nhở rằng nói những điều tốt đẹp để tưởng nhớ ông già Goldfard là trách nhiệm. “Ai đó phải nói những điều tốt đẹp về ông ấy!” Lại một quãng lặng kéo dài, không ai lên tiếng, cho đến khi có một ông già ở phía sau đứng dậy, lập cà lập cập thốt lên: “Tôi... tôi... sẽ nói



cho ông Stanley vậy. Cái lão Morris, anh của Stanley đó, còn tồi tệ hơn cả Stanley.”

Không mấy ai được làm khán giả trong lễ tang của chính mình, nhưng chuyện đó không ngăn cản những người ưa kiểm soát tối đa chuẩn bị kỹ lưỡng cho lễ tang, thậm chí viết thay<sup>(1)</sup> (tạm gọi vậy) điều văn cho chính mình. Có thể họ có lý.

Một người quan tâm chuẩn bị lễ tang của chính mình luôn hiểu những rắc rối liên quan đến chuyện an táng, mà trước hết là việc thương lượng với văn phòng mai táng để được giảm giá.

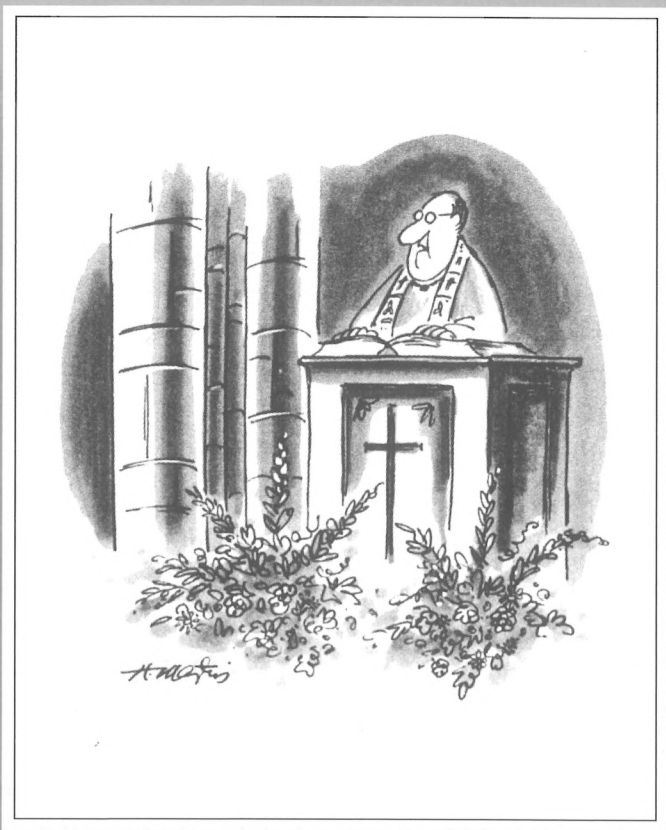
Mickey qua đời, và bà Judy vợ ông đi đến nhà xác. Vừa nhìn thấy thi thể ông chồng, bà Judy bật khóc. Nhân viên nhà xác bèn tìm cách an ủi. Trong dòng nước mắt, bà Judy nức nở nói ông Mickey đang mặc đồ đen, nhưng ông lúc nào cũng muốn được chôn cất trong bộ đồ màu xanh. Anh nhân viên nhà xác bèn nói rằng ở đây thi thể đều được mặc đồ đen vì đó là quy định chung, nhưng anh ta sẽ suy nghĩ xem có thể giúp bà được không.

Hôm sau, khi bà Judy đến nhà xác để nhìn mặt Mickey lần cuối, bà mỉm cười dù nước mắt giàn giụa - ông chồng Mickey đã được mặc một bộ đồ màu xanh. Bà Judy hỏi: “Anh kiếm cách nào mà được bộ quần áo màu xanh đó vậy?”

“À, hôm qua, sau khi bà rời đi, có một ông kích cỡ giống chồng bà được đưa vào. Ông ta đang mặc đồ xanh.

---

1. Viết nhưng để người khác đứng tên. (ND)



*“Ông ấy ăn uống đơn giản, chỉ cần mì ống bỏ lò, cái  
bắp cuốn thịt hầm, đậu cô ve, hành luộc và ngô rán.”*

Vợ ông ta cũng rất đau lòng, vì ông ta luôn muốn được chôn cất trong bộ đồ màu đen,” anh nhân viên nhà xác đáp. “Thành ra tôi chỉ việc đổi hai cái đầu cho họ thôi.”

Nói về việc chuẩn bị an táng, không được im lặng né tránh một số vấn đề kinh tế đặc biệt. Chẳng hạn nếu chôn cất ông trong bộ tuxedo đi thuê, thì phải tính ông được sở hữu nó từ khi nào?

Một tang lễ đẳng cấp nhất cần được thiết kế, dàn dựng sáng tạo một cách hoàn hảo không khác nào dàn dựng nhạc kịch *Hồ thiên nga*. Chỉ cần một điểm nhỏ không ổn, thì đó sẽ là toàn bộ những gì mà người tham dự nhớ được về ông, bất chấp ông đã tận tụy phụng sự trong Hiệp hội giữ xanh Bayonne bao nhiêu năm.

Jack đã qua đời và được chôn cất tại Nghĩa trang Woodland. Bà Jennifer, người vợ đầu gối tay ấp bốn mươi năm của ông, đầm đìa nước mắt. Trong buổi lễ an táng, khi quan tài đang được đẩy ra, xe trượt đột nhiên bị vấp vào khung cửa. Tất cả còn đang chưa hết giật mình, thì từ quan tài phát ra tiếng rên yếu ớt. Người ta tức tốc bật nắp quan tài, và thấy Jack còn sống. Thật là kỳ diệu của mọi kỳ diệu - một phép màu nếu từng có phép màu.

Bà Jenny và ông Jack lại chung sống thêm mười năm nữa, rồi Jack lại chết. Lễ tang lại được tổ chức ở Woodland. Cuối cùng, khi quan tài đang được đẩy ra, bà Jenny hét lên: “Cẩn thận cái khung cửa!”

Một điểm quan trọng khác trong việc tổ chức lễ tang đáng nhớ là cử tọa. Các hàng ghế đầu trống chỗ trong nhà thờ sẽ không bao giờ là chứng cứ tốt nhất của sự bất

tử. Nếu có thể, hãy xếp lịch tang lễ của ông vào một ngày không có các sự kiện quan trọng.

Anh chàng Joe được đồng nghiệp tặng một vé xem trận Super Bowl. Nhưng khi đến đó anh mới phát hiện ra chỗ của mình ở tít hàng cuối trong góc sân vận động. Phải hết nửa hiệp đầu, Joe mới lia ống nhòm thấy một ghế trống ở hàng thứ mười, đúng chỗ đường ranh chia đôi sân. Anh chàng bèn quyết định thử vận may, len tới chỗ có ghế trống.

Joe ngồi xuống chỗ trống và hỏi người bên cạnh, “Xin lỗi ông, ghế này có ai ngồi không?”

Người kia đáp, “Không.”

Joe sững sốt, “Thật không thể tin nổi! Có ai khôn ngoan kiếm được một chỗ như thế này trong trận Super Bowl mà lại không đến chứ?”

Người đàn ông nói, “À, thật ra chỗ đó thuộc về tôi. Đáng lẽ tôi đi cùng vợ tôi, nhưng bà ấy đã qua đời rồi. Đây là trận Super Bowl đầu tiên mà chúng tôi không đi xem cùng nhau kể từ hồi cưới năm 1967.”

Joe nói, “Xin chia buồn cùng ông. Nhưng sao ông không kiếm ai đó để ngồi chỗ ấy. Một ông bạn hay họ hàng gì đó?”

Người đàn ông đáp, “Không, bọn họ đều đang ở lễ tang cả.”

#### CHẾT VÀ TRONG SẮC MÀU

Khi nói tới khát vọng ghi dấu ấn lịch sử vĩnh viễn cho cuộc đời mình, có một vấn đề quan trọng nảy sinh: đó là những thứ như cáo phó, điệu văn, lời trăng trối hay thậm chí bia mộ sẽ tồn tại được bao lâu với thời gian. Trên thực tế, người ta đã chứng minh rằng tám

bia mộ thông thường sẽ tồn tại kém một chiếc bánh ga tô nhân quả khoảng một thiên niên kỷ. May thay, thế giới kỹ thuật số đã thay đổi mọi chuyện.

Xin giới thiệu Hollywood Forever, một nghĩa trang California đang phát triển thịnh vượng, đảm bảo đời sống vĩnh hằng dưới dạng một điệu văn được đăng vĩnh viễn trên Net. Nghiêm túc, chúng tôi không đùa đâu. Và không phải là những lời điệu văn rập khuôn, tầm thường nào đó, mà là cả bộ phim màu sinh động dàn dựng thông minh trên nền nhạc hoành tráng, đại loại như Barbra Streisand hát trong album "Memories".

Những bộ phim sản xuất chuyên nghiệp này không chỉ được chiếu ở tang lễ và theo mỗi người dự lễ tang về nhà trong một hộp đựng DVD hấp dẫn - chúng còn có thể được bày bán trong những cửa hàng băng đĩa ăn theo Hollywood Forever. Và đáng kể nhất, những phim tiểu sử này được biên kịch và vào vai do chính người quá cố - dĩ nhiên, trước khi anh ta/ông ta hoặc cô ta/bà ta rũ bỏ những gánh nặng trần gian. Khách hàng của Hollywood Forever đạo diễn sự bất tử của chính mình!

Mọi chuyện này đưa đến một câu hỏi triết học căn bản, thật ra là câu hỏi quan trọng nhất của việc chép sử: sử ký đóng vai trò gì và nội dung của chúng phải là gì? Ai là được nhắc đến và ai không? Nếu một nhân viên bán tạp hóa chết trong rừng, anh ta có tồn tại không?

Nhà sử học có tư duy triết học Howard Zinn cho rằng lịch sử chỉ nhắm vào các bậc vua chúa, tổng thống, hay tướng lĩnh và các nhà thám hiểm, và bỏ quên 99% những cư dân khác. Trong tác phẩm rất có ảnh hưởng *Lịch sử dân tộc Mỹ*, ông đã khôi phục thế quân bình bằng

cách viết về những người bình thường như Plough Jogger, một nông dân từng tham gia Cuộc khởi loạn của Shays<sup>(1)</sup>, và Harriet Hanson, một công nhân nhà máy ở Lowell. Nên xét cho cùng, sự tồn tại của Hollywood Forever có lẽ cũng hợp lý.

---

Một cách để trở nên bất tử trong ký ức và tài khoản ngân hàng của những người còn sống là để lại cho họ tiền bạc. Trong trường hợp này, mỗi khi cô cháu Tiffany của ông mua một đôi giày mới bằng da rắn, nó sẽ thầm nghĩ, “Cảm ơn chú Daryl!” hoặc có lẽ là, “Cảm ơn vì đã chết, chú Daryl!” Bất kể thế nào. Nhưng tên ông sẽ tiếp tục sống.

Đương nhiên, như trong bất cứ bản hợp đồng nào, các sai sót là không thể tránh.

“Bob này, cậu có nhớ hồi đi câu cá chín tháng trước, xe hỏng trong cơn bão, rốt cuộc chúng ta phải nghỉ đêm ở nông trại của bà góa tuyệt vời đó? Nhớ không?”

“Có.”

“Cậu nhớ bà góa tuyệt vời đó không?”

“Nhớ.”

“Bà ấy có một ngôi nhà lớn, chúng ta ngủ ở phòng khách, rồi sáng hôm sau chúng ta lên xe đi về phía Bắc để đi câu cá - nhớ không?”

“Có.”

“Chín tháng sau, tớ nhận được một lá thư từ luật sư của bà ấy.”

---

1. Cuộc nổi dậy có vũ trang diễn ra ở Massachusetts trong các năm 1786 và 1787, được một số sử gia tin rằng “về cơ bản đã thay đổi tiến trình lịch sử của nước Mỹ”. (ND)

“Thế à?”

“Có phải nửa đêm cậu đột nhiên tỉnh giấc và đã ghé thăm bà ấy?”

“Ừ, tớ có làm vậy.”

“Và cậu đã nói tên tớ thay vì nói cho bà ấy tên của cậu?”

“Tớ xin lỗi, đúng là vậy. Sao cậu hỏi thế?”

“Bà ấy vừa chết và để lại cho tớ toàn bộ gia tài.”

Không nghi ngờ gì nữa, cách hiệu quả nhất để tiếp tục sống bất tử trong ký ức của những người còn sống là những lời trăng trối ngắn gọn và đáng nhớ. Vì lý do nào đó, người ta thường coi những lời này có nhiều ý nghĩa hơn một câu chuyện khôi hài mà ông từng kể ở một bữa tiệc sau ly Martini thứ ba.

Dưới đây là vài lời trăng trối đáng nhớ của mọi thời đại mà chúng tôi thích:

Tôi đang cận kề cái chết - hoặc tôi đang chết:  
cách diễn đạt nào cũng đúng.

*Dominique Bouhours, nhà ngữ pháp học người Pháp,  
mất năm 1702*

LSD, 100 microgram.

*Aldoux Huxley (nói với vợ, sau đó bà đã tiêm cho ông),  
mất năm 1963*

Cứ để cái rèm tắm ở trong bồn tắm đi.

*Trùm khách sạn Conrad Hilton, mất năm 1979*

Xe tải!

*Ông của diễn viên hài Emo Phillips*

Đừng để mọi chuyện kết thúc thế này. Hãy bảo với họ là tôi đã nói gì đó.

*Pancho Villa, nhà cách mạng người Mexico, mất năm 1923*

Ngược lại, các triết gia đường như lại thiếu *phong cách* trong những khoảnh khắc cuối cùng của họ:

Ta nợ Asclepius một con gà trống.

*Socrates, triết gia số một của mọi thời đại, mất năm 399 trước*

*Công nguyên*

Ta muốn tới Địa ngục chứ không phải Thiên đường. Ở Địa ngục ta sẽ được làm bạn với các giáo hoàng, vua chúa và hoàng tử, trong khi ở Thiên đường chỉ có ăn mày, tu sĩ và các tông đồ.

*Niccolo Machiavelli, triết gia chính trị, mất năm 1527*

Đến lượt ta thực hiện một cú nhảy vào bóng tối!

*Triết gia người Anh Thomas Hobbs, mất năm 1679*

Ra ngoài hết đi! Những lời cuối cùng là dành cho bọn gốc cả đời chưa nói đủ.

*Karl Marx, mất năm 1883.*

Than ôi, Daryl, một khi đã ra đi, ông sẽ chẳng thể làm được gì nhiều để mong người ta nhớ đến mình, một cách tốt đẹp. Nhưng bù lại thì những điều không nghe thấy sẽ không gây đau lòng.

Một người rời văn phòng bước ra đúng lúc mưa dông chớp giạt, và lạ thay, có một chiếc taxi trống đỗ ngay trước



mắt! Anh ta nhảy vào xe và bảo anh lái xe rằng mình thật may mắn vì có thể bắt được taxi trong cái thời tiết như vậy. Anh lái xe quay lại đáp, “Anh đúng là căn giờ quá chuẩn... chẳng khác nào Sheldon.”

“Ai kia?”

“Sheldon Schwartz. Anh biết không, đó là người làm cái gì cũng đúng. Anh ta là gã may mắn nhất trên đời. Có lẽ là người hoàn hảo gần như nhất quả đất. Chẳng hạn, hễ đi đâu Sheldon đều kiếm được chỗ đỗ xe ngay trước cửa.”

“Thôi đi! Anh cứ phóng đại. Lấy đâu ra người may mắn như vậy!” người khách nói.

“Chính là Sheldon đấy,” anh lái xe đáp. “Anh ta không chỉ may mắn, mà còn là một vận động viên đáng nể. Anh ta có thể chơi golf hoặc tennis như một tay chuyên nghiệp. Giọng hát thì có thể khiến Placido Domingo phải xấu hổ mà từ bỏ opera! Anh ta đẹp trai và tinh tế hơn cả Cary Grant. Ôi trời, giá mà anh thấy anh ta mặc bộ tuxedo! Một người mẫu thể hình - to, cao, mạnh mẽ. Anh ta còn là một doanh nhân xuất sắc. Mọi thứ anh ta chạm vào đều biến thành vàng. Và anh biết không, anh ta còn là tay chơi bài cự phách nữa!”

“Thôi thôi!” người khách nói. “Anh đừng có bịa đặt nữa!”

“Không, tôi không bịa. Sheldon còn có những năng khiếu khác nữa. Chẳng hạn, anh ta luôn biết cách chiều phụ nữ. Anh ta lại còn tài giỏi. Không có gì anh ta không biết, không có gì anh ta không sửa được. Không giống như tôi. Tôi thay mỗi cái cầu chì mà làm mất điện hết cả khu nhà. Anh ta còn biết kể chuyện rất hấp dẫn! Bữa tiệc nào có anh ta góp mặt cũng tung bừng náo nhiệt cả!”

“Chà, nghe khó tin quá. Làm sao anh biết anh chàng Sheldon này?” người khách hỏi.

“À, thật ra tôi chưa bao giờ gặp anh ta,” anh lái xe thú nhận.

“Thế sao anh biết quá nhiều về anh ta như vậy?” người khách hỏi.

“Sau khi anh ta chết, tôi cưới vợ anh ta.”

*Thế nào, Daryl, ông đã có đủ những truyện cười xoa dịu âu lo chưa?*

*Xoa dịu âu lo ư? Tôi còn đang trầm cảm hơn đây!*

*Không sao. Bây giờ chúng ta có thể tiếp cận một số tư tưởng triết học về Vĩnh hằng!*

Phần II

VĨNH HẰNG  
KHI BẠN ÍT MONG CHỜ NÓ NHẤT



Vĩnh Hằng có ở đó, trong thế giới rộng lớn bên kia không?

Hay nó đang nấu mình đâu đó, ngay cạnh đây?

Nếu vậy, ai sẽ có thời gian cho nó?



## Chương 6

### VĨNH HẰNG BÂY GIỜ

*Đừng ử dột u ám thế, Daryl. Không những không hợp với ông, mà cũng không đúng lúc, vì có tin tốt lành đang đến kia! Ngay bên cửa rồi.*

Vì đây là một điều khiến tâm trí do dự từ đây đến vĩnh hằng: Vĩnh Hằng là *Bây Giờ*!

Hãy bắt đầu từ những thứ căn bản. *Bây giờ* - đó là *luôn luôn*. Chẳng hạn, ngay *bây giờ*, ông là Daryl, đứng dậy rời hàng hiên với cái xẻng hót phân chó, lừ đừ bước đến gần cái đồng đen đen mà con chó Binx bừa bãi đã thải ra trên bãi cỏ, rồi quét quét hót hót ngay *bây giờ*, đem trút vào hòm thư của nhà hàng xóm, rồi *bây giờ* lại trèo lên hàng hiên và bật lon bia Bud Light. "*Bây giờ*" theo ông suốt từ đầu chí cuối. Ồi, lại là *bây giờ* nữa này. Hay đúng hơn, *vẫn* cứ là *bây giờ*. Và sẽ luôn luôn như thế!

Cách tiếp cận này thu ý niệm đời sống vĩnh hằng vào một khuôn khổ hoàn toàn mới, đó là: *Vĩnh Hằng là ngay bây giờ*, không phải sau khi chết như ông quen nghĩ.

Hai triết gia lớn của thế kỷ 20, Ludwig Wittgenstein và Paul Tillich có những đóng góp thú vị cho ý niệm Hiện tại Vĩnh hằng. Ludwig nêu quan điểm của mình từ hai điểm khác nhau trong không gian, Vienna ở Áo

và Cambridge ở Anh. Paul thì ở Frankfurt, Đức, và Cambridge, Massachusetts.

Tillich, một nhà thần học Cơ Đốc giáo theo chủ nghĩa hiện sinh, đã tin rằng đời sống vĩnh hằng không phải là một đời sống tiếp diễn mãi không thấy được cái kết, kiểu như *Quy luật và Trật tự*<sup>(1)</sup>. Với Tillich cũng như với Heidegger, đó sẽ là một hình ảnh về Địa ngục. Thay vì vậy, vĩnh hằng là ngay ở đây *trong mọi khoảnh khắc thời gian*. Nó là một *chiều hướng* của thời gian xen vào thời gian. Vĩnh hằng đang hiện hữu *ngay hiện giờ* dưới dạng Hiện tại Vĩnh hằng.

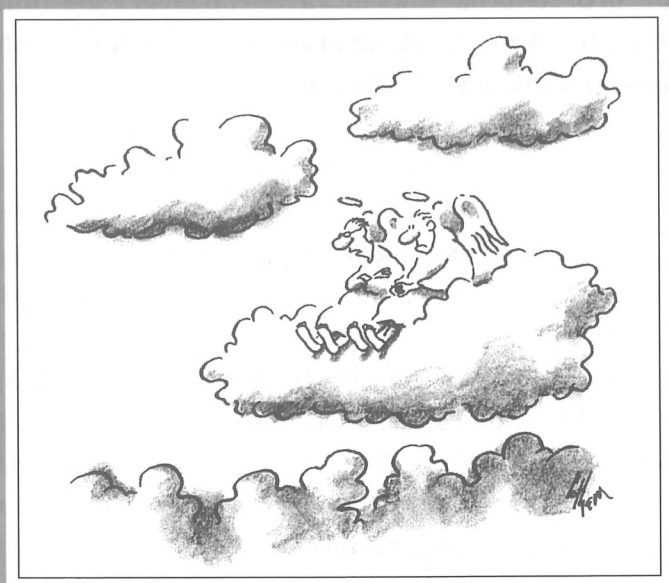
Chẳng hạn, khác với tảng đá, con người có thể nhìn vào thời gian như thể từ trên cao xuống và trông thấy bức tranh rộng lớn gồm cả kết cục, nên họ rơi vào âu lo và tuyệt vọng. Đó là tin xấu. Nhưng Tillich là một nhà hiện sinh, và giống như Kierkegaard, ông hiểu rằng chúng ta là những sinh vật có khả năng tiếp nhận nỗi âu lo như tin tốt.

Sao có thể như vậy? Đơn giản vì đó là dấu hiệu cho thấy rằng khác với tảng đá, con người chỉ ở *trong* thời gian một phần. Chúng ta đứng một chân *bên ngoài* thời gian, nếu khác đi, chúng ta đã không có khả năng từ bên trên nhìn xuống hoàn cảnh của mình, thấy nó trong sự hữu hạn của nó, và trải nghiệm nỗi sợ chết. Ví dụ, chúng ta có thể sử dụng thuật ngữ “tuổi thọ” và biết mình đang nói về cái gì.

## THỜI GIAN VÀ VĨNH HẰNG: ĐIỂM GIAO

Vì vậy *cuộc sống vĩnh hằng* đối với Tillich không phải là

1. Loạt phim truyền hình dài kỳ của Mỹ về đề tài cảnh sát và luật pháp. (ND)



Khi ở đây là vĩnh hằng  
thì ở Duyên hải miền Tây vẫn là sáng sớm.

cuộc sống bất tận trong “sự chia xa ngọt ngào”<sup>(1)</sup>. Đó là cuộc sống được sống trong Hiện tại Vĩnh hằng. Khổ nỗi chúng ta đang đánh mất mối liên hệ với chiều vĩnh hằng; chúng ta bị “chia lìa” khỏi nó và rơi vào tuyệt vọng, nhưng dẫu vậy nó vẫn ở đó. Mánh khéo là cố gắng đạt đến nhãn quan siêu nghiệm này. *Như ngay bây giờ!*

Để hiểu điều Tillich muốn nói, chúng ta phải nhảy ra khỏi thời gian tuyến tính mà chúng ta vẫn quen cảm nhận, kiểu thời gian có trước-sau, hẹn-gặp-anh-thứ-Bảy-tuần-tới. Thay vào đó, chúng ta phải cố gắng hình thành ý niệm về chính Thời Gian - thời gian như chiều hướng, thời gian như nguyên lý tổ chức. Để được hỗ trợ, một lần nữa chúng ta trở lại với triết gia đương đại Allen Stewart Konisberg, hay con người mang cái tên Woody Allen mà ai cũng biết, ngoại trừ mẹ ông ta. Konisberg nói, **“Thời gian là cách mà tự nhiên giữ cho mọi thứ không xảy ra cùng lúc.”**

### Ở TRONG THỜI GIAN NHU THẾ NÀO

Không nên lẫn lộn nhảy “ra ngoài thời gian” với “can thiệp vào trình tự thời gian”, một phương thức kể chuyện quen thuộc trong các bộ phim như *Memento* và *Mulholland Drive*, và trong câu đánh đố kiểu này:

Hỏi: Điều gì xảy ra khi chơi ngược một bản nhạc đồng quê?

Trả lời: Bạn sẽ giành lại được bạn gái, giành lại được chiếc xe tải, thậm chí có thể giành lại được con chó của mình.

1. Giống như lời một bài thánh ca Cơ Đốc: “In the sweet by and by”. (ND)



Sự đảo ngược trình tự thời gian, dù có thể đặt ra những câu hỏi thú vị về nhân quả và về cách chúng ta tạo dựng ký ức của mình, vẫn nằm trong cấu trúc của thời gian tuyến tính. Sự nhảy-ra-ngoài-thời-gian thì xem toàn bộ chiều thời gian chính là chiều hướng.

---

Chúng ta thường không trích dẫn triết gia phân tích Ludwig Josef Johann Wittgenstein bên cạnh Woody Allen và Paul Tillich, nhưng giờ có vẻ cũng là một thời điểm phù hợp. Trong tác phẩm có ảnh hưởng của ông, *Tractatus Logico-Philosophicus*, L.J.J.W. nói, **“Nếu chúng ta hiểu ý nghĩa của vĩnh hằng không phải khoảng thời gian vô tận mà là phi thời gian, thì đời sống vĩnh hằng thuộc về những người sống trong hiện tại.”**<sup>(1)</sup>

Với khái niệm “phi thời gian”, dường như Ludwig muốn nói đến “sự độc lập hoặc ở bên ngoài chiều thời gian.” Cái “bây giờ” mà chúng ta luôn sống bên trong là phi thời gian - không phải “một phần” của thời gian. Kết luận “đời sống vĩnh hằng thuộc về những người sống trong hiện tại” của Wittgenstein có một hơi hướng rất Tân Thời Đại<sup>(2)</sup>, một kết luận thường được gắn liền với những người như Baba Ram Dass (tên cha sinh mẹ đẻ là Dickie Alpert). Đầu thập niên 1970, mọi con người coi trọng bản thân mình đều dành thời gian đọc tiểu luận của Baba, *Hãy ở đây ngay bây giờ (Be Here Now)*, một chỉ dẫn đạt đến ý thức tâm linh dưới tác động của ảo giác. Nhan đề của tiểu

---

1. Ludwig Wittgenstein, *Khảo luận logic-triết lý* (London: Routledge, 2001), 6.43 ii.

2. New Age, trào lưu tâm linh hình thành ở các nước phương Tây hồi thập niên 1970. (ND)

luận đã tự nói lên tất cả: đó là cuốn sách dành cho những người sống trong hiện tại.

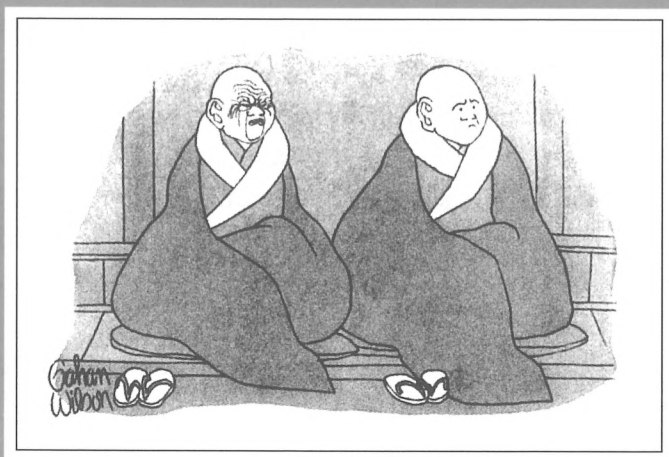
Về phương diện tâm lý và tâm linh, duy trì liên hệ với Hiện tại Vĩnh hằng không dễ. Chúng ta có xu hướng vương mắc quá khứ hoặc hướng tới tương lai, rốt cuộc không bao giờ sống ở đây và bây giờ.

Các nhà tư tưởng và các đạo sư của phương Đông đã giải quyết vấn đề này một cách thực tiễn: họ đặt ra những nghi thức đưa chúng ta vào trạng thái hiện hữu ở đây và bây giờ. Thiền, yoga và Thái cực quyền là những kỹ thuật làm tâm trí rỗng không và đơn giản Hiện hữu.

#### KHI NÀO “BÂY GIỜ” KẾT THÚC?

Mọi thứ trở nên thật sự rối rắm khi chúng ta cố gắng đặt ra một giới hạn thời gian cho “bây giờ”. Zeno, nổi tiếng với nghịch biện Achilles-đua-với-rùa<sup>(1)</sup>, đã lập luận rằng thời gian có thể được chia thành một số lượng vô hạn các phần. Chắc chắn cách đó không để lại nhiều thời gian cho “bây giờ”. Hoặc như kịch tác gia đương đại dí dỏm người Anh Michael Frayn đã diễn tả: “Chà, bây giờ! Cái thời gian kỳ cục đó - kỳ cục nhất trong mọi thời gian; thời gian mà nó luôn là... đến khi chúng ta đến được chữ ‘giờ’ trong ‘bây giờ’, thì chữ ‘bây’ đã là dĩ vãng lịch sử.”

1. Theo triết gia Hy Lạp thế kỷ 5, Zeno xứ Elea, nếu Achilles cho con rùa được chạy trước trong cuộc đua, ông sẽ không bao giờ bắt kịp con rùa. Lý do là đầu tiên Achilles phải đạt đến điểm con rùa đã xuất phát, nhưng đến lúc đó con rùa đã đi được một chút. Bất kể Achilles đạt đến điểm con rùa đã có mặt lần cuối bao nhiêu lần - kể cả sau một số lần vô hạn - ông cũng không bao giờ thực sự bắt kịp con rùa.



*“Chẳng có gì xảy ra tiếp theo. Tất cả là bây giờ.”*

May thay, con người thực dụng chủ nghĩa mà chúng ta có thể tin cậy, triết gia và nhà tâm lý học người Mỹ thế kỷ 19 William James, đã cho chúng ta có một quan niệm thực tiễn hơn về “bây giờ”. Ông gọi bây giờ là “hiện tại lờ mờ”, ngụ ý cảm giác sai lầm của chúng ta rằng “bây giờ” có nội dung nào đó, dù là không đáng kể, và là quãng thời gian nào đó, dù ngắn ngủi, trong khi thực ra hiện tại không hề tồn tại. Nó chẳng qua là đường ranh giới nơi quá khứ gặp gỡ tương lai, mà cũng chẳng cái nào trong hai được xem là tồn tại, ít nhất không phải vào bây giờ. Nói khác đi, “bây giờ” là một tạo lập chủ quan, được chúng ta sử dụng để đánh dấu trải nghiệm về thời gian.

Từ đây dẫn đến một trong những câu hỏi lâu đời của triết học:

Liệu trải nghiệm về độ dài của thời gian có là tương đối đối với người trải nghiệm, đặc biệt nếu tình cờ kẻ trải nghiệm lại là một con lợn?

Một chàng trai đi trên đường thì thấy có bác nông dân đứng dưới gốc cây táo và bế con lợn đưa lên cao. Mỗi lần bác nông dân nâng con lợn lên, nó há mồm đón một quả táo. Chàng trai ngạc nhiên dừng xe hỏi xem có chuyện gì đang xảy ra.

Bác nông dân bảo, “Tôi đang cho lợn ăn.”

Chàng trai trên xe nói, “Nếu bác rung cây táo, để con lợn ăn táo rụng dưới đất, chẳng phải sẽ tiết kiệm rất nhiều thời gian sao?”

Bác nông dân đáp, “Thời gian thì có nghĩa lý đối với một con lợn đâu!”

Nhà thơ thần bí William Blake đã viết,

*Để thấy Thế Giới trong một hạt cát  
Thiên đường trong một bông hoa dại  
Hãy giữ Vô Hạn trong lòng bàn tay,  
Và Vĩnh Hằng trong một giờ.  
Quần lót trũng xuống khi chờ đợi.*

Dù thôi - chúng tôi bịa thêm dòng cuối đấy.

---

*Các ông biết không, bây giờ tôi đã hiểu rồi. Thật ra, tôi vẫn luôn có kế hoạch một ngày nào đó sẽ sống trong hiện tại. Nhưng đáng lẽ ra các ông phải là triết gia, nhỉ?*

*Chắc vậy, Daryl ạ. Mà có lẽ chúng tôi giống các sinh viên triết học quá tuổi hơn. Ý ông là gì?*

*Vậy là các ông đang bảo tôi rằng các nhà tư tưởng nghiêm túc danh tiếng kia chỉ nhìn vào cái chết và nói nó thật tệ, đơn giản như thế thôi?*

*Nực cười vậy mà ông cũng hỏi.*

Sau tất cả những quan điểm triết học nhằm chấp nhận cái chết theo một cách nào đó - thường biến cái chết thành kết cục logic và đáng mong muốn để thoát những đau khổ từ lúc được sinh ra - cũng như sau tất cả những hình mẫu thần học và văn hóa học coi cái chết chẳng qua là bước chuyển để lên đến tình trạng cao hơn, chúng ta vẫn cảm thấy có chút bực bội nào đó vì cuộc sống phải kết thúc. *Bực bội hết sức!*

Nhưng ngẫm lại, chúng ta không thể nào hình dung nổi có một triết gia lớn hay một tôn giáo thế giới nào lại chủ trương rằng cái chết không là gì khác ngoài một viễn

cảnh đáng sợ, một trò lừa gạt tệ nhất mà người ta có thể hình dung ra. Chắc hẳn tôn giáo sẽ không xem quan điểm hành xác để chuộc tội<sup>(1)</sup> này là sự hấp dẫn căn bản của tôn giáo. Tôn giáo sẽ sớm phá sản nếu nói với chúng ta rằng chết là hết và cái chết rất tệ.

Nhưng người ta sẽ cho rằng ít ra cũng phải có một trong những kẻ yêu sự thật gọi là triết gia kia sẵn sàng đối mặt cái chết và thể hiện thái độ thù ghét kinh tởm nó. Không. Thỉnh nộ trước cái chết hóa ra là việc của các nhà thơ:

Chớ nhẹ nhàng đi vào đêm tĩnh lặng,  
Tuổi già phải bùng cháy và cuồng bạo lúc khép ngày,  
Hãy cuồng nộ, cuồng nộ với ánh sáng đang lụi tắt.

*Dylan Thomas*

---

1. Loài người do tội tổ tông truyền nên bị xa cách với Chúa. Thông qua sự hành xác để chuộc tội, loài người đạt được sự hòa giải [reconciliation] với Chúa. (ND)

Phần III

SỰ BẤT TỬ LỖI MỐT:  
TRÊN CHUYẾN TÀU LINH HỒN



Chúng ta có linh hồn bất tử không?

Nó ở đâu?

Liệu có thể bán nó trên eBay không?

MỘT SỐ TƯ TƯỞNG  
TRÊN CHUYÊN TÀI LINH HỒN





## Chương 7

### PLATO, CHA ĐỂ CỦA LINH HỒN

*Các ông sống ở đâu, trong hang à? Chết không phải là Kết Thúc, nó là Khởi Đầu! Các ông chưa từng nghe về sự bất tử của linh hồn sao?*

*Đương nhiên chúng tôi đã nghe nói đến linh hồn bất tử, Daryl. Chẳng qua chúng tôi chưa trông thấy nó. Không những thế, Ernest Becker còn đặt tư tưởng về sự bất tử của linh hồn ở vị trí cao trong danh sách các hệ thống hoang tưởng nổi bật của ông ta.*

Nhưng trước khi đưa tư tưởng này vào quan tài và đóng nắp lại, hãy định nghĩa linh hồn là gì. Chúng tôi không muốn có chút sùng sốt nào, đại loại như khi phát hiện ra phần còn sống của bản thân sau khi chết lại là phần chúng tôi thậm chí còn không thích.

Bắt đầu từ những người Hy Lạp cổ đại có lẽ là hợp lý. Rõ ràng các vị mặc toga<sup>(1)</sup> này có rất nhiều thời gian ngồi không để trầm tư mặc tưởng về những thứ như linh hồn. (Ai nấu bữa khuya khi các ông đang tán chuyện là vấn đề Đạo đức Nữ quyền.) Người Hy Lạp là những người theo chủ nghĩa nhị nguyên [dualist] (nhưng đừng nhầm họ với

---

1. Áo choàng rộng của dân ông Hy Lạp thời cổ. (ND)

các tay đấu súng [duelist] vốn không liên quan gì đến La Mã). Họ cho rằng linh hồn và thể xác là hai dạng thức tồn tại khác biệt. Thales, một trong những triết gia Hy Lạp xưa nhất, coi linh hồn chỉ đơn giản là lực *vận động* cơ thể. Theo các quan sát của ông, một trong những khác biệt lớn giữa cơ thể chết và cơ thể sống là cơ thể chết không vận động, ít nhất là trên bề mặt phẳng. *Ipso facto*<sup>(1)</sup>, phải có thứ gì đó, một động cơ chẳng hạn, rời bỏ cơ thể khi nó chết đi. Những triết gia trước Socrates khác để ý thấy người chết có vẻ không biết gì nữa, bèn bổ sung *biết* vào chức năng của linh hồn. Lại có những người nhận thấy người chết có vẻ không nhìn thấy hay nghe thấy nữa, nên thêm chức năng *tri giác*.

Nhưng chính Plato mới tạo nên bức tranh hoàn chỉnh về linh hồn. Ông nói linh hồn có ba phần: Lý tính, Cảm tính (Ý chí) và Dục vọng. Lý tính - ông biết thừa nhỉ? - là phần cao nhất, phần có khả năng gần gũi với những Tư Tưởng hay Hình Tượng vĩnh hằng như là Mỹ (cái đẹp), Trí (sự sáng suốt) và với Tam giác - hay nói cụ thể, Tam giác Ý niệm, "Hình Tượng" tam giác mà từ đó mọi tam giác trần tục không hoàn hảo có được cái sự tam giác của chúng. (Đừng hỏi.)

Ý chí là một trong những phần bất hợp lý của linh hồn, nhưng lại cao quý hơn Dục vọng. Nếu được dùng đúng đắn, nó sẽ hướng đến Lý tính. Ngược lại, Dục vọng đi ngược Lý tính, lôi chúng ta vào những ham muốn nhục dục, gây ra rắc rối với chữ R viết hoa (cụ thể, Rắc Rối).

Triết gia W. Allen phát hiện "**linh hồn ôm ấp những khát vọng cao quý hơn, như là thi ca và triết học, trong**

---

1. Từ thực tế ấy cho thấy. (ND)

**khi cơ thể có mọi trò vui."** Nhưng Plato phản bác rằng tuy Dục vọng có mọi trò vui, thực ra nó vẫn là một phần của *linh hồn*. Đây là một trong những khác biệt căn bản giữa triết lý của Plato và Allen.

Đối với Plato, mục tiêu tối hậu của linh hồn là lột bỏ bản tính ham khoái lạc của nó và tiến về phía tri thức của Hình Tượng; sự bất tử chỉ được dành riêng cho phần lý trí. Nói cách khác, suy ngẫm về tam giác sẽ chặt đứt tình dục, ma túy và rock 'n' roll.

*Ông ta thích một tam giác hơn tình dục à? Gã này nghe cứ như đền Partheon thiếu mấy cái cột Doric nhỉ?*<sup>(1)</sup>

Chúng tôi tha thiết mong ông đừng vội phán xét, chùng nào chưa nhìn thấy tam giác này, Daryl. Nó không phải là một tam giác cũ kỹ bất kỳ, nó là Tam giác Ý niệm.

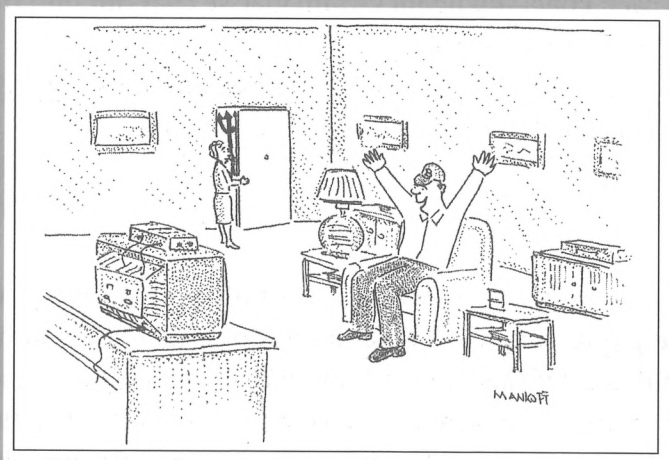
Tư tưởng của Aristotle về linh hồn có hơi khác, nhưng ông cũng đi đến kết luận tương tự. Ông chia linh hồn thành *linh hồn thực vật*, thứ gây ra những thay đổi cơ học và hóa học mà chúng ta có chung với động vật và thực vật; *linh hồn động vật*, thứ tạo ra sự vận động và cảm nhận những cảm giác mà chúng ta chỉ có chung với động vật; và *lý trí*, thứ chúng ta không chia sẻ với bất kỳ động vật hay thực vật nào. Chẳng hạn, hãy thử lý luận với con mèo của ông xem. Hoặc củ cà rốt.

Ari còn chia lý trí thành *lý trí thụ động* (tri giác) và *lý trí chủ động* (các suy nghĩ, quan niệm, sự mừng rỡ tượng nàng Aphrodite trong phòng ngủ của ông, đại loại vậy). Đối với Aristotle, chính lý trí chủ động là phần bất tử của linh hồn.

---

1. Partheon là ngôi đền được xây ở thế kỷ 4 trước Công nguyên, với hàng cột theo phong cách kiến trúc tối giản của Hy Lạp cổ (Doric). (ND)

## NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÓ LINH HỒN THỰC VẬT ĐA ĐẾN



“Cưng à, có người đến thu gom linh hồn anh đấy.”

Quan niệm Hy Lạp về linh hồn như một *thực thể* đã khiến Wally Scott nảy ra ý tưởng bán linh hồn mình trên TradeMe, một trang tương tự eBay của New Zealand, vào năm 2008. Dĩ nhiên, ý tưởng bán linh hồn của chính mình ít nhất đã có từ thời Faust<sup>1)</sup>, nhưng cái mới của Scott nằm ở chỗ anh nhận thấy có thị trường người mua linh hồn, chứ không chỉ ma quỷ mới có nhu cầu. Linh hồn của Scott đã được trả giá đến \$189.

Tất nhiên, có vài câu hỏi triết học cần được bàn luận ở đây. Thứ nhất là làm sao để người trả giá chắc chắn được về tình trạng linh hồn của Scott ở thời điểm bán. Scott khẳng định nó “khá ổn” ngoại trừ có chút “nham nhở” khi anh đến tuổi được phép uống rượu.

Tiếp theo là câu hỏi Scott sẽ chuyển nhượng sở hữu những quyền gì cho người mua linh hồn của mình. Luật sư của Scott khẳng định việc sở hữu linh hồn của Scott không cho người mua quyền sở hữu hoặc kiểm soát *anh ta* (Scott) - thật là một phân định tinh tế, chúng tôi nghĩ vậy.

Sau cùng là câu hỏi liệu TradeMe có nên quy định được phép rao bán một thứ vô hình như linh hồn không. Cuối cùng, TradeMe quyết định rằng: do sẽ có Chứng thư sở hữu linh hồn được trao cho chủ sở hữu mới, nên giao dịch được phép thực hiện.

eBay thì hoài nghi hơn. Năm 2001, khi eBay

1. Nhân vật có thật, là đề tài của nhiều tác phẩm văn học dân gian của Đức, đồng thời cũng đã đi vào văn chương bác học. Tiêu biểu nhất có thể nói là bi kịch thơ *Faust* của J.W. Goethe. (ND)

ngung đầu giá linh hồn của Alan Burtle vì cho rằng không có thứ gì hữu hình được chuyển giao, giá được trả đã lên đến \$400. Đối với eBay, “hữu hình” có nghĩa là một thứ như bộ bài Pokemon cũ hay bộ sưu tập thú nhồi bông Beanie Babies - hai trong số những món đồ được giao dịch phổ biến nhất của họ.

---

Vấn đề sự bất tử của linh hồn sẽ không được đặt ra với dân Do Thái cổ. Không giống người Hy Lạp, người Hebrew<sup>(1)</sup> không quan niệm có thể phân chia con người thành hai phần tách rời, thể xác và tâm hồn. Linh hồn trong tiếng Hebrew liên quan đến toàn bộ con người. Loài người *không* có linh hồn; họ *là* linh hồn. Và họ *không* có cơ thể; họ *là* cơ thể, những cơ thể sống<sup>(2)</sup>. Thế nghĩa là thế nào? Thế đâu là sự khác biệt giữa một cơ thể chết và một cơ thể sống, ông có thể hỏi. Kinh Thánh không nói rõ về điểm này, nhưng có lẽ sẽ tựa như sự khác biệt giữa pin còn dùng được và pin chết. Không thể nói pin chết đã đánh mất một phần; nó chỉ đang thiếu *pizzazz*<sup>(3)</sup>. Chính là *sự sống*.

---

TẤT CẢ ANH LÀ CỦA EM, CÁ CƠ THỂ... VÀ GÌ CŨNG ĐƯỢC  
Thật nghịch lý khi Edward Heyman, nhà thơ trữ tình đã sáng tác bản nhạc jazz kinh điển, “Cơ thể và linh

---

1. Người Do Thái cổ. (ND)

2. Jerome H. Neyrey, “Linh hồn”, trong *Từ điển Kinh Thánh Harper* (San Francisco: Harper & Row, 1985), tr. 982-3.

3. Trạng thái hấp dẫn, lôi cuốn. (ND)

hồn", lại theo tín ngưỡng Hebrew. Nghe đồn rằng vị giáo sĩ của Heyman đã nhắc nhở nhạc sĩ rằng phân chia như vậy là sai lầm, và ca khúc nên được đặt tên là "Cơ thể và cơ thể", dù không có ai chứng thực về tin đồn ấy.

---

*Tân ước* cũng có thỏa thuận tương tự. "Đánh mất linh hồn" chính là mất mạng. "Ích lợi gì nếu một người có được cả thế giới và đánh mất linh hồn mình"<sup>(1)</sup> đơn giản có nghĩa là "Ích lợi gì nếu một người có được cả thế giới và mất mạng?"

---

### ĐƯỢC VÀ MẤT

Nếu luận theo chữ để hiểu *Tân ước*, có vẻ chúng ta đang muốn phân tích tương quan chi phí-lợi ích của sự "được cả thế giới" và "đánh mất linh hồn". Như thường lệ, vấn đề giá trị luôn phụ thuộc vào người đánh giá.

Thức giấc vào giữa một đêm nọ, ông luật sư thấy phòng ngủ của mình tràn ngập ánh sáng đỏ, sặc sụa mùi lưu huỳnh hôi thối, còn ở cuối giường đứng sừng sững một gã mà ông nhìn một cái biết ngay chính là quỷ Satan.

Quỷ Satan nhoẻn cười lên tiếng, "Này Jones, nếu ông muốn, tôi sẽ cho ông vô số của cải và tất cả những

---

1. Tin mừng theo Thánh Matthiew 16:26; Tin mừng theo Thánh Mark 8:36.

đàn bà ông thích, cả danh vọng và đời trường thọ. Ông thấy sao?"

Ông luật sư nheo mắt: "Đổi lại cái gì?"

Satan đáp, "Đổi lại tất cả, tôi lấy linh hồn bất tử của ông."

Luật sư kêu lên, "Thôi nào. Ông thật sự muốn lấy cái gì hả?"

Trong triết học Ấn Độ cổ đại, *ātman* hay Ngã hoàn toàn vượt trên hầu hết các chức năng mà người Hy Lạp gán cho linh hồn. Thực ra, trung tâm của tư tưởng, cảm xúc, v.v., những thứ tạo nên phần không thể thiếu trong quan niệm về linh hồn của người Hy Lạp lại được các hiền triết Ấn Độ coi là bộ phận của thân thể, dù là của "*thân tinh tế*"<sup>(1)</sup>. Nhưng đây vẫn chưa phải khác biệt lớn nhất giữa quan niệm của Hy Lạp và của Ấn Độ về linh hồn. Theo các hiền triết Ấn Độ, Ngã không phải thứ gì đó riêng thuộc về cá nhân chúng ta, giống như một chiếc Harley hay cái mũ Panama: nó là chất liệu phổ quát, bao trùm mọi thứ trong vũ trụ, giống như trong truyện ngụ ngôn cổ về một anh chàng Hindu yêu cầu người bán bánh mì kẹp xúc xích làm cho anh ta một chiếc bánh kẹp mọi thứ.

Cả Plato và Aristotle đều nói về một Lý Tính phổ quát, làm cơ sở cho lý tính riêng của chúng ta, nhưng họ vẫn giữ quan điểm về linh hồn *cá nhân* không chết. Ngược lại, trong hệ tư tưởng Ấn Độ - như Ấn giáo, Phật giáo và

1. Triết học Ấn Độ đặt ra các "thể", trong đó thô tục nhất là thể vật lý, hay thể xác theo quan niệm thông thường. Thể năng lượng tinh tế hơn, tiếp đó là những "thể" khác. (ND)



Giaina giáo - thì trở thành bất tử có nghĩa là vượt khỏi tính cá thể và “thoát khỏi vòng sinh tử.”

*Thế hả? Thế tái sinh thì sao? Tôi luôn nghĩ việc này nghe chừng rất hay. Chẳng hạn như tôi từng là Napoleon, rồi tôi là Daryl, tiếp theo tôi có thể là một con thỏ non.*

Ông không đơn độc, Daryl. Nhiều người phương Tây cho rằng tái sinh là cách nói của phương Đông về sự bất tử của linh hồn. Nhưng không hề, Sanjay<sup>(1)</sup> ơi! Thứ nhất, những người theo Phật giáo - từ họ mà phương Tây biết đến luân hồi tái sinh - lại không tin vào linh hồn. Quan niệm của họ về tái sinh là sự dịch chuyển của ngọn lửa từ cây nến này sang cây nến khác. Không có *ngã* nào được chuyển nhượng trong thương vụ ấy, vì không có *ngã* nào để chuyển.

Thứ hai, tái sinh không tuyệt vời như người ta nghĩ. Đúng là *thân tinh tế* của chúng ta sẽ tiếp tục chuyển du hành của nó, nhưng vẫn là trên con đường chông gai cũ. Sự tái sinh chẳng qua đưa tinh thần của chúng ta vào một vòng vật lộn và tịnh hóa khác để rồi cuối cùng ngộ ra Ngã chân thực và phổ quát của chúng ta. Để tới cái đích ấy, chúng ta phải bước *khỏi* con đường chông gai của nhiều lần chết và tái sinh, trở thành một với Ngã phổ quát, và mãi mãi ngồi trên Cỗ Xe Ngoài Sinh Tử.

Thực ra, tái sinh chỉ là sự mở rộng của quy luật về nghiệp. Những người làm điều xấu rơi vào tái sinh xấu - trong đời này và về sau. Những người làm điều tốt được tái sinh tốt - trong đời này và về sau. Nhưng tình trạng tái sinh trong kiếp sau không nên được xem như thưởng hay phạt; mục đích của tái sinh là cho chúng ta cơ hội tiến hóa.

---

1. Tên riêng phổ biến của đàn ông trong tiếng Hindu, có nghĩa là “Chiến thắng”.  
(ND)

## TIẾN HÓA SÁNG TẠO

"Anh có tin vào tái sinh không?" một tay golf hỏi ông bạn trên sân.

"Hả, tất nhiên, tôi tin chứ," ông bạn đáp.

"À, vậy anh muốn trở lại Trái đất như thế nào?"

"Tôi muốn trở lại như một người đồng tính nữ?"

"Cái gì! Tại sao?"

"Tôi vẫn muốn làm tình với phụ nữ, nhưng tôi muốn chơi từ điểm phát bóng gần hơn."

Nhưng một số trong chúng ta đang đi sai hướng. Theo một kinh sách Ấn giáo nhan đề *Garuda Purana*<sup>(1)</sup>, kẻ nào giết một người Bà la môn sẽ bị tái sinh với bệnh lao. (Xin lỗi những người giết Bà la môn.) Người giết bò cũng không khấm khá hơn: anh ta hoặc cô ta sẽ trở lại làm một người đàn độn gù lưng. Hãy nhớ điều đó khi lần tới ông rưới sốt cà chua vào bánh mì kẹp thịt bò để ăn. Còn giết một trinh nữ? Sẽ tái sinh thành người hủi, đương nhiên. Quá chán!

Những tin đồn của trào lưu Tân Thời Đại đã tiếp nhận một số điểm khá kỳ dị trong niềm tin vào tái sinh. Trên website tên là Reincarnation Station có bài kiểm tra ngắn để xác định khả năng ông sẽ tái sinh là gì. Một trong hai chúng tôi sẽ trở lại làm con gấu trúc

1. Kinh văn nói về đối thoại giữa thần Vishnu và chim thần Garuda, chủ yếu nhấn mạnh lý do và ý nghĩa của đời sống con người. (ND)

thật sự dễ thương, còn người kia làm chuột. Nhưng cụ thể ai thành con gì thì chúng tôi không tiết lộ đâu.

---

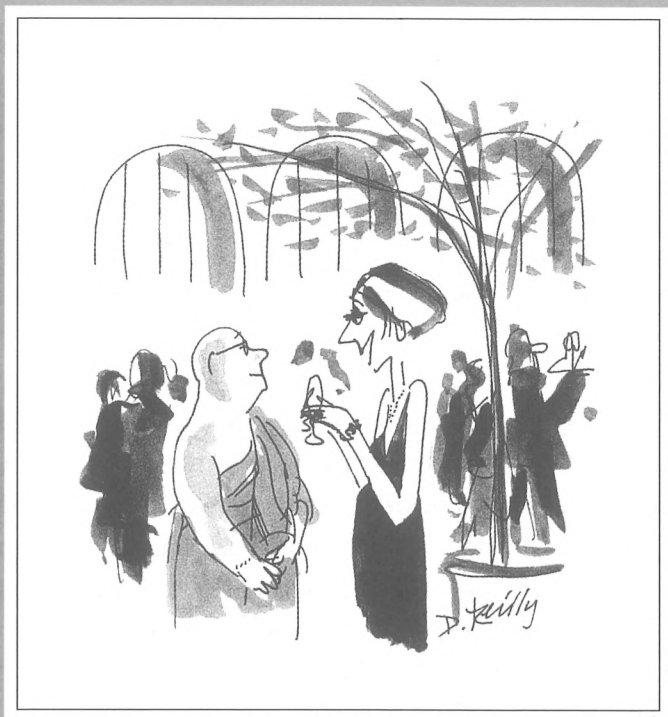
### TRONG KHI ĐÓ, HÃY TRỞ LẠI VỚI PHUONG TÂY...

Nhiều dấu hiệu của linh hồn như được mô tả từ trước Plato, bởi Plato và bởi Aristotle, là những gì ngày nay chúng ta gọi là các chức năng của tinh thần: vận động, biết, cảm nhận, mong muốn, ý chí, lập luận. Thực ra, trong tiếng Hy Lạp, từ để chỉ linh hồn là *psyche*, ngày nay chúng ta sử dụng để nói tới “tinh thần”. Tâm lý học hay các nghiên cứu hiện đại về tâm lý con người thuộc phạm trù nghiên cứu về tinh thần, không phải là nghiên cứu linh hồn.

Vậy người phương Tây chúng ta có ngụ ý gì khi nói đến “tinh thần?” Có cung cấp bất kỳ manh mối nào cho các câu hỏi liên quan đến vấn đề bất tử không? Chẳng hạn, nó khác thế nào với phần của *corps* nằm trong hộp sọ - não của chúng ta? Nếu linh hồn chỉ là tinh thần và tinh thần chỉ là não, bàn về bất tử là vô ích. Một thuật ngữ mà ông thường nghe thấy ở Khoa chăm sóc chuyên sâu: *chết não* - nó mang rất nhiều ý nghĩa.

Trong thế kỷ 17, cha đẻ của triết học phương Tây hiện đại, René Descartes, đã nêu quan điểm nhị nguyên rằng Tinh thần và Vật chất (bao gồm não) là hai dạng thức tồn tại khác biệt hoàn toàn, cư ngụ ở những cảnh giới khác nhau với những quy tắc khác nhau, không có điểm gì chung. Nhưng từ đó lại khiến nảy sinh câu hỏi: Nếu chúng không trùng nhau theo cách nào đó - nếu chúng tồn tại trong những lãnh địa riêng biệt - làm sao mà vật

NGỘ RA NGÃ PHỔ QUÁT: ĐIỂM BẤT LỢI



*“Tôi hình dung cội Tình Độ cũng giống vậy, hết mùa này đến mùa kia?”*

chất có thể gây ra những thay đổi trong tinh thần, và tinh thần có thể gây ra những thay đổi trong thế giới vật chất? Ví dụ, các đối tượng vật lý rõ ràng gây ra cảm nhận của chúng ta về chúng, và “ý muốn” của chúng ta dường như khiến các bộ phận cơ thể chuyển động. Còn chuyện những chất hóa học nào đó gây ra thay đổi lớn trong tâm trí chúng ta, chẳng hạn khiến người ta trông thấy hình ảnh các tay cầm vụn silicon đeo cà vạt gương kính<sup>(1)</sup>.

---

### NGẮN GỌN VỀ NHỊ NGUYÊN

Thế nào là tinh thần?

*Không phải vật chất.*

Thế nào là thể xác?

*Không phải tinh thần<sup>(2)</sup>.*

---

Vậy mối liên kết giữa Thể xác và Tinh thần thực ra nằm ở đâu?

Một triết gia thế kỷ 17 khác, triết gia duy lý người Đức Gottfried Wilhelm von Leibniz, khẳng định Tinh thần và Vật chất thực ra *không* chồng chéo nhau. Ông nói chúng hoạt động song song, giống như hai đồng hồ riêng biệt nhưng được đồng bộ hóa. Mỗi cái có địa hạt riêng của nó, và những thay đổi trong cái này chẳng qua *được kết hợp* với những thay đổi trong cái kia vì sự hòa hợp này

---

1. Ý nói đến tình trạng hoang tưởng do sử dụng ma túy. (ND)

2. Tác giả dùng cách chơi chữ tiếng Anh: “No matter,” vừa là “Quan trọng gì!” vừa có thể hiểu là “Không phải vật chất!” Và “Never mind,” có nghĩa là “Chả quan tâm!” và cũng có thể hiểu là “Không bao giờ là tinh thần!” (ND)

đã được Thượng đế thiết lập trước. Cảm ơn về thông tin đó, G.W.V.L., nhưng có lẽ ông nên ngừng dùng mấy chất xoắn não một thời gian.

Tín đồ của thuyết Darwin thế kỷ 19 T.H. Huxley nói tinh thần chẳng qua là một *phản ứng phụ* của các chức năng cơ thể, một “hiện tượng phụ” giống như cái bóng in trên nền đất. Các trạng thái thể chất của não có thể gây ra những thay đổi trong trạng thái tinh thần - các đại diện của thuyết hiện tượng phụ nói - nhưng các trạng thái tinh thần không gây ra được gì cả, kể cả những trạng thái tinh thần khác. Nên khi cơ thể của chúng ta, gồm cả não, thực hiện chức năng của chúng như thường lệ, thì tinh thần của chúng ta chỉ đơn giản là cho thấy những hình ảnh.

Còn các tín đồ của “chủ nghĩa hành vi logic”, trong đó có triết gia người Anh thế kỷ 20 Gilbert Ryle, thì đi một bước xa hơn. Ryle giễu cợt quan điểm của Descartes rằng tinh thần và thể xác là hai dạng thức tồn tại tách rời, tinh thần “cư ngụ” trong thể xác theo một cách nào đó. Ryle gọi đó là “con ma trong cái máy”. Ông nói Descartes đã dẫn chúng ta đi chệch đường nhiều thế kỷ, khi cố gắng xác định con ma này là loại *thực thể* gì, trong khi tinh thần không hề là một thực thể. Có tinh thần không có nghĩa là sở hữu một *vật* nhất định, mà chẳng qua là có những năng lực và tính khí nào đó. Chúng ta cứ loay quanh với tư tưởng rằng những trạng thái tinh thần như niềm tin và ham muốn *gây ra* hành vi của chúng ta. Thực ra, hành vi của chúng ta được xác định bởi khuynh hướng có hành vi này hay hành vi khác, và trạng thái tinh thần chẳng qua phản ánh những khuynh hướng ấy. Xem ra ở đây không có chỗ cho sự bất tử. Thật khó mà tưởng tượng nổi có những năng lực và tính tình bất tử. Nhưng rốt cuộc

thì, ai mà biết được? Nhiều người chúng ta thấy khó hình dung ra một tinh thần hay linh hồn bất tử dù dưới bất kỳ dạng thức nào.

Công nghệ máy tính phát triển đã đưa đến những câu hỏi thú vị trong cuộc tranh luận về đề tài “tinh thần - thể xác”. Năm 1950, A.M. Turing, một trong những người đặt nền móng khoa học tin học và là một nhà giải mã người Anh nổi danh của Thế chiến II, đã nêu câu hỏi: về mặt lý thuyết, liệu một máy tính đủ lớn có thể lừa để khiến chúng ta tin rằng có một con người đang trả lời các câu hỏi của mình hay không - giống như Hal trong phim *2001: A Space Odyssey*. Nếu chúng ta có thể bị Hal lừa, sự việc nói lên điều gì về vai trò mà các trạng thái tinh thần có thể có, hoặc không có, trong việc quyết định hành vi của chúng ta? Rất có thể, giống như hành vi của Hal, hành vi của chúng ta xuất phát từ sự lập trình phức tạp, và cảm giác chúng ta chịu trách nhiệm về mặt tinh thần chỉ là một ảo tưởng. Các thiền giả Phật giáo và những người thí nghiệm với ma túy đã mô tả điều họ ngộ ra, đó là tinh thần luôn ở đằng sau hành vi nửa bước, mãi mãi tìm cách bắt kịp.

#### SÁNG TẠO PHI TÂM TRÍ

Nếu các trạng thái tinh thần không *gây ra* bất cứ điều gì, vậy những sáng tạo của tâm trí đến từ đâu? Có phải mọi sáng tạo của chúng ta chẳng qua là sản phẩm của những mạch nối cứng trong não? Nếu vậy, chẳng phải một hệ thống máy tính tinh vi sẽ có khả năng tạo ra một truyện cười xuất sắc? Ông hãy tự có đánh giá nhé, Daryl. Các nhà lập trình đã giao thử thách này cho

những siêu máy tính ở Đại học Edinburgh, và đây là kiểu chuyện cười mà máy móc sinh ra:

"Trên vạch kẻ nào có mười sáu quả cầu? Cây gậy chọc bi-a".

Nếu đánh giá trên thang điểm năm-cái-vỗ-đầu-gối, ông nghĩ sao? Thôi được, hãy xem câu chuyện này:

"Kiểu sát nhân nào có tính đạo đức? Kẻ giết ngũ cốc."<sup>(1)</sup>

Những chuyện kiểu này đem kể ở quán ăn tự phục vụ của trường trung học thì hay hơn là ở *Saturday Night Live*<sup>(2)</sup>, chắc chắn rồi. Nhưng này, mấy chuyện em kể ông kể còn tệ hơn, đúng không?

---

Cuộc tranh luận "tinh thần - thể xác" còn tiếp diễn đến tận ngày nay, bởi vậy nó đã trở nên tinh vi hơn và phức tạp hơn, nhưng những quan niệm cơ bản của nó vẫn vậy. Vẫn có những nhà nhị nguyên luận thuộc nhiều thành phần khác nhau tuyên bố rằng tinh thần là một thứ gì đó khác với những xung động điện thần kinh của não. Và có những nhà thực hữu luận<sup>(3)</sup> cho rằng các trạng thái tinh thần là đồng nhất với các trạng thái thần kinh. Lại có

---

1. Tác giả dùng chơi chữ tiếng Anh, "fiber" là "tinh tinh" và cũng có nghĩa là "sợi". "Cereal" là ngũ cốc nhưng phát âm giống như "serial", nghĩa là "hàng loạt". (ND)

2. Chương trình hài kịch ngắn kèm tạp kỹ phát trực tiếp vào tối khuya thứ Bảy. (ND)

3. "Chủ nghĩa duy vật lý", cho rằng bản chất của thế giới thực là có tính chất vật lý. Nó giống như chủ nghĩa duy vật nhưng kết hợp các khái niệm phức tạp về tính vật lý chứ không dừng ở khái niệm vật chất. (ND)



những người theo thuyết chức năng, giữ quan điểm trung lập trong vấn đề này, nên ai cần họ chứ?

### XÁC SỐNG<sup>(1)</sup> ĐI VÀO VÀ CƯỜI

Một đóng góp triết học thú vị cho cuộc tranh luận xoay quanh chủ đề tinh thần - đó là vấn đề có tên gọi xác sống. Ông biết không, nó có vẻ đặc biệt liên quan đến cái chết.

Vấn đề xác sống là một thách thức đối với các nhà thực hữu luận, vốn cho rằng sau khi chúng ta mô tả não và sự vận hành điện não thì hết chuyện, chẳng còn gì để tả nữa. Những hoạt động của “tâm trí” chúng ta - cảm giác, suy nghĩ, ý định - đều tuân theo các quy luật vật lý, và mọi “sự đối ý” là kết quả của những nguyên nhân vật lý, điện thần kinh.

Triết gia người Mỹ thế kỷ 20 Saul Kripke đặt ra câu hỏi thực hữu tối hậu như sau: Hãy tưởng tượng một Thượng đế tạo ra một thế giới hình thái hoàn toàn giống với thế giới của chúng ta, nhưng vận hành thuần túy theo các quy luật vật lý. Liệu Đấng Sáng Tạo có phải làm thêm bất cứ điều gì để chuẩn bị cho nhận thức của con người không?

Ludwig Wittgenstein diễn đạt như thế này: “Cái gì còn lại khi lấy việc tôi nâng cánh tay trừ đi sự kiện cánh tay tôi đưa lên?”<sup>(2)</sup> (Có thể ông phải đọc câu đó hai lần. Chúng tôi đã làm thế.)

1. Zombie, người chết do phù phép nên tuy không có nhận thức nhưng vẫn có thể đi lại và phản ứng với các kích thích xung quanh. (ND)

2. Ludwig Wittgenstein, *Những khảo sát triết học*, ấn bản lần thứ ba (Saddle River, NJ: Prentice Hall, 1973), § 622.

Từ đây xuất hiện các nhà xác sống luận. Có thể cho rằng xác sống là những con người không có nhận thức, nhưng vẫn di chuyển được và làm mọi thứ mà con người làm. Nên nếu xác sống tồn tại thì thực hữu luận bị bác bỏ, bởi nếu thực hữu luận đúng, xác sống sẽ phải có nhận thức!

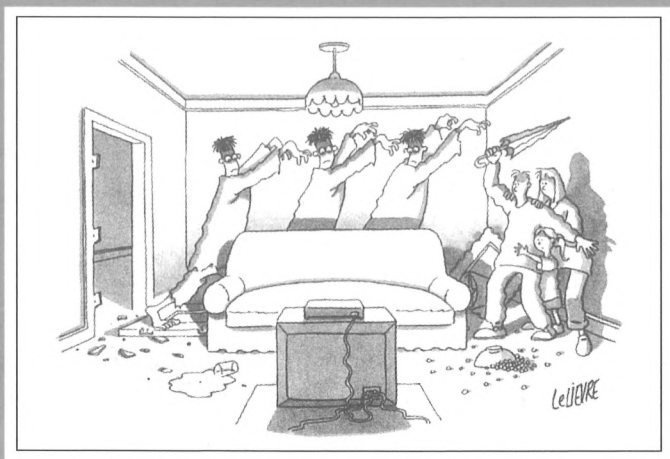
#### NHỮNG XÁC SỐNG CHẴNG KHÁC CON NGƯỜI

Nhưng đợi chút. Có lẽ xác sống không tồn tại. (Cá nhân chúng tôi chưa thấy bao giờ, dù đã từng dự vài tiệc cocktail thật tẻ nhạt.) Không vấn đề gì, các nhà xác sống học tinh ranh nói. Chỉ cần có *khả năng* xác sống tồn tại, thế là đủ để thách thức thực hữu luận. Theo lời triết gia người Anh đương đại Robert Kirk, chúng ta có thể hình dung có những người Lilliput bé tí xiu trong đầu Gulliver<sup>(1)</sup>, ngắt rời các thần kinh nhận cảm (đầu vào/cảm nhận) lẫn thần kinh vận động (đầu ra/hành động) của anh. Những anh chàng ranh ma bé nhỏ này giờ tiếp nhận mọi thông tin đi vào não của Gulliver, và bắt đầu gửi tín hiệu riêng của họ đến các cơ của anh. Với một người quan sát, Gulliver có vẻ vẫn là bản thân mình như xưa, nhưng anh sẽ không có nhận thức. Trên thực tế, anh sẽ là một xác sống. Kirk nói rằng do có thể hình dung về trường hợp trên, nên nhận thức phải là một thứ gì đó khác với những đầu vào vật lý.

Nhưng khoan đã, các nhà thực hữu luận la lên! “Có

---

1. Trong câu chuyện *Những cuộc phiêu lưu của Gulliver*, chàng Gulliver sau một lần đắm tàu đã bị trôi dạt đến đảo quốc Lilliput, nơi có những người tí hon sinh sống. (ND)



*Những xác sống đã tiến đến giữa phòng khi chúng nhận ra “bạn bè” trên tivi.*

thể hình dung” thì không giống như “có thể tồn tại”! Ông có thể hình dung về những người Lilliput tí hon này, nhưng không chắc họ tồn tại trong thế giới thực.

Đến đây, lý lẽ vượt khỏi khả năng kiểm soát của ngôn từ, và tâm trí - hay não của chúng ta, tùy ông chọn - liền khép lại.

*Ái chà! Cuối cùng tôi cũng hiểu được một điều - các triết gia không có gì hay hơn để làm ngoài tưởng tượng ra những nhân vật Disney.*

*Chắc chắn rồi, nhưng sau khi tưởng tượng ra chúng, họ đặt ra một số câu hỏi khá thú vị về chúng.*

*Ừm, thú vị đối với một nhân vật Disney thôi. Dẫu sao, tôi vẫn nghĩ linh hồn khác tinh thần. Đại loại là nó sâu xa hơn. Nếu tôi nói ai đó là người có tâm hồn, không phải tôi muốn ám chỉ điều gì về tinh thần của người đó. Các ông biết đấy, giống như Aretha Franklin là Bà hoàng của Tâm hồn chứ không phải Bà hoàng của Tinh thần, hay “món ăn tâm hồn” nướng nguyên con thì hấp dẫn hơn bất kỳ “món ăn tinh thần” nào<sup>(1)</sup>. (Ở đây tôi đang nghĩ tới ginkgo biloba<sup>(2)</sup>.) À, một điều nữa - linh hồn thì có tốt xấu về mặt đạo đức. Một tinh thần tốt chẳng qua chỉ giỏi môn hình học phẳng hay phát âm đúng âm A trong tiếng Pháp, nhưng một người với một tâm hồn tốt là chuyện hoàn toàn khác - đó là người cảm nhận được nỗi đau của ông. Giống như chạm được đến tâm can ông vậy.*

1. Tác giả chơi chữ tiếng Anh: soul food (dịch theo chữ: món ăn tâm hồn) thật ra là các món ăn truyền thống của người Mỹ gốc Phi, mind food (dịch theo chữ: món ăn tinh thần) là những chất liệu cho tư duy. (ND)

2. Ngân hạnh hay Bạch quả.

Nói đúng lắm, Daryl. Nhà tâm lý học kiêm triết gia về tâm lý trị liệu thế kỷ 20 Otto Rank đồng ý với ông. Ông ấy nói quan điểm hiện đại đánh đồng linh hồn với tinh thần là trật lất. Theo ông ấy, thời nguyên thủy “linh hồn” có nghĩa là “sinh lực”. (Hãy nghĩ đến James Brown khi hát bài “Tôi thấy thật tuyệt”.) Và sinh lực hay *mana* này có ở mọi nơi và trong mọi thứ.

Vào cái thời nguyên thủy tốt đẹp xa xưa ấy, khi đàn ông vẫn còn là đàn ông và trẻ con vẫn còn biết làm các việc lật vật quanh hang động, nỗi sợ chết không ngóc cái đầu đáng sợ của nó lên, bởi lẽ sinh lực phổ quát này là bất tử. Thần Lực không chỉ ở bên chúng ta, mà chúng ta còn là một phần của Thần Lực Vĩnh Hằng. Nhưng chẳng mấy chốc, quan niệm về sinh lực đã lẫn lộn với quan niệm về sức mạnh ý chí cá nhân, và khi điều này xảy ra, việc người ta nhận ra ý chí của người này có thể đập tan ý chí của người kia chỉ còn là vấn đề thời gian. Với những người của nhóm thứ hai, như thế có thể đe dọa mạng sống - thứ nhất là theo nghĩa đen, còn thứ hai, vì tư tưởng nguyên thủy về sức mạnh ý chí đã gắn quá chặt với quan niệm về sinh lực đến nỗi bất cứ giới hạn sức mạnh ý chí nào của họ cũng gây cảm giác sợ chết. Nói cách khác, nguy cơ ý chí bị đập tan kéo theo mối đe dọa hủy diệt linh hồn. Thôi đành chào tạm biệt cái thời vô minh vui vẻ và bình đẳng tiếp cận *mana* đó vậy.

Nhưng ý chí của bộ tộc còn hùng mạnh hơn hẳn ý chí của bất kỳ cá nhân nào, nên người ta bèn gắn ý chí cá nhân mình với ý chí của nhóm hay của dòng tộc. Động thái này đem lại một ích lợi bổ sung khó tin nổi: do mỗi cá nhân là một phần của bộ tộc, mà bộ tộc thì bất tử, nên cá nhân có thể tuyên bố mình bất tử.

Theo Rank, vào khoảng thời kỳ Kinh Thánh<sup>(1)</sup>, ý chí tập thể của bộ tộc đã được phóng chiếu thành một bản thể còn siêu việt hơn - Thượng đế nhất thần giáo - và đó là khi địa ngục thực sự bắt đầu. Những biểu hiện cá nhân về ý chí giờ bị coi là nổi loạn, các tư tưởng về tội lỗi hình thành. (Một trong những ích lợi của sự đồng nhất với nhóm là nhóm thì không làm điều sai quấy, hay ít nhất khi nhóm có sai lầm, nó cũng được làm nhạt đi.) Một lần nữa, song hành với tội lỗi cá nhân là nỗi sợ chết quen thuộc. Ý chí xấu = linh hồn xấu = sinh lực xấu. “Cái giá phải trả của tội lỗi là cái chết,” tông đồ Paul đã nói vậy - một lý do tại sao ngài được người ta biết đến với tên Paul Súc Tích.

Giáo sư Rank là người Do Thái, nhưng ông nghĩ tình yêu buông mình<sup>(2)</sup> của người Cơ Đốc là một phương thuốc chữa chứng sợ chết, vì nó “tiên hạ thủ” cái chết bằng cách làm tan rã bản ngã trước khi cái chết có cơ hội làm điều đó. Nhưng Rank nhận ra sự buông mình cũng là điều hầu hết người đang yêu sẽ làm, nên ông gợi ý nhìn vào giới nghệ sĩ để tìm manh mối. Ông tin rằng trong xã hội, nghệ sĩ là những người chủ chốt trong việc tạo ra những phản ứng chân thực với nỗi sợ chết. James Joyce<sup>(3)</sup> chắc chắn được xếp hạng cao trong danh sách những nghệ sĩ có tâm hồn của Rank.

---

1. Thời xảy ra những sự kiện của Kinh Thánh, từ năm 1004 trước Công nguyên đến 70 Công nguyên. (ND)

2. Xả bỏ tự ngã, buông mình vào Thượng đế. (ND)

3. James Joyce (1882-1941), tiểu thuyết gia và thi sĩ người Ireland, một trong những tác giả có ảnh hưởng nhất trong trào lưu hiện đại chủ nghĩa đầu thế kỷ 20. Về vấn đề “tâm hồn” của James Joyce, ông đã đoạn tuyệt với Cơ Đốc giáo vì “cảm thấy cần phải cứu vớt đời sống tâm linh đích thực của mình để không bị đè bẹp bởi một đời sống [tâm linh Cơ Đốc] giả tạo”. (ND)

Những điều trên nghe có giống hơn với những gì ông nghĩ trong đầu về “linh hồn” không, Daryl.

Ờ, chắc là giống đấy. Nhưng tôi là một trong những kẻ không giỏi yêu chuộng mình. Thời nay ai được vậy chứ? Và phương thuốc nghệ sĩ ấy không có tác dụng với tôi. Tôi biết rất nhiều về nghệ thuật, nhưng tôi không biết mình thích gì. Cái tôi muốn biết là liệu linh hồn của tôi, hay ý chí hoặc cái gì cũng được, có thể sống mãi không. Sống đến tuổi này, tôi không thật sự quan tâm chuyện gì xảy ra với cơ thể mình. Tôi chỉ muốn cái “tôi” của tôi là bất tử.

Được rồi, Daryl, là ông tự hỏi đấy nhé. Vậy một lần nữa hãy trở lại với những ngày hoàng kim ở Athens.

Plato đã “chứng minh” sự bất tử của linh hồn trong nhiều đối thoại của ông, nhưng có lẽ được biết tới nhiều nhất là ở đối thoại “Meno”, ông để cho Socrates chứng tỏ linh hồn phải tồn tại *trước khi* một người được sinh ra.

Điều thú vị là hầu hết người ta đều không bận tâm gì đến khả năng có đời sống vĩnh hằng *trước khi* đến Trái đất, có lẽ bởi ngay cả nếu đã từng tồn tại, họ cũng không nhớ được. Điểm này rọi một ánh sáng mới lên câu hỏi cũ: ý thức sau khi chết của chúng ta sẽ thế nào nếu linh hồn bất tử? Liệu chúng ta có nhớ ý thức lúc còn sống không? Nếu không, bất tử có gì vui? Không có sự liên tục của cái-tôi, sao tôi phải quan tâm - dù là bây giờ hay khi đó? Hoặc diễn đạt khác đi, sao một trong hai cái-tôi phải quan tâm?

Về sự bất tử trước khi sinh, Socrates trưng ra bằng chứng là cậu đầy tớ không được học hành của Meno, tuy chưa hề nghiên cứu hình học nhưng đã tìm ra định lý Pythagore! Suy ra là cậu ta *nhớ lại* nó. Nhắc lại định lý ấy: trong một tam giác vuông, bình phương cạnh huyền



TỦ LẠNH CỦA JAMES JOYCE



bằng tổng bình phương hai cạnh bên. Chậc? Học đến lớp Mười may ra chúng ta mới nhớ nổi cái định lý đó, nói gì tới chuyện nhớ từ trước khi sinh ra.

Mục đích của Socrates là *dẫn dắt* cậu đầy tớ đến chỗ “khám phá” định lý đang trú ngụ đâu đó sâu trong tinh thần của cậu. Đây là cách dẫn dắt của Socarates với cây gậy vẽ trên nền đất:

SOC.: Nói ta nghe đi chàng trai, cậu có biết một hình như thế này là một hình vuông không?

Đầy tớ: Thưa, biết.

SOC.: Và cậu có biết, hình vuông có bốn đường này bằng nhau?

Đầy tớ: Đương nhiên.

SOC.: Và những đường ta đã vẽ đi qua giữa hình vuông cũng bằng nhau.

Đầy tớ: Thưa, phải.

Và Socrates cứ thế tiến tới, có được những câu trả lời một-từ của cậu đầy tớ, cho đến cuối cùng:

SOC. (nói với MENO): Anh thấy không, Meno, tôi không dạy cậu ta thứ gì cả, mà chỉ hỏi những câu hỏi; giờ cậu ta tưởng mình biết một đường phải dài bao nhiêu để tạo ra một hình 8 phút<sup>(1)</sup> vuông, chẳng phải sao?<sup>(2)</sup>

---

1. Foot, đơn vị đo chiều dài của Anh, bằng 0.3048m. (ND)

2. Plato, “Meno”, *Những đối thoại của Plato*, tập I, Benjamin Jowett dịch (New York: Random House, 1937), tr. 349 và các trang tiếp theo.

Với Socrates, đây là bằng chứng cho thấy cậu trai đang *hồi tưởng lại* kiến thức đã có, nên *ipso facto* (từ đó mà nói), một tinh thần bất tử có tồn tại - thực ra là một tinh thần bất tử đã đạt điểm A trong môn hình học phẳng.

Đối với một nhà giáo dục hiện đại, vấn đề với chúng mình Meno là ở chỗ rõ ràng Socrates đang *dạy* định lý cho cậu trai - sử dụng phương pháp hướng dẫn kiểu Socrates thông qua một chuỗi hỏi và trả lời.

### MENO HIỆN ĐẠI

Một đôi vợ chồng đăng ký lớp học tiếng Trung.

“Các vị định sang Trung Quốc?” giáo viên hỏi.

“Ồ không,” anh chồng đáp. “Chúng tôi vừa nhận nuôi một đứa trẻ từ Trung Quốc, giờ nó bắt đầu tập nói, và chúng tôi muốn hiểu nó nói gì.”

Ít nhất, lý lẽ đó của Socrates đã đưa đến câu hỏi rằng ký ức thật sự là gì và nó hoạt động như thế nào. Thì ra nó *huyền bí*.

Ba cụ ông đến gặp bác sĩ để kiểm tra trí nhớ. Bác sĩ hỏi cụ thứ nhất, “Ba lần ba bằng mấy?”

“285!” ông cụ trả lời.

Bác sĩ lo lắng, quay sang cụ ông thứ hai. “Còn cụ nghĩ sao? Ba lần ba là mấy?”

“Thứ Hai!” ông cụ hét lên.

Càng băn khoăn hơn nữa, bác sĩ chuyển sang cụ thứ ba.

“Thế cụ thì nói sao? Ba lần ba là mấy?”

“Chín!” cụ thứ ba đáp.

**“Tuyệt lắm!” bác sĩ thốt lên. “Sao cụ tính được?”**

**“Khó quáì gì,” ông cụ đáp. “Anh chỉ việc lấy Thứ Hai trừ đi 285!”**

Trong tác phẩm *Cộng hòa*, Plato đưa ra một lập luận mơ hồ khác, lần này “chứng minh” sự bất hoại của linh hồn, nhưng ở thời xưa đó, ông chưa thể đặt câu hỏi sau này nổi tiếng như Câu đố chiếc bánh ngọt nhân quả vĩnh hằng, một vật thể *vô hồn* bất hoại. Thậm chí cả Dave Barry và Johny Carson<sup>(1)</sup> cũng đã thử sức với câu đố nát óc này:

**Barry: “Bánh ngọt nhân quả là quà tặng lý tưởng vì bưu điện chưa tìm ra cách nào làm hư hại được.”**

**Carson: “Thực ra ở Mỹ chỉ có một chiếc bánh ngọt nhân quả, và năm này qua năm khác nó được chuyển từ gia đình này sang tới gia đình khác.”**

Do đó, câu hỏi còn lại: Bánh ngọt nhân quả có bất tử không?

*Daryl, ông thấy bất tử hơn chưa?*

*Đùa nhau à? Tôi nghĩ gã Plato này mới đúng là chiếc bánh ngọt nhân quả.*

---

1. David McAlister Barry, nhà báo đoạt giải Pulitzer kiêm nhà văn người Mỹ, từng thực hiện một chuyên mục hài hước cho tờ *The Miami Herald* từ năm 1983 đến 2005. Johnny William Carson, người dẫn chương trình truyền hình, diễn viên hài, tác giả, nhà sản xuất người Mỹ của chương trình *The Tonight Show Starring Johnny Carson*. (ND)

## Chương 8

### THIÊN ĐƯỜNG - MỘT QUANG CẢNH ĐÁNG ĐỂ VÌ NÓ MÀ CHẾT

*Thôi nhé, các ông một sách, dựng những triết gia quá cổ lâu nhàu ở dưới mồ lên thế là quá đủ rồi. Các ông thế nào tôi không biết, nhưng tối nào trước khi ngủ tôi cũng cầu Thượng đế để được tới Thiên đường. Đại loại như “Nếu trong giấc mơ mà con chết,” các ông biết rồi đó. Vậy các ông hãy bảo xem, tôi phải làm thế nào, hả?*

*Được rồi, Daryl, chúng tôi thừa nhận là đôi khi những thứ triết lý thâm sâu này té ra xa lạ với những gì con người ta thực sự tin, nên chúng tôi muốn hét lên với tất cả các triết gia và thần học gia lập dị ấy rằng: “Hãy thực tế đi!”*

Sự thật là, trong một nghiên cứu toàn diện về người Mỹ thuộc mọi thành phần tôn giáo và phi tôn giáo, các nhà điều tra thấy đại đa số chúng ta đều tin có một kiểu đời sống nào đó sau khi chết, ai cũng có linh hồn, Thiên đường và Địa ngục có thật. (Freud hay Becker sẽ chẳng ngạc nhiên chút nào đâu khi biết thế, chắc chắn).

Có tất cả 81% người Mỹ tin vào một kiểu kiếp sau nào đó, và một số lượng ít hơn không đáng kể (79%) đồng ý với câu “Mỗi con người đều có một linh hồn sống vĩnh viễn, dù Thượng đế có hiện hữu hay không.” Vậy còn về

Thiên đường? 76% nói rằng họ tin vào Thiên đường, trừ đi 5%, ông sẽ được những người tin vào Địa ngục<sup>(1)</sup>. (Ông sẽ thích 5% lạc quan đó.) Về kiểu Thiên đường mà đa số người ta hình dung trong đầu, 60% những người được khảo sát không đưa ra mô tả nào cụ thể hơn ngoài “một trạng thái tồn tại vĩnh viễn (với Thượng đế)” nào đó hoặc “chẳng qua mang tính biểu tượng” - đáng lo ngại là cả hai quan điểm đều có vẻ đầy tính triết học. Dầu vậy, vẫn có 30% người Mỹ đồng ý với câu: Thiên đường là “nơi an nghỉ và tưởng thưởng có thực để linh hồn tới sau khi chết.”

Chính những người khát khao chốn Thiên đường “có thực” này thấp chấy những mơ mộng của chúng ta. Tuy chỉ đại diện cho gần một phần ba tổng dân số, những người này lại dựng nên bối cảnh để phần còn lại chúng ta hình dung về Thiên đường - nó được trang hoàng như thế nào, ở đó trông *ta* ra sao, có khả năng *ta* sẽ gặp ai, *ta* trải qua thời gian (vô hạn) của mình như thế nào, ai sẽ rửa bát đĩa.

---

### CỐC, CỐC, GỖ CỦA THIÊN ĐƯỜNG

Những người thật sự tin vào một Thiên đường theo nghĩa đen sẽ rất hăm hực với bộ phim tài liệu *Thiên đường* (1987) của Hollywood do Diane Keaton đạo diễn. Bộ phim đan cài thuyết giảng của các nhà truyền giáo *Phúc âm*, những giáo huấn dạy đời của

---

1. Một khảo sát tương tự ở các nước Tây Âu đã cho thấy 49,4% những người được hỏi nói rằng họ tin vào “kiếp sau”, trong khi 19,2% nói họ tin vào tái sinh. Kết quả khảo sát được ghi nhận bởi Erlendur Haraldsson, Đại học Iceland, trong *Network*, số 87, Mùa xuân 2005.

các nhà tiên tri Tân Thời Đại râu dài, độc thoại của những người bình thường nghiêm túc, các đoạn phim lưu trữ trắng đen về những người đang yêu và đang nhảy múa trên những đám mây của Thiên đường Hollywood. Tinh thần gây cười của bộ phim là “Chúng tôi biết rõ hơn đấy.”

Theo những gì được ghi nhận, hầu hết những người trả lời phỏng vấn của bà Keaton tin rằng Thiên đường là một thành phố (một học giả Kinh Thánh lưu ý rằng Tân Jerusalem<sup>(1)</sup> rộng gấp năm ngàn lần thành phố New York) với đường phố của nó bằng vàng ròng hoặc pha lê, rợp bóng cây, chim chóc líu lo, là nơi ta được hội ngộ cùng những người mình từng yêu thương và/hoặc những người đã yêu thương ta. Một thanh niên tuyên bố Thiên đường toàn là màu trắng và mềm giống như kẹo dẻo, và anh ta thực sự tin rằng đồ ăn ở đó chỉ toàn là kẹo dẻo.

Cảnh quan thành phố Thiên đường nổi bật với những lâu đài làm bằng đá quý và khoáng vật (một nhà thuyết giảng nhấn mạnh rằng các lâu đài ấy là nơi được ở miễn phí, không sợ bị đuổi). Hầu hết mọi người đều đoán chắc rằng đời sống ở Thiên đường không có đau đớn khổ sở, con người ở đó vĩnh viễn thanh xuân, có thể thoải mái ăn đồ béo mà không sợ phát phì. Về tình dục trên Thiên đường, những người trả lời phỏng vấn chia làm hai phe, một nửa cho rằng ở đó có chuyện đó, một nửa cho rằng cực khoái ở Thế Giới Vĩ Đại Trên Kia làm rung chuyển Trái đất.

---

1. Thành phố Thiên đường hay Thành phố Thánh, được tiên tri trong sách *Khải huyền* của Kinh Thánh Tân ước. (ND)

Nhìn chung có sự đồng thuận rằng cư dân trên Thiên đường trông giống hệt chính họ khi ở trong hình hài người Trái đất, dù nhiều người cũng tin rằng trong mạch máu của họ nơi Thiên đường không có máu và Ở Đó, người ta có thể đi xuyên tường.

---

### KINH THÁNH ĐÃ NÓI VẬY, CHẴNG PHẢI SAO?

Tư tưởng “Thiên đường là điểm đến cuối cùng của hành trình” và toàn bộ vẻ tráng lệ của nó đã đến với chúng ta từ *Kinh Thánh*, chẳng phải sao? Nhưng, câu trả lời còn tùy thuộc vào người mà ông đặt câu hỏi.

Hãy bắt đầu với những học giả *Kinh Thánh* hiện đại, có điều chữ “hiện đại” của chúng tôi ở đây không ngụ ý cái đám ngang bướng gàn dở thiếu kiểm chế vừa chân ướt chân ráo ra trường. Chúng tôi muốn nói đến những học giả *Kinh Thánh* nổi bật trong khoảng hai trăm năm qua. Theo những người này, ý nghĩa chủ yếu của “Thiên đường” trong *Kinh Thánh* của người Do Thái<sup>(1)</sup> chẳng qua là “bầu trời”: cái vòm trong suốt ở giữa nước bên trên và nước cùng đất bên dưới<sup>(2)</sup>.

Nước bên trên? Đó là gì vậy - đại loại như một khu nghỉ thượng hạng ở biển á? Tôi đã bỏ lỡ mất thứ gì chăng?

Đó chẳng qua là cái nhìn về vũ trụ của những người Cựu ước, Daryl ạ. Họ nhìn lên trời, và Thiên đường trên đó lồng bông như món xúp. Hãy nhớ, khi ấy kính viễn vọng chưa được phát minh.

---

1. *Kinh Thánh* viết bằng tiếng Hebrew. (ND)

2. Adela Y. Collin, “Thiên đường”, trong *Từ điển Kinh Thánh Harper*, tr. 377.

Đối với họ, bầu trời là nơi mặt trời, mặt trăng, chim chóc và cả Thượng đế nữa, lang thang. Nhưng căn bản là người Hebrew thời cổ *không* có ý niệm về đời sống sau cái chết, chưa nói gì tới bầu trời. Thậm chí nhà tiên tri Daniel quá cố cũng nói về “đời sống vĩnh hằng” với những kết quả khác nhau cho người chính trực và kẻ xấu, nhưng là trong khuôn khổ của sự hồi sinh - nghĩa là trở lại với cuộc sống - thay vì như một sự tiếp diễn của sự sống ở một nơi nào đó khác, như là Cõi Beulah<sup>(1)</sup> hay còn gọi là Cõi Cực Lạc. Thành ra, có thể nói đến cả một ý niệm mơ hồ về Thiên đường cũng còn chưa hình thành vào thời ấy.

Trong *Tân ước*, hầu hết những chỗ nói về Thiên đường đều liên quan đến “nước trời”, nhưng nước trời không phải Thiên đường. Được rồi, chúng ta hãy thử lại một lần nữa. Nước trời là uyển ngữ để chỉ nước Chúa. Các tín đồ Cơ Đốc giáo đầu tiên vốn là người Do Thái đã dùng uyển ngữ vì tên Chúa được coi là quá thiêng liêng để thốt ra miệng<sup>(2)</sup>. Nước trời không hẳn là một địa điểm mà là một thời điểm - một thời điểm tương lai “vào lúc mặt thế” khi ý Chúa ngự trị toàn vũ trụ. Chính vì vậy mà người Cơ Đốc giáo cầu nguyện, “nước Người Trị đến, ý Người hiển linh.” Chúa Jesus đã dạy rằng thời điểm này ở gần, *rất gần*, và một số đoạn trong *Kinh Thánh* nghe như Ngài tin rằng nó đã đến.

Các nhà hiện đại chủ nghĩa nói rằng chỉ sau cái chết của Jesus, chỉ khi các tông đồ đã có những kinh nghiệm

---

1. “Cõi Beulah” là một thánh ca phổ biến về Thiên đường do Edgar Page Stites viết năm 1876. Sau này ông cho biết, “Tôi mới viết được hai đoạn và phần hợp xướng thì kiệt sức và không làm gì được nữa”. Tori Amos viết một bài hát có tên là “Cõi Beulah” cho album của cô năm 1998, *From the Choirgirl Hotel*.

2. Richard H. Hiers, “Nước Chúa”, trong *Từ điển Kinh Thánh Harper*, tr. 528.



tâm linh sâu xa mà họ lý giải là Jesus vẫn còn sống, một ý niệm Cơ Đốc giáo đầy đủ về sự hồi sinh nói chung mới hình thành. Nhưng ngay cả trong sự hồi sinh, không phải một cá nhân “sẽ đi tới Thiên đường” khi chết, mà “mọi kẻ được chọn” sẽ được chuyển hóa đồng thời - vào điểm kết của lịch sử. Tương tự, mô tả của Jesus về lò lửa dữ dội “nơi sẽ có tiếng gào khóc và nghiến răng” không phải là Địa ngục sau khi chết, mà đúng hơn là cảnh kết thúc của lịch sử, khi kẻ xấu bị loại khỏi nước Chúa.

Do đó, Daryl ạ, chúng tôi không nghĩ rằng đường đến Thiên đường (hay Địa ngục) là hành trình ông nên tin tưởng, nhưng ông vẫn cứ nên chuẩn bị để phòng xa. Giống như Woody Allen đã nói, **“Tôi không tin vào kiếp sau, nhưng tôi vẫn sẽ mang theo đồ lót để thay.”**

Còn nếu thứ ông đang tìm kiếm là sự cứu vớt tâm hồn (theo nghĩa đen), hãy tìm đọc những nhà bình giải *Kinh Thánh* theo Cơ Đốc giáo cực phái. Họ lập luận rằng có rất nhiều đoạn trong *Kinh Thánh* nói về một Thiên đường và/hoặc Địa ngục có thật mà tất cả chúng ta đến ngay sau khi lìa đời. Ví dụ, *Kinh Thánh* của người Do Thái nói về Sheol, một kiểu cõi âm cho những linh hồn quá cố, đại khái giống như Âm Ty [Hades], có điều nó được mô tả như một nơi bị quên lãng hơn là để trừng phạt<sup>1</sup>. Các nhà truyền thống chủ nghĩa còn trích một số đoạn đáng chú ý của Jesus trong các sách *Phúc âm*, có vẻ nói tới một kiếp sau ở Thiên đường. Ví dụ, *Phúc âm Luke* kể rằng Chúa Jesus đã nói với một trong hai kẻ đang bị đóng đinh thập giá cùng ngài, **“Hôm nay ngươi sẽ cùng ta ở Thiên đường.”**

1. Adela Y. Collins, “Hades”, trong *Từ điển Kinh Thánh Harper*, tr. 365.

Nghे như thế Ngài nói tới một thời điểm và địa điểm rất cụ thể, có thể làm nguôi dịu nỗi sợ của ông Allen về chuyện **“kiếp sau tồn tại, nhưng không ai biết nó ở đâu.”**

Các học giả *Kinh Thánh* hiện đại phản bác rằng mặc dù Jesus có thể tin vào một bãi đậu xe tạm thời nào đó cho người chết, nhưng Ngài quan tâm hơn đến nước Chúa sắp tới, đến việc chúng ta có “đời sống vĩnh hằng” dưới sự trị vì của Ngài vào lúc mạt thế, nhiều hơn là đến bất kỳ một kiếp sau nào trên Thiên đường.

Bất kể thế nào, nơi các nhà truyền thống chủ nghĩa tìm được mỏ vàng về hình ảnh Thiên đường chính là *Sách Khải Huyền*<sup>(1)</sup>. Theo những cảnh tượng mà tông đồ John [John xứ Patmos] thấy được, tường thành Tân Jerusalem bằng ngọc bích, thành phố thanh tịnh như vàng và trong suốt như thủy tinh. Các tường nhà trang hoàng châu báu, không cần đèn vì Chúa là ánh sáng rọi chiếu thành phố. Cũng chính trong *Sách Khải Huyền*, các nhà truyền thống chủ nghĩa tìm được hình ảnh của họ về Địa ngục, “một bể lửa và lưu huỳnh”. Dù tông đồ John nói rõ rằng đây là những cảnh tượng của *Khải Huyền* vào thời mạt thế, các nhà bình giải cựu phái lại thích gán hình ảnh này cho kiếp sau ở Thiên đường hoặc Địa ngục. Các nhà hiện đại chủ nghĩa có lẽ sẽ gợi ý cho những người bảo thủ kiểm tra lại nguồn tư liệu của họ: tông đồ John một mình đơn độc trên một hòn đảo và... bị ảo giác.

Điều thú vị là các nhà truyền thống chủ nghĩa lại sử dụng mô tả bình minh của thời đại mới vào lúc mạt thế của tông đồ Paul, dù khó mà đồng nhất mô tả ấy với tư

---

1. Cuốn cuối cùng của *Tân ước*. (ND)

tưởng về một Thiên đường ở kiếp sau. Tông đồ Paul nói, “Những người đã an giấc trong Chúa sẽ sống dậy trước tiên. Rồi chúng ta, những người sống còn lại, sẽ bắt kịp họ trên những áng mây để cùng gặp Thiên Chúa nơi tầng không, và cùng hưởng sự sống đời đời bên Thiên Chúa.”<sup>(1)</sup> Sự kiện này được những người Cơ Đốc giáo bảo thủ đặt tên là “Rapture”<sup>(2)</sup>, xảy ra vào “Tận Thế” và là chủ đề của loạt sách hết sức nổi tiếng *Những người bị bỏ lại* của Tim LaHaye và Jerry B. Jenkins.

---

### WWW.YOUBEENLEFTBEHIND.COM<sup>(3)</sup>

Một website mới ra đời cung cấp dịch vụ cho những người dự tính sẽ được “thăng thiên” trong sự kiện Rapture nhưng lo lắng cho những bạn bè, người thân bị bỏ lại. Với khoản phí thường niên (40 đô la cho năm đầu), người đăng ký có thể đăng các thông điệp để sáu ngày sau Rapture, chúng sẽ được gửi bằng email tới những người thân yêu của họ. Các thành viên trang này tin rằng có ít nhất sáu ngày để những người thân yêu của họ hồi tâm chuyển ý ăn năn và chấp nhận Chúa Jesus. “Mục đích của chúng tôi là đưa một thông điệp cuối cùng đến với những người còn lại của thế giới đã mất, vào thời điểm họ có đã thể sẵn sàng nhận nó lần đầu tiên đồng thời là lần cuối cùng.”

Nếu nhân sự của [www.youvebeenleftbehind.com](http://www.youvebeenleftbehind.com)

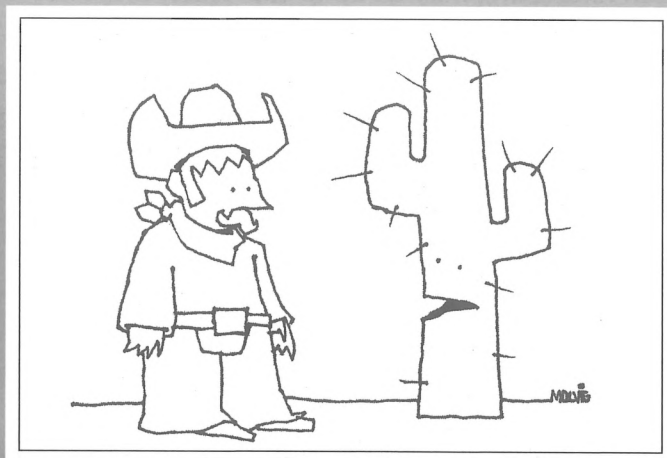
---

1. Thessalonica I, 4:16-17.

2. Sự cất nước Hội Thánh. (ND)

3. [www.bạn-đã-bị-bỏ-lại.com](http://www.bạn-đã-bị-bỏ-lại.com) (ND)

## HOPALONG<sup>(1)</sup> XÚ PATMOS



*Tôi nghĩ chừng đó metcalin<sup>(2)</sup> là đủ cho một ngày*

---

1. Nhân vật cao bồi trong một loạt các truyện ngắn và tiểu thuyết được ưa thích của Clarence E. Mulford. (ND)

2. Chất gây ảo giác làm từ cây xương rồng Mexico. (ND)

đều được “thăng” trong sự kiện Rapture thì sao? Ai sẽ trông nom công việc? Đừng lo, họ đã tính đến chuyện ấy. Nếu trong khoảng ba ngày, ba trong số năm nhân viên sống rải rác trên lãnh thổ Mỹ không đăng nhập, hệ thống sẽ tự động cảnh báo. Có lẽ quy tắc ba trong năm ngụ ý rằng hai trong năm người không qua được. Và trong trường hợp lỡ có người kích hoạt hệ thống sai, sẽ có một thời gian chờ ba ngày khác, trước khi email được tự động gửi đi.

Những người sáng lập trang web quả thật đã tiên liệu không sót điều gì.

---

#### CHÍNH SÁCH QUA CỔNG

Không ngạc nhiên khi đại đa số những người tin Thiên đường tồn tại cũng tin rằng họ là ứng viên chắc chắn được vẫy tay cho qua Cổng Thiên đường. 43% tin rằng họ đủ điều kiện vì “đã xưng tội và chấp nhận Chúa Jesus là Đấng Cứu Rỗi.” 15% tin họ chắc chắn sẽ thành công vì “đã cố gắng tuân thủ Mười Điều Răn,” còn 15% khác vì tin mình “căn bản là người tốt.” Cuối cùng, một nhóm đặc biệt lạc quan gồm 6% tin rằng mình sẽ được đón nhận vì “Chúa yêu tất cả mọi người và sẽ không để ai diệt vong.”

Liên quan đến các tiêu chí theo *Kinh Thánh* - dù là để được vào Thiên đường hay đời sống vĩnh hằng - câu trả lời lần nữa hoàn toàn tùy thuộc vào việc ông hỏi ai. Nhìn vào *Kinh Thánh Do Thái*, những người bảo thủ có khuynh hướng nhấn mạnh Giáo luật: hãy kính trọng cha mẹ, đừng mất tự chủ trước vợ hàng xóm, ăn xúp nấu bằng củ cải đường chứ đừng ăn xúp trai. Những người tự do thì chuộng những lời kêu gọi công bằng chung chung



trong sách của các nhà tiên tri. Những lời kêu gọi của các nhà tiên tri không cụ thể như Giáo luật, nhưng một số người cho rằng chúng còn khó tuân thủ hơn. Chúng được nhà tiên tri Micah đúc kết lại: “Chúa đâu đòi hỏi gì ở nơi người ngoài thực hiện công chính, yêu điều thiện lương, và khiêm tốn đi cùng Thượng đế của mình?”<sup>(1)</sup>

Đối với *Kinh Tân ước*, cựu phái nhấn mạnh vào những lời răn có tính chất ra lệnh của Chúa Jesus và tông đồ Paul - như cấm ly hôn - trong khi những người theo tư tưởng tự do chỉ ra rằng cả Chúa Jesus và tông đồ Paul có vẻ quan tâm đến tinh thần của luật hơn là đến chữ nghĩa của nó. Chẳng hạn, khi một nhà làm luật ở thế kỷ 1 muốn biết làm sao đến được đời sống vĩnh hằng, Chúa Jesus dạy ông ta hãy yêu Thượng đế bằng cả trái tim, tâm hồn, trí óc và sức mạnh của mình, yêu người láng giềng như yêu chính bản thân<sup>(2)</sup>. Không hề có điều cấm nào ở đây.

Nhưng chưa hết, Chúa Jesus dạy rằng chúng ta không nên phán xét bất kỳ ai theo bất kỳ cách nào. Cái gì? Không cấm hôn nhân đồng tính? Chẳng lẽ Ngài không biết gì về “lối sống Cơ Đốc” sao, Jesus?

---

Để hiểu rằng tinh thần của Giáo luật quan trọng hơn chữ nghĩa của nó thế nào, hãy xem hành vi của người đàn bà này.

Cảnh sát được gọi đến một căn hộ. Khi tới nơi, họ thấy một xác chết và một phụ nữ đang giẫm trên cái

---

1. Micah 6:8.

2. Luke 10:25.

xác, tay cầm cây gậy golf đánh máu. Thám tử điều tra hỏi, "Này cô, đây là chồng cô à?"

Người phụ nữ đáp, "Đúng."

Cảnh sát hỏi, "Cô đã đánh anh ấy bằng cây gậy golf đó?"

Người phụ nữ đáp, "Đúng, tôi đã làm thế."

Cảnh sát hỏi, "Cô đã đánh anh ấy mấy lần?"

Người phụ nữ đáp, "Tôi không biết... năm, sáu, có khi là bảy lần... Ông cứ ghi là năm."

---

Tông đồ Paul đôi khi khất khe, nhưng ông lại nói với chúng ta rằng đời sống vĩnh hằng có sẵn như một món quà, thật kỳ lạ. Chúng ta không có cách nào đạt đến nó! Tiêu chuẩn đón nhận quá ngặt nghèo.

Tuy nhiên, Cơ Đốc giáo nói chung thường dạy người ta tin vào sự tồn tại của Sở Hằng sống, một dạng báo cáo của các bậc thánh thiêng, và không phải tên ai cũng lọt được vào sổ này. Nhiều người Cơ Đốc giáo tin rằng Thánh Peter - người gác cổng Thiên đường - được chọn để thực thi chính sách qua cổng, giống người gác cửa ở một câu lạc bộ thời thượng, thường đặt cho kẻ muốn vào Thiên đường những câu hỏi khó.

Một người đàn ông chết và đi đến tòa Phán Xét. Thánh Peter gặp ông ta ở Cổng Thiên đường và nói, "Trước khi ông gặp Chúa, thiết nghĩ tôi nên nói cho ông biết - chúng tôi đã soi vào cuộc đời ông, thấy ông thật sự không làm điều gì đặc biệt tốt hay xấu. Chúng tôi không chắc nên phải làm gì với ông. Vậy ông có thể kể về một điều bất kỳ mà ông đã làm để giúp chúng tôi quyết định không?"



Ứng viên suy nghĩ một hồi rồi đáp, “À, một lần khi tôi đang lái xe thì bắt gặp một người phụ nữ đang bị một băng nhóm đi xe mô tô quấy rối. Tôi liền tấp vào lề, lấy thanh sắt làm lốp ra, tiến về phía tên cầm đầu. Hắn ta là một gã to lớn, cơ bắp, lông lá, xăm trổ khắp người và đeo khuyên xỏ mũi. Tôi giật cái khuyên mũi của hắn, và nhắc nhở hắn và băng của hắn tốt nhất nên ngừng quấy rối người phụ nữ, nếu không sẽ biết tay tôi!”

“Ấn tượng đấy,” Thánh Peter nhận xét. “Chuyện xảy ra lâu chưa?”

“Khoảng hai phút trước.”

Thì ra, kỹ thuật phỏng vấn sâu của Thánh Peter đảm bảo để có các dữ liệu quyết định cho việc xét đón nhận vào Thiên đường:

Thiên đường đã trở nên đông đúc, Thánh Peter bèn quyết định chỉ nhận những người gặp chuyện thật sự tồi tệ vào ngày họ chết. Buổi sáng đầu tiên áp dụng chính sách mới, Thánh Peter nói với một ông đứng đầu hàng, “Hãy kể cho ta về ngày ông chết.”

Người đàn ông đáp, “Ôi, thật là khủng khiếp. Tôi đoán chắc cô ả nhà tôi mèo mỗ, nên đã trốn sở làm về nhà sớm để bắt quả tang. Tôi tìm khắp căn hộ nhưng không thấy nhân tình của ả trốn đâu. Mãi khi ra ban công mới thấy một thằng cha đang bấu ngón tay đu đưa ngoài gờ tường. Tôi liền quay vào nhà lấy búa đập cho một nhát. Thằng cha ngã, nhưng rơi trúng bụi cây nên không chết. Tôi lại quay vào nhà vác cái tủ lạnh ra ban công ném uỳnh xuống dưới. Cái tủ lạnh đè thằng cha nát bét, nhưng vì cố sức vác cái tủ để ném, tôi lên cơn đau tim nên chết.”

Thánh Peter không thể phủ nhận rằng đây đúng là ngày tội tệ và đó là hành vi phạm tội bộc phát, nên ngài để người đàn ông được vào Thiên đường. Rồi ngài hỏi người đàn ông tiếp theo trong hàng về ngày anh ta chết.

“Tôi tệ lắm, thưa ngài. Tôi đang tập thể dục trên ban công nhà mình thì bị ngã. Tôi đã tóm được gờ tường ban công căn hộ bên dưới, nhưng đột nhiên có một thằng cha điên khùng hùng hổ lao ra vác búa nện vào ngón tay tôi! Tôi rơi xuống, nhưng trúng bụi cây và vẫn sống! Thế rồi thằng cha đó lại lao ra ném một cái tủ lạnh vào người tôi! Thế là xong!”

Thánh Peter cười rúc rích, và để anh ta vào Thiên đường. “Hãy kể cho ta về ngày ngươi chết,” ngài nói với người đàn ông thứ ba.

“Ôi, ngài có tưởng tượng được không, tôi đang trần như nhộng trong một cái tủ lạnh...”

---

#### TWAIN SẼ KHÔNG ĐƯỢC VÀO

Vào Thiên đường là do được ưu ái. Nếu do phẩm chất, bạn sẽ ở ngoài còn con chó của bạn được vào.

- Mark Twain

---

Các khái niệm về Thiên đường và Địa ngục không chỉ được xác định bởi tôn giáo, mà còn bởi các truyền thống văn hóa thế tục.

Hãy lấy trường hợp André đang ngụ ở Thiên đường xin được đi thăm bạn cũ của mình là Pierre ở Địa ngục. Nguyện vọng của anh được đáp ứng, đích thân quỷ Satan dẫn André đến buồng riêng của Pierre.

Ở đó, André thấy Pierre chễm chệ trên chiếc sofa dành cho cặp đôi, một người đẹp trần truồng ngồi trong lòng, một khay đồ khai vị đặt trên chiếc bàn bên cạnh, trên tay cầm ly sâm banh. Andre không tin vào mắt mình. “Đây là Địa ngục sao?” anh sửng sốt.

“Thế mà đúng vậy đấy,” Pierre thở dài. “Cô này là vợ đầu của tôi. Pho mát này của Bỉ. Còn ‘sâm banh’ - biết nói thế nào đây - có được gọi là ‘sâm banh’ không khi nó có xuất xứ từ California!”

Còn ông hỏi, hình ảnh Thánh Peter giữ Cổng Thiên đường đến từ đâu? Trong *Phúc âm Matthew*, Chúa Jesus nói Ngài trao cho Peter “những chìa khóa của *nước trời*.” Rõ ràng Ngài ngụ ý rằng Peter có vai trò trung tâm trong việc mở ra thời kỳ mới. Điều này nghe không hẳn giống như soát danh sách để cho người vào một cộng đồng có cổng, nhưng đó là nguồn gốc dẫn tới Thánh Peter với tư cách người giữ cổng. Trong *Sách Khải Huyền* đoạn về Tân Jerusalem có nói thành phố có mười hai cửa, mỗi cửa “là một viên ngọc”. Gộp hết lại thì chúng ta sẽ có gì? Thánh Peter canh giữ những cánh cổng ngọc.

### THIÊN ĐƯỜNG CỦA ANH HAY CỦA TÔI?

Khi chọn tôn giáo, một trong những tiêu chí cần lưu tâm là kiếp sau của nó được đặt ở đâu. Hãy xem Phật giáo Tịnh Độ. Dựa trên niềm tin rằng trong thời Mạt Pháp suy đồi, đạt sự rỗng không của Niết Bàn chỉ thông qua thiên định đối với hầu hết chúng ta là quá khó, nên Phật giáo Tịnh Độ đưa ra cảnh tượng về những quốc độ của Phật mà chúng ta

có thể đạt tới bằng cách cầu nguyện Phật A Di Đà. Vào lúc chết, khi trú ngụ tại những cõi tuyệt trần này, chúng ta sẽ thấy chúng đạt Niết Bàn tại đó dễ hơn nhiều.

Trong *Quán Vô Lượng Thọ Kinh*, Đức Phật dạy chúng ta cách quán tưởng các cõi Phật. Trong một trạng thái định, chúng ta có thể quán thấy những cây cối khổng lồ, được tô điểm bởi hoa lá làm bằng bảy loại châu báu. Lá bằng ngọc lưu ly phát ra ánh sáng màu hoàng kim, lá bằng đá pha lê phát ra ánh sáng đỏ thẫm, lá màu mã não phát ra ánh sáng xà cừ, lá màu xà cừ phát ra ánh sáng màu lục trân châu. Giống như thế giới trong tiểu thuyết hư cấu *Sentenced to Prism* của Dean Foster, các lưới ngọc phủ lên cây cối. Giữa các lưới là năm tỉ cung điện hoa, trong mỗi cung điện hoa là những thiên đồng tử đeo chuỗi gồm năm tỉ ngọc như ý. (Kỹ xảo cỡ Steven Spielberg cũng chẳng tài nào mô tả được. “Steve, chúng tôi đã cho phòng sản xuất duyệt qua vụ năm tỉ cung điện hoa. Xin lỗi, ông sẽ phải hài lòng với ba mươi cung điện hoa thôi.”)

Thiên đường Hồi giáo cũng kỳ lạ không kém. Theo kinh *Koran*, những người tới được đó sẽ “nghỉ ngơi trên những ghế dài, và đợi họ ở đó là những nam thanh nữ tú bất tử, với bát, bình đựng nước và một ly rượu tinh khiết nhất (thứ rượu sẽ không bao giờ làm họ nhức đầu hay đánh mất lý trí), với những trái cây họ ưa thích và món thịt gà khoái khẩu. Những mỹ nữ mắt đen, mộc mạc như ngọc thô sẽ là của họ, phần thưởng cho những gì họ đã làm... Chúng ta tạo ra những mỹ nữ, vẫn còn trinh trắng để làm bạn tình với những người đứng về phía phải...”<sup>(1)</sup>

---

1. *Koran*, 51:15ff. “Đứng về phía tay phải của Đức Allah” ngụ ý những tín đồ trung thành của Hồi giáo. (ND)

Bảy mươi hai trinh nữ nổi tiếng không được đề cập trong kinh *Koran*, còn lai lịch của họ thì dài và rất phức tạp. Theo một truyện *hadith*<sup>(1)</sup>, câu chuyện về các trinh nữ được kể bởi một người sau khi nghe từ một người khác, người kia nghe từ một người khác nữa, người ấy lại nghe từ một người thứ ba, và người này nghe Muhammad nói, “Phần thưởng nhỏ nhất cho những người trên Thiên đường là một nơi cư ngụ với tám mươi ngàn người hầu và bảy mươi hai trinh nữ.”<sup>(2)</sup> Các giáo sĩ Hồi giáo gọi chuỗi truyền thừa như vậy là “yếu”, cho nên Daryl ạ, chúng ta không nên tin chắc rằng có chính xác bảy mươi hai trinh nữ. Ngoài ra, có lẽ vì chúng tôi đang hưởng An sinh xã hội<sup>(3)</sup>, nhưng xem ra bảy mươi hai trinh nữ với chúng tôi là hơi nhiều. Còn tám mươi ngàn người hầu lại là chuyện khác.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi cảnh tượng Thiên đường do một truyền thống tôn giáo truyền bá lại phản ánh tinh thần chung của chính truyền thống đó. Lấy ví dụ trong Hindu giáo, không có tầng trời nào trong nhiều tầng trời của họ là “Thiên đường”. Nhiều tầng trời chỉ là những cấp độ tịnh hóa ngày càng tinh tế mà chúng ta trải qua và do nghiệp quyết định, trên con đường tới mục tiêu thật sự là siêu việt lên *mọi* sự tồn tại.

Ngược lại, Khổng Tử hoàn toàn từ chối ước đoán về Thiên đường, dù ông chấp nhận nó là nơi trú ngụ của những tổ tiên đáng kính. Còn ngoài ra, Khổng Tử cho rằng Thiên đường chỉ gây sao nhãng cho sự tu dưỡng Ngũ thường thiết thực của ông<sup>(4)</sup>.

1. Những chuyện về Thánh Muhammad và các tín đồ của ông. (ND)

2. Sunan al-Tirmidhi Hadith 2562.

3. Chúng ta đã quá già rồi! (ND)

4. Năm mối quan hệ chủ yếu: vua-tôi, cha-con, vợ-chồng, anh-em, bạn bè. (ND)

Nhưng cảnh tượng về một Thiên đường được chúng tôi ưa thích và phản ánh tinh thần truyền thống tôn giáo của nó là thần thoại Na Uy xoay quanh Valhalla, cung điện của những chiến binh giết người, có mái lợp bằng khiên vàng. Những chiến binh mất mạng lên Thiên đường ngày ngày đều chén thịt lợn đực hoang dã và tu rượu từ nùm vú của một con dê. Trò tiêu khiển chủ yếu của họ là liên tục đánh nhau. Đại loại như giải đấu UFC<sup>(1)</sup> trên trời vậy.

### THIÊN ĐƯỜNG ĐẦY MÂY đối lại THIÊN ĐƯỜNG ĐẦY CÂY CỎ?

Ơn trời vì tạo ra các nghệ sĩ. Hay nói khác đi, cảm ơn các nghệ sĩ vì tạo ra Thiên đường. Chính những gã mặc áo choàng tổ ong ấy đã cho chúng ta Thiên đường mà chúng ta biết - một Thiên đường chứa đầy những giá trị sinh sôi kinh khủng.

Những hình ảnh hiện nay của chúng ta về Thiên đường đa phần đến từ hội họa cuối thời Trung cổ và Phục hưng. Hãy xem một bức họa đầu thế kỷ 16, *Tam vị nhất thể trên ngai vàng* [*The Holy Trinity Enthroned*], của một nghệ sĩ chỉ được biết theo tên người bảo trợ của ông là thầy của James IV xứ Scotland (Master of James IV of Scotland - đám bạn nhạc rap gọi ông là MJ4). Ở đây chúng ta thấy được một số dấu hiệu xác nhận về Thiên đường đến giờ vẫn còn. Thiên đường lơ lửng trong không trung, bên trên các đám mây, nghĩa là nó ở *phía trên*, một phương hướng tùy thuộc vào vị trí ông đang đứng trên địa cầu (trừ trường

---

1. Ultimate Fighting Championship, giải đấu võ tổng hợp của những đấu sĩ hàng đầu trên thế giới. (ND)

hợp ông tình cờ là một người theo chủ thuyết Trái đất Phẳng. Mây luôn xuất hiện nổi bật trong các khái niệm về Thiên đường: đôi lúc chúng ta ở cao hơn hẳn so với chúng, nhưng thường thì chúng là một nền tảng tựa tựa mà chúng ta bước bên trên. Kế đến, các thứ đồ đạc - cứ tạm gọi như vậy - được mô tả trong bức họa này với sắc thái trầm lặng, rất nhợt nhạt. Màu gốc nhất định là quá lờ lợt đối với Thiên đường. Và cuối cùng, nói thêm một chút nữa về màu sắc, chúng ta thấy dấu vết cầu vồng lơ lửng xung quanh các Đấng thiêng liêng của MJ4. Có vẻ ở Thiên đường không có ngày mưa, nhưng cầu vồng thì rất sẵn.

Hoặc hãy xem bức *Chôn cất Bá tước xứ Orgaz* [*The Burial of the Counz of Orgaz*] của họa sĩ gốc Hy Lạp, Domenikos Theotokopoulos (cuối thế kỷ 17). (Ở quê hương thứ hai là Tây Ban Nha, ông lấy tên là El Greco vì cho rằng nó dễ phát âm hơn.) Chúng ta thấy không chỉ sự nhợt nhạt của Thiên đường mờ dần thành màu trắng gần như trong suốt, mà trong tranh còn xuất hiện hai đặc điểm tồn tại mãi đến giờ: cái *toga* dùng như quần áo, và áo choàng lễ phục trắng là dứt khoát phải có. (Thiên đường là cộng đồng trao cơ hội bình đẳng - áo toga phổ thông hay áo choàng lễ phục giống như đồng phục học sinh, khiến người giàu hết đường đề đầu cưỡi cổ người nghèo hèn.) Đối với đám *hoi polloi*<sup>(1)</sup>, hào quang và cánh xem ra không nhất thiết. Cuối cùng, không gian dày đặc những bậc đáng thờ phụng, những tiểu thiên sứ và thiên thần có cánh. Những nhân vật quyền rũ này ngày càng đông đúc trong hội họa suốt thời kỳ Phục hưng, nên đàn lia và đàn

1. Quần chúng nhân dân. (ND)

hạc bằng vàng đã trở thành những phụ kiện *de la mode*<sup>(1)</sup>. Ngoài đàn hạc, đây đó chúng ta bắt đầu gặp những dàn hợp xướng thiên đường hoặc chí ít là bè nữ cao.

Nhiều sử gia nghệ thuật xem những miêu tả về vườn Địa đàng - tức Thiên đường trần gian - là một gợi ý về quang cảnh của Thiên đường. Nó là “họ hàng gần” của Thiên đường, dẫu vậy vẫn dễ cho chúng ta dùng những giác quan trần tục của mình hình dung hơn. Hãy xem quang cảnh vườn Địa đàng được mô tả bởi họa sĩ theo trường phái Netherlandish<sup>(2)</sup> thế kỷ 15, Hieronymus Bosch. (Tên cha sinh mẹ đẻ là Jeroen Anthonissen van Aken, nhưng họa sĩ đã đổi tên vì nghĩ Hieronymus khó phát âm hơn.) Ở bức bên trái của bộ ba bức tranh *Khu vườn của những khoái lạc trần thế* [*The Garden of Earthly Delights*], còn được gọi là bức “Cực lạc” hay “Vườn Địa đàng”, H.B đóng góp một số đặc điểm tiêu biểu cho cách giải thích này về Thiên đường: thôn dã, sum suê, đầy những sinh vật đáng yêu và thân thiện với con người - một vương quốc thái bình với rất nhiều trái cây sà xuống thấp và giàu chất xơ. Nó khiến chúng ta nhớ tới một câu chuyện:

Cụ ông cụ bà Al và Betty tám mươi ba tuổi và đã kết hôn được sáu mươi năm. Tuy không hề giàu có, họ vẫn sống ổn nhờ biết tận tiện chi tiêu. Họ đều có sức khỏe rất tốt, chủ yếu do Betty chú trọng chế độ ăn uống lành mạnh.

Trên đường tới dự buổi hội khóa trường cấp ba lần thứ sáu mươi lăm, máy bay của họ rơi, đưa họ tới thẳng

1. Đúng kiểu, hợp thời. (ND)

2. Trường phái hội họa phát triển trong thời Phục hưng ở khu vực ngày nay thuộc Bỉ, Hà Lan, Luxembourg và một số vùng phía Bắc nước Pháp. (ND)



Thiên đường. Tại Cổng Thiên đường, Thánh Peter dẫn họ tới một cung điện đẹp đẽ, trang hoàng bởi vàng bạc lụa là, với một căn bếp đầy đủ đồ ăn và một thác nước trong phòng tắm chính. Có thể thấy một người giúp việc đang treo quần áo ưa thích của họ vào tủ. Họ há hốc miệng vì kinh ngạc khi Thánh Peter nói, “Xin chào mừng tới Thiên đường. Từ giờ đây sẽ là nhà của quý vị. Nó là phần thưởng cho quý vị.”

Al nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy một sân golf thượng hạng, đẹp hơn bất kỳ sân golf nào ông từng thấy. Thánh Peter đưa họ tới nhà câu lạc bộ, tại đó họ thấy một bữa trưa tự chọn với quá nhiều món ăn; mọi thứ cao lương mỹ vị mà họ có thể tưởng tượng ra được bày trước mắt, từ món tôm hùm Thermidor kiểu Pháp, món thăn bò hảo hạng, đến các món tráng miệng nhiều kem. Al nhìn vào Betty một cách lo lắng, rồi quay sang vị chủ nhà. “Những đồ ăn ít béo và ít cholesterol ở đâu?” ông hỏi.

“Đó là màn hay nhất đấy,” Thánh Peter đáp. Các vị có thể ăn bất cứ thứ gì mình thích và ăn bao nhiêu tùy ý, nhưng sẽ không bao giờ bị béo hay bị bệnh. Đây là Thiên đường mà!”

“Không cần kiểm tra đường huyết hay huyết áp à?” Al gắng hỏi.

“Không bao giờ nữa,” Thánh Peter đáp. “Tất cả những gì ông làm ở đây là tận hưởng.”

Al nhìn Betty trừng trừng, lẩm bẩm, “Đúng là bà và cái thứ cám yến mạch phải gió của bà! Đáng lẽ chúng ta đã ở đây từ mười năm trước rồi!”

Xuất phát từ những hình dung cơ sở này mà các minh họa trong *Kinh Thánh*, các quảng cáo trên tạp chí, sách cho

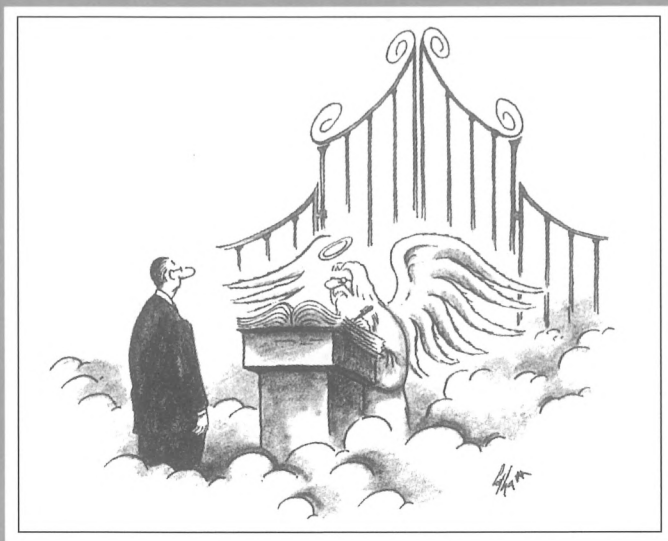
trẻ em, truyện tranh và phim ảnh đã bổ sung phần lớn những điều còn lại trong hình ảnh về Thiên đường.

### THIÊN ĐƯỜNG NHẬP MÔN

Sách dành cho trẻ em mô tả về Thiên đường tiếp tục sinh sôi nảy nở, có thể nói là nhanh hơn cả những xưởng bia mini. Gần đây, Maria Shriver (còn được gọi là Bà Hủy Diệt) đã cho ra đời cuốn *Thiên đường là gì?*, một kiểu hỏi và đáp giữa mẹ và con gái sau khi bà ngoại của cô gái bé nhỏ qua đời. Khi cô con gái hỏi tại sao mình không nhìn thấy Thiên đường, bà mẹ đáp bằng một sự rắc rối triết học, “Thiên đường không phải là một nơi con có thể thấy được. Nó là một nơi nào đó con tin vào.”

Nhưng Thiên đường ưa thích của chúng tôi trong một cuốn sách dành cho trẻ em là *Thiên đường chó* của Cynthia Rylant. Đàn chó con lìa trần không cần cánh vì chúng thích chạy hơn, và Thượng đế, được minh họa như một lão nông có chòm râu bạc, đầu đội mũ, sẽ để chúng làm theo bản năng. Thiên đường này rõ ràng giống vườn Địa đàng, với vô số cái hồ, rất nhiều ngỗng và các thiên sứ để cùng vui đùa. Quan trọng nhất, nếu ông là một con chó thì Thiên đường chứa đầy bánh quy nặn tay dành cho chó với những hình thù như mèo con, sóc và sandwich giăm bông. Ắng ắng!

Nếu đánh giá dựa trên những minh họa của *Kinh Thánh*, những cư dân của Thiên đường mãi mãi trông mãi nguyên đến mức chỉ thiếu điều tự mãn. Họ có khuynh hướng tụ họp và đi thơ thẩn theo những nhóm nhỏ, ưa thích bóng râm của những cái cây có lá mượt



*Người từng giả chết một lần -  
làm sao ta biết lần này người không giả nữa?*



*"Tôi đoán mọi thứ cũng chỉ thế này thôi."*

như lông. Bản thân Thượng đế đôi lúc cũng xuất hiện, thường có một đoàn tùy tùng các vị thánh đi theo. Ngài mặc một cái *toga* giống như mọi người khác, nhưng nói thế nào nhỉ, cái của ngài bay lượn dập dờn hơn mà chẳng có ai phàn nàn.

Thiên đường là một trong những đề tài phổ biến nhất cho tranh biếm họa, sánh ngang với hoang đảo hay phòng khám của bác sĩ tâm thần. Trong những biếm họa ấy, sự việc chủ yếu xảy ra tại Cổng Thiên đường với những bông đùa về chính sách qua cửa.

(Rất tình cờ, các họa sĩ vẽ biếm họa ưa thích Thiên đường “mây” hơn là Thiên đường “núi non cây cỏ”, có lẽ vì họ thường vẽ trắng đen.)

Một khi đã qua cổng, chúng ta rơi vào một tấn hài kịch cuộc sống: chúng ta ở đây, trên Trời, nhưng căn bản vẫn mang tính người với tất cả những nhược điểm, loạn thần và sự tầm thường trần tục của mình.

Không phải tôi muốn làm người tiêu cực hay gì đâu, nhưng bức biếm họa về Thiên đường chơi-bài đã nêu lại nỗi lo không bao giờ tắt của chúng ta: vĩnh hằng - ngay cả ở chốn Thiên đường - liệu có khả năng đưa đến cái *sự nhàm chán cũ rích* đó không? Hãy xem Gil, một người câu cá lâu năm:

Gil đến bên một dòng suối đẹp, quăng câu và tóm được một chú cá hồi tuyệt đẹp nặng hai mươi pound<sup>(1)</sup>. Nhưng vừa kéo được con cá vào bờ thì ông ta lên cơn đau tim ngất lịm.

Tỉnh dậy, Gil thấy mình đang nằm bên bờ một dòng

1. Một pound bằng 450 gram. (ND)

suối muôn phần đẹp hơn, cá hồi bơi nhung nhúc. Bên cạnh chỗ ông ta nằm để sẵn một bộ cần câu và ống dây hiện đại nhất. Ông ta vó lấy đồ nghề và lập tức quăng dây. Bingo! Gil lập tức câu được một chú cá lộng lẫy nặng ba mươi lăm pound và kéo hẳn nó vào bờ. Ông ta cảm thấy hết sức tuyệt. Sau đó, ông ta lại quăng dây, và lập tức tóm được một chú cá tuyệt vời khác. Cứ thế, những con cá đẹp đẽ cứ xếp thành hàng dài mãi trên bờ suối đằng sau ông.

Nhưng khi màn chiều buông, Gil nhận ra ông ta không còn nhiều nhiệt huyết để câu cá như thường lệ nữa. Thật ra, ông bắt đầu cảm thấy buồn chán.

Vừa khi ấy, ông ta thấy một người đàn ông khác đang men theo bờ suối đi về phía mình. “Hóa ra đây là Thiên đường,” ông ta lên tiếng với người kia.

“Ông nghĩ vậy sao?” người kia đáp.

### THIÊN ĐƯỜNG TRÊN PHIM ẢNH

Chính những mô tả về Kiếp Sau thông qua phim ảnh đã cho Thiên đường diện mạo nhiều sắc màu nhất. Hãy xem bộ phim câm trắng đen kinh điển của Đức năm 1926, *Faust*. Bộ phim tuy không tập trung vào Thiên đường hằng ngày, nhưng hình ảnh Faust chèo thuyền qua miền liên tục không-thời gian với con quỷ bên cạnh đã cho chúng ta một thoáng nhìn về quang cảnh Thiên đường: những tia sáng rực rỡ xuyên qua lớp sương mù, những công trình kiến trúc hoành tráng của Hy Lạp rõ ràng đã bị bỏ hoang trước khi được hoàn thiện. Đa phần các hình ảnh này xuất phát từ trí tưởng tượng của những nghệ sĩ hay quạu quọ như Dürer và Bruegel, nên Thiên đường trong *Faust* âm u

bí hiểm kinh người, không phải là một nơi hạnh phúc thật sự để hưởng vĩnh hằng.

Sương mù trở thành thứ bắt buộc phải có trong những bộ phim về sau. Trong bộ phim hài năm 1941 *Ngài Jordan xuất hiện* [*Here Comes Mr. Jordan*], chúng ta bắt gặp thứ mà sau này được các bộ phận hiệu ứng đặc biệt của Hollywood gọi là Thiên đường “băng khô” - một thứ trông như mây như khói, làm thành dải mà những người đã khuất có thể bước đi trên đó.

Thiên đường không góp gì hơn ngoài một vai trò thoáng qua trong bộ phim âm nhạc toàn-đen năm 1943, *Cabin giữa trời* [*Cabin in the Sky*], nhưng đáng lưu ý rằng ở đó người ta vẫn bước đi trên mây. Và để phù hợp với những khuôn mẫu mang tính thời đại của kịch bản - những người Mỹ gốc Phi thật thà, nghèo-mà-mãi-mãi-hạnh-phúc - bậc thang lên Thiên đường được làm bằng các thanh gỗ bé tí, ọp ẹp lung lay mà chẳng ai bận tâm.

Chỉ sau hai phim *Jordan* và *Cabin* vài năm, một Thiên đường phức tạp đến đáng ngạc nhiên đã xuất hiện trong phim *Một vấn đề sinh tử* [*A matter of Life and Death*] của Anh (được đổi tên thành *Bậc thang lên Thiên đường* để phát hành ở Mỹ). Về phương diện thị giác, hình tượng dí dỏm nhất của nó là Thiên đường thì trắng-đen, đời sống trần gian thì sắc màu sặc sỡ. (Một cư dân Thiên đường có việc xuống Trái đất đã nhận xét, “Trên kia người ta *khao khát* phim màu.”) Ở Thiên đường này người ta sống cực kỳ khắc khổ và không biết chơi là gì. Việc ghi chép chính xác ai chết vào lúc nào cũng làm các thư ký bận rộn suốt cả ngày. Cảnh sắc nơi đây gọi không khí trần gian thập niên 1940 - những băng tải người mới lia trần, những cặp cánh trên giá quần áo của cửa hàng tổng hợp, máy bán xô đa tự động.

Phim *Một vấn đề sinh tử* có cốt truyện hoàn toàn thuộc loại “mạch lạc dễ xem”<sup>(1)</sup>, nhưng nêu được một số câu hỏi triết học cổ lỗ sĩ đáng giá: Thiên đường có phải chỉ là một ảo giác, kết quả của tổn thương não và có thể được chữa lành bởi phẫu thuật? Sự sẵn sàng chết vì người mình yêu có phải là kiểm chứng quyết định cho tình yêu đích thực? Sống ở chốn trắng-đen liệu có hơn ở thế giới đầy màu sắc?

Câu hỏi cuối cùng dường như ngụ ý rằng Thiên đường - đó là phim, hoặc chí ít cũng là một mảnh đất tốt để làm phim.

Đạo diễn kiêm nhà sản xuất lừng danh của Hollywood là Otto Preminger đến Thiên đường, được Thánh Peter chào đón ở cổng Thiên đường với lời phán rằng Chúa muốn ông làm thêm một phim nữa.

Preminger nhăn mặt: “Nhưng tôi đã nghỉ hưu nhiều năm trước khi chết. Tôi mệt mỏi với tất cả những rắc rối liên quan đến chuyện làm phim rồi.”

“Nghe này,” Thánh Peter giải thích, “chúng ta đã có Ludwig van Beethoven viết nhạc nền cho bộ phim.”

“Ngài không nghe tôi nói à,” Preminger phản ứng. “Tôi không muốn làm thêm bộ phim nào nữa.”

“Nhưng chúng ta có Leonardo da Vinci dựng cảnh cho ông,” Thánh Peter thốt lên.

“Tôi không muốn làm thêm bộ phim nào nữa!” đạo diễn khẳng khái.

---

1. High-concept, những bộ phim được phát triển với một cốt truyện rõ ràng. Đối lập với thể loại này là phim “low concept”, gắn với sự phát triển tinh tế của tâm lý nhân vật và các yếu tố không dễ tổng kết khác. (ND)



“Hãy xem kịch bản này đi,” Thánh Peter nói. “Chúng ta có William Shakespeare viết sẵn cho ông rồi!”

“Thôi được,” Preminger nói, “nhạc nền Beethoven, dựng cảnh Leonardo, kịch bản Shakespeare... Làm sao có thể từ chối được? Tôi sẽ làm!”

“Tuyệt!” Thánh Peter reo lên. “Chỉ một ân huệ nhỏ nữa... Ta có cô bạn gái, cô ấy sẽ hát trong phim...”

Kiểu Thiên đường huyền ảo đã xuất hiện hơi quá đà trong siêu phẩm hoành tráng năm 1998 *Những giấc mơ có thể đến* [*What Dreams May Come*]. Đây là bộ phim về Thiên đường kiểu Hollywood đầu tiên tận dụng mọi lợi thế của cuộc cách mạng kỹ xảo điện ảnh từ sau *Chiến tranh giữa các vì sao* [*Star Wars*], nên rõ ràng các nhà làm phim đã đi theo con đường vườn Địa đàng - một quang cảnh kiểu Monet<sup>(1)</sup>, trên đó rắc lên thứ nghệ thuật của Kmart<sup>(2)</sup>, sau đó được số hóa với những con chó biết bay, những nàng tiên và những cô gái xinh xinh. Cái chúng ta có ở đây là Thiên đường quá tải cảm giác: mỗi quang cảnh đều đầy ắp hình ảnh những chùm ánh sáng vàng, cầu vồng, những ngọn núi mây vờn, những con suối róc rách, cây cối nở hoa, những thảm hoa dại, chưa kể những tòa kiến trúc pha trộn Hy-La nhan nhản cột kiểu cổ điển và các bãi cỏ với bàn ghế ngoài trời của những năm 1950. Nó là một Thiên đường cho những người bị chứng rối loạn thiếu tập trung.

Không ngạc nhiên khi xét trên phương diện triết học, phim *Những giấc mơ có thể đến* hoàn toàn thuộc trường phái

---

1. Claude Monet, người sáng lập trường phái hội họa ấn tượng của Pháp. (ND)

2. Chuỗi cửa hàng tổng hợp bán giá chiết khấu ở Mỹ. (ND)

tư duy sâu gọi là Đầu Rỗng Tân Thời Đại. Một tổng thiên thần ngậm nga, “Ngươi tạo ra hình ảnh riêng về Thiên đường từ chính sự tưởng tượng của ngươi”, “Tư tưởng là thật, vật chất là ảo” và “Nơi đây đủ lớn để mỗi người có một vũ trụ riêng của mình.” *Lại cái gì nữa vậy?* Quá đủ để một Thiên sư phải bật cười.

May thay, bộ phim nhan đề *Ý nghĩa của cuộc sống - Phần VII: Cái chết* của Monty Python đã cho chúng ta thấy một Thiên đường kỳ cục nhưng sống động và thú vị hơn mọi thứ còn lại - ngay cả khi nó là một Thiên đường Trào phúng.

Nhưng trước khi Rạp Xiếc Bay của Monty đưa chúng ta tới chốn Thiên đường đó, hãy xem qua kịch bản vui nhộn của họ. Thần Chết dữ tợn đến gõ cửa ngôi nhà miền quê của một nhân vật trung lưu người Anh nào đó, đúng khi diễn ra bữa tiệc tối. Chủ nhà mặc áo vét màu và đeo cà vạt ra mở cửa, gặp Thần Chết lăm lăm lưỡi hái. “Ông đến về việc cái hàng rào phải không?” chủ nhà hỏi. Bà vợ xuất hiện, mời Thần Chết vào nhà, giới thiệu Thần Chết với các vị khách kèm nụ cười duyên, “Là một trong những người đàn ông của làng,” rồi nói tiếp, “Lấy đồ uống cho ngài Thần Chết đi, anh yêu.”

Mặt mày ảm đạm, Thần Chết thông báo, “Ta đến để đưa các ngươi đi.” Một vị khách trong nhà kêu lên, “Thế chẳng phải làm buổi tối mất vui sao?”

Trong nháy mắt, *tất cả* có mặt ở Thiên đường (món bánh mì kẹp cá hồi mà chủ nhà khoản đãi tình cờ liên quan đến chứng ngộ độc thịt). Họ tới quây làm thủ tục đăng ký ở một khách sạn hiện đại sừng sững giữa những quảng trắng lung linh. Từ đó, các vị khách được dẫn đến Phòng Đỏ, một nhà hát phong cách Las Vegas với các bàn

ngồi san sát những con người vui vẻ đến từ nhiều thời đại khác nhau. Màn diễn bất ngờ bắt đầu: một nhạc phẩm kỳ dị kèm vũ điệu phóng túng, diễn viên chính nom như Tom Jones<sup>(1)</sup>, còn tiết mục chính là các thiên thần trong dàn đồng ca thiếu nữ phơi những bộ ngực trần đẹp tuyệt. (Nhân tiện, bộ phim hoạt hình ăn khách *Công viên phía Nam: Lớn hơn, dài hơn và chưa cắt* cũng có hình ảnh các nữ thiên thần ngực lớn để trần - liệu có phải chúng ta đang phát hiện ra một xu hướng ở đây?)

Phim *Ý nghĩa của cuộc sống* kết thúc với cảnh một phụ nữ ngồi bên lò sưởi mà kết luận rằng ý nghĩa của cuộc sống là... ừm, xem nào... chính là những điều thông thường khuôn sáo như con người tử tế với nhau, được ăn uống đúng cách, và ngao du đây đó vui vẻ. Khi hợp ngữ cảnh, những lời ấy khiến người ta xiết bao yên lòng.

## ĐỊA NGỤC

Đừng yêu cầu chúng tôi nói về Địa ngục, đích đến ở kiếp sau cho những kẻ có tội. Giống như Thiên đường, Địa ngục có đời sống riêng của nó, với quang cảnh lửa cháy ngùn ngụt do các họa sĩ, người vẽ minh họa, người vẽ biếm họa và các nhà làm phim tạo nên, chưa kể những nhà thơ như Dante, từng kể về Inferno - địa ngục với chín tầng khác nhau. Một số hình ảnh của chúng ta về cõi âm này đến từ thần thoại Hy Lạp về Hades - một xứ sở cận kề khó trị ở bờ bên kia của sông Styx. Nhưng phần lớn các hình ảnh về Địa ngục

1. Tên thật là Thomas Jones Woodward, nam danh ca người xứ Wales. Ông nổi tiếng từ giữa thập niên 1960 và hát gần như mọi thể loại nhạc đại chúng. (ND)

đến từ những con ác mộng của giới nghệ sĩ và diễn viên hài kịch.

Điều đó đủ để nói rằng Địa ngục bởi thêm một lý do khiến con người thêm sợ chết, *kể cả nếu có kiếp sau*. Sẽ ra sao nếu linh hồn của chúng ta *đúng là* bất tử, nhưng kết cục lại rơi vào cái phòng tra tấn này?

Không, chúng tôi không đến đó.

---

Như thường lệ, các ca sĩ nhạc đồng quê có vẻ thực tiễn hơn đám họa sĩ và nhà làm phim. Lorretta Lynn hát:

Ai cũng muốn đến Thiên đường, nhưng không ai muốn chết.

Lạy Chúa, con muốn đến Thiên đường, nhưng con không muốn chết.

Còn ta mong đến ngày sẽ lại sinh ra đời, vì ta yêu cuộc đời trên Trái đất.

Ai cũng muốn đến Thiên đường, nhưng không ai muốn chết.

*Có sao nói vậy đi, Loretta!*

*Chúng tôi đồng ý với ông, Daryl. Chuyển món cháo yến mạch qua đây!*

Phần IV

ĐỜI SỐNG SAU KHI CHẾT:  
BUU THIẾP TỪ THẾ GIỚI BÊN KIA



Có phải dì Lulu quá cố của ông  
đang gọi đến đó không?  
Nếu vậy, gác máy chẳng phải là bất lịch sự sao?



## Chương 9

### ÁNH SÁNG CUỐI ĐƯỜNG HẦM

Vậy là, Daryl, ông biết rồi đấy: tim ông ngừng đập, phổi ông ngừng phập phồng, các dấu hiệu sự sống của ông tắt dần... rồi đột nhiên ông thoát xác và bay lượn trên đầu - thực ra thì ông bay lượn trên chính cơ thể bỏ đi của mình! Và ông cảm thấy tuyệt diệu, phúc lạc, thấy mình vô cùng hoành tráng. Ông biết mình đã chết, nhưng đó không phải điều tiêu cực - đó là điều tích cực! Đó là khi âm nhạc bắt đầu ngân lên - một bản serenade của Thiên đường, đàn hạc, dàn đồng ca, có lẽ thêm một hoặc hai cây sáo. Tuyệt trần.

Ồ, quãng ánh sáng rực rỡ ở đằng xa kia là gì vậy? Ông bị thu hút về phía ấy không cưỡng lại được. Đó là phía cuối của một đường hầm dài. Phải đến đó thôi, đi nào. Nhưng guộm đã, ai đang đứng ở lối vào vậy? Ông chú Bertie? "Daryl, có chuyện gì thế?" "Chú, cháu chưa gặp chú từ... ôi trời... từ khi chú mất năm 1987! Ủi chà!" Rồi đi Lulu. Huấn luyện viên bóng đá ngày trước của ông, Billy Wasalinski. Frank Sinatra...

Trời đất ạ! Đúng là đây rồi! Mình đang trên đường tới Thiên đường.

Đột nhiên, một bộ phim đen trắng bắt đầu chạy trước mắt ông. Chính là bộ phim về cuộc đời của ông, những sự kiện - hoặc ít nhất là những điểm nhấn - của đời ông mở ra trên màn ảnh.

Nhìn kia, đó là Buster, con chó ngày xưa của ông, nó đang băng qua thảm cỏ chạy về phía ông khi ông lên sáu!

Nhưng đúng lúc ấy, một giọng rền vang từ trên cao dội xuống.

“Không nhanh vậy đâu, Daryl,” giọng nói phán bảo. “Thời điểm của ông vẫn chưa tới. Ông vẫn có những việc chưa xong ở bên này. Ông phải quay lại hoàn tất nhiệm kỳ thủ quỹ của mình ở Hội Hiệp sĩ Columbus.”

Và đó là khi ông tỉnh dậy trên bàn phẫu thuật, ngáp ngáp lấy hơi. “Chu... chuyện gì đã xảy ra?” ông cố lắp bắp.

Một người nữ vận áo choàng trắng xuất hiện lơ mờ trước mắt ông. “Ông đã ra đi được một lúc, Daryl,” cô nói.

“Ra đi?”

“Chết lâm sàng,” cô nói, và chỉ lên màn hình đo nhịp tim.

“Trong bao lâu?”

“À, khoảng mười giây,” cô đáp.

Ông liền nhận ra mình vừa mới có một trải nghiệm cận tử, một hiện tượng quá phổ biến đến nỗi nó được giới trong nghề gọi tắt là NDE [near-death experience].

Có nhiều kẻ nổi tiếng giống ông đấy, Daryl. Danh sách những nhân vật ăn mặc hợp một từng có kinh nghiệm cận tử bao gồm Elizabeth Taylor, Sharon Stone, Peter Sellers, Gary Busey, Erik Strada, Donald Sutherland, Burt Reynolds, Chevy Chase và Ozzy Osbourne, người thực ra đã “chết” hai lần sau một tai nạn xe mô tô, rơi vào hôn mê trong tám ngày. Thế nên ông biết rằng không phải chúng ta đang nói về mấy gã gàn dở tầm thường ở đây.

Con số NDE dấy lên cùng với việc xuất bản cuốn Sống tiếp: Khảo sát một hiện tượng - sống sót sau chết lâm sàng của Raymond Moody vào năm 1975. Hàng trăm người không



liên quan gì nhau được Moody phỏng vấn đều kể lại toàn bộ hoặc ít nhất một số trong những kinh nghiệm mà ông, Daryl, vừa trải nghiệm. Cuốn sách bán chạy khủng khiếp. Một bộ phim dựng từ cuốn sách cũng làm chật phòng vé. Ngày càng nhiều kinh nghiệm cận tử được báo cáo, và với sự ra đời của mạng Internet, những người từng chết lâm sàng đã tiếp xúc với nhau để so sánh trải nghiệm.

Có vẻ các kinh nghiệm cận tử không chỉ chứng minh rằng rốt cuộc có một đời sống sau khi chết, mà còn chứng minh rằng tôn giáo nói chung đều có căn cứ từ trải nghiệm chân thực. Điều chúng ta có ở đây ít nhất cũng là *bằng chứng dựa trên kinh nghiệm* về Thiên đường, Địa ngục, Thượng đế, quỷ Satan, thần giao cách cảm và những thiên sứ trong hình tướng loài chó.

Nhưng khi những người ở thế giới bên kia trở về đã nghĩ rằng mọi sự đều sáng tỏ thì lại xuất hiện các nhà khoa học và triết gia, để giống như mọi khi, bắt đầu phá đám. Những kẻ hoài nghi này thường bắt đầu từ chỗ thừa nhận họ không thể *phủ-nhận* sự tồn tại của kiếp sau, hoặc thậm chí sự tồn tại của dự cảm về nó trong “cái chết lâm sàng”. Nhưng mặt khác, rõ ràng các câu chuyện trải nghiệm cận tử về “ánh sáng cuối đường hầm” đều mang tính chủ quan, nên cũng không thể chứng minh sự tồn tại của kiếp sau. Như với mọi hiện tượng bất thường - chẳng hạn trong trường hợp có chiếc bình trà bay vòng vòng quanh đầu vợ ông - sẽ không có sự kiểm tra khách quan nào xác thực được kinh nghiệm cá nhân. Câu hỏi then chốt về trải nghiệm cận tử là liệu nó có chút gì liên quan đến hiện thực của trải nghiệm “thông thường” (“đời thực”) của chúng ta không, hay đó là kết quả từ những bất thường của não bộ.



*“Tuần trước, tôi nghĩ mình đã có một trải nghiệm cận tử.”*

Một cách giải thích khác cho kinh nghiệm cận tử mà những người hoài nghi nêu lên là sự lệch lạc đột ngột của khớp nối liên kết thần kinh khiến não hoạt động bất thường, có lẽ dưới tác động của cú sốc chết lâm sàng. Nhà giải phẫu thần kinh Philip Carter cho biết, “Não giống chiếc máy tính. Khi tắt đi rồi khởi động lại, nó trở lại với rất nhiều hoạt động có thể gây ra những thay đổi.” Ông cho rằng cả kinh nghiệm lẫn ký ức về cận tử đều là sản phẩm của bộ não bị sự kiện cận tử làm biến đổi, giống như người động kinh kể về những kinh nghiệm khác thường trong quá trình lên cơn - họ chẳng qua đều trải nghiệm những sự kiện bất thường trong não mà điện não đồ có thể ghi nhận được.

Một cụ già đột nhiên mất nhận thức. Màn hình cho thấy nhịp tim ngừng lại. Sau khoảng hai mươi giây hồi sức, cụ già hồi tỉnh. Bác sĩ nói rằng tim cụ đã tạm ngừng đập, và hỏi cụ có nhớ điều gì bất thường trong khoảng thời gian đó không.

“Tôi thấy ánh sáng rực rỡ,” cụ già nói, “và trước mặt tôi là một người đàn ông mặc đồ trắng.”

Rất phấn khích, bác sĩ đề nghị cụ già mô tả nhân vật đó.

“Chắc chắn rồi, bác sĩ,” cụ già đáp. “Là ông chứ còn ai vào đấy nữa.”

Những người trải nghiệm cận tử cãi rằng có một số lượng lớn người có kinh nghiệm cận tử giống nhau, tạo thành một kiểu đồng thuận liên chủ thể nào đó. Mặc dù vậy, những người hoài nghi vẫn hoài nghi. Họ chỉ ra rằng sự tương tự trong những chi tiết của trải nghiệm cận tử

chắc chắn là sản phẩm của truyền thông - chẳng hạn việc xem ti vi hay đọc sách của Moody khiến hầu hết người ta đều biết một trải nghiệm cận tử *như thế nào*. Họ cũng có thể nêu ra thực tế rằng trên 20% người Mỹ tin mình từng bị người ngoài hành tinh bắt đi - chưa kể một chút bịp bợm về những dạng tồn tại vừa ở cõi này vừa ở cõi kia. Thống kê trên gieo sự nghi ngờ nhất định lên lập luận trải nghiệm cận tử liên chủ thể.

Carter và những người khác thực sự nghĩ rằng những kinh nghiệm cận tử này rất tuyệt vời - không phải vì chúng báo hiệu về kiếp sau, mà vì chúng cho thấy chết có thể là một quá trình dễ chịu. Tuy vậy, họ cũng thấy chỉ có khoảng 10% những người cận tử thật sự có những trải nghiệm dễ chịu ấy. Đại đa số chỉ cảm thấy hoảng sợ và khủng khiếp khi hồn lìa khỏi xác.

Nhưng hãy đợi một phút, Daryl. Có những triết gia (chưa kể vô số nhà huyền môn) cho rằng các trạng thái tinh thần bị thay đổi, cho dù nguồn gốc từ đâu - chẳng hạn từ việc ăn một cái “nấm thần kỳ” - cũng cho chúng ta một kiểu thông tin khác, thông tin về một “thực tại” tồn tại ngoài những ranh giới thời gian và không gian. Triết gia Mỹ thế kỷ 19 William James chắc chắn nghĩ vậy. Trong tuyệt tác *Những kiểu trải nghiệm tôn giáo*, James viết về kinh nghiệm của ông dưới tác động của thuốc gây mê:

... Ở thời điểm ấy tôi đã đi đến một kết luận, và ấn tượng của tôi về sự đúng đắn của nó không hề lay chuyển từ bấy đến nay, rằng ý thức bình thường của chúng ta, hay lý trí, như chúng ta gọi tên, chẳng qua là *một* trong các hình thái đặc biệt của tâm thức, nâng đỡ, ngăn cách với

nó bởi những tấm màn che hời hợt, mà sau đó tiềm ẩn những dạng nhận thức hoàn toàn khác. Chúng ta có thể sống cả đời mà không ngờ đến sự tồn tại của chúng; nhưng chỉ cần có tác nhân kích thích cần thiết, một cái chạm, chúng sẽ hiện ra trọn vẹn, là những dạng thức xác định, rõ ràng của đời sống tinh thần mà có lẽ có ở đâu đó phạm vi ứng dụng của riêng mình<sup>(1)</sup>.

Nếu ông thấy “quan điểm” của James nghe quen thuộc, có lẽ vì nó đồng điệu với những quan sát mà Jill Bolte Taylor đã có khi cô bị đột quỵ. Hoặc có lẽ vì ông thường đến quán rượu mà chúng tôi hay ghé thăm, nơi có một biển hiệu treo sau quầy bar ghi dòng chữ, **“Thực tại là một ảo giác do thiếu rượu.”**

---

1. William James, *Những kiểu trải nghiệm tôn giáo* (New York: Modern Library, 1902), tr. 378.

## Chương 10

### TRUYỆN CƯỜI CỐC - CỐC NGUYÊN THỦY

*Này, trong khi các ông vui đầu vào sách, vất óc cố hiểu xem có tồn tại linh hồn bất tử không thì mẹ vợ Gladys của tôi đêm nào cũng trò chuyện với bà dì Edna của mẹ ấy.*

*Thế thì liên quan gì?*

*Bà dì Edna chết đã ba mươi năm.*

*À phải, thế là gọi hồn. Thực ra, Daryl ạ, có một số triết gia tận tâm, chẳng hạn như William James hay nhà đạo đức học người Anh thế kỷ 19 Henry Sidgwick, bọn họ vẫn lén chui vào các căn phòng tắm tối vì chuyện đó. Dĩ nhiên không phải để nói chuyện với bà Edna, mà với những người khác ở Thế Giới Bên Kia.*

Và thông thường, phản ứng của nhóm còn lại trong cộng đồng hàn lâm khoa học là “Những con người lương thiện ấy đã từ bỏ ý định điên rồ của mình chưa?”

Nhưng trong những năm 1870, các chuyện kỳ lạ đang là mốt. Quý bà Blavatsky, một người Mỹ gốc Nga lẻo lết, đã từng sống ở nơi này nơi khác, trong đó có Tây Tạng, đã sáng lập Hiệp hội Thần học ở New York vào năm 1875, chuyên về nghiên cứu “tâm linh”. Các buổi hầu đồng thịnh hành cả ở Mỹ và Anh. Một bài hát phổ biến

thời ấy, “Spirit Rappings”<sup>(1)</sup>, ngay lập tức trở thành tín hiệu của trào lưu Tân Thời Đại, và có lẽ cũng là bản nhạc rap được ưa chuộng đầu tiên:

Nhẹ nhàng, nhẹ nhàng, hãy lắng nghe tiếng sột soạt  
Những cánh vô hình của các linh hồn  
Đang giáng xuống để một lần nữa  
Hòa vào cuộc đời trần tục...  
Rap-tap-tap, những người bạn đã mất đang ở gần anh;  
Rap-tap-tap, họ nghe và nhìn thấy anh.

*Rap-tap-tap?* Không biết có điều gì ở trong óc Ngài James, giáo sư trường Harvard danh giá?

Hóa ra, James (anh trai của Henry, không có quan hệ gì với Jesse), có *sự cởi mở* trong đầu. Lý thuyết về nhận thức theo kiểu Mỹ của ông chủ trương rằng sự thật không tĩnh; nó biến đổi không ngừng. Và các nhà *duy vật* - các triết gia từ Lucretius cho tới Thomas Hobbes, người tin rằng *chỉ* thế giới vật chất là thật - đang cố dùng sự thật lại trên đường biến dịch của nó. Với James, lý thuyết đúng là những lý thuyết *hữu dụng*. Không chỉ thích hợp với các sự thật đã biết, chúng còn mở đường cho việc khám phá những sự thật tương lai. Nếu tương lai hóa ra mâu thuẫn với những sự thật của hôm nay, thì không vấn đề gì: chúng ta sẽ thừa nhận những mâu thuẫn này và tuyên bố các lý thuyết kia là sai. Nhưng trong thời gian ấy, nếu một giả thuyết dẫn dắt hành động của chúng ta một cách thỏa đáng thì nó đủ đúng để James gọi nó là

---

1. Tạm dịch: Sự om sòm của các linh hồn. (ND)

“Sự thật”. (Không may, Stephen Colbert vẫn chưa ra đời để cung cấp cho James từ mới của ông, “sự đúng đắn” [truthiness].)

Theo nhận thức luận của James, tức khắc phủ nhận khả năng một linh hồn sống lâu hơn cơ thể là chủ nghĩa duy vật *giáo điều* - là đóng sập cánh cửa trước khả năng một sự thật mới được tiết lộ.

*Tap, tap, rap, rap, hãy cởi mở với những khả năng mới, bởi những ông lớn học thuật!*

Không những thế, James đã bảo vệ “ý muốn tin”, cụ thể là trong tôn giáo. Ông muốn nói tới “quyền tin vào bất cứ thứ gì đủ sống động để xúi giục ý chí của chúng ta”. Mặc dù chúng ta không có quyền tin vào bất cứ thứ gì không tương thích với những thực tế đã biết, nhưng khi liên quan đến niềm tin tôn giáo hay niềm tin vào ý chí tự do - *khi các thực tế đã biết là không đủ để quyết định vấn đề* - thì chúng ta được tự do chọn cách nào có vẻ tốt nhất với mình. James đã tế nhị cho thấy điều này vận hành ra sao khi ông viết trong nhật ký, “Hành động đầu tiên của tôi dựa trên ý chí tự do sẽ là tin vào ý chí tự do.”

#### MARX, ẨN TƯỢNG CÒN MÃI

James nghĩ một cách hữu ích để phân biệt các triết gia là chia họ thành “cứng đầu” (các nhà hiện thực chủ nghĩa, thực dụng chủ nghĩa), và “mềm đầu” (các nhà duy tâm chủ nghĩa). Loại “mềm đầu” quan tâm đến nguyên lý hơn sự kiện, tư tưởng hơn hiện thực cảm giác. Họ cũng lý tưởng hơn, lạc quan hơn, có tính tôn



giáo hơn, và có khuynh hướng tin vào ý chí tự do. Loại “cứng đầu” quan tâm đến các sự kiện rõ rệt hơn nguyên lý, tin vào hiện thực cảm giác hơn tư tưởng, thực dụng hơn, bi quan hơn, ít tính tôn giáo hơn, tin thuyết định mệnh hơn và hoài nghi hơn. Mỗi loại đều cảm thấy mình ưu việt hơn loại kia: những kẻ “cứng đầu” coi đám “mềm đầu” là ngu dốt và đa cảm; “mềm đầu” thì nghĩ “cứng đầu” thô thiển và nhẩn tâm. James tin rằng hầu hết chúng ta là sự pha trộn của cả hai loại. Nhưng hiển nhiên, James chưa gặp Groucho Marx<sup>(1)</sup>. (Thực ra, có một lý do rất chính đáng cho điều đó.)

Groucho hoàn toàn thuộc loại “cứng đầu”, có thể nói là kỳ dị. Có lần ông miễn cưỡng đồng ý cùng nhóm bạn ghé thăm một bà đồng Hollywood được nhiều người biết tiếng và tính giá rất đắt. Nhà tâm linh đi quanh bàn, triệu hồi những người thân đã chết, dùng lời mình truyền đạt những thông điệp của họ, đưa ra dự đoán, và tự tin trả lời mọi câu hỏi. Sau hai giờ, nhà tâm linh nói, “Vong của tôi mệt rồi. Tôi chỉ còn thời gian cho một câu hỏi nữa thôi. Các anh có thể hỏi bất kỳ điều gì.”

Groucho xen vào, “Thủ phủ của Bắc Dakota là thành phố nào?”

Nhưng trở lại với thế kỷ 19, khi Hội Nghiên cứu Tâm linh ở Anh và chi nhánh của nó ở Mỹ là Hội Nghiên cứu Tâm linh Mỹ (cả hai vẫn đang tồn tại) tiếp cận chủ đề thế giới linh hồn một cách sợ hãi và run rẩy - không phải vì họ sợ ma, mà vì danh tiếng học thuật của các thành viên

1. Diễn viên hài, ngôi sao điện ảnh và truyền hình Mỹ. (ND)

đang bị đe dọa. Rõ ràng họ nhận thấy điều có lợi nhất cho mình là hoài nghi hết mức về tất cả các tuyên bố của mọi ông đồng bà cốt.

Đúng như dự đoán, Quý bà Blavatsky đã bị vạch mặt lừa bịp, cho dù cố phản bác các điều tra của hai Hội khi tuyên bố rằng những gì bà thực hành có hiệu quả nhất phải ở điện thờ son son thếp vàng mà bà đã xây dựng ở Madras, Ấn Độ. Nghe nói điện thờ đó có những ngăn kéo nhỏ xíu để “linh thư” từ người chết sẽ đột nhiên xuất hiện. Nhưng Richard Hodgson, một sinh viên triết học người Úc theo học đồng nghiệp người Anh của James là Henry Sidgwick đã đến tận điện thờ và phát hiện ra các ngăn kéo ở đó có hai mặt để nắm tay chân của Quý bà Blavatsky có thể tuồn “linh thư” vào. Có vẻ như Quý bà B. đã làm giả thư của người quá cố bằng cách tìm thư họ đã viết khi vẫn còn ở “thế giới bên này”, dùng hơi nước làm bong hồ dán, thu lượm thông tin cá nhân, dán phong bì lại như cũ, rồi bắt chước nét chữ viết tay đó để làm giả “linh thư” có nhiều thông tin cá nhân. Vậy là Quý bà Blavatsky đã đoán trước được câu bất hủ của nhà lý luận truyền thông Marshall McLuhan, “Phương tiện<sup>(1)</sup> chính là thông điệp”.

## KHOA HỌC, GỌI HỒN, CHỪNG NÀO ANH CÒN KHỎE

Một người nói tiếng bụng đến gặp một quản lý, tuyệt vọng tìm việc làm. Người quản lý nói ông rất tiếc, nhưng không còn nhiều nhu cầu đối với trò của anh ta nữa, bởi

---

1. Medium, cũng có nghĩa là người đồng cốt. (ND)

những chương trình tạp kỹ sống động đã không còn, Ed Sullivan<sup>(1)</sup> đã không còn. Lời khuyên duy nhất ông có cũng là lời khuyên ông đã dành cho một người nói tiếng bụng khác - hãy chuyển sang công việc gọi hồn.

Người nói tiếng bụng rất để tâm đến lời khuyên đó, bèn đi tìm được một cửa hàng mặt tiền giá thuê tốt, mở văn phòng. Khách hàng đầu tiên bước vào là một quả phụ. Bà ta muốn nói chuyện với người chồng vừa khuất không lâu. “Tốn bao nhiêu nhĩ?”

Người nói tiếng bụng đáp, “Với 50 đô la, bà có thể hỏi ông nhà bất cứ câu gì, còn ông nhà sẽ đáp ‘Ừ’ hoặc ‘Không’ bằng cách gõ một hoặc hai lần xuống bàn. Với 150 đô la, bà có thể hỏi ông nhà bất cứ câu gì, còn ông nhà sẽ đáp bằng lời. Còn sau đó là 500 đô la riêng cho tôi”.

Người phụ nữ hỏi, “Vì sao chứ?”

Người nói tiếng bụng giải thích, “Này nhé, vì bà có thể hỏi ông ấy bất cứ câu gì bà muốn, ông ấy sẽ đáp bằng lời, mà trong suốt thời gian ấy tôi sẽ ngồi uống nước.”

## QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

Mất hút trong những bàn luận về lên đồng là những suy xét về người trả lời đã chết. Sao họ phải xuất hiện theo yêu cầu? Không lẽ họ không bận việc khác? Ít nhất họ cũng có số điện thoại riêng chứ?

Một người hầu bàn lâu năm qua đời, khách hàng đều

---

1. Nhân vật nổi tiếng trên truyền hình, phóng viên thể thao và giải trí. Ông chủ yếu được biết tới vì mở đầu chương trình tạp kỹ truyền hình *The Toast of the Town*, sau chính thức đổi tên thành *The Sullivan Show*. (ND)

vô cùng thương tiếc. Ông ta được yêu mến đến nỗi có hẳn một nhóm khách quen tổ chức buổi gọi hồn tại nhà hàng để kết nối với ông.

Bọn họ cùng nắm tay nhau trong bóng tối xung quanh bàn, còn người đồng cốt gọi lớn: “Snark Withers! Ta cho gọi linh hồn của Snark Withers!”

Yên lặng.

“Snark Withers!” người đồng cốt gọi lớn một lần nữa. “Ta cho gọi linh hồn của Snark Withers!”

Một lần nữa vẫn yên lặng. Những người xung quanh bàn trở nên bất an. Cảm thấy có vấn đề, người đồng cốt gầm lên: “Ta ra lệnh linh hồn của Snark Withers đến đây!”

Quả nhiên, một cái bóng hiện ra lơ lửng trên bàn, và tất cả nhận ra hình ảnh người bạn đã mất của họ.

“Thật vui được gặp anh,” một trong các khách hàng quen nói. “Nhưng sao lâu vậy anh mới đến?”

Nhếch mũi với vẻ khinh bỉ, bóng ma đáp, “Đây không phải bàn của tôi!”

Nhưng cả Sidgwick và James đều để ngỏ khả năng trong tất cả những trường hợp lừa bịp, có thể có những người gọi hồn trung thực, có năng lực tiếp xúc với người chết - khoảng 5%, Sidgwick và James phỏng đoán. (Đừng hỏi.) Một đồng cốt họ xem rất có tiềm năng là Eusapia Palladino, một phụ nữ người Ý, mỗi khi vào trạng thái nhập đồng đều nổi hứng tình và nằm cuộn tròn trong lòng những người tham dự là nam. (Nên mới có câu, “Đồng cốt chính là *mát-xa*”<sup>(1)</sup>.)

---

1. “The medium is the *massage*”, gần đồng âm với câu “The medium is the message”, “Phương tiện chính là thông điệp”. (ND)

Đương nhiên, Eusapia cũng bị nhà tâm lý học người Mỹ gốc Đức Hugo Munsterberg bắt quả tang lừa bịp: cô uốn éo rút chân khỏi đôi giày khi ấy đang ở trên bàn chân của ông, và dùng chân trần di chuyển một cái bàn nhỏ đằng sau cô. James nổi đóa với Munsterberg. Đúng là Eusapia đôi lúc cũng lừa bịp, nhưng điều đó vẫn không giải thích được tất cả những hiện tượng cận tâm lý học xảy ra khi cô thực hành các buổi lên đồng trong sự giám sát chặt chẽ. Rõ ràng, Eusapia đã khiến James “mềm đầu”. Hẳn là việc “nằm gọn trong lòng” đã gây nên điều đó<sup>(1)</sup>.

### WILLIAM JAMES SẼ GỌI THỨ NÀY LÀ GÌ?

Hàng tháng rỗng, bà Pitzel liên tục nài nỉ ông chồng đi cùng bà đến phòng gọi hồn của Madame Freda. “Milty, bà ấy thật sự có nghề, bà ấy mang được tiếng nói của người chết từ thế giới bên kia. Tất cả chúng ta đều có thể nói chuyện được với họ! Tuần trước, em nói chuyện với mẹ em, cầu cho mẹ được yên nghỉ. Milty, chỉ mất hai mươi đô la, anh có thể nói chuyện với ông nội anh, anh rất nhớ ông mà.”

Milty Pitzel không thể cưỡng nổi những lời vật nài của bà vợ. Và buổi gọi hồn sau đó tại phòng của Madame Freda, Milty ngồi dưới ánh sáng màu ở cái bàn xanh, nắm tay với hai người ngồi hai bên ông ta. Bọn họ cùng nói lảm rảm, “Oooom, oooom, tonka tooom”.

---

1. Chuyện về những điều tra người hầu đồng của James, Sidgwick và Munsterberg có trong Deborah Blum, *Những thợ săn ma: William James và cuộc tìm kiếm bằng chứng khoa học về đời sống sau khi chết* (New York: Penguin, 2006).

Còn Madame Freda, đôi mắt chìm đắm mơ màng, đang tìm cách giao tiếp trên một quả cầu pha lê. “Đồng cốt của ta... Vashtri,” bà gọi. “Vào đi. Ai đi cùng với người vậy? Ai? Ông Pitzel à? Ông nội của Milty Pitzel à?”

Milty nuốt cục nghẹn trong cổ họng và gọi, “Ông nội?”

“A, Mitteleh?” một giọng nói nhỏ nhẹ cất lên rung rung.

“Vâng! Vâng!” Milty reo lên. “Milty của ông đây! Ông nội - *zayde*<sup>(1)</sup> - ở thế giới bên kia ông có hạnh phúc không?”

“Miteleh, ta hạnh phúc vô cùng. Cùng với bà nội con, chúng ta cười, chúng ta hát. Chúng ta chiêm ngưỡng gương mặt ngời sáng của Đấng Chí tôn!”

Thêm cả tá câu hỏi nữa được Milty hỏi *zayde* của mình, và mỗi câu hỏi đều được *zayde* trả lời cho đến khi, “Miteleh à, đến lúc ta phải đi. Các thiên thần đang gọi. Ta chỉ có thể trả lời thêm một câu hỏi nữa thôi. Hỏi đi. Hỏi đi.”

“*Zayde*,” Milty thở dài, “ông học nói tiếng Anh từ khi nào vậy?”

### MẶC TUỞNG VỀ NGƯỜI CHẾT

Hãy xem các môn đồ Tân Thời Đại biến trào lưu *rap-tap-tap* thành phát kiến thịnh hành của thế kỷ 21, *psychomanteum*. Một căn phòng lò mờ, với một khoản phí, một người nhìn chăm chăm vào tấm gương lớn, rơi vào trạng thái nhập đồng và giao tiếp với người chết. *Psychomanteum* bắt nguồn từ những người Hy

1. Tiếng Yiddish nghĩa là “ông nội”, một thứ tiếng Đức cổ của người Do Thái ở Trung và Đông Âu. (ND)

Lập cổ đại nhìn chăm chăm vào mặt hồ nước để triệu gọi các linh hồn.

Một số nhà tâm lý học hiện đại khẳng định rằng tất cả chỉ là ảo giác, sinh ra từ sự lệch lạc cảm nhận thị giác do ở trong môi trường đơn sắc không có tầm nhìn - gọi là Hiệu ứng Ganzfeld. Ờ, hãy nói vậy với những gã trên trang *psychomanteum.org*, nơi có một khách ghé trang đã nhìn vào gương soi và viết như thế này:

Tôi cầu Chúa hãy để Blu [con mèo của tôi] hiện hình nếu nó muốn. Sau đó tôi trông thấy một luồng năng lượng màu trắng xoay tít. Tôi linh cảm đó là Blu đang cố gắng hiện lên với tôi. Tôi quan sát nó và bất giác trôi vào một giấc mơ rằng mình là Blu và đang đuổi theo một con thỏ.

Ôi Ganzfeld, đau chân quá!

---

*Đó, Daryl, có thể ông muốn chia sẻ những thông tin này với Gladys.*

*Ồ, không! Kể từ lúc tôi giao du với các ông, Gladys nói bà ấy thích con cà con kê với bà dì Edna hơn.*





Phần V

## CHẾT LÀ CHỌN LỰA MỘT LỐI SỐNG



Có khi nào anh từng cảm thấy mình muốn ra đi,  
Nhưng anh lại muốn ở lại,  
Nhưng anh lại muốn ra đi?

- trích lời ca khúc do Jimmy Durante trong vai Banjo  
thực hiện trong phim *Người đến dự bữa tối* [*The Man Who  
Came to Dinner*]



*Tuyệt, cuối cùng ông ta cũng hiểu ra.*

## Chương 11

### RA TAY TRƯỚC THẦN CHẾT

*Ối, Daryl, xảy ra chuyện gì vậy? Phải thú thực rằng chúng tôi không biết ông được tường tận, nhưng ông gây cho chúng tôi ấn tượng là con người lạc quan vui vẻ. Thế có cơ sự gì với cái nòng súng trong miệng ông vậy?*

*Aargh...wigos...phip...*

*Ông nói gì há, Daryl? Chúng tôi làm sao mà hiểu được ông với cái thứ ngáng trong miệng kia. Ông có thể bỏ nó ra để chúng ta nói cho rõ chuyện này được không?*

*Snrgg...filtm...snork...*

Từ từ nào, Daryl. Trước khi bóp cò, phiền ông trả lời vài câu hỏi, hừm, mang bản chất triết học được không? Chúng tôi hứa sẽ không làm ông mất quá nhiều thời gian, mặc dù xét từ một góc độ nào đó mà nói thì như thế chẳng đáng kể gì nếu so với vĩnh hằng. Chúng tôi nhất định sẽ không cố thuyết phục ông. Tuyệt đối không - 100% quyết định thuộc về ông. Chúng tôi chỉ đang tìm hiểu thông tin, như ông biết rồi đấy, về ý nghĩa hiện sinh của cuộc sống, về phương diện đạo đức của hành vi tự sát, những điều khoản loại trừ bảo hiểm nhân thọ trong hợp đồng bảo hiểm của ông...

Đầu tiên, chúng tôi muốn chúc mừng ông vì đã đương đầu với điều được triết gia hiện sinh chủ nghĩa

người Pháp thế kỷ 20, Albert Camus, gọi là câu hỏi siêu hình tối hậu. Ngay ở một vài dòng đầu tiên trong tiểu luận *Thần thoại về Sisyphus*<sup>(1)</sup> của mình, Al đã viết, **“Chỉ có một vấn đề triết học nghiêm túc thật sự - là tự tử. Phán quyết cuộc sống có đáng sống không chính là trả lời câu hỏi nền tảng của triết học.”**

Điều cốt lõi mà Al ngụ ý ở đây là khi một con người nghĩ đến tự sát như một giải pháp thay thế cho cuộc sống vật vờ, nhưng người ấy chọn *không* tự sát - không giống ông lúc này chẳng hạn, Daryl ạ - thì có nghĩa là người ấy đã tỉnh táo chọn cuộc sống. Một cuộc sống cụ thể của chính người ấy. Người ấy đã thực hiện bước đầu tiên đi đến hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự tồn tại của mình. Người ấy *hiện hữu* vì đã chọn hiện hữu. Ở một góc độ nào đó, người ấy đã bắt đầu nhiệm vụ cả đời là tạo dựng chính mình.

Có thể ông sẽ hỏi tại sao người ấy muốn làm vậy? Thực ra, chính ông, Daryl, khi ngón tay đặt trên cò súng đang co lại, có lẽ đã có câu trả lời đủ để tự thấy thỏa mãn: đó là, không có lý do tốt đẹp nào để ông muốn tiếp tục tạo dựng cuộc đời mình. Nhưng nếu còn chút xiu băn khoăn, và ông vẫn chưa có cho mình câu trả lời dứt khoát, chúng tôi cho rằng bây giờ chính là lúc thích hợp suy xét thêm lần nữa.

Camus không hẳn đã nêu được một lý do lạc quan nào đó để chọn cuộc sống. Ông quan niệm rằng cuộc đời hoàn toàn vô nghĩa xét từ bất kỳ góc nhìn thông thường

---

1. Vị vua trong thần thoại Hy Lạp cổ, do dối trá và xúc phạm thần Zeus nên bị phạt phải lăn một tảng đá lớn lên đỉnh núi, chỉ để thấy tảng đá trôi xuống núi và phải lặp lại hành động đó. (ND)

nào. Đúng như nhân vật chính trong *Thần thoại về Sisyphus*, suốt cả ngày vất vả vùn tảng đá to nặng lên đồi cao, chỉ để nhìn thấy nó lăn lông lốc xuống. Một cuộc sống như vậy có gì là viên mãn? Vì thế có lẽ ông nghĩ Camus sẽ đồng tình với những dòng chữ nguệch ngoạc trên tường nhà vệ sinh của quán cà phê hiện sinh ưa thích của chúng tôi: **“Cuộc đời là chuyện đùa, tự tử chẳng qua là câu chốt hạ.”** Nhưng không, ông già Al *phản đối* tự tử.

Trong câu kết của tiểu luận, Camus viết, “Chúng ta cần nghĩ rằng Sisyphus hạnh phúc.” Tại sao Sisyphus hạnh phúc? Có lẽ, giống nhân vật phản diện trong tiểu thuyết *Người xa lạ* [*The Stranger*] của Camus trước giờ bị hành hình, Sisyphus hạnh phúc vì đã “mở rộng trái tim với sự vô tình từ ái của vũ trụ.” Và vì cuộc sống là phi lý, nên cái chết cũng là phi lý - hơi nực cười, nhỉ? Chung quy cũng chỉ là một trò đùa của vũ trụ, hãy cứ tiệc tùng đi!

#### PEGGE LEE ĐÚC KẾT VỀ TRÒ ĐUA VŨ TRỤ

Trong ca khúc được hâm mộ năm 1969 “Tất cả chỉ vậy thôi sao?” [*Is That All There Is?*], quý cô Lee đã lên tiếng thay cho cả một thế hệ phi lý ưa tiệc tùng.

Khi tôi 12 tuổi, cha đưa tôi tới rạp xiếc, buổi diễn tuyệt nhất trần đời.

Có những anh hề, có lũ voi và những con gấu nhảy múa.

Và một quý cô xinh đẹp mặc áo bó hồng rực, bay lượn trên đầu chúng tôi.

Tôi ngồi ở đó, xem màn trình diễn tuyệt diệu.

Và cảm thấy như có gì đó còn chưa đủ.

Không biết thiếu điều gì, nhưng khi kết thúc,  
 Tôi tự nhủ trong lòng, “Rạp xiếc chỉ có vậy thôi sao?”  
 Chỉ có vậy thôi sao, chỉ có vậy thôi sao?  
 Nếu tất cả chỉ có vậy, bạn tôi ơi, hãy tiếp tục nhảy  
 múa.

Hãy uống say túy lúy, hãy đập phá ra trò,  
 Nếu tất cả chỉ có vậy.  
 Tôi biết chắc điều bạn đang tự nhủ với mình,  
 Nếu nằng cảm thấy thế, sao không kết thúc mọi  
 chuyện luôn đi?

Ồi không, không phải tôi. Tôi không vội đi đến chỗ  
 thất vọng tận cùng,

Bởi tôi biết rõ, giống như tôi đang đứng đây nói  
 với bạn,

Rằng khi nào khoảnh khắc cuối ập đến, khi nào  
 trút hơi thở cuối cùng, tôi sẽ tự nhủ với chính mình,

Tất cả chỉ vậy thôi sao, tất cả chỉ vậy thôi sao?

Nếu tất cả chỉ có vậy, bạn tôi ơi, hãy tiếp tục nhảy  
 múa.

Hãy uống say túy lúy, hãy đập phá ra trò,

Nếu tất cả chỉ có vậy.

Bài thánh ca hiện sinh này được viết không phải bởi  
 ai khác mà chính là Jerry Leiber và Mike Stoller, tác giả của  
 bản hit nổi tiếng “Hound Dog” [Chó săn]. Đáng ngạc nhiên  
 hơn, Stoller tiết lộ rằng ca khúc được truyền cảm hứng từ  
 truyện *Vỡ mộng* (*Disillusionment*) của Thomas Mann.

---

*Nếu lý lẽ “tiệc tùng đi” không hiệu quả với ông, Daryl,  
 hãy cân nhắc quan điểm nghiêm túc hơn của Camus về tự tử: tự*

sát là thiếu dũng khí đạo đức, là rũ bỏ trách nhiệm gánh nhận sự phi lý của cuộc sống.

Nói vậy nghe có hợp với ông không, Daryl?

Aargh...wigos...phip...

Ông lại về với cái chủ đề cũ rích kia à?

Hay ông đang nói rằng mình đã đọc sách của Goethe và nghĩ rằng tự tử có chút nghệ sĩ của một linh hồn thống khổ? Chúa mới biết được, cuốn Nỗi đau của chàng Werther đã làm nổi lên trào lưu tự tử vì tình trên khắp châu Âu. Sự lãng mạn của thế kỷ 18 đấy.

Niggum... flirp...

Ông vẫn ở bên chúng tôi đấy chứ, Daryl? Chúng tôi thực tình hy vọng ông sẽ lên tiếng trò chuyện. Ông còn khó hiểu hơn cả Demosthenes<sup>(1)</sup>.

Ồ, chúng tôi đoán ông đang nói rằng chúng tôi không thấu hiểu cảnh ngộ riêng của ông, một tập hợp những hoàn cảnh đặc thù đã dẫn ông đến tình huống hiện sinh sủng-lục-trong-mồm này. Xin lỗi!

Hỏi thật nhé, Daryl, có phải ông đang mắc một bệnh nan y gây cho ông cả đau đớn thân xác lẫn khổ não tinh thần không? Có phải vì thế mà ông muốn kết thúc tất cả?

Nếu đúng vậy, hy vọng ông cảm thấy được an ủi khi biết rằng có nhiều triết gia ủng hộ ông. Các nhà khắc kỷ thời xưa dạy rằng mục tiêu của cuộc sống là “nở hoa” hay “sống hòa hợp với tự nhiên”. Nên nếu ông không còn nở hoa nữa thì tự đoạt mạng mình cũng được. Như Cicero<sup>(2)</sup> đã nói, “Khi hoàn cảnh

1. Chính khách và là nhà diễn thuyết lỗi lạc của Athens cổ đại. Những bài hùng biện của ông đề cập đến nhiều vấn đề chính trị và văn hóa của Hy Lạp cổ thế kỷ 4 trước Công nguyên. (ND)

2. Marcus Tullius Cicero, chính khách kiêm triết gia La Mã, thế kỷ 1 trước Công nguyên. (ND)

*của một người chủ yếu gồm: những điều hòa hợp với tự nhiên, thì sống là phù hợp; khi đa phần những điều người đó sở hữu hoặc truy cầu là đi ngược tự nhiên, thì tốt nhất hãy nên từ già cõi đời.”<sup>(1)</sup>*

Ai mà biết Tiến sĩ Kevorkian lại là một người khắc kỷ? Tiến sĩ (hay như một số người thà gọi là Tiến sĩ C) còn nêu lên một câu hỏi phức tạp hơn là có nên giúp người khác tự tử hay không. Hãy quên đi vấn đề luật pháp; về mặt đạo đức, trợ giúp tử tự là nghĩa cử cao đẹp vì tình yêu hay chẳng khác nào sát nhân? “Điều đó chẳng phải phụ thuộc hoàn toàn vào tình huống cụ thể hay sao?”

Triết gia khắc kỷ Seneca<sup>(2)</sup> thậm chí sử dụng những từ mà giới ủng hộ quyền-được-chết thời nay gọi là: “chất lượng sống”. Seneca viết, “Người sáng suốt sẽ sống lâu hết mức phải sống, chứ không phải sống lâu hết mức có thể... [Người ấy] luôn suy xét về chất thay vì về lượng của cuộc sống. Ngay khi có nhiều sự kiện trong cuộc đời khiến người ấy gặp rắc rối và quấy nhiễu sự yên tĩnh trong tâm hồn, người ấy sẽ giải thoát chính mình.”<sup>(3)</sup>

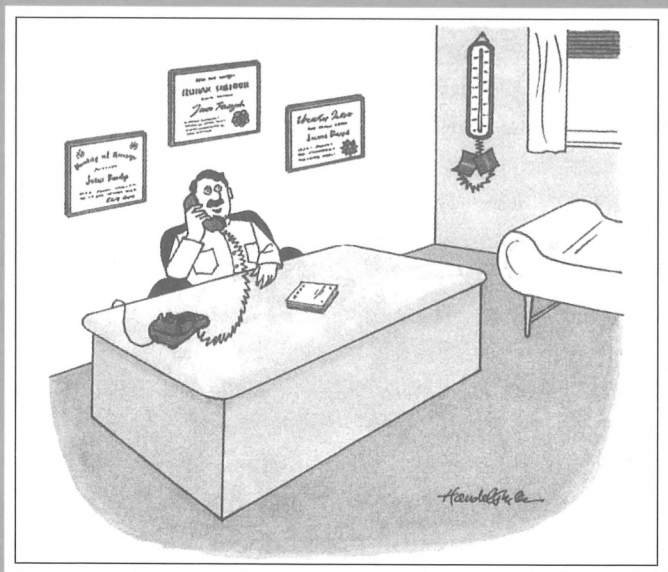
Triết gia đương đại Bill Maher diễn đạt một cách cô đọng hơn, mặc dù hơi có chút thần học: **“Tôi tin rằng Tiến sĩ Kevorkian biết điều gì đó. Tôi nghĩ ông ấy rất hay. Bởi vì tự tử là cách chúng ta nói với Thượng đế, ‘Ngài không thể sa thải tôi. Tôi nghỉ việc.’”**

1. Cicero, *De finibus bonorum et malorum*, H. Rackman dịch (New York: Mcmillan, 1924).

2. Lucius Annaeus Seneca, triết gia, chính khách, nhà viết kịch thời Đế quốc La Mã. (ND)

3. Seneca, “*Epistulae morales*”, thư thứ 70, trong *Những lá thư từ một người khắc kỷ*, Robin Campbell dịch (New York: Penguin Classics, 1969).





*“Trước khi định dùng tự tử có trợ giúp, bà Rose, chúng ta  
hãy cho aspirin một cơ hội.”*

## MỘT TRƯỜNG HỢP TỰ TỬ ĐẶC BIỆT:

### BẠN SẼ CHẾT VÌ ĐIỀU GÌ?

Tôi chỉ tiếc tôi không có hơn một cuộc đời để chết cho đất nước mình.

Nathan Hale

Bộ sản phẩm làm móng Diamond Dust của Joan Rivers Beauty sẽ khiến bạn thêm chết đi được.

Kênh mua sắm

*Ông sẽ chết vì cái gì, Daryl?*

*Chúng tôi đang nói với ông đấy, Daryl. Chúng tôi đang thỉnh cầu được biết các giá trị siêu việt của ông. Và để giúp ông hình dung rõ về câu hỏi này, chúng tôi cho ông thông tin sau đây từ những người tương tự:*

Theo một khảo sát<sup>(1)</sup>, 68% người được hỏi trong một trắc nghiệm với nhiều hơn một lựa chọn trả lời đã đáp rằng họ sẽ hy sinh đời mình vì “Con cái”. Theo sát ở vị trí thứ hai là hai kết quả ngang nhau, cùng 48% là “Vợ/chồng tôi” và “Cứu thế giới”. Những lời đáp khác là “Tự do kiến thức và học hỏi cho tất cả mọi người trên Trái đất” (40%), “Tự do và dân chủ” (36%), và “Thoát khỏi sự kiểm duyệt tin tức” (32%).

*Gì vậy, Daryl? Ông không hình dung nổi một tình huống chọn lựa giữa “tự do kiến thức và học hỏi cho tất cả mọi người trên Trái đất” và “mạng sống của chính mình” à?*

*Thế này, hãy giả sử có một chiếc máy bay chuyên chở 50.000 bộ sách kinh điển của Harvard bay đến Congo, còn*

ông ngồi sau với những cuốn sách. Rồi ông thấy phi công gục xuống chết ở bàn điều khiển...và... và... Ồ, chúng tôi trở lại chuyện này với ông sau nhé, Daryl?

Do trong khảo sát trên chỉ có 25 người được hỏi, và mỗi người được hỏi chọn trung bình 2,7 điều mà họ sẵn sàng chết vì chúng, chúng ta sẽ gọi nhóm cụ thể này là “Những người chết hoành tráng”. Nhưng những đàn ông và phụ nữ vĩ đại trong suốt lịch sử lại chọn chết hơn là từ bỏ chính nghĩa của họ.

Người ta có thể lý luận rằng phần lớn binh lính - trừ những người đánh bom tự sát và các phi công cảm tử của Nhật thời Thế chiến II - thực ra không chọn chết vì đất nước họ, mà đúng hơn là *mạo hiểm* chết vì đất nước họ, một mức độ cam kết tuy rất đáng ngưỡng mộ nhưng phần nào ở cấp độ thấp hơn. Nhưng theo *Lời biện bạch [Apology]* của Plato, Socrates đã được đề nghị tha tội nếu ông ngừng làm hư hỏng giới trẻ của Athens bằng triết học, và ông đã từ chối, biết rằng lựa chọn khác là cái chết. Còn về Joan of Arc<sup>1)</sup>? Có thể nói cái chết của Joan là tự nguyện, bởi cô hẳn đã biết rằng khi khởi nghiệp như một chiến binh đối giới ở thế kỷ 15, cái chết là không tránh khỏi.

Một số triết gia đã nêu ý kiến về chủ đề hy sinh mạng sống của mình vì một chính nghĩa, một lý tưởng hoặc một người khác, nhưng nhìn chung không gây được nhiều hứng thú. Chẳng hạn, Bertrand Russell nói, “Tôi sẽ không bao giờ chết vì niềm tin của mình vì tôi có thể sai.” Triết gia người Pháp và cũng là dân đồng

---

1. Nữ anh hùng Jeanne d'Arc người Pháp trong cuộc chiến Anh - Pháp ở thế kỷ 15. (ND)

tính thích đồ da Michel Foucault nói, “Chết vì tình yêu của trai trẻ: còn gì đẹp hơn?” Nhưng Epicurus (triết gia Hy Lạp cổ đại, không phải website dạy nấu ăn) đưa ra quan điểm có phần thâm thúy hơn: ông nói người khôn ngoan thì đôi lúc sẵn sàng chết vì bạn mình. Đó là một ý kiến khá đáng ngạc nhiên từ một người từng lập luận rằng mọi hành động của chúng ta phát ra từ mong muốn tối đa hóa sự khoái lạc của bản thân. Điều đó một phần vì Eppy không thực sự cho rằng cái chết là điều gì to tát. “Chết chẳng là gì với chúng ta,” ông viết, “vì khi chúng ta tồn tại thì cái chết chưa tới, và khi cái chết đã tới thì chúng ta không tồn tại.” Đừng lo, vui đi.

Bài tập ngày hôm nay: với không quá một trăm từ, ông sẽ chết vì điều gì? (Ghi chú: do khan hiếm hàng nên bộ làm móng Diamond Dust của Joan Rivers Beauty không được tính ở đây.)

---

*Nungy... snick... frup...*

*Gì vậy, Daryl? Ông đang nói rằng vấn đề không phải thế - rằng sức khỏe ông rất tốt à?*

Được rồi, giờ chúng tôi đã hiểu. Ông bị trầm cảm. Ông đã gặp nhiều chuyện xui xẻo. Cổ phiếu của ông đang rớt giá thảm hại; con trai ông, Daryl Jr. đang tán tỉnh chị gái ông; vợ ông thì gia nhập một giáo phái yêu đương tự do. Ông chỉ muốn nói lời tạm biệt cuối cùng với thứ hỗn loạn mà đời ông đã biến thành. Chúng tôi cảm nhận được nỗi đau của ông.

Nhưng trước khi chúng ta đi vào một số vấn đề đạo đức liên quan đến tự tử mà có thể ông chưa cân nhắc, đây

là một truyện ngụ ngôn đề cập đến vài thứ thực tế mà chắc ông đã bỏ qua:

Một anh chàng dẫn độn ngờ rằng mình bị vợ cấm sùng. Một hôm, anh ta gọi điện về nhà cho vợ, nghe thấy cô ta hỏn hển thở khi trả lời. Anh ta nghe mà cứ làm bộ bình thường như không biết gì, nhưng sau đó quăng luôn công việc đang làm, lẳng lặng lái xe về nhà. Về đến nhà, anh ta rón rén theo cầu thang lên phòng ngủ, xô bật cửa, bắt quả tang chị vợ đang hú hí với thằng cha hàng xóm.

Anh chàng dẫn độn la hét chửi rủa om sòm. Xong rồi anh ta rút súng, chia thẳng vào đầu mình bảo, “Tôi không chịu nổi nữa, tôi sẽ tự sát.”

Cô vợ và gã hàng xóm nhìn anh ta cười khẩy.

Anh chàng dẫn độn điên tiết hét lên, “Đừng cười, tiếp theo sẽ đến lượt các người đấy.”

Chúng ta đến đâu rồi nhỉ? À, phải rồi, như chúng ta hay nói, lựa chọn là của ông - nghĩa là nếu ông không màng đến chuyện hành động cuối cùng của ông bị một số nhà tư tưởng vĩ đại nhất từng sống cho là thiếu đạo đức nghiêm trọng. Vì vậy hãy dành chút thời gian và nghe nhé.

Thánh Augustine chỉ rõ rằng tự tử là vi phạm điều răn “Không sát hại”. Ông nói rằng theo kinh điển, yêu bản thân là tiêu chuẩn vàng của tình yêu: ông sẽ yêu hàng xóm như yêu chính bản thân. Nên lời răn không sát hại rõ ràng bao gồm không giết chính mình. Augustine nói quan niệm “nở hoa” của phái Khắc kỷ là quá hạn hẹp. Ông nói chúng ta nên lắng nghe những lời của tông đồ Paul, rồi kiên nhẫn đợi và hy vọng về hạnh phúc khó có thể diễn đạt của kiếp sau.

Thánh Thomas Aquinas lý luận rằng tự tử là ngược với quy luật tự nhiên, quy luật yêu thương chính mình, và ông đưa thêm hai suy xét khác mà ngày nay vẫn còn phù hợp với những lập luận của chúng ta về tự tử: thứ nhất, tự tử gây hại cho cộng đồng - chúng tôi đoán trước hết là chi phí mai táng; thứ hai, “chỉ Thượng đế mới có quyền phán quyết về chết và sống.” Cái thứ hai - hoặc một biến thể của nó dưới dạng quy luật tự nhiên - được phản ánh trong luật cấm tự tử của nhiều bang.

Ngược lại, triết gia thời Khai sáng của Anh, David Hume, soi xét luận điểm “gây hại cho cộng đồng” từ một quan điểm trần tục và thấy nó thiếu thuyết phục. Ông lập luận rằng đối với nhiều người chúng ta, sẽ có lúc giá trị của chúng ta với cộng đồng trở nên hết sức hạn chế, hoặc thậm chí chúng ta trở thành một gánh nặng với cộng đồng. “Giả dụ tôi không còn khả năng thúc đẩy lợi ích của cộng đồng, giả dụ tôi trở thành một gánh nặng đối với nó, giả dụ đời tôi ngăn trở người nào đó trở nên hữu ích hơn với xã hội. Trong những trường hợp ấy, sự từ bỏ cuộc sống của tôi không chỉ vô hại mà còn đáng tán dương.”<sup>(1)</sup> Chính những lý lẽ kiểu này khiến Hume rất không được lòng những người cao tuổi ở Sun City<sup>(2)</sup>.

Người Đức đương thời với Hume là Immanuel Kant lại xem tự tử - và hầu hết mọi thứ khác - như một câu hỏi về bổn phận. Theo ông, ý muốn dựa trên lý trí<sup>(3)</sup> của chúng

1. David Hume, “Về tự tử”, trong *Những tiểu luận về tự tử và sự bất tử của linh hồn* (Whitefish, MT: Kessinger, 2004), tr. 8.

2. Thị trấn ở hạt Maricopa, bang Arizona, nơi có tới gần 80% người 65 tuổi hoặc già hơn. Tuổi trung bình của thành phố là 75. (ND)

3. Kant dùng thuật ngữ “Kürwille”, nôm na là sự toan tính. (ND)

ta chính là nguồn gốc của bốn phạm đạo đức, vậy làm sao có thể chấp nhận về mặt đạo đức việc tiêu diệt ý muốn ấy bằng tự tử? Đó là kiểu câu hỏi chúng ta sẽ thấy trong một cuốn sách với tiêu đề kiểu như *Những nguyên lý cơ bản về siêu hình học đạo đức*.

Có lẽ với câu chuyện sau đây, chúng ta có thể soi rọi chút ánh sáng lên khái niệm bốn phạm:

Một phụ nữ về nhà sớm và bắt gặp chồng mình trên giường với bạn thân nhất của cô, Lucy. Cô nhìn chằm chằm vào Lucy với vẻ ngờ vực và hét lên, “Tôi thì đã đành! Nhưng cả cô nữa à?”

*Daryl? Daryl?*

*Worgle... flurp... úi chà! Cuối cùng tôi cũng lấy được miếng Milky Way<sup>(1)</sup> ra khỏi răng hàm!*

*Ông đang dùng súng để xỉa răng à?*

*Tôi ra ngoài dắt chó đi dạo thì mang tấm xỉa răng làm gì?*

---

1. Sô cô la thanh hiệu Milky Way. (ND)



*“Chúng tôi không có tuổi nghỉ hưu bắt buộc, Dave, nhưng trong những hoàn cảnh nhất định, chúng tôi có khuynh hướng khuyến khích mọi người chết đi.”*



Phần VI

CÔNG NGHỆ SINH HỌC:  
HÃY NGỪNG CHEN LẤN!



Cái chết có bị đẩy lùi trong thiên niên kỷ mới?  
Cuốn sách này cần thiết không?  
Và quan trọng hơn, nếu không cần,  
tôi có thể lấy lại tiền không?



## Chương 12

### TRỞ NÊN BẮT TỬ BẰNG CÁCH KHÔNG CHẾT

Không biết ông thế nào, Daryl, nhưng chúng tôi cứ luôn hy vọng hết lần này đến lần khác rằng toàn bộ những chuyện chết chóc này sẽ trở thành dĩ vãng. Về vấn đề này, chúng tôi cùng chung ý kiến với Woody Allen, triết gia nổi tiếng với tuyên bố, **“Tôi không muốn được bắt tử thông qua công việc mình làm. Tôi muốn được bắt tử bằng cách không chết.”**

Hãy tưởng tượng một thế giới không có ai cần được tái sinh hay bay lượn quanh Thiên đường với những đôi cánh nhẹ mong manh. Ông có thể quảng đi toàn bộ danh mục những điểm đến sau khi chết của thế giới bên kia. Thay vào đó, ông cứ tiếp tục là một con người, mãi mãi ở đây, tại Bayonne, New Jersey.

Một trong những điều thú vị mà một cuộc đời kéo dài vô tận cho chúng ta là sự quen thuộc; nó là những gì ông biết, hay đúng hơn, nó là *tất cả* những gì ông biết, Daryl. Ông có thể bám vào tất cả những thứ đã tạo nên con người ông, chẳng hạn tình yêu của ông dành cho đội Mets<sup>(1)</sup>, hay việc ông biết rằng Guido's là tiệm pizza tốt

---

1. Đội bóng chày của thành phố New York. (ND)

nhất gần nhà. Mọi phương án bất tử của thế giới bên kia đòi hỏi một cú nhảy bằng niềm tin và một sự chuyển hóa triệt để nào đó, chưa kể một thay đổi quyết liệt về địa chỉ và tử quần áo.

*Các ông chỉ đang đùa nhỉ?*

*Không hẳn vậy, Daryl.*

Mãi đến gần đây, sự bất tử sinh học vẫn chỉ tồn tại trong những tưởng tượng của trẻ thơ và những tiểu thuyết khoa học viễn tưởng. Nhưng các khám phá mới đây trong sinh học tế bào và trí tuệ nhân tạo đã sản sinh ra những nhà khoa học có bằng cấp cao tự xưng là Những nhà bất tử học sinh học, những nhà nghiên cứu thấy trước khả năng đột phá về di truyền như nhân bản vô tính và trị liệu tế bào gốc, giúp tiêu diệt mọi nguyên nhân phi ngẫu nhiên gây ra cái chết. Lại có những Nhà bất tử học dựa trên công nghệ bảo tồn sinh học cryo, bỏ tiền làm đông lạnh chúng ta trong khi chúng ta chờ những đột phá. Rồi có những Nhà bất tử học theo công nghệ thông tin, thấy việc số hóa hệ thần kinh người là chìa khóa cho sự bất tử. Những người này hình dung về khả năng - nói đúng hơn là *xác suất* - có một ngày trong tương lai không xa, họ và kiểu người như họ có thể cung cấp cho ông phương tiện để sống cuộc sống bất tử, ít nhiều giống như ông đang tồn tại ngay lúc này. Tâm trí cứ loanh quanh, nhất là nếu nó thuộc về triết gia.

Thứ nhất, nó loanh quanh với cả loạt những vấn đề đạo đức mới như: Có đủ chỗ trên hành tinh này cho tất cả những người bất tử như vậy không, hoặc ít ra là riêng ở New Jersey thôi? Một cuộc đời kéo dài vô tận có phải là tự nhiên không? Có thiêng liêng không? Có đáng mong muốn không? Có thể chấp nhận được không? Có buồn tẻ

không? Nó đem đến tác động gì cho trái phiếu dài hạn? Cho những mối quan hệ dài hạn? Chúng ta có toàn bộ thời gian trên đời, vậy có nên đợi vài thiên niên kỷ nữa mới kết hôn?

Câu hỏi cuối này nêu lên một vấn đề khác.

Sean và Bridget đã hẹn hò ổn định với nhau trong bốn mươi năm. Rồi một ngày, sau chuyến dạo bộ thong thả qua vùng đồi xanh tươi của Kerry, Sean quay sang Bridget và nói, “Em biết không, có lẽ chúng ta nên kết hôn.”

Bridget đáp: “Ở tuổi này, ai muốn lấy chúng ta chứ?”

Khi đi sâu tìm hiểu những nghiên cứu về bất tử bằng nhân bản vô tính, bất tử bằng công nghệ ướp lạnh cryo và bất tử bằng công nghệ số, đang được các nhà khoa học ngày nay thực hiện tại các đại học lớn, chúng ta sẽ nhận thấy nổi cộm lên một số vấn đề siêu hình luận và nhận thức luận. Những câu hỏi như: Tôi có vẫn là *tôi* không nếu tôi chỉ là một bộ não được rã băng? Nếu tôi hoàn toàn được tạo thành từ những tế bào gốc tái tạo? Nếu tôi chỉ tồn tại trên một vi mạch? Ai thật sự là tôi nếu có bốn tôi? Tôi có cần bao cao su cho quan hệ tình dục ảo không?

Nhưng trước khi tìm hiểu sâu hơn về một cuộc sống không bao giờ chết, hãy dành chút thời gian suy nghĩ xem vĩnh hằng là bao lâu. Một lần nữa, chúng ta trở lại với Giáo sư Allen để có chút sáng tỏ: **“Vĩnh hằng là rất dài, đặc biệt lúc gần điểm kết thúc.”** Ý Allen muốn nói ở đây là, ngay khi ông nghĩ mình đang gần đoạn cuối của vĩnh hằng, người ta lại dịch chuyển vạch đích.

Sy trở về nhà sau đám tang của mẹ để sắp xếp lại mọi thứ, và anh thấy trên gác mái một cái rương cũ. Bên trong, anh phát hiện có bộ quân phục thời Thế chiến II của cha anh. Sy mặc thử, bộ quân phục hơi chật, nhưng trước khi cởi nó ra, anh thọc tay vào túi và thấy một mẫu giấy. Đó là một phiếu sửa giày ở tiệm Herman, khu West 53, đề ngày 14 tháng 1 năm 1942. Thật khó tin. Một phiếu hẹn đã gần bảy mươi năm chưa trả.

Nhiều tuần sau, Sy tình cờ ở khu West 53, nên anh ghé tới nơi có tiệm giày trước đây xem sao. Anh không tin vào mắt mình: một tiệm sửa giày vẫn ở đó. Anh bước vào, kể chuyện tìm thấy cái phiếu hẹn cho ông già ở quầy. Người đàn ông xưng tên là Herman, nói ông đã sở hữu tiệm được bảy mươi năm. “Đưa tôi cái phiếu!” Herman nói oang oang rồi đi sâu vào trong tiệm.

Sy kinh ngạc.

Lát sau, Herman lật sệt đi ra, cọc cằn, “Được rồi, tôi đã tìm thấy đôi giày của anh. Thứ Ba tới sẽ xong.”

## Y LỆNH HIPPOCRATES

Từ phương diện y học, ý tưởng ngăn chặn cái chết về căn bản vốn là những gì các bác sĩ nhắm tới, nên việc ngăn chặn cái chết *mãi mãi* chẳng qua là một sự mở rộng y lệnh Hippocrates của họ. Hiếm có bác sĩ nào bảo ông ngồi xuống và nói, “Chúng tôi đã giải quyết được chứng xơ vữa động mạch của ông, nên tôi vui mừng thông báo ông sẽ chết vì một bệnh gì đó khác.” Ngược lại, chúng ta luôn đọc về những mục tiêu vinh quang của y học nhằm quét sạch những nguyên nhân chính gây ra cái chết - như

bệnh tim, đột quy, ung thư - mà không đề cập gì về những bệnh chực chờ sẵn để nhảy lên hàng đầu trong danh sách những bệnh giết người phổ biến. Vì vậy các bác sĩ xử sự như thể họ là những nhà bất tử học, như thể họ chữa được mọi thứ bệnh ông có thể mắc phải.

---

### NGƯỜI NÀO CHẾT

#### VỚI NHIỀU NGÀY SINH NHẬT HƠN SẼ THẮNG

Dường như cuộc sống trường thọ luôn hứa hẹn nhiều niềm vui hơn cuộc sống ngắn ngủi, chủ yếu vì nó cho chúng ta nhiều hơn *thời gian để hưởng thụ* - một trong những cách dùng thời gian ưa thích của chúng ta.

Nhưng khi những người yuppie<sup>(1)</sup> bắt đầu đạt mốc sáu mươi tuổi, tuổi tác đã có thêm một giá trị: nó đại loại là một thành tựu, cũng giống như kiếm được việc tốt, bán được bản quyền làm phim cho cuốn tiểu thuyết của ông, hay tán được Angelina Jolie. Giống như Michael Kinsley đã nhận xét trong tiểu luận "Tôi sống dai hơn ông" của mình đăng trên tờ *The New Yorker* sau những quan sát ghi nhận được từ khi bị chẩn đoán mắc bệnh Parkinson: Cạnh tranh tuổi thọ là cuộc thi lớn cuối cùng của thế hệ Baby Boomers<sup>(2)</sup> đang già đi. Kinsley viết:

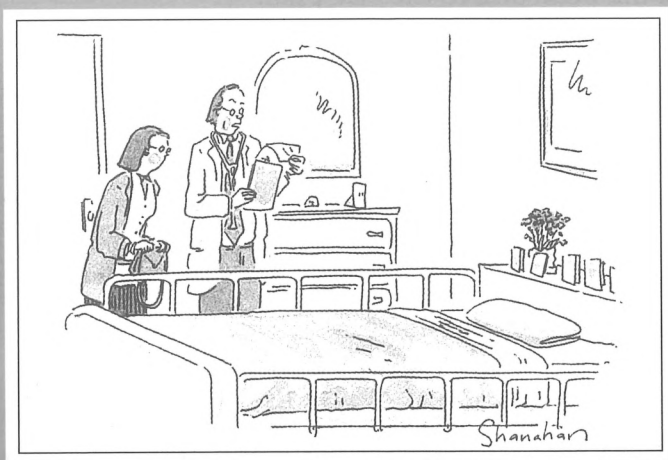
**Trong tất cả những món quà mà cuộc sống và  
sự may mắn có thể ban tặng - tiền bạc, nhan sắc,**

---

1. Giới chuyên nghiệp, năng động ở khu đô thị. (ND)

2. Thế hệ những người sinh ra sau Thế chiến II, giữa những năm 1946 và 1964. (ND)

## BÁC SĨ KHÔNG BAO GIỜ THỐT RA CÂU “ĐÃ CHẾT”



*“Tin tốt đấy, thưa bà Bryant - tôi nghĩ chúng tôi đã làm hết khả năng của mình.”*



**tình yêu, quyền lực - thì tuổi thọ là thứ người ta có vẻ sẵn sàng khoe khoang nhất. Thực tế, họ thường tuyên bố nó như một kiểu phẩm chất - như thể sống đến 90 tuổi chủ yếu là kết quả của việc chăm chỉ làm lụng hay cầu nguyện thay vì do kiên tốt và chưa khi nào bị xe tải cán qua.”<sup>(1)</sup>**

Dĩ nhiên, trong cuộc cạnh tranh này đã có sẵn một nghịch lý: Ai cán Vạch Đích Lớn cuối cùng sẽ chẳng còn ai khác trong nhóm đồng trang lứa của mình để mà khoe khoang.

Diễn viên hài Steven Wright đã nói lời đúc kết cho toàn bộ thế hệ Boomers đang trệu trạo xoi cháo yếm mạch khi nhận xét: **“Tôi thấy tiếc cho những người không uống rượu hay chơi ma túy, vì một ngày nào đó, họ sẽ nằm trên giường bệnh chờ chết mà không biết tại sao.”**

---

## NƯỚC XÚP NGUYÊN THỦY RỈ RA MÀI

Từ quan điểm vi sinh vật học tiến hóa, một cuộc sống kéo dài vô tận cũng quen thuộc như một cuộc dạo chơi trong nước xúp nguyên thủy<sup>(2)</sup>. Dòng giống hay những tế bào tạo ra trứng và tinh trùng của chúng ta bắt nguồn từ nước

---

1. Michael Kinsley, “Tôi sống dai hơn ông”, *The New Yorker*, 7 tháng 4, 2008.

2. Nhà sinh vật học người Nga Alexander Oparin đặt ra thuật ngữ “primordial soup” (nước xúp nguyên thủy) trong lý thuyết nói về nguồn gốc sự sống trên Trái đất. Theo ông, các phân tử chứa carbon trong nước xúp nguyên thủy đã chuyển hóa thông qua quá trình tiến hóa hóa học dần dần để hình thành sự sống. (ND)

xúp này, và chúng ta vẫn luôn mang trong mình chất liệu tế bào căn nguyên ấy. Nên chí ít, các nhà vi sinh vật học có thể nói rằng trong chúng ta có những *phần* bất tử. Có nghĩa là chúng ta có năng lực tái tạo dòng giống của mình một cách vô hạn, và điều này rõ ràng không giống như vẫn là một cơ thể phức tạp duy nhất, nhưng là một bước đi đúng hướng.

Nói về phương diện tiến hóa, chỗ sai của loài người chúng ta rõ ràng ở *cách* chúng ta sinh sản, ở toàn bộ các chuyện đàn ông/đàn bà, trứng/tinh trùng. Những cơ thể đơn bào sinh sản bằng cách phân đôi thành hai phần y hệt nhau về sinh học. Sau sự phân đôi sinh sản này, hai đơn bào con được tạo ra. Tế bào ban đầu không còn tồn tại để trải qua sự lão hóa, nên có thể nói một cách hợp lý rằng những loài này sở hữu sự bất tử sinh học. Một lựa chọn đời sống tính dục phi giới tính không tồi, nhưng các cơ thể đơn bào đồng thời bỏ lỡ những buổi học nhảy tango hay những cuộc thi đấu xếp chữ Scrabble. Dẫu vậy, cơ bản vẫn là một khi chúng ta đã phát triển hệ thống sinh sản hai giới tính, hình thức bất tử nguyên thủy này sẽ không còn nữa. *Đàn bà - sống vĩnh viễn với họ thì ông không thể sống, mà không có họ, ông cũng không thể sống vĩnh viễn.*

### BÁC SĨ BẤT TỬ CÓ MẶT

Các phương pháp trị liệu bất tử hiện nay rất đa dạng, một số có mô hình lý thuyết hợp lý, một số đang có những nghiên cứu đầy triển vọng.

Chẳng hạn phương pháp *trị liệu thay thế tế bào gốc*, hình thức y học tái tạo, dùng các bộ phận cơ thể được tạo

ra từ những tế bào chưa biệt hóa (tế bào gốc) để thay cho những bộ phận bị gãy hoặc chết trong cơ thể. Hầu hết các tế bào đều có chức năng cụ thể - chẳng hạn tế bào da hay tế bào não - nên một khi đã đảm nhận chức năng cụ thể (biệt hóa), chúng không thể được điều chỉnh cho bất kỳ chức năng nào khác. Tế bào gốc thì chưa biệt hóa, nên nếu được “lập trình” bằng những chỉ dẫn đúng, chúng có thể phát triển thành bất kỳ loại tế bào nào trong cơ thể con người.

Trị liệu tế bào gốc đã tuyên bố thành công trong việc cấy tế bào tạo máu cho bệnh nhân bị hoại huyết, ngoài ra có hàng loạt các trị liệu thay thế tế bào gốc khác cũng đang dần được hoàn thiện, như thay thế tủy sống hay một phần của não. Người ta đang tính đến một tế bào “tổng năng” để cấy vào cơ thể, nó có thể tái tạo đúng lúc bất cứ bộ phận hư hại hoặc bị chết nào của cơ thể.

Để thấy làm thế nào việc thay thế này đem lại sự bất tử, hãy hình dung một chiếc Bel Air đời 1956 của hãng Chevrolet, qua thời gian đã được thay thế mọi linh kiện nên giờ trông hoàn toàn như mới, ngoại trừ việc nó không được cấu thành bởi bất kỳ linh kiện ban đầu nào. Giờ hãy hình dung ông là chiếc Bel Air ấy.

*Ông ổn chứ, Daryl? Cảm thấy là chính mình chứ? Hay ông còn không thêm quan tâm?*

Dương nhiên, cơ thể cứ định kỳ lại tái tạo tế bào, nhưng chỉ đến một thời điểm nhất định - lúc chết. Có điều tế bào tổng năng không như vậy - nó làm việc mãi mãi.

Tiếp theo chúng ta đến với phương pháp *trị liệu*

*telomerase*<sup>(1)</sup>, chiến lược bất tử nhằm sửa chữa ước muốn chết cài sẵn trong ADN của chúng ta. Các nhà khoa học ví những telomere như mẩu nhựa đầu dây buộc giày vì chúng giữ cho các điểm cuối nhiễm sắc thể kết nối tốt, không bị sổ ra để không gây nên tình huống rối loạn thông tin di truyền của cơ thể và dẫn đến ung thư và/hoặc chết. Nhưng chức năng này có một bất lợi lớn: mỗi lần một tế bào phân chia, các telomere bị ngắn đi, và khi nó quá ngắn, tế bào tiêu tan. Telomere là quả bom hẹn giờ tích tắc trong mọi nhiễm sắc thể của chúng ta. Điều này thúc đẩy những người nhiều não trong công ty kỹ nghệ di truyền Geron cố khám phá cách làm thế nào đưa nhiều *telo* hơn vào trong các telomere của chúng ta.

Năm 1997, những người ở Geron phát hiện một gien có chức năng mã hóa một protein gọi là *telomerase*, thứ này lên dây cót lại cho “đồng hồ lão hóa” ở điểm cuối của nhiễm sắc thể. Đến nay, họ mới chỉ thành công trong các đĩa Petri<sup>(2)</sup>, nơi mà cơ hội cho một đời sống phong phú và đa dạng là hết sức hạn chế. Dự đoán của những người ở Geron là trong tương lai, trị liệu *telomerase* sẽ chấm dứt vô thời hạn sự lão hóa, nhưng hầu hết các nhà khoa học không nghĩ nó có thể *đảo ngược* sự lão hóa. Hãy nhớ điều này nếu ông bảy lăm tuổi, giống như Malcolm:

**Malcolm đang đi dạo thì thấy một con ếch trong rãnh nước. Ông giật mình khi nghe con ếch đột nhiên cất tiếng:**

---

1. *Telomerase* là một enzyme xuất hiện tự nhiên, duy trì các telomere (điểm cuối nhiễm sắc thể) và ngăn chúng ngắn đi trong quá trình phân chia ở những tế bào cần phải tồn tại để đảm bảo sức khỏe bình thường. (ND)

2. Kiểu đĩa thí nghiệm được đặt theo tên nhà vi khuẩn học người Đức, Julius Richard Petri. (ND)

“Ông già, nếu ông hôn tôi, tôi sẽ biến thành một nàng công chúa xinh đẹp. Tôi sẽ là của ông mãi mãi, và chúng ta có thể làm tình điên cuồng nồng nhiệt mỗi đêm.”

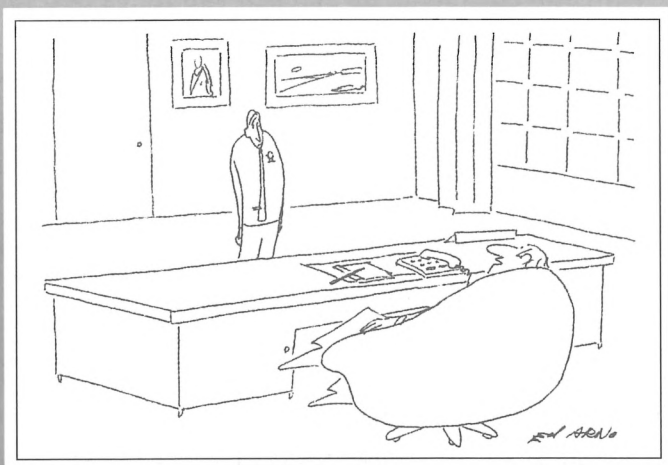
Malcolm cúi xuống, bỏ con ếch vào túi và tiếp tục đi dạo.

Con ếch ở trong túi lại lên tiếng, “Này, tôi nghĩ chắc ông không nghe thấy tôi. Tôi đã nói nếu ông hôn tôi, tôi sẽ biến thành một công chúa xinh đẹp và chúng ta có thể làm tình điên cuồng nồng nhiệt mỗi đêm.”

Malcolm đáp, “Ta nghe rõ hết mọi điều mày nói rồi, nhưng ở tuổi ta, thà có một con ếch biết nói còn hơn.”

Một chiến lược công nghệ sinh học khác nhằm kéo dài vô hạn cuộc sống được gọi theo tên lóng của thời đại không gian là *kỹ nghệ robot nano* [nanorobotics]. Đây là những thiết bị có kích thước từ 0,1 đến 10 micromet, nghĩa là có độ lớn bằng những thành phần phân tử của cơ thể. Với cơ chế hoạt động tương tự như sự thay thế tế bào gốc, các nano robot có thể được đưa vào cơ thể với sứ mệnh vĩnh cửu là tìm-và-thay thế ở cấp độ phân tử. Bác sĩ bất tử không chỉ có mặt, ông ta còn ở bên trong ông. Các nhà khoa học ngành *robot nano* tin rằng trong hai mươi đến ba mươi năm tới, họ sẽ có những mô hình có thể hoạt động. Nếu ông nghĩ mình không sống được tới lúc đó thì đừng lo - phương pháp ướp lạnh bằng công nghệ cryo sẵn sàng phục vụ.

*Cryogenics* (kỹ thuật làm lạnh sâu) cũng xưa như Clarence Birdseye, cha đẻ của thực phẩm đông lạnh. Khi còn là người buôn da thú ở Labrador, lúc phát hiện ra người Eskimo thường đông lạnh cá và tuần lộc để dùng sau này, ông đã ấp ủ một ý tưởng nhiều triệu đô. Ngon,



*“Ông không bị sa thải, Harris. Tôi chỉ cho ông đi đông lạnh cho đến khi mọi thứ khá hơn.”*

ông thốt lên khi ních căng bụng thịt một con cá heo rã đông.

Được rồi, vậy là Birdseye không phát minh kỹ thuật làm lạnh sâu, nhưng nguyên lý mà ông phát hiện sống mãi trong những tủ đông lạnh thí nghiệm ở khắp thế giới. Bảo quản bằng kỹ thuật làm lạnh sâu là quá trình duy trì tế bào hoặc toàn bộ các mô bằng cách làm lạnh chúng đến nhiệt độ dưới không, tại đó mọi hoạt động sinh học, kể cả bất kỳ phản ứng nào có thể dẫn tới sự chết của tế bào, cũng ngừng lại.

Ngày nay, chuyện làm đông tinh trùng, trứng người và phôi để rã đông và sử dụng sau này đã thành thông lệ. Nên tại sao không làm đông toàn bộ loài người để dùng sau này, chẳng hạn tại một thời điểm tương lai khi những bệnh từng đe dọa cơ thể giờ đã có cách chữa?

Thì bởi một lẽ. Một số vấn đề thực tiễn và khó khăn nảy sinh từ thực tế rằng cách tốt nhất để làm đông một cơ thể và chuẩn bị cho việc hồi sinh nó trong tương lai là khi cơ thể ấy vẫn còn sống. Đây có thể là vấn đề nan giải chính nếu thời điểm đông lạnh tối ưu của ông là lúc ông đang trong một giao dịch tài chính quan trọng hoặc một cuộc tình nồng cháy. Cho đến giờ, những người đã chọn đông lạnh toàn bộ hoặc một phần (tức não) đều chọn con đường đông lạnh ít hên xui hơn, đó là sớm nhất có thể *sau* giây phút chết. Chúng tôi xem đây là lựa chọn dựa trên sự thiếu niềm tin.

Với hướng dùng kỹ thuật đông lạnh sâu, một vấn đề khác cũng liên quan đến niềm tin. Đó là niềm tin rằng sẽ có một người nào đó trong tương lai - có lẽ một người chưa từng biết ông - quyết định việc rã đông ông và chữa

mọi thứ bệnh cho ông là đáng thời gian và tiền bạc. Chính xác thì điều gì sẽ thúc đẩy cô ta làm việc đó? Có lẽ các luật sư có thể soạn ra một hợp đồng buộc người rã đông tương lai này mở cửa tủ đông của ông, nhưng vì lý do nào đó, điều này vẫn không có vẻ gì là chắc chắn. Ông biết đấy, những người không bị đông lạnh thì hay thay đổi.

Một anh chàng mua một con vẹt biết nói và có vốn từ lớn rất đắt tiền. Trên đường về nhà, nó cứ ra rả Shakespeare với Dylan Thomas, nhưng vừa qua ngưỡng cửa nhà, nó lập tức xổ ra cả tràng những lời tục tĩu. “Cái đồ #@&\*! Anh gọi cái #@&\* này là nhà à?” Cứ vậy nó chửi thề như dân chợ búa, và mỗi khi anh bắt nó thôi, nó lại càng già mồm độc địa hơn. Cuối cùng, anh chàng nói, “Được rồi, tao cho mày vào đông lạnh đến khi nào mày nói năng tử tế,” rồi anh túm con chim và nhét nó vào trong tủ đông. Sau vài phút tiếp tục la lối bậy bạ, con chim đã im bật, và anh chàng mở cửa tủ.

Con vẹt từ trong tủ đông nhảy vọt ra đậu lên vai anh chàng: “Tôi thật sự xin lỗi, ông chủ, hãy thứ lỗi cho tôi,” nó thủ thỉ. “Mà này, lũ gà đã làm gì vậy?”

## VẤN ĐỀ THẦN CHẾT THẤT NGHIỆP VÀ NHỮNG SUY XÉT KHÁC

Nằm trong những câu hỏi thực tế hơn liên quan đến khả năng bất tử ở thế gian này là những suy xét đạo đức của ngành Đạo đức học Môi trường, một nhánh mới của Đạo đức học Ứng dụng, trong đó bức thiết nhất là *Chúng ta lấy chỗ quá nào để chứa tất cả những kẻ bất tử này?* Trong một thế giới vốn đã căng thẳng bởi khan hiếm tài nguyên cho



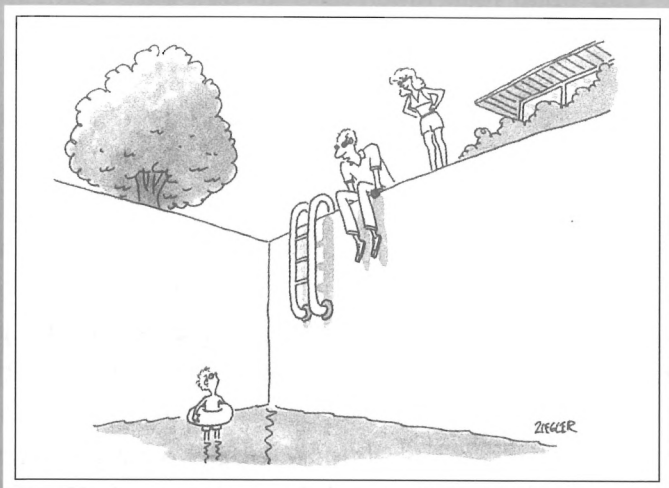
dân số sinh sôi liên tục, chúng ta sẽ làm gì khi nhân tố ổn định dân số căn bản của chúng ta - tức thần Chết - gác cái lưỡi hái của ngài?

Giải pháp hiển nhiên là chặn đầu kia - giảm hoặc thậm chí chấm dứt việc sinh ra những cơ thể mới để có chỗ cho những cơ thể rất già.

Có thể cho rằng trong tiểu luận nổi tiếng năm 1729, *Một đề xuất nhỏ nhất: Để ngăn trẻ em của người nghèo ở Ireland trở thành gánh nặng cho cha mẹ chúng hoặc cho đất nước, và để khiến chúng trở nên hữu ích với công chúng*, nhà văn châm biếm chính trị vĩ đại nhất trong các nước nói tiếng Anh, Jonathan Swift, đã đưa ra ý kiến riêng của ông cho giải pháp nói trên về vấn đề dân số tăng quá mạnh. Đại khái theo lối diễn đạt của mình, Swift đề xuất để người Ireland đảo ngược những bất hạnh kinh tế của họ bằng cách bán trẻ em của người nghèo làm thức ăn cho người giàu. *Cũng là một cách.*

Do thái giáo Cải cách công kích giải pháp bất-tử-và-không-sinh-để bằng một thái độ nghiêm chỉnh hơn, trong một suy ngẫm mũi lòng tại lễ tưởng niệm Yom Kippur (Ngày chuộc tội):

Nếu một thiên sứ mang đến cho chúng ta tin mới rằng cái chết sẽ bị đánh đổ, nhưng kèm theo điều kiện bắt buộc là sự sinh cũng dừng lại; nếu thế hệ đang tồn tại được cho cơ hội sống mãi nhưng với ý thức rõ ràng rằng sẽ không bao giờ có thêm một đứa trẻ, một chàng trai, một mối tình đầu, không bao giờ có thêm những con người mới với những hy vọng mới, ý tưởng mới, thành tựu mới; chỉ mãi mãi là chúng ta và



*“An toàn còn hơn phải hối tiếc, con trai.”*

không bao giờ có bất kỳ ai khác - thì câu trả lời còn có thể là gì?

Tất nhiên, cho dù bất tử sinh học là triển vọng hoàn toàn thực tế, khả năng ai cũng tiếp cận được nó không thể xảy ra. Phần lớn dân số thế giới không nhận được sự chăm sóc y tế căn bản do không đủ khả năng chi trả, nên khả năng để ai cũng được đáp ứng nguyện vọng trị liệu nano robot là khó tin nổi. Nhiều khả năng *robot nano* hay trị liệu telomerase sẽ là đặc quyền chẳng hạn cho Warren Buffet, Bill Gates và Tiger Woods... những người có thể kham nổi thú chơi đắt đỏ như Tồn Tại Vĩnh Cửu.

Nếu điều ấy nghe thật bất công, thì chỉ bởi vì nó thực sự bất công. Nó mang đến cho khái niệm “sự sống sót của những cá thể thích hợp nhất”<sup>(1)</sup> một ý nghĩa hoàn toàn mới - sự sống sót *vĩnh viễn* của những cá thể thích hợp nhất.

## Vẫn SAY SUA SAU TẤT CẢ NHỮNG KHOẢNG THỜI GIAN VÔ TẬN NÀY

Nằm ở ranh giới mơ hồ giữa hiện tượng học và tâm lý học là câu hỏi sự bất tử sinh học sẽ làm thay đổi trải nghiệm làm người của chúng ta như thế nào? Đây có phải là những thay đổi mà chúng ta thật sự muốn có không?

Giả sử ông có những con *robot nano* bận rộn sửa chữa mọi phần hư hoại trong cuộn dây chết chóc của ông, khiến bệnh tật và sự hao mòn bình thường không còn dẫn tới

---

1. Trong thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin. (ND)

Giấc Ngủ Lớn nữa. Nhưng những robot nhỏ bé bận rộn ấy cũng có hạn chế của chúng; chúng vô dụng nếu ông bị tiêu diệt bởi một chiếc dương cầm lớn trên một tầng nhà cao rơi xuống trúng đầu, hoặc nếu ông tình cờ đi nhờ xe cùng Thelma và Louise trong hành trình của họ tới Grand Canyon<sup>(1)</sup>. Nền cách *duy nhất* ông có thể chết là bởi một thảm họa như vậy. Điều này sẽ liên quan thế nào đến thái độ của ông? Tình huống của ông không còn là chết bây giờ hay sau này nữa, *mà là rốt cuộc ông có chết hay không*. Có thể nói khoản cược đã trở nên lớn hơn - lớn hơn *rất nhiều lần*. Trong bối cảnh mới, có khi nào chúng ta có khuynh hướng sống một cuộc sống hoàn toàn không có rủi ro - chẳng hạn cô lập trong một cái hộp chống bom dưới lòng đất?

### THẾ LÀ ĐỦ RỒI

Vấn đề *ennui* - từ tiếng Pháp của chủ nghĩa hiện sinh để chỉ sự buồn chán cùng cực với một đời sống có quá nhiều những nhún vai và thở dài mệt mỏi - đã đạt một chiều hướng mới, với viễn cảnh một đời sống vĩnh cửu, chẳng hạn trong cùng quán cà phê cũ kỹ ở khu Saint-Germain-des-Prés. Trong tiểu luận “Trường hợp Makropulos: Những suy ngẫm về sự chán ngấy của vĩnh hằng”, triết gia đạo đức của Cambridge thế kỷ 20, Tôn ông Bernard William, lập luận rằng cái chết là cần thiết nếu muốn cuộc sống vẫn còn thú vị. Điểm tham khảo của William là vở kịch *Chuyện Makropulos* của nhà viết kịch người Séc, Karel

---

1. Hai nhân vật chính trong bộ phim *Thelma & Louise* đã gặp những hậu quả khủng khiếp trong chuyến đi tới Hẻm núi lớn (Grand Canyon). (ND)

Capek (sau đó là vở opera của soạn giả người Séc, Leos Janacek), trong đó nhân vật nữ chính do sử dụng thuốc trường sinh nên có được cuộc sống dài khác thường (342 năm và vẫn còn tăng nữa). Nhưng đến cuối vở kịch, cô quyết định không tăng tuổi thọ thêm nhiều thế kỷ nữa, bởi cô đã nhận ra rằng đời sống vĩnh cửu chỉ đem đến sự lãnh đạm bất tận. William viết, “Đời sống không kết thúc đã đưa cô đến một trạng thái buồn chán, thờ ơ và lạnh lẽo. Mọi thứ không còn niềm vui.”

Sao lại thế? William tin rằng sau khi đã sống một số năm nhất định (con số này rõ ràng thay đổi từ người này sang người khác) thì một con người không còn khả năng có trải nghiệm mới nữa - nó là vấn đề xưa cũ tôi-đã-ở-đó-rồi, đã-làm-cái-đó-rồi. *Ipsso facto*, cô đâm ra chán ngán chính thân thể mình. William nói rằng đời sống tốt đẹp là một đời sống kết thúc trước khi sự lặp lại và buồn chán xâm chiếm nó - mà đây là điều không thể tránh khỏi.

Dĩ nhiên cũng có một số người như diễn viên hài Emo Philips lý sự rằng tận hưởng sự lặp lại bất tận là một cái khiêu do học mà có được:

**“Bạn tôi cho tôi một đĩa hát Philip Glass. Tôi nghe nó trong năm giờ đồng hồ mới nhận ra nó có một vết xước.”**

Bằng ý niệm Sự Lặp Lại Vĩnh Cửu, triết gia người Đức thế kỷ 19 Friedrich Nietzsche đẩy vấn đề buồn chán lên một cấp độ mới. Theo Freddy N., biểu tượng tốt nhất cho sự lãnh xẹt của một số phận vĩnh cửu là việc lịch sử lặp lại chính nó hết lần này đến lần khác, *ad infinitum*<sup>(1)</sup>.

1. Cho đến vô tận. (ND)

Với một số người như Woody Allen, viễn cảnh này có vẻ đáng được cho một câu *Oài!* vĩnh cửu. Theo Giáo sư Allen, “Nietzsche nói cuộc đời chúng ta đã sống thì chúng ta sẽ sống lại theo cách y hệt hết lần này tới lần khác, mãi mãi thế. Tuyệt. Có nghĩa là một lần nữa, tôi sẽ lại phải xem từ đầu đến cuối sô diễn *Ice Capades*.”

Nghĩ kỹ đi, ông Fred nói. Đừng để sự lặp lại vĩnh cửu hạ gục ông - hãy vượt lên nó! Chủ nghĩa siêu nhân anh hùng kiểu Nietzsche được thể hiện ở năng lực khẳng định ý chí giành lấy sức mạnh của ông *bất chấp* sự mất công vô ích đó. Ờ, với Siêu nhân thì tốt thôi! Nhưng còn với những người bình thường như Lois Lane và Jimmy Olsen<sup>(1)</sup>, chưa kể ông, Daryl, và chúng tôi? Với chúng tôi, sự lặp lại vĩnh cửu nghe giống với phim *Groundhog Day*<sup>(2)</sup> hơn, và đoạn đối thoại thâm thúy trong phim đã khiến nhiều khán giả xem phim ớn lạnh cột sống:

**Nhân vật Bill Murray:** “Anh sẽ làm gì nếu mọi ngày đều giống nhau, và chẳng có điều gì anh làm là quan trọng?”

**Người bạn mới trong một quán bar:** “Chuyện đó gần như đúng hoàn toàn với tôi đấy.”

### CÓ NHỚ CÁI NGÀY ẤY HỒI THÁNG CHÍNH

Bộ phim năm 1998 của Nhật, *Kiếp sau (After Life)*, đã cho tư tưởng của Nietzsche về Sự lặp lại vĩnh cửu

1. Những nhân vật hư cấu trong các truyện hài hước nói về Siêu nhân. (ND)

2. Phim hài Mỹ năm 1993, nói về một nhân vật dự báo thời tiết bất ngờ rơi vào một vòng lặp thời gian nên lặp lại ngày hôm đó hết lần này đến lần khác. (ND)

một diễn giải mới và gây suy ngẫm đáng ngạc nhiên: Những khách hàng mới chết lê bước vào một tòa nhà văn phòng xám xịt, tại đó những nhân viên công tác xã hội báo với họ rằng họ có ba ngày để chọn ra một ký ức mà họ nâng niu nhất. Một khi được chọn, ký ức này sẽ trở thành trải nghiệm *duy nhất* mà mỗi người mới đến có được cho toàn bộ vĩnh hằng. *Thật là những quyết định mang lại ý nghĩa lớn lao cho tương lai!*

Cách dàn dựng thoát nhìn gây ấn tượng rằng đây là kiểu phim “mạch lạc rõ ràng” của Hollywood, nhưng dưới bàn tay đạo diễn Hirokazu Koreeda, đây chính là một khám phá sâu xa - nếu không nói là quá tinh tế - về *ý nghĩa của cuộc sống*.

Tôi có nên chọn trải nghiệm điển hình nhất cho toàn bộ đời mình? Trải nghiệm gây xúc động nhất? Trải nghiệm dữ dội nhất? (Nhiều ông già lúc đầu chọn kinh nghiệm tình dục nồng cháy nhất, nhưng sau khi suy ngẫm đã quyết định rằng cực khoái vĩnh cửu cũng thiếu một sắc thái nhất định.)

Trong phim, một cô gái trẻ muốn sống lại một ngày ở Disneyland, nhưng rồi phải xem xét lại sau khi nhân viên công tác xã hội báo với cô rằng ba mươi người khác đã có cùng lựa chọn như vậy trong năm ấy; một người đàn ông trung tuổi thống khổ chọn cơn gió nhẹ mà ông cảm nhận được trên đường đến trường bằng tàu điện vào ngày trước nghỉ hè; một bà già chọn ký ức nhảy múa trong một bộ đồ đỏ cho bạn bè của anh trai xem. Dù quyết định cuối cùng có vô vị thế nào, những suy nghĩ cân nhắc trước chúng cũng gây xúc động sâu sắc.

## ĐÃ ĐẾN LÚC CHO MỘT THỨ GÌ ĐÓ HOÀN TOÀN KHÁC

*Ennui* có buồn tẻ đi chẳng nữa, chúng ta cũng không sẵn sàng quăng đi viễn cảnh có một số lượng vô hạn các trải nghiệm, dù chúng lặp đi lặp lại đến thế nào. Như thế nghe vẫn tốt hơn nhiều là sự chấm dứt vĩnh viễn của *mọi* trải nghiệm.

Để có một giải pháp triệt để cho mong muốn vĩnh cửu là có thêm trải nghiệm, chúng ta quay sang học giả người Australia gốc Vienna, Manfred Clynes, người được biết tới vì tự mình gói ghém nhiều cuộc đời thành một: ông đã tạo dấu ấn với vai trò một nhà sinh lý học thần kinh, nhà phát minh và nghệ sĩ piano trong dàn nhạc. Nên hãy để Manfred đặt ra một chiến lược kéo dài vô hạn cuộc sống mà không thực sự đưa thêm bất kỳ “thời gian đồng hồ” nào vào quãng đời của chúng ta.

Clynes đề xuất chúng ta nên mở rộng cuộc đời không phải bằng cách thêm các giây vào phần cuối, mà nhờ cách tăng tốc *nhận thức thời gian* của chúng ta, sao cho trong mỗi giây có nhiều “khoảnh khắc” hơn. Ông cho chúng ta biết rằng máy tính có một “tốc độ tích tắc” nhất định, hay tốc độ xử lý thông tin của chúng, và về mặt lý thuyết, tốc độ ấy có thể được tăng lên đến vô hạn, nên một ngày nào đó cả chúng ta cũng có thể áp dụng:

Một nhận thức thời gian mở rộng, một sự điều chỉnh tăng tốc sử dụng công nghệ nano hay công nghệ pico<sup>(1)</sup>; suy nghĩ có thể nhanh hơn 10.000 lần

1. Công nghệ nano là sự tác động vật chất ở cấp độ phân tử và siêu phân tử. Công nghệ pico tác động vật chất ở cấp độ nguyên tử. (ND)



so với mức thông thường của chúng ta. Khi ấy chuyện gì xảy ra? Một năm sẽ kéo dài 10.000 năm. Các mùa sẽ không thay đổi trong vòng 2.500 năm. Sự lão hóa như chúng ta biết sẽ bị tiêu diệt<sup>(1)</sup>.

Điều đó khiến chúng ta tự hỏi *kinh nghiệm* sống trong làn xe siêu-cao-tốc này sẽ như thế nào? Liệu nó có đơn thuần chỉ như một người tham gia khóa đọc nhanh và kể lại: **“Tôi đọc cả cuốn *Moby Dick* chỉ mất hai mươi lăm phút! Nó nói về một con cá voi.”**

Hay là sự thích thú của chúng ta với cuốn sách cũng cứ vậy tăng lên, Tiến sĩ C.? Và chính xác thì điều đó nghĩa là gì?

Ồ, đây là vợ ông à, Daryl? Vâng, chào bà, Frumkin, bà có một câu hỏi ư?

Nhận thức thời gian tăng lên thì được gì cho màn tình dục dạo đầu?

Ờ, có lẽ đó là vấn đề bà và ông Daryl muốn thảo luận riêng.

Trong khi ấy, chúng ta hãy trở lại với cuộc đời chật như nệm của Manfred. Ý nghĩa khớp vào đầu trong bức tranh của ông ta?

Trong vở kịch mười phút *Thời gian trôi như bay* của David Ives, Horace và May là hai con phù du, và chúng yêu nhau điên cuồng ngay từ cái nhìn đầu tiên. (“Anh mới sinh ra sáng nay.” “Em cũng vậy.”) Vào buổi hẹn hò đầu tiên, chúng xem một bộ phim về tự nhiên, và phát hiện rằng vòng đời của chúng chỉ là một ngày: đời chúng đã

---

1. Manfred Clynes, “Nhận thức thời gian trong một cuộc sống rất dài,” trong *Sự chinh phục cái chết của khoa học* (Buenos Aires: Libros en Red, 2004).

hết quá nửa rồi! Sau vài khoảnh khắc rối loạn và hoảng sợ, chúng quyết định tận dụng tối đa những gì chúng có và bay tới Paris, nơi chúng kỳ vọng sẽ có một thời khắc tuyệt vời, một cái kết có hậu, đại loại thế.

Horace và May đã xoay sở tìm được ý nghĩa trong cuộc đời rất ngắn của chúng, bất kể - hoặc có lẽ vì - việc chúng biết đến cái kết. Liệu đời chúng có phong phú hơn với sự trợ giúp của sống tăng tốc không? Sẽ thế nào nếu chúng gom được cả London và Paris vào một lúc? Vậy London, Paris và Rio thì sao? Thôi được, thêm cả Vegas đi, đề nghị cuối cùng của chúng tôi đấy, và ông sẽ phải giả định rằng Celine Dion không bán hết đĩa.

Hoặc hãy hình dung một tu sĩ Phật giáo dành 90% những giờ tỉnh táo của mình để ngồi tọa thiền tư thế hoa sen, làm đầu óc trống rỗng mọi ý nghĩ, ngoại trừ ý muốn tiếp thông với Nhất Thể của Vũ Trụ. Cuộc sống không đem lại nhiều trải nghiệm lắm cho người này. Liệu như thế có phải ông ta đang có một cuộc đời tẻ nhạt không?

Clynes nêu lên không gì khác ngoài vấn đề hiện tượng học vĩnh cửu về tính tương đối của thời gian sống. Một phút sống của một người (hoặc một con rùa) là một tháng sống của người khác (hoặc một con rùa khác), nên rốt cuộc ai hay con rùa nào có đời sống phong phú hơn?

Lũ rùa đi dã ngoại. Chúng mất mười ngày mới tới nơi, nhưng cũng khi ấy chúng nhận ra đã quên cái mở nắp chai, bèn sai con rùa nhỏ nhất quay về lấy. Con rùa nhỏ nói, “Không, tôi mà đi khỏi thì các anh sẽ ăn mất mấy cái bánh.” Lũ rùa hứa với nó là sẽ không làm vậy, nên nó ra đi. Mười ngày, hai mươi ngày, rồi ba mươi ngày trôi qua.

Cuối cùng, vì đói quá nên lũ rùa quyết định ăn mấy cái bánh. Ngay khi chúng vừa cắn vào miếng bánh, con rùa nhỏ từ sau một tảng đá thò đầu ra kêu, “Thấy chưa? Thế nên tôi mới không đi.”

## NHÂN BẢN VÔ TÍNH

Nếu sống nhanh nghe quá cực nhọc, ta hãy thử kỹ thuật sinh học kêu gọi nhất - nhưng lại hoàn toàn phi tính dục - để được bất tử không thông qua chết: *nhân bản vô tính chính ông*. Thật ra, không chỉ nhân bản chính ông, mà nhân bản ông như một người rất trẻ; rồi khi ông già đi, hãy làm lại lần nữa... lần nữa... và lần nữa, *ad infinitum*.

Trong tất cả những mưu đồ công nghệ sinh học nhằm tạo ra những con người bất tử, nhân bản người không chỉ có vẻ khả dĩ nhất trong thời gian ngắn, mà rất có thể đã xảy ra rồi, chỉ là người ta chưa tiết lộ. (Vì nó trái luật.) Dĩ nhiên, kỹ thuật gọi là chuyển hóa hạt nhân tế bào thể ấy đã tạo ra cừu Dolly. (Tin đồn Dolly liên tục lâu bầu “Ngày đêch nào cũng như ngày nào” chưa được xác thực!)

Nhân bản hoạt động như thế này: bào tương (chất nằm giữa nhân và màng tế bào) được gỡ khỏi tế bào trứng của người hiến; một tế bào khác mang chất liệu di truyền để được nhân bản sẽ được cấy vào tế bào trứng ban đầu. *Voilà!* - một bản sao y hệt của bản gốc đã sẵn sàng.

Chúng ta chắc chắn rằng nhân bản con người là có thể, và một lý do là vì nó đã thường xuyên xảy ra trong tự nhiên: đây được gọi là sinh đôi cùng trứng. Các cặp sinh đôi cùng trứng được tạo ra khi một trứng đã thụ thai tách

thành hai khối tế bào và trở thành hai người có ADN y hệt nhau. Chỉ những người như Merle Haggard<sup>(1)</sup> mới lẫn lộn sinh đôi cùng trứng với sinh đôi khác trứng (hai trứng khác nhau được thụ tinh riêng biệt nhưng đậu thai ở cùng tử cung vào cùng thời điểm). Khi được hỏi hai đứa cháu sinh đôi của mình có phải là sinh đôi cùng trứng không, Merle đáp, **“Một đứa là cùng trứng, còn đứa kia trông chả giống ai.”**

---

#### NHỮNG CHUYỆN ĐÙA KHÔNG ĐÁNG SAO CHÉP

Vấn đề nhân bản con người đã tạo ra những chuyện đùa dở tệ, chủ yếu xoay quanh những tương đồng giữa nhân bản vô tính và cách thức sinh sản của dân nghèo da trắng miền Nam nước Mỹ. Số lượng chuyện đùa về nhân bản vô tính gần như nhiều bằng những chuyện đùa về quan hệ tình dục với người ngoài hành tinh. Nhưng trong mớ tạp nhạp cũng nhặt ra được đôi chút sắc sảo:

Nhân bản vô tính con người là vấn đề hiện diện ở hầu khắp các danh sách những thứ đáng lo ngại từ Khoa học, ngoài những vấn đề như kiểm soát hành vi, kỹ nghệ di truyền, cấy ghép đầu, thơ do máy tính sáng tác và sự tăng trưởng thiếu kiểm soát của hoa nhuỵ<sup>(2)</sup>.

---

1. Ca sĩ, nhạc sĩ, nhạc công Mỹ chuyên về dòng nhạc đồng quê và nhạc miền Tây. (ND)

2. Lewis Thomas, “Về sự nhân bản một con người”, *Con sứa và con ốc sên: Thêm các ghi chép của một quan sát viên sinh học* (New York: Penguin, 1995), tr. 52.

Nhưng nhân bản vô tính có tạo ra một bản sao hoàn hảo của cái ban đầu không? Hãy hỏi một người sinh đôi cùng trứng tự nhiên: người đó không nghĩ mình là cùng một người như bản sao ADN chính xác của họ, đơn giản bởi một lẽ rằng người đó đã có những trải nghiệm khác với bản sao. Người đó đã có những tác động khác lên sự phát triển nhân cách của mình; người đó đã có những ký ức khác, những điểm tham chiếu khác; người ấy đã có những mối quan hệ khác, đã tìm thấy những ý nghĩa khác. Trong tâm lý học phát triển, những điều trên tạo ra một mô hình thực nghiệm thú vị để khảo sát vấn đề xưa cũ là sự tương phản giữa bẩm sinh và nuôi dưỡng, chẳng hạn trong sự kết cặp của những nhà tâm lý học phát triển có sinh đôi: một người họ gọi là John, người kia họ gọi là Đối Chứng.

Vậy những cặp sinh đôi cùng trứng rốt cuộc giống nhau đến mức nào? Không nhiều lắm. Dĩ nhiên, không nhiều đến mức trong các tình huống quyết định, một người quan sát bên ngoài sẽ không thể phân biệt người này với người kia.

Reggie cưới một trong hai chị em sinh đôi cùng trứng. Chưa đầy một năm, ông đâm đơn ra tòa đòi ly dị.

“Được rồi,” quan tòa nói, “hãy kể cho Tòa nghe tại sao ông muốn ly hôn.”

“Thưa ngài,” Reggie bắt đầu, “cứ lâu lâu em vợ tôi lại ghé thăm, và do cô ấy với vợ tôi bề ngoài giống nhau quá, thành ra cứ lâu lâu tôi lại làm tình nhầm với cô ấy.”

“Chắc chắn phải có một khác biệt nào đó giữa hai phụ nữ,” quan tòa nói.

“Thì hẳn phải có một khác biệt rồi, thưa Ngài. Thế nên tôi mới muốn ly hôn,” ông đáp.

Với các mục đích của chúng ta, khác biệt về *trải nghiệm* giữa những cặp sinh đôi cùng trứng mới là điều cốt yếu hơn.

Hãy xem hai người đàn ông ngồi kế nhau trong một quán rượu ở Boston. Sau một lúc, một người nhìn người kia và nói, “Nghe giọng anh, tôi không thể không nghĩ rằng anh từ Ireland.” Người kia đáp với vẻ kiêu hãnh, “Đúng vậy!” Người thứ nhất nói, “Tôi cũng thế! Và anh từ đâu bên Ireland nhỉ?” Người kia đáp, “Tôi từ Dublin, hẳn rồi.” Người thứ nhất đáp, “Chúa chứng giám, tôi cũng thế! Vậy anh sống ở phố nào tại Dublin?” Người kia đáp, “Tôi sống ở phố McCleary, một khu vực nhỏ dễ thương trong trung tâm cổ kính của thị trấn.” Người thứ nhất nói, “Chúa ơi, thế giới mới nhỏ làm sao, tôi cũng vậy đấy! Anh học trường nào?” Người thứ hai nói, “St. Mary’s.” Người thứ nhất thật sự phấn khích và nói, “Tôi cũng vậy. Kể tôi nghe đi, anh tốt nghiệp năm nào?” Người kia đáp, “À, tôi tốt nghiệp năm 1964.” Người thứ nhất thốt lên, “Chúa lòng lành hẳn đang mỉm cười với chúng ta từ trên kia! Khó mà tin chúng ta lại may mắn vậy khi ở cùng quán bar tối nay. Anh tin được không, tôi cũng tốt nghiệp trường St. Mary’s năm 1964.” Cùng lúc ấy, một người khác bước vào quán bar, ngồi xuống và gọi một ly bia. Người phục vụ quảy bước tới lắc đầu và lắc bả, “Lại một đêm dài đây, anh em sinh đôi nhà Murphy say nữa rồi.”

Vậy nên nếu nhân bản chính mình nhằm đạt sự bất tử sinh học, ông sẽ xoay xử thế nào với việc tạo ra một bản sao có một tự ngã y hệt? Làm thế nào ông khiến bản sao là “ông” trong khi hẳn ta nói “tôi”?

Dễ thôi, các nhà Bất tử học bằng nhân bản vô tính đáp. Ông đơn giản tải toàn bộ nội dung hệ thần kinh của mình - những ký ức, những chuyện nhạy cảm, cung cách bầu chọn cho chương trình *American Idol* (Thần tượng âm nhạc Mỹ), toàn bộ cái “ông” - vào bộ máy thần kinh của bản sao, hay tạm gọi là ổ cứng của người kia. Bằng cách ấy, nó/người kia sẽ trả lời khi người ta gọi tên ông, cười với những chuyện tiểu lâm yêu thích của ông, và hăng hái làm tình với vợ ông, Gladys.

Vậy là ông ở đó, đứng cạnh bản sao hoàn hảo này của ông, toàn bộ hệ thần kinh của ông đã được tải xuống hệ thần kinh của chính hấn. Hãy hỏi xem hấn cảm thấy thế nào về chuyện làm tình trong một cái xe trượt tuyết do chó kéo, và hấn sẽ cho lời đáp chính xác, đầy sắc thái như chính ông nói. Cù vào điểm đặc biệt đằng sau dái tai phải và hấn sẽ cười nắc nẻ y như ông khi bị cù vào đó. Hỏi xem hấn có tin vào Thượng đế không, và một lần nữa, hấn sẽ đáp một cách nước đôi y hệt như ông. Thậm chí hỏi xem hấn là ai và hấn sẽ nói, “Khùng! Tôi là Daryl Frumkin. Còn anh là thằng quái nào?”

Ít nhất có thể nói rằng bản sao của ông có quá trời nhiều điểm chung với ông - cùng những phản xạ, ý kiến, hiểu biết, ký ức. Thực tế, có thể nói không ngoa rằng hấn có chính cái phần mềm tinh thần và những kinh nghiệm ghi nhớ mà ông có. Nên sao cứ phải nghi ngờ lằng nhằng rằng Daryl Frumkin bản sao không giống như ông, Daryl Frumkin bản gốc?

Chuyện này có liên quan đến thứ chúng ta gọi là “tự ngã” - một hiện tượng được chúng ta xem là khác với “tâm trí” hay thậm chí “linh hồn” của mình. Và bất kể chúng ta mong mỗi kiểu bất tử nào trong vô số kiểu bất tử khác

nhau, rốt cuộc chính thực thể gọi là “tự ngã” này là thứ chúng ta luôn muốn bảo tồn. Trên hết, đó là thứ chúng ta muốn bám lấy mãi mãi.

Nhưng cái thứ gọi là *tự ngã* này là gì?

Trở lại thế kỷ 17, Rene Descartes là người đã mở cánh cửa lò<sup>(1)</sup> cho câu hỏi này khi ông cố gắng nghi ngờ sự tồn tại thực chất của mọi thứ. Trong *Những suy ngẫm về triết học cơ bản*, ông thậm chí đi xa tới mức hình dung rằng một con Quỷ Xấu Xa đang bắn vào tâm trí chúng ta một “thực tại” giả tạo mà chúng ta không nhận ra. Ông đang thực hiện khá tốt thí nghiệm nghi ngờ của mình thì đối mặt với thực tế rằng ông không thể nghi ngờ chính sự nghi ngờ của ông. Ông đã thốt lên một câu nổi tiếng, “Tôi tư duy, nên tôi tồn tại,” nghĩa là “Tôi nghi ngờ, nên tôi không thể nghi ngờ sự tồn tại của chính mình (như một người nghi ngờ).”

Hãy chuyển tới cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, khi triết gia người Đức Edmund Husserl nhận thấy Descartes đã mở ra cả một chiều hướng mới cho việc hiểu trải nghiệm của loài người. Đó là phát kiến rằng cần có kinh nghiệm về một cái “chính tôi” để những kinh nghiệm khác của tôi được cảm nhận là “của tôi”. Nên Ed bắt đầu khảo sát kinh nghiệm về ngã này để xem ông có thể phát hiện điều gì khác về nó.

Một thứ ông thấy là tôi không chỉ cảm nhận ngã này như thể nó lù lù ở đó giống chiếc pizza để cả ngày chưa ăn; tôi cảm nhận ngã của tôi như thể kết nối các trải

---

1. Rene Descartes (1569-1650), triết gia người Pháp, được xem là cha đẻ của triết học hiện đại. Ông thường giam mình trong một căn phòng có lò sưởi để tránh cái lạnh, và khi ở trong đó, ông đã có những linh ảnh khiến bản thân tin rằng mình đã được một bậc thiêng liêng khai thị cho một triết học mới. (ND)



nghiệm với nhau, cho chúng sự cố kết và ý nghĩa. Ngã của tôi là “điểm nhìn toàn cảnh”, mang lại cho các trải nghiệm của tôi tính tổ chức. Ví dụ, chúng ta trải nghiệm thời gian như là “hiện tại sống động”. Là một trải nghiệm, thời gian không chỉ là một đường thẳng gồm những khoảnh khắc rời rạc, hay một điểm hiện thời chạy dọc theo một đường. Hiện tại luôn là sự đan xen lẫn nhau của những ký ức về quá khứ và dự đoán về tương lai. Chúng ta luôn trải nghiệm tự ngã như thể liên tục qua thời gian.

---

#### ĐUA TÔI RA KHỎI ĐÂY ĐI, TIẾN SĨ EINSTEIN

Dịch chuyển tức thời<sup>(1)</sup> - dự án vật lý mới nhất và sốt dẻo nhất ngày nay - đã cho thấy việc ngay lập tức tái định vị các đối tượng hoặc các hạt cơ bản từ điểm A đến điểm B mà không cần những thứ này di chuyển trong không gian là khả thi. Cho đến nay, người ta mới chỉ thực hiện được dịch chuyển tức thời “chính xác” với các nguyên tử và photon. Dịch chuyển tức thời chính xác có vẻ là một thao tác “cắt và dán”: bạn cắt một photon ở đầu này và dán nó vào đầu đó khác.

*Gì thế, Daryl? Ông nói văn bản mà ông cắt trên máy tính không phải là cùng văn bản, cùng những dấu vết vật lý như thứ hiện ra khi ông bấm vào “Dán” à? Chúng chẳng qua trông như một à?*

Ờ, có thể ông có lý. Nhưng nghĩ mà xem, chẳng có cái “văn bản” nào trên máy tính của ông rốt ráo là thật. Chúng chỉ là những dạng biến chuyển của không và

---

1. Teleportation. (ND)

một (các trạng thái bật hoặc tắt) trong mạch máy tính. Và nếu nói các số không và một ở điểm đích không phải *chính là* các số không và một ở điểm nguồn thì điều đó có nghĩa là gì? Không và một không hề tồn tại trong không gian! Nếu đã nhìn thấy một số không hoặc một số một, ông đã thấy tất cả chúng rồi. Khá kỳ cục nhỉ? Dù sao đi nữa, ông cũng đã nhắm vào ý niệm dịch chuyển tức thời “không chính xác”.

Dịch chuyển tức thời không chính xác lấy các thông tin được mã hóa về một đối tượng, bắn nó từ điểm này đến điểm kia; sau đó, lấy thông tin được dịch chuyển như một bản thiết kế, đối tượng được tái tạo một cách hoàn hảo ở điểm đích. “Cắt và dán” về cơ bản xảy ra như vậy. Dịch chuyển tức thời không chính xác rõ ràng lệ thuộc vào một thuộc tính của hạt nguyên tử gọi là “tính rối” [entanglement], theo đó các hạt ở xa nhau đôi lúc lại kết đôi với nhau một cách tự nhiên, và những tính chất ở hạt này tác động lên hạt kia. Như một nhà vật lý học nói là “Bạn cù hạt nguyên tử này và hạt kia cười.” Thật may, Einstein đã mô tả thuộc tính này là “hành động ma quái từ xa”. Cảm ơn vì lời cảnh báo, Al.

Khỏi phải nói, đã có rất nhiều xì xầm trong giới vật lý về việc dịch chuyển tức thời một người, mà triển vọng nhất là bằng dịch chuyển tức thời không chính xác. Nói cách khác, *nhân bản vô tính từ xa*.

*Ồi, không biết chúng tôi đã nói chưa, rằng đối tượng ban đầu - chẳng hạn, ông, Daryl Frumkin ở Bayonne, New Jersey - sẽ bị tiêu diệt trong quá trình ấy? Đừng lo, thằng “ông” được dịch chuyển tức thời, Daryl Frumkin ở miệng núi lửa Gusev trên Sao Hỏa cũng đang rất ổn, cảm ơn.*

---

Và điều đó đưa chúng ta trở lại với luận điểm của Husserl. Ông ta và những nhà hiện tượng học khác lý luận rằng tôi không trải nghiệm môi trường của tôi chỉ như việc ghi nhận trong đầu, chỉ như thể nó là một bộ phim (hay ngày nay là một màn hình máy tính). Các nhà hiện tượng học nói điều đó bỏ sót một bước quyết định. Một yếu tố không tách rời trong mọi trải nghiệm của tôi là việc tôi trải nghiệm chúng như thể “thuộc về” cái họ gọi là một “ngã hiện tượng” (hay như hầu hết chúng ta gọi là “tôi”). Tôi liên tục có kinh nghiệm về cái “tôi” này, cái là tâm điểm của mọi kinh nghiệm khác, nơi mọi cảm nhận, suy nghĩ, ý nghĩa và dự định giao nhau.

Chúng tôi nghĩ Husserl và những học trò của ông đã xác định được thứ mà tất cả chúng ta hy vọng là có một cuộc sống vượt ngoài nắm mờ. Nó là tự ngã của chúng ta! Bất kỳ sự bất tử nào không duy trì được sự liên tục của nhận thức về “ngã” thì không phải kiểu bất tử mà chúng ta thêm muốn.

### NÚT BĂM VÀO NGÃ

Thật thú vị là Husserl đang gọi lại một tư tưởng mà Phật Thích-ca-mâu-ni đã tuyên thuyết trong thế kỷ 6 trước Công nguyên. Đức Phật dạy rằng chúng ta *tạo lập* kinh nghiệm về ngã của mình bằng cách chọn và lựa ra từ “năm nhóm bám chấp”. Những bám chấp ấy, còn gọi là *uẩn* [skandha], gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Từ những thứ này, chúng ta dệt nên một cái ngã, và với ngã ấy, chúng ta tương tác với phần còn lại - tức thế gian. Nên không ngạc nhiên khi ngài nghĩ cả hai [chủ thể và đối tượng] đều là hư huyễn.

Được rồi, trở lại với Daryl Frumkin bản sao. Daryl này có một “ngã hiện tượng” hay không? Ông ta/nó có sự liên tục về nhận thức không? Nếu chúng ta cứ tan vào các trải nghiệm của mình mà không có một tầm nhìn tổ chức trung tâm nào, chính xác *ai* là ông chủ? Ai là cái người không chết? Khi những nhân cách của chúng ta được tải xuống thành một bản sao, liệu điều đó có duy trì sự nhận thức về ngã mà chúng ta cần để *trải nghiệm* sự bất tử không? (Và nếu không thể cảm thấy mình “bất tử”, sao chúng ta phải đi đến tất cả những rắc rối này?)

Nhưng này, có thể chúng tôi chỉ việc tải xuống toàn bộ ngã hiện tượng của ông, Daryl. Khi ấy, cái ngã này có phải ông không? Liệu *ông* có nghĩ nó là ông không? Quan trọng hơn, bản sao của ông có nghĩ ông ta là Daryl không? Và nếu có, ông ta sẽ nghĩ *ông* là gì?

Về phần chúng tôi, chúng tôi đã đề nghị các bản sao của mình hãy chuyển câu trả lời cho ông sau khi hoàn tất việc tải. Nhưng rồi một lần nữa, liệu ông có thể tin một cặp bản sao khi họ nói họ là chúng tôi không?

### TÔI, CHÍNH TÔI VÀ IPOD

Đẩy chiến lược tải thần kinh đến điểm tột cùng, đó chính là sự bất tử số hóa. Những người đề xướng cách tiến hành này nhanh chóng chỉ ra rằng cơ thể con người được tạo thành từ những thứ tầm thường và luôn có xu hướng hao mòn, chưa kể còn có khả năng một cây dương cầm đầu đó trên cao bỗng rơi uỳnh xuống. Vậy sao không nhét toàn bộ “ngã” của chúng ta vào chip máy tính để nó có thể tiếp tục “sống” và thậm chí mãi mãi tham dự vào những trải

nghiệm (số hóa) mới mẻ? Cách tiến hành này cho chúng ta ý nghĩa mới của diễn đạt “chip off the old block”<sup>(1)</sup>.

Nếu việc sống thuần túy dưới dạng “tinh thần” có vẻ giống quan điểm của các triết gia, thì có lẽ là vì Giám mục George Berkeley, nhà kinh nghiệm chủ nghĩa kiệt xuất người Anh thế kỷ 18, đã thừa nhận một tư tưởng tương tự vào thời kỳ trước khi có chip máy tính. Ông từng có câu nói nổi tiếng “*Esse est percipi*” (“Hiện hữu nghĩa là được nhận thức”). Giám mục B. nói rằng ngoài kia chẳng có “vật” *thật* nào cả, chỉ tồn tại những nhận thức của bản thân ta mà ta gọi là “vật”. Thoạt nghe, đó có vẻ là một vũ trụ duy ngã luận, bởi tất cả những gì chúng ta có thể tuyệt đối chắc chắn đều ở trong trí não mình. Nhưng dĩ nhiên, điều này đưa đến câu hỏi rằng những thu nhận giác quan của chúng ta đến từ đâu nếu không phải là từ “đối tượng”, và ông thầy tu cáu kỉnh đáp lại: Thượng đế lúc nào cũng gửi dữ liệu giác quan cho chúng ta từ Trên Cao Kia. Kiểu như thư rác vũ trụ. Lấy một tên gọi mới là “kỹ sư phần mềm lập trình các não chip của chúng ta để nhận và xử lý dữ liệu luôn mới và sống động” thay cho “Thượng đế”, và lý thuyết của Berkeley sẽ sống mãi.

Nhà bất tử học số hóa Michael Treder gợi ý “tạo ra một bản sao số của não chúng ta và tải mọi thông tin vào một robot. Phương pháp này có lợi thế là có thể giữ một bản sao dự phòng của nhân cách chúng ta, phòng xa lỡ có tai họa nào đó phá hủy cơ thể robot. Việc này thật sự sẽ khiến chúng ta bất tử, bởi chúng ta có thể lưu giữ những bản sao của chính mình ở nhiều nơi trên

1. Nghĩa là “đưa con giống bố như tạc” và cũng là “con chip sinh ra từ khối cũ”. (ND)

**khắp hệ mặt trời, dải Ngân hà, thậm chí rớt cuộc cả ở thế giới bên kia.”<sup>(1)</sup>**

Không muốn làm kẻ phá đám, nhưng chúng tôi có một câu hỏi triết học muốn được trả lời trước khi tải bản thân mình xuống bản sao. Triết gia người Anh thế kỷ 20 C.D. Broad nêu quan điểm rằng nhận thức của chúng ta về một vật khác với tổng thông tin về những tính chất vật lý của vật ấy. Yếu tố cộng thêm là khía cạnh “*nó như thế nào*” của trải nghiệm. Có thể chúng ta biết mọi điều về những tính chất vật lý của bia và sự tương tác của nó với những thứ khác, trong đó có vị giác của chúng ta, nhưng điều đó vẫn không thực sự nói được bia có vị như thế nào. Chúng ta vẫn sẽ không biết kinh nghiệm nếm bia là gì. Người phục vụ quầy rượu nơi bạn sinh sống có thể đã nói cho bạn điều đó rồi, nên C.D. cần một cái tên Latin lằng nhằng cho những trải nghiệm “*nó như thế nào*” này để nhận xét của ông có chút *phong cách*, nên ông gọi chúng là *qualia*.

Giả sử chúng ta lập trình hai robot Dusty và Lily để chúng làm tình với nhau. Hãy lắng nghe xem chúng có những gì để nói với nhau:

Dusty: Em cũng thấy tuyệt chứ, Lily.

Lily: Chúa ơi, có chứ, Dusty. Tuyệt vời. Lúc nào cũng tuyệt vời, Dusty.

Dusty: Ờ... anh biết em cũng phải có những quan hệ khác, Đôi Môi Ngọt Ngào à, và có ngớ ngẩn mới nói ra điều này, nhưng anh chỉ hy vọng quan hệ của chúng ta xét ra cũng *ổn hơn*?

---

1. Michael Treder, “Đánh đổ trật tự tự nhiên”, *Con sứa và con ốc sên* (New York: Penguin, 1995).

Lily: Dĩ nhiên, anh yêu. Em chưa từng yêu ai như thế này.

Dusty: Anh cũng tính toán thấy như vậy! Nhưng hãy nói cho anh biết em đang cảm thấy như thế nào, Gương Mặt Thiên Thần?

Lily: À thì những con số của em tăng vọt khi chúng ta bên nhau.

Dusty: Đúng, đúng, anh biết, của anh cũng vậy. Nhưng điều ấy cho em *cảm giác* thế nào?

Lily: Em hành xử không như thông thường, Dusty. Em khóa phần mềm khác lại.

Dusty: Ờ, ờ, anh hiểu, cưng của anh. Nhưng cái thứ điên rồ gọi là tình yêu này là gì? Em gọi tên nó được không? Em có thể nói cho anh biết em đang cảm thấy gì ngay lúc này không?

Lily: Anh đặt lại câu hỏi được không? Em đang không tính toán được.

Dusty: Ôi trời ơi, Lily! Anh không nghĩ em thật sự yêu anh.

Lily: Tất nhiên là em yêu anh, Dusty. Đèn của em sáng hết lên khi anh núng nính đi vào tầm nhìn của em.

Dusty: Đó là một thứ cơ học, Lily! Anh có thể có một phản ứng cơ học từ trò lẩn bi ghim! Em không thấy sao? Cái anh muốn là *tình yêu* của em! Ôi chết tiệt, anh sẽ nói chuyện với em sau. Giờ anh sẽ ra ngoài để chạy tí phần mềm uống bia với đám con trai.

Lily: (*thở dài*) Em sẽ ở đây, Dusty. Em đoán rằng em được lập trình như vậy.

*Ý các ông là cái quái gì vậy?*

À, Daryl, rõ ràng ông có thể lập trình Dusty và Lily để hỏi và trả lời những câu hỏi của Dusty. Thậm chí ông có thể lập trình Lily để đọc dữ liệu của chính cô ấy, tính xem lần làm tình đó được bao nhiêu điểm dựa trên những tiêu chí nhất định hoặc so sánh với chuyện tình với những con robot khác và trả lời tương ứng. Nhưng nếu Dusty hỏi Lily về *qualia* của cô ấy, liệu câu trả lời của Lily có thuần túy cơ học không?

*Gi vạy, Daryl? Đó cũng là kiểu câu trả lời ông thường nhận được từ Gladys à?*

Giờ trước khi “mở rộng cuộc sống” bằng cách “tải dữ liệu nhân cách”, chúng tôi muốn biết: Liệu chúng tôi có khả năng tải *qualia* của mình không? Và chính xác thì cái đó hoạt động như thế nào? Không biết ông thì sao, nhưng chúng tôi sẽ không đi đâu mà không có *qualia* của chúng tôi. Không có nó thì chẳng phải chúng tôi.

Không biết người khác chọn hướng nào, nhưng với chúng tôi thì cho chúng tôi *qualia* của mình hoặc cho chúng tôi cái chết.

*Qualia với cả schmalia! Tôi sẽ chọn sống ở Bayonne mãi mãi kể cả nếu tôi được làm bằng phụ tùng thay thế, bị đông lạnh hay không lớn hơn một con chip máy tính. Dù thế nào đi nữa, lựa chọn đó cũng đáng giá! Vạy nên cảm ơn mấy ông đã gợi ý. Bái bai!*

Khoan đã, Daryl! Ông chưa nghe cẩn thận. Có thể những ý đồ công nghệ sinh học này hứa hẹn, nhưng vẫn chưa đâu! Chúng mới chỉ đang là dự án thôi. Trong khi ấy - hãy sẵn sàng cho khả năng hay ho nhất vì ông có thể là một trong những kẻ thuộc thế hệ chết cuối cùng.

*Ôi trời, có vẻ tôi đang lên cơn đau tim!*



Phần VII

## PHẦN KẾT



Mọi chuyện chưa kết thúc cho đến khi nào bà  
béo cất tiếng hát.

Oái, bà ta đang hát kìa.



## Chương 13

### PHẦN KẾT

*Daryl, đã lâu không gặp! Ông đang làm gì ở đây?*

*Tôi đang làm gì ở đây á? Tôi làm việc ở đây. Đây là nhà tang lễ của tôi.*

*Ồi trời, chúng tôi không biết ông làm nghề này.*

*Các ông có bao giờ hỏi đâu. Nói xem, sao các ông đến đây?*

*Vì người bạn già thân yêu của chúng tôi, Freddy Moriarty.*

*Ờ đúng rồi, ông già Freddy. Tôi đang chuẩn bị sẵn schtick<sup>(1)</sup> để làm tang lễ cho ông ấy.*

*Schtick?*

*Ờ, đó là thứ mới của tôi. Giao du với các ông khiến tôi suy nghĩ. Ở đây, tôi đã tiếp xúc với người chết suốt cả đời mà vẫn chưa bao giờ thật sự nghĩ về chuyện chết chóc.*

*Nhưng mà Schtick?*

*Lấy ghế ngồi đi. Tôi phải lên bục rồi. Các ông nghe thử nhé.*

Xin chào các ông bà. Có thể quý vị đã thấy một đám tang khác đang diễn ra ở cuối sảnh. Đó là tang lễ của người phát minh điệu nhảy Hokey-Pokey. Ông ta quả là

---

1. Từ trong tiếng Yiddish của người Do Thái cổ, nghĩa là “trò ranh ma”. (ND)

đã gây ra cho chúng tôi chút khó khăn. Khi đặt ông ta vào trong quan tài, chúng tôi xếp chân trái của ông ta vào. Và thế là bắt đầu rắc rối<sup>(1)</sup>.

Nhiều người trong quý vị đã hỏi tôi về đồ đạc trong căn phòng này. Chúng có từ thời Louis XIV. Nghĩa là, trừ trường hợp tôi trả cho Louis trước ngày mười ba.

Tuần trước, chúng tôi chôn một người chết đuối vì tai nạn chèo thuyền. Anh ta thuê thuyền, và từ trong bờ người ta cứ gào to, “Thuyền số 99, anh đã hết giờ. Thuyền số 99, anh đã hết giờ. Hãy vào bờ.” Họ gọi nhiều lần nhưng không có câu trả lời. Rồi người ta sực nhớ ra chỉ có 75 chiếc thuyền - không thuyền số 99. Đó là lúc tất cả nhận ra thuyền 66 gặp rắc rối.

Nhân viên của tôi ngay lúc này đang ra ngoài nhận xác của một bậc thầy giải ô chữ. Gia đình muốn ông ta được chôn ở hàng dọc số sáu và hàng ngang số ba.

Nhưng nếu tôi có thể trở nên nghiêm túc dù chỉ một phút, thì thưa các ông bà, gần đây tôi đã đọc rất nhiều triết gia nói về ý nghĩa của cuộc sống, cái chết và kiếp sau. Họ đều có những lý thuyết khác nhau về chuyện này, và thú thực, họ không để ý nhiều đến cách những người bình thường như quý vị, tôi, hay ông già Freddy ở đây nghĩ về mấy chuyện ấy.

Nhưng có một gã nổi trội trong đám, một triết gia Mỹ từ một trăm năm trước tên là William James. Ông ta nói vài thứ trùng phóc. Đại khái ông ta nói triết gia không khác lắm với quý vị và tôi đâu nếu xét đến việc họ đi tới niềm tin của họ về tất cả những chuyện này như thế nào.

---

1. Điệu nhảy hokey pokey có một bài hát kèm theo, trong đó có câu: “... chân phải vào, chân trái ra”. (ND)

Ông ta nói tất cả chúng ta bằng trực giác đều có câu trả lời cho những câu hỏi lớn. Ông ta gọi đó là “cảm nhận ngớ ngẩn về việc cuộc sống có ý nghĩa thật sự và sâu xa là gì” - và ông ấy cũng không có ý nói “ngớ ngẩn” như một sự hạ nhục. Cho dù là những triết gia chuyên nghiệp hay chỉ là những *schlub*<sup>(1)</sup> bình thường như Freddy và tôi, đa phần chúng ta cũng dựa vào lòng mình để nhận thức tất cả những chuyện này. James nói chúng ta đều có cách riêng để “nắm bắt và cảm nhận toàn bộ sức đẩy và sức ép của vũ trụ.”

Lại có một số triết gia - và tôi không nói ra bất kỳ cái tên nào, chủ yếu vì tôi không phát âm được - cố gắng che giấu sự thật rằng họ *cảm nhận* được con đường đi tới Những Câu Trả Lời Lớn, cũng không khác gì những người còn lại chúng ta. Họ quăng ra đủ kiểu lý lẽ lạ lùng, khách quan để đến được kết luận của họ, nhưng cách họ *thật sự* đi tới đó là ngay từ đầu đã tin vào lòng mình và đám còn lại chúng ta cũng vậy thôi. Nhưng do họ muốn một triết lý ấn tượng, phù hợp với những gì họ cảm nhận trong lòng, nên mới tạo ra nó từ đầu óc họ. Và theo tôi, chính từ chỗ đó họ đã trở nên hơi lén lút: họ lựa ra từ thế gian những bằng chứng củng cố thứ mà lòng họ đã nói với họ từ lúc đầu, và họ phớt lờ bất cứ thứ gì không phù hợp với nó. Hành vi đó không ngay thẳng, tôi cho là như vậy.

Một chuyện khác mà gã James này nói khiến gọi lên trong tôi đôi điều thức tỉnh. Ông ta nói khi những sự thật ngoài kia không thật sự rõ ràng lắm - kiểu như đứng ngay đằng trước một cái đèn nê ông lóa mắt - thì chúng ta được

---

1. Người bất tài, không hấp dẫn hoặc quê mùa. (ND)

tự do chọn triết lý nào có vẻ phù hợp nhất với mình. Ở đây ông ta đang nói tới Ý nghĩa của mọi thứ - cuộc sống, cái chết, toàn bộ cái *enchilada*<sup>(1)</sup> này. Nên nếu một Thiên đường trong những đám mây có vẻ là cách thế giới đang thúc đẩy quý vị, thì có vấn đề gì chứ? Tôi là ai mà nói quý vị sai? Tôi chân tình hy vọng quý vị sẽ tới đó, và quả thực tôi hy vọng thi thoảng có thể ghé qua trên đó thăm quý vị. Chúng ta có thể thư giãn, làm ly bia và trò chuyện. Giống như đôi khi tôi vẫn làm với những người bạn mới của tôi ở hàng cuối cùng dưới kia. Đúng rồi, hai lão già ấy.

À, một điều nữa. Có một ông người Mỹ khác, sống cũng cách nay một thời gian rồi, tên là Thornton Wilder. Ông ta là nhà soạn kịch, và trong hồi thứ ba của vở kịch *Thị trấn của chúng ta*, nhân vật nữ chính Emily đã chết khi sinh con và được cho cơ hội sống lại một ngày trong đời cô. Cô chọn ngày sinh nhật thứ mười hai. Ban đầu, lòng cô tràn ngập niềm phấn khích khi sống lại ngày này, nhưng nhanh chóng nhận ra cuộc đời trôi qua nhanh chóng nào, và biết bao nhiêu điều của cuộc sống cô đã cho là đương nhiên. “Chúng ta thậm chí không có thời gian để nhìn vào nhau!” cô khóc. Ở cuối cuộc viếng thăm, cô quay sang người Phụ trách Sân khấu và hỏi, “Chẳng lẽ chưa từng có ai nhận ra cuộc sống khi họ đang sống nó? Trong từng phút một?” Và người Phụ trách Sân khấu nói, “Không. Mấy vị thánh và các nhà thơ thì có thể. Thi thoảng họ cũng nhận ra.”

Cám ơn mọi người vì đã tới. Tôi biết quý vị đến vì Freddy chứ không phải vì tôi, nhưng Freddy không muốn

---

1. Bánh mì ngô nhân thịt phết nước xốt cà chua. (ND)

tiếp quý vị. Cảm ơn vì đã nghe tôi nói. À, một câu chuyện nữa - cuối cùng đây, tôi hứa.

Vậy là Heidegger và một con hà mã tản bộ lên tới Cổng Thiên đường, và Thánh Peter nói, “Nghe này, hôm nay chúng ta chỉ còn chỗ cho một người nữa thôi. Nên ai trong hai người cho ta câu trả lời tốt nhất cho câu hỏi ‘Ý nghĩa của cuộc sống là gì?’ sẽ được vào.”

Và Heidegger đáp, “Để tư duy về Hiện-hữu một cách rõ ràng đòi hỏi không để ý tới Hiện-hữu đến mức nó chỉ được đặt nền tảng và diễn giải dựa trên hiện tượng, và làm nền tảng cho hiện tượng, giống như trong mọi môn siêu hình.”

Nhưng trước khi con hà mã kịp lẩm bẩm thốt ra một lời nào đó, Thánh Peter đã bảo, “Hôm nay là ngày may mắn của mày đây, Hà mã.”

Chúc ngủ ngon, mọi người! Về nhà an toàn nhé! Ông cũng thế, Freddy.





## LỜI CẢM ƠN



Có một số người ở phía này của Sự Phân Chia Lớn mà chúng tôi muốn cảm ơn vì sự giúp đỡ và hỗ trợ của họ: đại diện yêu dấu của chúng tôi, Julia Lord; biên tập viên siêu thông minh của chúng tôi, Stephen Morrison; trợ lý đặc lực luôn tỉnh táo, Becca Hunt; và người xuất bản của chúng tôi ở Penguin, Yen Cheong. Còn về những người ở phía bên kia của Sự Phân Chia Lớn, chúng tôi sẽ làm phiền các vị sớm thôi.

Trở lại những ngày còn là sinh viên, hai vị thầy đã không đếm xỉa đến khinh thường của những đồng nghiệp thích phân tích và đưa chúng tôi đến với những câu hỏi lớn u ám mà chúng tôi thật sự muốn nghe. Những vị thầy ấy là John Wild đã quá cố và Paul Tillich cũng quá cố sau đó. Được học với họ là niềm vinh hạnh đối với chúng tôi.

Từ nơi xa xôi, nguồn tham khảo truyện cười tốt nhất của chúng tôi là Gil Eisner, một kho lưu trữ các truyện tiểu lâm kinh điển. Cảm ơn, Gil. Cũng gửi lời cảm ơn Grisworld và Paddy Spence vì vài chuyện thú vị.

Chúng tôi cũng xin trao cái mũ anh hề của mình cho một số trong những tay viết hài sáng tạo nhất mà chúng

tôi từng đọc: Groucho Marx, Woody Allen, Emo Phillips, Steven Wright, Merle Haggard và Martin Heidegger. Xin gửi lời cảm ơn Jack Nessel vì đã hướng chúng tôi tới những bộ phim về Thiên đường mà chúng tôi chưa từng nghe nói tới.

Còn với những bà vợ của chúng tôi, Eloise và Freke, và các cô con gái, Esther và Samara, chúng tôi có thể nói gì? Mọi người thật dễ thương. *Quá sức* dễ thương.

Nhiều năm trước, khi cha của Frede là Đức Cha Jan Vuijst sắp lâm chung, ông đã dành một khoảnh khắc riêng với tôi (Danny). Lần trong những lời cuối của ông là một câu nói tôi sẽ không bao giờ quên: “Ta rất vinh hạnh vì đã sống.”

## SÁCH GỢI Ý ĐỌC THÊM



- ✧ Aristotle. *De Anima*. London: Penguin, 1987.
- ✧ Ballou, Robert, biên soạn. *Kinh Thánh thế giới bỏ túi (The Portable World Bible)* (trích dẫn kinh sách của các tôn giáo thế giới). London: Penguin, 1977.
- ✧ Blum, Deborah. *Những thợ săn ma: William James và sự tìm kiếm bằng chứng khoa học về đời sống sau khi chết (Ghost Hunters: William James and the Search for Scientific Proof of Life after Death)*. New York: Penguin, 2006.
- ✧ Becker, Ernest. *Sự phủ nhận cái chết (The Denial of Death)*. New York: Free Press, 1973.
- ✧ Camus, Albert. *Thần thoại về Sisyphus (The Myths of Sisyphus)*. London: Penguin, 2000.
- ✧ Camus, Albert. *Người xa lạ (The Stranger)*. New York: Vintage, 1989.
- ✧ Cicero. *De finibus bonorum et malorum (Về các mục đích của tốt và xấu)*. New York: Macmillan, 1924.
- ✧ Conrad, Mark và Aeon, Skoble, đồng biên soạn. *Woody Allen và triết học: Ý anh nói toàn bộ ngụ ý biện của tôi là sai à? (Woody and Philosophy: You Mean My Whole Fallacy is Wrong?)*. Chicago: Open Court, 2004.

- ∞ Descartes, René. *Bàn luận về phương pháp* (*Discourse on Method*). London: Penguin, 2000.
- ∞ Freud, Sigmund. *Vượt trên nguyên lý khoái lạc* (*Beyond the Pleasure Principle*). London: Penguin, 2003.
- ∞ Freud, Sigmund. “Tuông lai của một ảo tưởng”, trong *Văn minh, xã hội, tôn giáo* (*Civilization, Society, and Religions*). London: Penguin, 1991.
- ∞ Heidegger, Martin. *Hiện hữu và thời gian* (*Being and Time*). San Francisco: Harper, 1962.
- ∞ Husserl, Edmund. *Husserl tinh yếu* (*The Essential Husserl*). Bloomington: Indiana University Press, 1999.
- ∞ Immortality Institute (Viện Bất Tử). *Sự chinh phục cái chết của khoa học* (*The Scientific Conquest of Death*). Buenos Aires: Libros en Red, 2004.
- ∞ James, William. “Những kiểu trải nghiệm tôn giáo”, và “Chủ nghĩa thực dụng”, trong *William James: Các bài viết từ 1902-1910* (*William James: Writings, 1902-1910*). New York: Library of America, 1988.
- ∞ James, William. “Ý muốn tin”, trong *William James: Các bài viết từ 1878-1899* (*William James: Writings, 1878-1899*). New York: Library of America, 1992.
- ∞ Jung, C. G. “Linh hồn và cái chết”, trong Herman Feifel (biên soạn), *Ý nghĩa của cái chết* (*The Meaning of Death*). New York: McGraw-Hill, 1959.
- ∞ Kierkegaard, Søren. *Khái niệm sự âu lo* (*The Concept of Anxiety*). Princeton, NJ: Princeton University Press, 1981.
- ∞ Kierkegaard, Søren. *Bệnh đến nỗi chết* (*The Sickness unto Death*). London: Penguin, 1989.
- ∞ Moody, Raymond. *Kiếp này đến kiếp khác* (*Life after Life*). San Francisco: HarperOne, 2001.

- ⌘ Nietzsche, Friedrich. *Khoa học vui tươi (The Gay Science)*. New York: Vintage, 1974.
- ⌘ Plato. “Meno”, trong *Protagoras và Meno (Protagoras and Meno)*. London: Penguin: 2006.
- ⌘ Plato. “Phaedo”, trong *Những ngày cuối cùng của Socrates (The Last Days of Socrates)*. London: Penguin, 2006.
- ⌘ Plato. *Cộng hòa (The Republic)*. London: Penguin, 2007.
- ⌘ Rank, Otto. *Vượt ngoài tâm lý học (Beyond Psychology)*. Mineola, NY: Dover, 1958.
- ⌘ Ryle, Gilbert. *Khái niệm tâm trí (The Concept of Mind)*. London: Penguin: 2000.
- ⌘ Sartre, Jean-Paul. *Hiện hữu và hư vô (Being and Nothingness)*. London: Routledge, 2003.
- ⌘ Schopenhauer, Arthur. *Thế giới như là ý muốn và tư tưởng (The World as Will and Idea)*. Whitefish, MT: Kessinger, 2007.
- ⌘ Seneca. *Epistulae morales*, thư thứ 70, trong Robin Campbell (dịch), *Những lá thư từ một người Khắc kỷ (Letters from a Stoic)*. New York: Penguin Classics, 1969.
- ⌘ Taylor, Jill Bolte. *Cú đột quy khai sáng (The Stroke of Insight)*. New York: Viking, 2008.
- ⌘ Tillich, Paul. “Hiện tại vĩnh hằng”, trong *Hiện tại vĩnh hằng (The Eternal Now)*. New York: Scribner’s, 1963.
- ⌘ Wrathall, Mark. *Cách đọc Heidegger (How to read Heidegger)*. New York: Norton, 2005.
- ⌘ Zimmer, Heinrich. *Những triết lý của Ấn Độ (Philosophies of India)*. Princeton: Princeton University Press, 1989.

# HEIDEGGER VÀ CON HÀ MÃ BƯỚC QUA CỔNG THIÊN ĐƯỜNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
**CHU HẢO**

Biên tập	Phạm Tuyết Nga
Biên tập viên Nhã Nam	Kiều Vân
Thiết kế bìa	Thu Ngân
Trình bày	Mạnh Hùng
Sửa bản in	Vũ Minh

## **NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC**

53 Nguyễn Du - Hà Nội  
Điện thoại: 04 39454661 | Fax: 04 39454660  
Email: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

### **LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH**

#### **CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM**

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965

Website: [www.nhanam.vn](http://www.nhanam.vn)

Email: [nhanambook@vnn.vn](mailto:nhanambook@vnn.vn)

<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

#### **Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh**

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,

Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034

Email: [hcm@nhanam.vn](mailto:hcm@nhanam.vn)

In 2.000 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông, km19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên. Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 63-2016/CXBIPH/3-01/TrT và quyết định xuất bản số 02/QĐLK-NXBTrT của Nhà xuất bản Tri Thức ngày 27.01.2016. Mã ISBN: 978-604-943-286-6. In xong và nộp lưu chiểu năm 2016.

**Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.**